

ERICH MARIA
REMARQUE

Phía Tây không có gì lạ



X

PHÍA TÂY KHÔNG CÓ GÌ LẠ

Tác giả: **Erich Maria Remarque**

Người dịch: **Lưu Minh Sơn**

Thể loại: Tiểu thuyết

Đề tài: Chiến tranh

* * *

Ebook miễn phí tại : www.SachMoi.net

Mục lục

[Giới thiệu](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Đôi lời về tác giả](#)

Giới thiệu

“**Phía Tây không có gì lạ**” (tiếng Đức: Im Westen nichts Neues) của nhà văn Đức Erich Maria Remarque là cuốn tiểu thuyết được xếp vào số những tác phẩm văn học Đức ăn khách nhất thế giới, với lượng phát hành đã lên tới 20 triệu cuốn, in bằng 50 thứ tiếng. Thậm chí nó được coi là “cuốn tiểu thuyết phản chiến của thế kỷ 20”. Nhân vật chính của cuốn tiểu thuyết, anh lính trẻ Paul Bäumer, sau những ngày tháng kinh hoàng trên chiến trường cuối cùng đã ngã xuống và đoạn kết của cuốn sách là: “Anh ta chết tháng mười, năm 1918, trong một ngày khấp cả mặt trận yên tĩnh, đến nỗi bản báo cáo quân đội chỉ ghi vắn tắt một dòng: Phía Tây không có gì lạ để thông báo”.

Với cái kết đó, tác phẩm của Remarque đã nói được hết sự vô nghĩa của chiến tranh. Ông viết tác phẩm này dựa trên trải nghiệm của chính mình cũng như của các đồng đội khi họ phải ra chiến trận trong Thế chiến I.

Tác phẩm lấy bối cảnh của mặt trận phía Tây (Thế chiến thứ nhất) trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Nhân vật chính và cũng là người tường thuật câu chuyện theo ngôi thứ nhất là Paul Bäumer, một người lính Đức 19 tuổi. Anh và những người bạn học cùng lớp của mình đã bị thuyết phục bởi người thầy dạy học Kantorek gia nhập quân đội đế quốc Đức để tham gia chiến tranh. Họ được đưa ra mặt trận phía Tây, nơi đang diễn ra những trận đánh ác liệt giữa liên quân Anh-Pháp và Đức. Tác phẩm đã miêu tả một cách chân thật cuộc sống chiến đấu gian khổ và tàn khốc của những người lính này trong những chiến hào của thế chiến thứ nhất khi phải thường xuyên đối mặt với những trận pháo kích cường độ cao, hơi độc và cả xe tăng của đối phương. Nhiều người bạn của Paul lần lượt ngã xuống còn bản thân anh thì ngày càng tỏ ra chán ghét chiến tranh vì những nỗi kinh hoàng mà nó mang lại cũng như chiến tranh đã cướp đi tuổi trẻ và những người đồng đội của anh.

Kết thúc tác phẩm là cái chết của Paul Bäumer vào một ngày tháng 10 năm 1918, một ngày mà các báo cáo quân sự từ mặt trận phía Tây chỉ chứa gọn một câu “Mặt trận phía Tây vẫn yên tĩnh” và nó đã được lấy làm tựa đề cho cuốn tiểu thuyết. Tác phẩm kết thúc bằng gương mặt yên bình của Bäumer khi chết và có vẻ như anh sung sướng vì sự kết thúc đã đến.

Cuốn sách này không phải là một bản cáo trạng, cũng không phải là một bản phát biểu chính kiến. Nó chỉ thử nói về một thế hệ bị chiến tranh hủy hoại. Ngay cả khi thế hệ ấy đã thoát khỏi những viên đạn đại bác.

Chương 1

Chúng tôi hiện ở cách mặt trận chín cây số.

Người ta vừa thay phiên chúng tôi ngày hôm qua.

Bây giờ bụng đứa nào cũng đầy ắp những đậu trắng với thịt bò, thật là no nê thỏa thích. Mỗi đứa lại còn lấy đây được một cà mèn để dành cho bữa tối; ngoài ra lại còn khẩu phần kếp xúc xích và bánh mì nữa, kể cũng xôm trò đầy chứ! Đã lâu lắm mới được một chiều như vậy; gã nấu bếp với cái đầu cà chua đỏ hon hồng, thân chinh mang thức ăn lại cho chúng tôi.

Người nào đi qua, hẳn cũng giơ cái muôi^[1] ra hiệu và múc cho một môi thức ăn đầy phè. Hẳn thất vọng quá không biết làm cách nào để trút hết cái “khẩu đại bác đậu hầm” này đi. Hai thằng Jardon và Muynlơ vớ đầu được mấy cái chậu thau, thế là chúng nó hứng đầy đến miệng, làm của dự trữ. Jardon làm thế là do cái bệnh ăn thủng bất chi thành của nó, còn Muynlơ thì vì cái tính phòng xa. Chẳng ai biết Jardon tọng tất cả cái của ấy vào đầu cho hết: người nó xưa nay vẫn đét như con cá mắm.

Nhưng khoái nhất là có cả khẩu phần kếp về món thuốc hút. Mỗi người mười điếu xì gà, hai chục điếu thuốc lá và hai cuộn thuốc nhai: thật là hợp tình hợp lý! Tôi đánh đổi chỗ thuốc nhai lấy chỗ thuốc lá của Catdinxki, thế là tôi có bốn chục điếu. Đủ dùng cho cả ngày.

Nói của đáng tội, tất cả những món cấp phát này không phải chủ ý dành cho bọn tôi đâu. Người Phổ có bao giờ rộng rãi đến thế. Chẳng qua là do một sự nhầm lẫn.

Cách đây mười lăm ngày, chúng tôi ra tiền tuyến thay phiên đơn vị bạn. Khu vực chúng tôi tương đối yên tĩnh, do đó viên quản lý đơn vị cũ việc lĩnh đủ số lương thực thường lệ cho cả một trăm năm mươi người của đại đội, để dùng khi trở về. Thế nhưng lại dùng cái ngày cuối cùng, khu vực chúng tôi bị một trận tầm quất ra trò; pháo binh hạng nặng của quân Anh dọt liên hồi kỳ trận xuống vị trí chúng tôi, gây nhiều thiệt hại đến nỗi khi trở về chỉ còn tám chục mống.

Chúng tôi rút về ban đêm, thu xếp ngay chỗ ngả lưng để có thể dành một giấc hẳn hoi vì Catdinxki nói đúng, nếu người ta ngủ được nhiều hơn thì chiến tranh cũng chẳng đến nỗi gay go quá. Giấc ngủ ở tiền tuyến có gì đáng kể, và mỗi phiên mười lăm ngày thật là lâu quá.

Khi những đứa đầu tiên trong bọn tôi bước ra ngoài lán trú quân thì trời đã trưa. Nửa giờ sau, mỗi đứa đã cầm một cái cà mèn và tập họp trước “cô nàng đậu hầm” đang tỏa ra mùi thơm ngậy béo bở. Đứng trên cùng, dĩ nhiên là những chàng háu đói; anh chàng Anbe Cốp loắt choắt, chàng này có nhiều ý kiến rành rọt nhất bọn tôi: cho nên đã được phong chức binh nhất; Muynlơ, số

năm, còn mang theo kè kè những cuốn sách giáo khoa, và luôn nghĩ đến một kỳ thi vớt (ngay giữa trận oanh tạc nó cũng vẫn nghiền những định lý vật lý). Lia, nuôi bộ râu rậm rì, rất mê bọn gái nhà thổ của sĩ quan; nó cam đoan rằng bọn gái nhà thổ ấy, theo lệnh của bộ chỉ huy, đều phải mặc áo lót mình bằng lụa, và khi tiếp khách từ cấp đại úy trở lên, đều phải đi tắm trước. Người thứ tư là tôi, Pôn Bao mơ. Cả bốn đứa cùng mười chín tuổi cả bốn đứa cùng học một lớp rồi cùng ra lính.

Đứng liền sau mấy đứa chúng tôi, là tụi bạn thân. Jadơn, thợ khóa gầy gò, trạc tuổi bọn tôi, là tay đớp khỏe nhất đại đội. Nó ngồi xuống ăn, lép kẹp như que diêm, nhưng khi đứng dậy thì xệ ra như con rệp chữa. Hai Vethut cũng mười chín tuổi, thợ than bùn, có thể nắm dễ dàng trong lòng bàn tay một cái bánh lính và hỏi mọi người: "Các cậu thử đoán xem tớ cầm cái gì đây?". Đêtrinh, nông dân, chỉ nghĩ đến mảnh ruộng và cô vợ; và cuối cùng, Stanitlat Catdinxki cái đầu của nhóm chúng tôi, con người khắc khổ, lẩm mưu nhiều kế, trạc bốn mươi tuổi, có bộ mặt xám xịt, cặp mắt xanh, đôi vai xuôi thõng và có cái tài đánh hơi kỳ diệu, thấy ngay những chỗ nguy hiểm cũng như những chỗ có chén ngon, những chỗ rúc tốt.

Tiểu đội chúng tôi làm thành cái đầu con rắn uốn khúc trước "khẩu đại bác đậu hầm". Chúng tôi sốt ruột, vì gã đầu bếp còn đứng ì ra đấy, cứ ngó người ra chờ đợi.

Cuối cùng, Catdinxki quát to vào mặt hắn: "Này, Hăng ri, mở thùng súp của mày ra chứ, đậu như ròi còn gì nữa!". Gã kia lắc đầu như ngái ngủ:

- Phải chờ đủ mặt mọi người đã.

Jadơn cười khẩy: "Bọn tôi đến đủ rồi".

Gã cai bếp chưa biết tí gì về chuyện xảy ra.

- Phải, các cậu thì chẳng mong gì hơn. Thế những thằng khác đâu cả rồi?

- Không phải cái mà mày cho họ chén hôm nay đâu nhé, ở quân y và hồ chung ấy.

Gã đầu bếp tưởng chừng bị một chùy choáng óc khi vỡ nhẽ. Hắn lão đảo:

- Thế mà tôi lại nấu cho những một trăm năm mươi người!

Cốp tuôn ra cho hắn một tràng:

- Thế thì chúng tớ được chén một bữa ra trò chứ sao! Thôi, bắt đầu đi!

Nhưng đột nhiên, trong đầu Jadơn chợt lóe ra một ý nghĩ. Cái mặt chuột nhon hoắt của nó sáng hẳn lên: cặp mắt nheo lại đầy vẻ láu cá, đôi má rung rung, và nó cố lách đến thật gần:

- Này, ông bạn, thế đằng ấy cũng lĩnh cả phần bánh cho một trăm năm mươi người đấy chứ? Gã kia, chưa hết choáng váng, óc còn để tặn đâu đâu gật đầu.

Jadơn túm lấy áo gã.

- Cả xúc xích cũng thế chứ?

Cái đầu cà chua lại gật.

- Cả thuốc lá nữa chứ?

- Phải, đủ.

Jadơn nhìn chung quanh, vẻ hớn hờ.

- Mẹ kiếp! Thật là dịp may hiếm có đây! Thế là của chúng mình ráo cả! Mỗi đứa sẽ lĩnh... xem nào... Đúng rồi, đúng là khẩu phần kếp.

Nhưng gã cà chua đã chột tỉnh và tuyên bố:

- Không, không ổn đâu.

Thế là cả bọn chúng tôi nữa, cũng tỉnh người ra, xô nhau lên phía trước.

- Sao lại không ổn, hờ ông mãnh? - Catdinxki hỏi.

- Cửa phát cho một trăm năm mươi người, không thể chia cho tám chục người được.

- Chúng tao sẽ cho mày biết. - Muynlơ gầm lên.

- Thức ăn thì còn được, chứ khẩu phần, tôi chỉ có thể phát cho các anh tám chục khẩu phần thôi. - Gã cà chua cứ nằng nặc như thế.

Catdinxki cáu lên:

- Mày muốn được khiêng về hậu phương đấy phỏng? Cái khoản ấy không phải là cho tám mươi người mà là cho đại đội hai. Hiểu chưa? Đưa đây cho chúng tao. Đại đội hai chính là chúng tao đây.

Chúng tôi quây chặt lấy thằng cha ấy. Không ai chịu được hấn. Chính vì hấn mà nhiều phen, ở chiến hào, chúng tôi phải lĩnh thức ăn quá muộn và nguội tanh cả, vì mỗi khi đại bác chỉ mới bắn sơ sơ một tí, là hấn đã không dám đem nồi cháo lên, thành thử bọn tôi, những lúc đi lụng ăn, phải đi nhiều đường đất hơn các đại đội khác. Buncơ, ở đại đội một chẳng hạn, thật là một tay cừ. Tuy béo như con cun cút, nhưng khi cần thiết, anh ta vẫn thân hành lê thức ăn lên tận tuyến thứ nhất. Chúng tôi đang bực bội, và thế nào cũng xảy ra choảng nhau, nếu viên chỉ huy đại đội không đến giữa lúc ấy. Ông ta hỏi đầu đuôi tại sao to tiếng, rồi chỉ biết nói:

- Đúng đấy! Hôm qua chúng mình bị thiệt hại nặng. - Rồi ông ta nhìn vào cái thùng nấu thức ăn: Món đậu này ăn tốt đấy...

Gã cà chua gật đầu đồng ý.

- Hầm với mỡ và thịt cơ mà.

Trung úy nhìn bọn chúng tôi. Ông ta hiểu chúng tôi đang nghĩ gì. Ông ta cũng biết nhiều chuyện khác nữa, vì ông ta đã lớn lên giữa bọn chúng tôi. Lúc tôi đến đại đội, ông ta chỉ mới đóng lon cai. Ông ta lại mở nắp thùng một lần nữa và hít hít. Khi bước đi, ông ta bảo:

- Nhớ mang cho mình một nửa livre ^[2] với nhé. Và nhớ phân phát tất cả khẩu phần nhé, chẳng hề gì đâu.

Gã cà chua mặt thộn ra, còn Jadơn thì nhảy nhót chung quanh hấn.

- Đẳng ấy có thiệt gì đâu kia chứ? Cứ làm như bao nhiêu thức ăn là của riêng của nó không bằng! Này, bắt đầu đi, lão lính "hậu phương" và đừng có đếm nhằm đấy nhé!

- Thôi, xéo ngay đi! - Gã cà chua hét lên.

Hắn hoang mang quá đỗi. Hắn không thể nghĩ đến một chuyện như thế. Hắn không còn hiểu sự đời ra sao nữa. Và cũng để tỏ ra bây giờ ta phớt tuốt, hắn lại tự động phát cho mỗi người hai lạng mật ong nhân tạo nữa kia chứ.

Hôm nay thật là một ngày hả hê. Lại có cả chuyến thư nữa. Hầu như ai cũng nhận được thư và báo. Giờ đây chúng tôi đi phất phơ về phía cánh đồng cỏ sau lán trú quân. Cốp cặp ở tay một cái nắp hộp mỡ cừu.

Phía tay phải, ven đồng cỏ, người ta đã xây những chuồng xí công cộng to lớn, cả một ngôi nhà chắc chắn có mái miết hẳn hoi. Nhưng chỗ ấy chỉ để cho bọn lính mới chưa biết xoay sở gì thôi. Bọn chúng tôi muốn một cái gì khoái hơn kia. Vì thế, có những cái trứng cá nhân nho nhỏ rải rác khắp nơi và đều dùng vào một việc giống nhau. Những cái thùng này vuông, sạch sẽ, toàn bằng gỗ, kín mít, có một chỗ ngồi thuận tiện, thật không thể chê vào đâu được.

Bên cạnh lại có cả quai xách nữa, thành ra nó có thể bê đi bê lại được dễ dàng.

Bọn chúng tôi đặt ba cái thùng châu vào nhau, rồi ngồi lên, chễm chệ, ít ra cũng phải hai tiếng đồng hồ chúng tôi mới đứng dậy.

Tôi còn nhớ, đầu tiên, lúc còn là tân binh, ở doanh trại bọn chúng tôi rất ngưỡng ngấp vì cái chuồng xí công cộng. Chỉ có một cái cửa ra vào mà hai chục đứa ngồi, đứa nọ chen đứa kia, y như trong tàu hỏa. Đưa mắt một lượt là người ta có thể kiểm điểm được tất cả: chẳng qua cái thằng lính bao giờ chả phải chịu sự kiểm soát thường xuyên.

Từ dạo ấy chúng tôi đã học tập vượt được khối điều còn hơn cái ngưỡng ngấp vớ vẩn kia nữa. Với thời gian, chúng tôi gặp thêm nhiều việc ngưỡng ngấp khác.

Ngồi ở đây, ngoài trời, quả thực là kỳ quái. Tôi không hiểu sao lúc trước, chúng tôi lại cứ rụt rè nhắm mắt trước những việc này, vì nó cũng tự nhiên như ăn như uống thôi. Và có lẽ cũng chả cần nói đến ở đây, nếu như cái đó không đóng một vai trò quan trọng và nếu quả nhiên nó không phải là một chuyện mới lạ đối với bọn chúng tôi, vì đối với bọn lính cựu trào, cái đó đã trở thành sự bình thường từ đời nào rồi.

Dạ dày và tiêu hóa là vấn đề thiết thân đối với người lính hơn là đối với bất cứ người nào khác. Người lính ở nơi đây ra đến ba phần tư số từ ngữ thường dùng; và việc biểu hiện niềm vui sướng cao độ nhất hoặc nổi bực tức điên cuồng nhất đều tìm được trong cái từ vựng kia những gì mãnh liệt nhất. Thật không còn dùng cách nào khác để nói gọn và rõ hơn thế. Gia đình chúng tôi và các giáo sư của chúng tôi hẳn sẽ rất ngạc nhiên khi chúng tôi trở về nhà, nhưng ở đây nó lại là tiếng nói phổ biến.

Đối với chúng tôi, các việc đó trở thành hồn nhiên vô tội vạ vì bắt buộc phải làm một cách công khai.

Hơn nữa, đối với chúng tôi, cái việc đó bình thường đến nỗi chúng tôi thấy khoan khoái y như lúc được đánh mỹ mẫn một ván bài: chẳng hạn, ở một chỗ không phải lo đại bác. Không phải ngẫu nhiên mà người ta đặt ra cái danh từ báo cáo "xỉa" để chỉ các loại chuyện nhảm nhí. Những nơi ấy, đối với con nhà binh thật đúng là chỗ ngồi tán phía và cũng tương tự như bàn ăn của khách quen".

Lúc này chúng tôi cảm thấy thú vị hơn là ngồi trong bất cứ cái nhà xí nào có đồ sứ trắng muốt, lịch sự; ở đó chỉ có thể sạch sẽ hơn, nhưng ở đây thì lại thoải mái dễ chịu. Thật là những giờ phút vô tư tuyệt vời. Trên đầu chúng tôi, trời xanh biếc. Phía chân trời, lủng lẳng những quả khinh khí cầu, màu vàng, có những tia mặt trời lấp lánh xuyên qua, cùng những đám mây nhỏ màu trắng của những viên đá ri cao xạ.

Thỉnh thoảng, khi đuổi theo một tên phi công, chúng lại tủa ra thành một chùm cao ngất. Tiếng gầm thét ù tai của mặt trận vọng đến chúng tôi như một cơn bão rất xa. Nó đã bị tiếng vù vù của đám ong bù vẽ bay ngang qua lẫn át. Cánh đồng cỏ đầy hoa trải ra khắp chung quanh chúng tôi. Những ngọn cỏ non đu đưa mềm mại, những cánh bướm trắng lượn lại gần nhau; chúng bay là là trong làn gió ấm nóng, dịu dàng của mùa hạ đến độ chín muồi; còn chúng tôi, chúng tôi đọc thư, xem báo, hút thuốc, chúng tôi bỏ mũ ca lô, đặt xuống đất bên cạnh chỗ ngồi; làn gió nhẹ đùa trên mái tóc, đùa cả với những lời nói và ý nghĩ của chúng tôi.

Ba cái thùng chúng tôi ngồi đặt giữa những đám hoa mào gà đỏ rực...

Chúng tôi đặt cái nắp thùng mỡ trên đầu gối. Thế là có cái mặt bàn tốt để chơi bài Soát rồi. Cốp đã mang theo cỗ bài. Thỉnh thoảng lại chen vào một ván bài ram. Tưởng chừng mấy đứa có thể cứ ngồi đến muôn thuở ở đây.

Tiếng đàn phong cầm từ lán rút quân vắng vẳng đến.

Thỉnh thoảng chúng tôi đặt bài xuống nhìn nhau; một đứa trong bọn lên tiếng: "Này các cậu, các cậu..." hoặc: "Khéo hỏng bét cả đấy...". Rồi chúng tôi lặng đi một lúc. Trong lòng chúng tôi có thông cảm xúc thầm kín và mãnh liệt. Đứa nào cũng nhận thấy thế, cho nên chẳng cần phải nhiều lời. Rất có thể là ngày mai chúng tôi chẳng còn được ngồi trên những thùng xĩa này nữa; mà thời thế cũng chẳng khó khăn gì lắm đâu. Cho nên, đối với chúng tôi, cái gì cũng quan trọng và mới lạ: những bông hoa mào gà đỏ chói cũng như bữa ăn ngon, những điều thuốc lá cũng như ngọn gió hè.

Cốp hỏi:

- Đã cậu nào gặp lại Kemơrich chưa?
- Nó đang ở Xanh tjôdép, - tôi nói.

Muynlơ bảo nó bị một phát xuyên qua đùi, chỗ gần hông, âu cũng là một dịp tốt để được về quê một chuyến. Chúng tôi định chiều nay đến thăm nó.

Cốp rút một lá thư trong túi ra.

- Tổ xin chuyển lời chào của Căngtôrec đến các cậu.

Chúng tôi cười. Mụynlơ quăng điếu thuốc lá và nói:

- Cái lão ấy, tớ muốn nó ở đây cơ.

Căngtôrec là giáo sư của bọn tôi: một con người loắt choắt nghiêm nghị, với bộ áo xám có đuôi tôm và cái đầu chuột chù. Thân hình lão cũng gầy giống thầy cai Himmenxtôt - "sự khùng khiếp của trại lính tập". Kể cũng buồn cười. Mọi thứ tai vạ trên đời thường là do các hạng người thân hình loắt choắt gây ra: chúng nó cương quyết và quá quắt hơn những người thân hình cao lớn rất nhiều. Bao giờ tôi cũng cố tránh những trung đội có những tay chỉ huy "tầm vóc bé nhỏ," những tay này thường là những bọn độc ác đáng nguyên rủa.

Trong những giờ tập thể dục, lão Căngtôrec thuyết cho chúng tôi hàng tràng kỳ cho đến lúc tất cả lớp học phải sắp hàng theo lão ta đến sở mộ binh để xin nhập ngũ. Tôi như vẫn nhìn thấy lão ở trước mặt, với đôi kính nẩy lửa, còn lão thì nhìn bọn tôi và nói với một giọng xúc động. Nhưng lúc ấy bọn tôi chưa nghĩ gì đến chuyện đó cả.

Tuy nhiên, có một đứa trong bọn do dự và không muốn đi, ấy là Jôdep Bem, cái thẳng to lớn, tính tình vui nhộn.

Nhưng rồi sau nó cũng bị thuyết phục. Và lại cũng phải nhận thấy rằng không còn con đường nào khác. Có lẽ những đứa khác cũng nghĩ giống hệt như Bem; nhưng lần trốn không phải là chuyện dễ, vì thời ấy, cả bố anh lẫn mẹ anh đều có thể văng ngay vào giữa mặt anh cái tiếng "hèn nhát". Lúc bấy giờ tất cả những con người ấy chưa ai tưởng tượng được những gì sẽ xảy ra sau này. Nói cho đúng thì những người hiểu biết hơn cả lại là những người bình thường và nghèo khổ; ngay từ đầu họ đã coi chiến tranh là một tai họa, trong khi bọn giàu có lại vui sướng ra mặt, dù rằng chính bọn này rồi cũng sẽ có thể nhận thấy ngay những hậu quả của chiến tranh. Catdinxki đổ tội cho nền giáo dục đã làm cho chúng tôi mê muội đi, và cái gì Cát đã nói là đều có suy nghĩ chín chắn.

Kể cũng lạ, chính Bem lại là một trong những người đầu tiên gục ngã. Trong một đợt tấn công: nó bị một phát súng vào mắt, bọn tôi cho là nó đã chết nên để lại trận địa. Không thể vác nó đi được, vì bắt buộc phải rút lui gấp. Buổi chiều: đột nhiên chúng tôi nghe thấy tiếng nó gọi và thấy nó đang cố bò phía trước chiến hào. Thì ra nó chỉ bị ngất đi thôi. Nhưng lúc này nó chẳng nhìn thấy gì nữa, nó đau đến phát cuồng lên, chẳng chịu ăn nấp gì cả, nên trước khi có người ra dìu nó về thì nó đã bị giết chết.

Lẽ dĩ nhiên, người ta không thể đổ trách nhiệm về chuyện này lên đầu lão Căngtôrec, và lại nếu người ta cho đó là một sự phạm tội thì cái đời này còn ra làm sao nữa? Có đến hàng nghìn lão Căngtôrec, tất cả đều yên trí làm thế là tốt - một cách tiện lợi cho họ.

Nhưng chính vì thế mà chúng tôi thấy họ đều thất bại cả.

Đối với cái tuổi mười tám của chúng tôi, đáng lẽ họ là những người đưa đường chỉ lối, dìu dắt chúng tôi đến chỗ trưởng thành, mở ra cho chúng tôi cái

thế giới mới của cần lao, của nghĩa vụ, của văn hóa và tiến bộ, chuẩn bị cho tương lai. Đôi khi chúng tôi cũng trêu chọc họ, chơi khăm họ một vài vố gì đó, nhưng trong thâm tâm chúng tôi tin tưởng ở họ.

Theo chỗ chúng tôi thấy, khái niệm về một thứ quyền lực mà họ đại diện, chỉ là một sự sáng suốt hơn và một sự hiểu biết nhân đạo hơn. Vậy mà khi chúng tôi nhìn thấy người đầu tiên gục chết thì niềm tin tưởng ấy đã tiêu tan. Chúng tôi phải thừa nhận rằng lứa tuổi chúng tôi trung thực hơn bọn họ nhiều. Họ chỉ hơn chúng tôi ở cái khoa nói và chỗ khôn khéo. Trận pháo kích đầu tiên đã vạch ra chỗ lằm lẩn của chúng tôi và làm đổ sập cái quan niệm về mọi sự trên đời mà họ đã nhồi nhét cho chúng tôi.

Họ vẫn còn viết, vẫn còn nói, nhưng chúng tôi, chúng tôi trông thấy những trạm quân y, những người hấp hối. Trong khi đối với họ, phụng sự quốc gia là giá trị cao cả nhất, chúng tôi đã hiểu rằng cái sợ chết còn mạnh hơn nhiều. Tuy vậy, chúng tôi cũng chẳng nổi loạn, chẳng đào ngũ, chẳng hèn nhát (tất cả những danh từ này, bọn họ nói luôn miệng).

Chúng tôi yêu Tổ quốc chúng tôi, cũng như họ, và trong mỗi đợt tấn công, chúng tôi dũng cảm xông lên; nhưng chính chúng tôi cũng đã biết phân biệt, cùng một lúc, chúng tôi bắt đầu nhận thấy, và chúng tôi đã thấy trong cái thế giới của bọn họ chẳng có gì còn đứng vững nữa. Bất giác, chúng tôi cảm thấy cô đơn một cách ghê rợn và tự chúng tôi phải xoay sở lấy một mình.

Trước khi đến thăm Kemrich, mấy đứa chúng tôi gói ghém một bọc đồ dùng của nó, những thứ ấy có thể có ích cho nó trong khi đi đường.

Ở trạm quân y, người đi lại rộn rịp, lúc nào không khí cũng sặc mùi phê nôn, mùi khăm khảm, mùi hôi hôi. Tuy lán trú quân chúng tôi đã quen với nhau, nhưng ở đây dù sao cũng có những cái làm người ta phát khiếp. Chúng tôi đi hỏi nhiều chỗ xem Kemrich nằm đâu. Nó nằm trong một căn phòng, và khi thấy chúng tôi đến, nó thoáng có vẻ vui mừng, vì nó yếu quá không dậy được nữa. Trong lúc nó mê man, đã bị người nào đó xoay mất cái đồng hồ.

Muynlơ lắc đầu:

- Mình vẫn bảo là cậu đừng có mang theo cái đồng hồ tốt như thế cơ mà.

Muynlơ có phần vụng về và lảm đìu: đáng lẽ nó nên im đi thì hơn. Vì rõ ràng là Kemrich chẳng còn sống được bao lâu nữa.

Tìm thấy cái đồng hồ hay không, cũng chẳng có nghĩa lý gì, bất quá cũng đến gửi về cho gia đình nó thôi.

- Phăng, cậu thấy trong người thế nào? - Cộp hỏi.

Kemrich cúi đầu:

- Cũng thường thôi, chỉ phải cái chân đau quá.

Chúng tôi nhìn vào giường. Chân Kemrich đặt dưới một vòng cung dây thép, trên đó cái chần đập phồng lên. Tôi khẽ huých vào ống chân Muynlơ, vì thằng này có thể nói toạc ra với Kemrich điều mà bọn y tế đã cho chúng tôi biết ở ngoài: Kemrich không còn chân nữa. Người ta đã cưa chân nó rồi. Bộ

mặt nó trông khiếp quá, vừa vàng ệch lại vừa xám xịt màu tro. Trên mặt nó, hiện lên những đường nét lạ lùng mà chúng tôi đã biết rõ vì nhìn hàng trăm lần rồi. Nói cho đúng, đó không phải là đường nét, mà là những dấu hiệu. Dưới làn da không còn sự sống nữa, sự sống đã bị đẩy ra ngoài cơ thể rồi; thần chết đang hoành hành bên trong, và đã ngự trị trong cặp mắt...

Đấy, Kemrich, cái thằng bạn, vừa mới đây còn nướng thịt ngựa với chúng tôi, còn cùng với chúng tôi rúc vào một cái hố trái phá, bây giờ như vậy đấy. Vẫn là nó, mà lại không phải là nó nữa. Hình ảnh nó bị xóa mờ, chập chờn như một tấm kính ảnh chụp hai lần. Ngay cả đến tiếng nói của nó cũng đã phảng phất cái gì của thần chết.

Tôi nghĩ đến dạo chúng tôi ra mặt trận. Mẹ nó, một bà cụ to béo hiền lành tiễn nó ra tận ga. Bà cụ khóc sụt sùi. Mặt bà cụ sưng húp lên. Kemrich có vẻ hơi ngượng, vì bà cụ chẳng giữ ý tứ gì cả, tưởng chừng cả người bà cụ đã chảy ra thành mồ và nước mắt. Bà cụ cứ thế túm ngay lấy tôi, chốc chốc lại níu lấy cánh tay tôi, van vãn tôi khi nào ra mặt trận thì trông nom cho thằng Phăng. Kể mặt nó trông cũng non choẹt thực, và xương cốt yếu ớt đến nỗi mới đeo ba lô bốn tuần lễ mà chân đã to bè ra. Nhưng đã ra trận thì còn trông nom ai được nữa?

- Cậu sắp được về nhà đấy. - Cốp nói. - Nếu không thì cũng phải đợi đến ba hay bốn tháng nữa mới đến kỳ nghỉ phép.

Kemrich gật đầu. Tôi nhìn bàn tay nó mà ái ngại. Chẳng khác gì bằng sáp: cái ghét ở chiến hào đóng đầy cả kẽ móng tay, đen kịt lại, như màu thuốc độc. Tôi nghĩ rằng trong khi Kemrich đã tắt thở từ lâu thì những cái móng tay này vẫn tiếp tục mọc, giống như một thứ cây mọc ngầm, kỳ quái. Tôi tưởng như nhìn thấy trước mắt, chúng đang xoắn lại thành hình tròn ốc, và vẫn mọc, đồng thời với đám tóc trên cái sọ đang thối rữa - như cỏ trên một miếng đất màu mỡ, hết như cỏ vậy. Sao lại có thể thế được nhỉ?...

Muynlơ cúi xuống:

- Phăng này, bọn mình mang các thứ lại cho cậu đây.

Kemrich ra hiệu bằng tay:

- Bỏ nó xuống gầm giường ấy.

Muynlơ làm theo. Kemrich lại nói đến cái đồng hồ. Làm thế nào cho nó yên tâm mà không khiến nó sinh nghi? Muynlơ ngẩng lên, tay cầm một đôi ủng phi công.

Một đôi ủng kiểu ăng lê tuyệt đẹp, da vàng và mềm, cao đến tận đầu gối và buộc dây ở phía trên; quả là một món ai cũng phải thèm. Muynlơ ngắm nghía mãi, đầy vẻ say sưa. Nó áp đế ủng vào đế đôi giày thô kệch của nó và hỏi:

- Phăng này, cậu định mang theo cả đôi ủng nữa chứ?

Cả ba đứa chúng tôi chỉ có một ý nghĩ. Dù cho nó qua khỏi được chẳng nữa thì cũng chỉ dùng được một chiếc thôi; do đó đôi ủng đối với nó, chẳng còn giá trị gì nữa. Và bây giờ đôi ủng ấy nằm đây, thật là tai hại, vì hễ nó chết một

cái, là tụi y tá cuỗm ngay.

Muynlơ tiếp:

- Cậu để nó lại đây à?

Kemơrich không muốn thế. Đây là của quý nhất của nó.

- Này, chúng mình đánh đổi với nhau nhé, - Muynlơ lại tiếp - ở đây tại mặt trận, dùng được việc hơn.

Kemơrich nhất định không nghe.

Tôi hất chân Muynlơ. Thế là cu cậu ngập ngừng tiếc rẻ, đành để lại đôi ủng vào gậm giường. Bọn tôi còn nói chuyện với nhau một lát nữa, rồi mới chia tay.

- Chóng khỏe Phăng nhé!

Tôi hẹn với Kemơrich ngày mai sẽ trở lại. Muynlơ cũng hẹn thế. Cu cậu vẫn nghĩ đến đôi ủng và cố ý theo dõi nó. Kemơrich thờ dài. Nó lên cơn sốt. Ra đến ngoài, chúng tôi gặp một y tá và nhờ hẩn tiêm cho người bị thương một phát.

Hẩn từ chối:

- Nếu ai cũng tiêm moócphin, thì phải hàng thùng...

- Thế ra cậu chỉ hầu bọn sĩ quan thôi à? - Cốp nói bằng một giọng hẩn học.

Tôi vội can ngay và cho gã y tá một liều thuốc lá.

Hẩn nhận, sau đó tôi bảo hẩn:

- Nhưng cậu có quyền tiêm không cơ chứ?

Câu hỏi chạm tự ái hẩn.

- Nếu các cậu không tin thì còn nhờ làm gì?

Tôi lại dúm vào tay hẩn mấy liều thuốc nữa.

- Giúp chúng tớ một tí...

- Thôi được, - hẩn nói.

Cốp đi theo hẩn, vì nó không tin mấy, và nó muốn xem hẩn làm ăn thế nào. Bọn tôi đợi nó ở ngoài.

Muynlơ lại nói đến đôi ủng:

- Đôi ủng vừa chân mình lạ lùng. Đi cái đôi giày thổ tả này, hết mụn phỏng nọ đến mụn phỏng kia. Cậu có tin là nó còn trụ được đến sau phiên gác ngày mai không? Nếu nó chết đêm nay là đi đứt đôi ủng.

Anbe trở ra. Nó hỏi:

- Các cậu nghĩ sao về...?

- Đến nghèo thôi, - Muynlơ nói, có vẻ dút khoát.

Chúng tôi quay về lán trú quân. Tôi nghĩ đến bức thư ngày mai sẽ viết cho mẹ Kemơrich. Tôi cảm thấy rét, muốn uống một cốc rượu. Muynlơ vặt những lá cỏ và bỏ vào mồm nhai. Bất giác anh chàng Cốp loắt choắt quăng điếu thuốc lá đi, rồi dậm chân điên cuồng, nhìn quanh với nét mặt hoảng hốt, méo xệch, mồm nói lắp bắp:

- Cút ơi là cút!

Mấy đứa chúng tôi vẫn tiếp tục đi. Một lúc khá lâu sau, Cốp đã dụi. Chúng

tôi chẳng lạ gì cái đó.

Người ta thường gọi đó là cơn điên ở mặt trận. Ai cũng từng bị cả.

Muynơ hỏi nó:

- Lão Căngtôrec viết cho cậu những gì?

Thằng kia cười trả lời:

- Lão ta viết rằng chúng mình là tuổi trẻ gang thép.

Tất cả ba chúng tôi cười chua chát. Cốp chửi lung tung, nó lấy làm hả dạ khi nói lên được...

Đấy bọn họ nghĩ như vậy, bọn họ nghĩ như vậy đấy, hàng chục vạn lão Căngtôrec! "Tuổi trẻ gang thép". Tuổi trẻ chưa có đứa nào trong bọn chúng tôi quá hai mươi tuổi cả. Nhưng nói rằng bọn chúng tôi trẻ ư? Tất cả những cái đó đã chấm dứt từ lâu rồi.

Chúng tôi chỉ là một lũ già nua.

Chương 2

Đối với tôi thật là một điều lạ lùng, khi nghĩ đến trong một cái ngăn kéo ở nhà, vẫn còn xếp đây một đồng thơ ca, và đoạn đầu bản bi kịch của Xauyn. Tôi đã mất vào đấy bao nhiêu là buổi tối, và hầu hết bọn chúng tôi, đứa nào chả làm như thế. Nhưng tất cả những cái đó, đối với tôi, đã trở nên mờ ảo đến nỗi tôi không thể nào hình dung ra được nữa.

Từ khi chúng tôi đến đây, cuộc sống cũ thế là bị cắt đứt hẳn, mặc dầu chúng tôi chẳng làm gì để cắt đứt nó cả. Nhiều lần, chúng tôi thử tìm nguyên nhân và cắt nghĩa tại sao, nhưng cũng không có kết quả mấy. Đối với bọn hai mươi tuổi chúng tôi, cái gì cũng rất là mơ hồ: với Cốp, Muynlơ, Lia và tôi, với tất cả bọn tôi mà lão Căngtôrec gọi là tuổi trẻ gang thép.

Bọn lính nhiều tuổi hơn còn gấn bó chặt chẽ với quá khứ. Họ có một cơ sở, họ có vợ, có con, có nghề nghiệp, có những sợi dây ràng buộc khá vững chắc mà chiến tranh cũng không cắt đứt nổi. Nhưng chúng tôi, với cái tuổi hai mươi, chúng tôi chỉ có cha mẹ và một vài đứa trong bọn, có người yêu. Chẳng có gì đáng kể. Dù cái tuổi chúng tôi, quyền lực của cha mẹ chẳng còn được là bao, mà phụ nữ cũng chưa chi phối được chúng tôi nữa. Ngoài cái đó ra, những cái khác chẳng có gì đáng kể. Một chút mơ mộng viễn vông, vài cái nông rơm và nhà trường; cuộc sống của chúng tôi chưa đi đến đâu.

Và bây giờ chẳng còn lại cái gì của cuộc sống ấy nữa. Căngtôrec đã nói rằng chúng tôi đang bước vào ngưỡng cửa của cuộc đời. Đúng là như vậy. Chúng tôi đã là bọn trên không chẳng, dưới không rể, chiến tranh như một con sông đã cuốn chúng tôi theo dòng của nó. Với những người nhiều tuổi hơn, chiến tranh chỉ là một sự gián đoạn. Họ có thể nghĩ đến một cái gì vượt ra ngoài phạm vi của nó.

Nhưng chúng tôi, chúng tôi đã bị chiến tranh tóm lấy: và không biết về sau ra làm sao nữa. Hiện giờ, chúng tôi chỉ biết rằng mình đã trở nên cục súc một cách kỳ quái và đau đớn, dù rằng nhiều khi chúng tôi không còn đủ sức để cảm thấy buồn phiền nữa.

Tuy Muynlơ thèm muốn đôi ủng của Kemơrich, nhưng nó vẫn thương bạn, không kém gì một người khác mà cảnh đau xót có thể ngăn chặn những ý nghĩ tương tự. Có điều là nó biết nhận ra chỗ khác nhau.

Nếu đôi ủng ấy còn được đôi chút ích lợi cho Kemơrich thì Muynlơ thà dẫm chân không lên dây thép gai còn hơn là nghĩ cách chiếm đoạt lấy nó. Đẳng này đôi ủng chẳng còn dính dáng đến sức khỏe Kemơrich nữa, trong khi nó rất có thể được việc cho Muynlơ.

Kemơrich chết đến nơi, ai thừa hưởng đôi ủng ấy mà chả thế. Vậy tại sao Muynlơ lại không có thể lăm lét một tí? Hẳn là Muynlơ có quyền hơn một gã y

tả chữ! Chờ đến lúc Kemơrich chết thì muộn quá. Chính vì vậy mà ngay từ lúc này, Muynlơ đã mở mắt thao láo ra mà theo dõi. Chúng tôi đã mất ý thức về mọi kiểu quan hệ khác vì chúng đều giả tạo; chỉ có thực tế mới đáng kể và có tầm quan trọng đối với chúng tôi. Và những đôi ủng tốt thì hiếm lắm.

Không phải một ngày mà đề ra điều đó. Khi đến sở mộ binh, chúng tôi chỉ mới là một lớp học gồm hai mươi cậu trai trẻ, đầy hãnh diện, cùng đi cạo trọc đầu một loạt (với nhiều đứa, đó là lần đầu tiên) trước khi bước vào sân trại lính. Chúng tôi chưa đứa nào có dự định rõ ràng về tương lai cả; rất ít đứa có ý nghĩ hăn hoi về nghề nghiệp làm ăn sinh sống sau này. Trái lại, đầu óc chúng tôi đầy những ý nghĩ lông bông, gán cho cuộc đời và cho cả chiến tranh nữa, một tính chất lý tưởng và gần như lãng mạn.

Thời gian luyện tập quân sự kéo dài mười tuần lễ và số ngày ấy đủ thay đổi chúng tôi một cách căn bản hơn là mười năm trên ghế nhà trường. Chúng tôi đã học được rằng một cái cúc áo đánh bóng cẩn thận còn quan trọng hơn là cả bốn tập sách Scôpenhacơ. Lúc đầu chúng tôi ngạc nhiên, rồi đến bực bội, sau cùng là mặc kệ, chúng tôi nhận thấy không phải trí tuệ có vẻ chiếm phần ưu thế, mà là cái bàn chải đánh xi, không phải tư tưởng mà là "quy tắc", không phải sự tự do mà là cách luyện tập. Chúng tôi đã đi lính với tất cả lòng hào hứng và tự nguyện, nhưng người ta đã làm đủ thứ để chúng tôi chán ngán. Sau ba tuần lễ, chúng tôi đã hiểu rất rõ rằng một gã phu trạm đeo lon có uy quyền đối với chúng tôi hơn cả bố mẹ chúng tôi trước kia, hơn cả những người dạy dỗ chúng tôi, hơn tất cả những bậc thiên tài của nền văn hóa, từ Platông cho đến Gớt. Với những cặp mắt non trẻ và rất linh lợi, chúng tôi nhìn thấy cái khái niệm cổ điển về Tổ quốc mà các thầy giáo trước kia nhồi cho chúng tôi, bây giờ tới đây đã đạt đến chỗ tước đoạt nhân cách mà người ta chẳng bao giờ dám làm đối với cả những người đầy tớ hèn hạ nhất.

Chào, đứng nghiêm, đi nghiêm, bồng súng, quay bên phải, hoặc quay bên trái, đập gót chân, chịu đựng những lời sỉ vả, va vấp hàng nghìn chuyện, thật thế, trước đây chúng tôi đã nghĩ đến cái sứ mệnh của chúng tôi với một ý nghĩ khác hẳn, thế mà nay chúng tôi thấy người ta chuẩn bị cho chúng tôi trở nên những bậc anh hùng y như người ta tập ngựa trong rạp xiếc vậy.

Nhưng rồi cũng quen thôi. Thậm chí chúng tôi cũng biết rằng một phần của những cái đó là cần thiết, nhưng cái phần còn lại kia thì thật là thừa. Con nhà lính rất tinh đối với những chuyện như thế.

Lớp học của chúng tôi bị chia thành từng nhóm ba người, bốn người, đơi đưa vào các phân đội: chúng tôi cùng ở với những anh thuyền chài, những anh nông dân, những anh thợ nhà máy, những anh thợ thủ công người xứ Fridơ,... và chúng tôi rất chóng thân nhau. Cốp, Muynlơ, Kemơrich và tôi được điều đến phân đội thứ chín, đứng đầu là Himmenxtôt.

Hăn nổi tiếng là tay "hắc xì dầu, đểu nhất trại", và hăn lấy làm hãnh diện về cái đó. Một con người béo lùn, đi lính đã mười hai năm, râu mép đỏ hoe,

cong vênh lên, nguyên là phu trạm lúc còn ở ngoài.

Đối với Cốp, Jadơn, Vethut và tôi, hẳn giám sát một cách đặc biệt vì hẳn cảm thấy bọn tôi có vẻ bướng ngâm đối với hẳn. Một buổi sáng, tôi phải dọn giường cho hẳn đúng mười bốn lần, lần nào hẳn cũng không vừa ý, rồi lại rũ tung ra. Trong hai mươi giờ liền tất nhiên cũng có những lúc nghỉ, tôi đã phải đánh mỡ một đôi ủng rần như đá và đã làm cho nó mềm nhũn ra, đến nỗi chính Himmenxtôt không còn kê vào đâu được nữa. Theo lệnh hẳn, tôi phải kỳ cọ cả căn phòng cho sạch như mới, bằng một chiếc bàn chải đánh răng. Cốp và tôi bắt đầu chấp hành cái mệnh lệnh phải quét tuyết ngoài sân doanh trại bằng một cái bàn chải cầm tay và một cái cào. Nếu không có một viên trung úy tình cờ đi đến đuổi chúng tôi về và xạc cho Himmenxtôt một trận nên thân thì chúng tôi còn phải làm cho đến lúc chết cồng. Khốn nỗi, hậu quả của việc này là Himmenxtôt ngày càng hẳn học đối với bọn tôi. Tôi phải nhận phiên gác bốn ngày chủ nhật liền và trong thời gian ấy cũng phải "cắm phòng" luôn. Với toàn bộ quân trang vũ khí, tôi đã phải tập những động tác sau đây trên một bãi đất hoang trơn nháy và ướt át: "Nhảy", "Nhảy", "Nhảy", "Nhảy!", cho đến khi tôi biến thành một đồng bùn nhoè nhoét và quy xuống vì kiệt sức. Bốn giờ sau tôi đã phải đến trình diện Himmenxtôt cùng với tất cả đồ lễ đã cọ rửa tinh tươm. Quả thực hai bàn tay tôi tóe máu vì phải kỳ cọ nhiều quá. Cùng với Cốp, Vethut và Jadơn, tôi đã phải đứng nghiêm trong mười lăm phút, không đeo bất tất tay giữa lúc trời rét khủng khiếp, ngón tay trần áp vào nòng súng. Trong khi ấy bọn Himmenxtôt đi bách bộ xung quanh bọn tôi mắt gườm gườm nhìn xem bọn tôi có cự quậy tí nào không để bắt lỗi. Hai giờ đêm chỉ phong phanh cái áo lót mà tôi phải chạy liền tám lần, thật nhanh, từ tầng gác trên của doanh trại xuống tận dưới sân, chỉ vì tội để quần đùi chồm vài phân ra ngoài mặt ghế đầu, nơi mọi người phải xếp gói quần áo của mình theo đúng quy cách. Thầy cai trực tuần - Himmenxtôt - vừa chạy đến bên vừa mắng nhiếc.

Trong buổi tập đêm lê, bao giờ tôi cũng phải đấu với Himmenxtôt; hẳn bắt tôi cầm một cái gậy bắt nặng chình chịch, còn hẳn chỉ cầm một cái gậy gỗ sử dụng thuận tiện, thành thử hẳn có thể dễ dàng đâm vào cánh tay tôi làm cho tím bầm nhiều chỗ. Nói của đáng tội, một lần tôi nổi hung lên, nhắm mắt xông bừa vào hẳn, và thọc cho một cú vào bụng, mạnh đến nỗi hẳn ngã quay lơ ra. Khi hẳn định kiện thì viên chỉ huy đại đội lại chế giễu hẳn và bảo từ nay phải cẩn thận hơn, thế thôi. Ông ta đã biết tổng Himmenxtôt rồi và lấy làm thú vị về cái chuyện hẳn bị một võ như vậy. Tôi đã trở nên một tay xuất sắc về môn leo xà ngang và dần dần tôi chẳng hể một địch thủ nào trong môn co đầu gối. Nghe thấy tiếng Himmenxtôt là bọn tôi cũng đủ phát run lên, nhưng cái con ngựa trạm đã thành man rợ ấy đừng hòng làm cho bọn tôi phải hạ cờ khuất phục.

Một ngày chủ nhật, Cốp và tôi, hai đứa cầm gậy kéo lê qua sân trại những thùng phân của nhà xí; đúng lúc ấy, Himmenxtôt tạt qua đó, áo quần bảnh

chợ, sắp sửa đi chơi. Hẳn dừng lại trước mặt chúng tôi hỏi xem làm thế có thích không. Thế là mặc kệ, muốn ra sao thì ra, chúng tôi giả vờ trượt chân một cái hất cả thùng phân vào chân hẳn, hẳn phát điên phát cuồng lên, nhưng vớ ấy thật là đích đáng.

- Phải cho chúng mày ra tòa án binh! - Hẳn thét lên.

Cốp đã chán ngấy cái giọng ấy, trả lời:

- Nhưng trước hết sẽ có một cuộc thẩm vấn, khi ấy chúng tôi sẽ nói toạc móng heo...

- Chúng mày dám nói với thầy cai như thế hả? - Himmenxtôt gầm lên. - Chúng mày điên rồi hả? Đứng đấy tao hỏi đã. Chúng mày định làm gì hả?

- Chúng tôi sẽ nói toạc hết mọi chuyện về thầy cai, - Cốp trả lời, ngón tay đặt trên nẹp quần.

Himmenxtôt hiểu ngay tình thế, cút thẳng, chẳng ho he gì nữa.

Nói cho đúng thì lúc sắp đi, hẳn cũng còn lâu bầu:

- Rồi chúng mày sẽ biết tay ông.

Nhưng thế là bao nhiêu uy tín của hẳn đi đời nhà ma. Một lần khác hẳn còn bắt chúng tôi tập ở bãi hoang, vẫn những động tác "Năm", "Nhảy", "Năm", "Nhảy". Thực tình, chúng tôi vẫn tuân theo, vì mệnh lệnh là mệnh lệnh, nhưng chúng tôi làm một cách chậm chạp đến nỗi Himmenxtôt phải tuyệt vọng.

Chúng tôi bình thản nhích đầu gối lên, rồi đến hai tay, và cứ thế tiếp tục; trong lúc đó hẳn phát khùng lên, đã ra một lệnh khác rồi. Trước khi chúng tôi toát mồ hôi, thì hẳn đã khản đặc cả tiếng.

Sau đó, hẳn để chúng tôi yên. Kể thì hẳn vẫn xạc chúng tôi là "đồ lợn", nhưng xem ý đã có vẻ nể.

Nhiều thầy cai khác tỏ ra đã biết điều hơn và rất phải chăng. Họ cũng là số đông nữa. Nhưng trước hết thầy nào cũng muốn giữ cái chân "dạy dỗ" ở hậu phương càng lâu càng hay, mà muốn thế thì phải hặc với lính mới.

Thực ra, chúng tôi đã hiểu một cái bãi tập của trại lính có thể lịch sự đến mức nào rồi, và nhiều phen chúng tôi đã phải điên cuồng gào thét lên.

Nhiều đứa trong bọn tôi đã phát ốm, thậm chí thằng Vôn đã chết vì sưng phổi, nhưng nếu chúng tôi đầu hàng thì người ta sẽ cho chúng tôi là đám hèn.

Chúng tôi trở nên khắc khổ, đa nghi, tàn nhẫn, hay hẳn thù, cục súc, mà như thế cũng tốt thôi, vì chính chúng tôi đang thiếu những đức tính ấy. Giả dụ người ta điều ngay chúng tôi đến các chiến hào, mà không có thời kỳ huấn luyện ấy, chắc hẳn nhiều đứa trong bọn tôi sẽ phát điên.

Như thế chúng tôi đã được chuẩn bị cho những gì đang chờ đợi mình.

Chúng tôi không bị quật ngã. Trái lại chúng tôi thích ứng được với hoàn cảnh. Cái tuổi hai mươi của chúng tôi, tuy non nớt đối với nhiều việc khác, lại được cho chúng tôi về việc này. Nhưng điều quan trọng nhất là một tình cảm vững chắc về đoàn kết đã trỗi dậy trong chúng tôi, tình cảm đó ở ngoài mặt trận làm nảy nở cái quý nhất mà chiến tranh tạo nên, đó là tình đồng đội.

Tôi ngồi cạnh giường Kemơrich. Mỗi lúc nó thêm nguy ngập. Chung quanh chúng tôi, om sòm, rầm rĩ.

Một chuyến tàu y tế vừa mới đến và người ta lựa những thương binh còn có thể chuyên chở được. Người thầy thuốc đi qua giường Kemơrich, ông ta chẳng buồn nhìn nó nữa.

- Chắc là đến lượt sau, Phăng ạ! - tôi nói với nó.

Nó chống khuỷu tay lên, giữa những cái gối dựa.

- Họ đã cưa chân mình rồi, - nó nói.

Thế là bây giờ nó đã biết. Tôi gật đầu và trả lời:

- Cậu nên mừng là được thoát như thế.

Nó im lặng.

Tôi lại tiếp:

- Đáng lẽ bị cả hai chân cơ, Phăng ạ. Veghêlơ đã mất cánh tay phải còn khổ hơn chứ. Mấy lại cậu sẽ được về nhà cơ mà!

Nó nhìn tôi:

- Chắc không?

- Hẳn thế chứ lị.

Nó nhắc lại:

- Chắc không?

- Nhất định thế Phăng ạ. Có điều là sau khi giải phẫu, cậu cần phải lại sức đã.

Nó ra hiệu bảo tôi lại gần. Tôi cúi người sát vào nó và nó thì thầm:

- Mình không tin thế đâu.

- Phăng. Đừng có nói vớ vẩn; chỉ vài ngày là cậu sẽ biết thôi. Một một chân thì có sao đâu. Ở đây, người ta còn chữa được những ca nặng gấp mấy ấy chứ.

Nó giơ bàn tay lên:

- Cậu nhìn những ngón tay đây này.

- Do giải phẫu đấy thôi. Cỗ ăn uống đi, rồi cậu sẽ mau khỏi. Các cậu ăn uống có khá không?

Nó chỉ cho tôi cái ớ a còn lưng một nửa. Tôi gần như gất lên:

- Phăng, cậu phải ăn đi chứ, ăn là chính đấy. Ở đây cũng khá đấy chứ.

Nó xua tay, không đồng ý với tôi. Một lúc sau, nó nói thông thả:

- Trước kia mình cũng muốn đi làm kiếm lăm.

- Thì cậu vẫn có thể đi làm chứ sao. - Tôi nói để an ủi nó. - Hiện nay có những loại chân tay giả tuyệt lắm, lắp vào chính cậu cũng không thấy là mình thiếu một chân cơ, ăn khớp với các bắp thịt ghê lắm. Lắm lúc một bàn tay giả, người ta có thể cử động cả ngón tay, có thể làm lụng viết lách được nữa kia. Mấy lại, ngày càng có nhiều phát minh mới lạ chứ.

Nó im một lúc rồi nói:

- Cậu có thể lấy đôi ủng của mình cho thằng Muynlơ.

Tôi gật đầu và cố nghĩ xem có thể tìm được câu gì nữa để động viên nó

không. Đôi môi của nó khứt đi, cái miệng trở nên rộng hơn, răng nhô ra hơn, trông như cục phẩn, da thịt tiêu đi đâu cả, cái trán dô ra nhiều hơn, gò má lồi lên... Bộ xương đang hiện hình. Mắt đã trũng xuống. Chỉ vài giờ nữa là hết chuyện.

Không phải tôi trông thấy nó lần đầu, mà hai đứa đã cùng lớn lên với nhau. Thế mà bây giờ trông nó thật là khác hẳn. Tôi đã từng cốp bài của nó. Ở trường, nó thường mặc bộ quần áo màu hạt dẻ có thắt lưng, hai cái khuỷu tay bóng lên vì mài trên bàn. Ngoài ra, trong bọn tôi, chỉ có mình nó biết chơi quay thẳng tay trên xà đơn. Lúc ấy, tóc nó xõa xuống mặt trông như tơ vậy. Về chỗ này, lão Căngtôrec lấy làm hãnh diện vì nó; nhưng lão ta lại không chịu được mùi thuốc lá. Da nó rất trắng. Trông nó có cái vẻ gì của con gái.

Tôi nhìn xuống đôi ủng của tôi; đôi ủng mới to và thô làm sao; cái quần nhét vào đấy, phồng ra; khi đứng dậy, hai cái ống quần thùng thình trông người có vẻ đô lẫm. Nhưng khi chúng tôi đi tắm, chân và vai đột nhiên lại còm nhom đi. Khi ấy chúng tôi không còn là lính nữa, mà hầu như là những thằng bé con, không ai tin là chúng tôi có thể đeo ba lô được. Lúc chúng tôi cởi trần, thật là ngộ nghĩnh; chúng tôi là những gã thường dân, và chúng tôi cũng cảm thấy na ná như vậy.

Phăng Kemơrich lúc đi tắm, trông gầy bé như một đứa trẻ con, thế mà bây giờ nó nằm dài ở đây, tại sao lại thế nhỉ? Người ta cần phải dẫn tất cả nhân loại đến trước giường nó mà nói to lên rằng: "Này đây là Phăng Kemơrich, mười chín tuổi rưỡi, nó không muốn chết, xin đừng để nó phải chết".

Những ý nghĩ của tôi trở nên lộn xộn. Cái không khí đầy mùi phê nôn và máu mủ hôi thối này làm tắt cả phổi, đó là một thứ hồ đặc quánh làm cho người ta ngạt thở.

Bóng tối tràn đến. Khuôn mặt Kemơrich xanh nhợt đi. Khuôn mặt nhô ra giữa hai cái tai và nhợt nhạt đến nỗi như nó lóe ra một ánh sáng yếu ớt. Cái miệng cử động nhẹ nhẹ. Tôi lại sát bên nó. Nó thì thầm: "Nếu cậu tìm thấy cái đồng hồ của mình, thì gửi về nhà hộ mình".

Tôi không phản đối gì cả. Bây giờ thật vô ích.

Không còn cách nào làm cho nó yên tâm được nữa. Sự bất lực dày vò tôi.

Trời! Cái trán với hai thái dương lõm sâu vào kia, cái mũi đã teo đi kia! Lại còn bà cụ khóc lóc ở nhà, mà tôi phải viết thư về! Chao ôi, giá cái thư ấy đã viết rồi! Bọn y tá xách chai, xách thùng đi qua. Một người trong bọn bước lại, nhìn Kemơrich có vẻ thăm dò, rồi lảng ra; rõ ràng là hẳn đợi. Chắc là hẳn đang cần cái giường.

Tôi sát lại gần Phăng, và nói với nó y như tôi có thể cứu sống được nó:

- Có lẽ người ta sẽ đưa cậu về an dưỡng đường Clôtécbe, chỗ có những biệt thự ấy, Phăng ạ. Ngồi bên cửa sổ cậu có thể nhìn tất cả vùng quê cho đến tận hai cái cây ở phía chân trời. Bây giờ đang là mùa đẹp nhất năm. Lúa sắp chín, buổi chiều, dưới ánh mặt trời cánh đồng chẳng khác gì xà cừ. Lại còn đường

trồng bạch dương dọc theo khu Clôtecbach mà bọn mình vẫn uống cà phê ngon tuyệt nữa chứ! Lúc ấy, cậu có thể bày một cái chậu thủy tinh và nuôi cá vàng, cậu có thể ra vào tùy ý, chẳng phải phép tắc gì cả, cậu lại có thể chơi đàn dương cầm nữa, nếu cậu thích.

Tôi cúi xuống khuôn mặt của nó đang chìm trong bóng tối. Nó còn thở thoi thóp. Mặt nó ướt đẫm, nó khóc. Chao ôi, tôi ăn nói thật là vớ vẩn, chẳng ra làm sao!

Tôi quàng lấy vai nó và sát mặt tôi vào mặt nó.

- Bây giờ cậu có buồn ngủ không?

Nó không trả lời. Những giọt nước mắt chảy ròn ròn trên má. Tôi muốn lau cho nó, nhưng cái khăn tay của tôi bẩn quá. Một giờ trôi qua, tôi vẫn ngồi đây, đầu óc căng thẳng và tôi chăm chú theo dõi xem nó có muốn dặn gì nữa không. Giá nó mở to miệng la được và kêu lên! Nhưng nó chỉ khóc, đầu ngoẹo sang một bên. Nó chẳng nhắc gì đến mẹ, đến các anh em, chị em, nó chẳng nói gì cả; có lẽ tất cả những cái đó đã xa xôi đối với nó rồi. Giờ đây nó chỉ còn một thân một mình với cuộc đời hèn mọn, mười chín tuổi, nó khóc vì cuộc đời ấy bỏ nó mà đi.

Đó là cái chết cảm động, đau đớn nhất mà tôi chưa từng thấy, dù rằng lúc trước Tétgien chết cũng buồn lắm, nó khỏe như một con gấu, hét lên gọi mẹ, mắt mở trừng trừng, tay cầm cái lưỡi lê, đầy vẻ hoảng hốt, xua đuổi thầy thuốc ra khỏi giường nó, mãi cho đến lúc nó chết.

Bồng Kemrich bắt đầu rên rỉ và thở dốc. Tôi vùng dậy, lão đảo chạy ra ngoài và hỏi: "Bác sĩ đâu rồi? Bác sĩ đâu rồi?". Chợt thấy cái áo choàng trắng, tôi chặn lại:

- Ông đến ngay cho, nếu không Phăng Kemrich chết mất.

Lão ta gỡ ra và hỏi người y tá đứng đấy:

- Cái gì thế?

Gã kia trả lời:

- Giường 26, cửa bập đùi trên.

Lão thầy thuốc gắt lên:

- Làm thế nào mà chết được? Ngày hôm nay tôi chưa nhìn thấy cái chân.

Lão đẩy tôi ra và bảo người y tá:

- Đến xem sao! - Rồi lão ta lại chạy đến phòng mổ.

Tôi giận điên lên, đi theo gã y tá. Hắn nhìn tôi và nói:

- Hết cửa lại đến cửa, suốt từ năm giờ sáng đến giờ đây anh bạn ạ, mình nói thật cậu biết, riêng ngày hôm nay thêm mười sáu người chết. Cái thằng của cậu đây là thứ mười bảy. Nhất định là phải đến hai chục.

Tôi tưởng chừng quy xuống. Không còn sức đi nữa.

Tôi cũng không muốn nổi nóng nữa. Vô ích, tôi chỉ muốn ngã gục xuống và không bao giờ đứng dậy nữa.

Chúng tôi đến trước giường Kemrich. Nó đã chết, mặt còn đẫm nước mắt.

Mắt nửa nhắm nửa mở...

Gã y tá huých tôi một cái vào sườn:

- Có lấy đồ đạc không?

Tôi gật.

Hắn tiếp:

- Chúng tớ phải mang hắn đi ngay vì cần giường. Nhiều người khác còn nằm ngoài hành lang kia kìa.

Tôi nhặt nhanh đồ lể và tháo cái biển căn cước của Kemrich. Gã y tá hỏi quyền quân bạ.

- Không có đây! - Tôi nói có lẽ quân bạ ở văn phòng đại đội và tôi đi.

Đằng sau tôi, họ đã lôi Phăng vất lên một tấm vải bạt.

Bên ngoài bóng tối và gió như giải thoát cho tôi.

Tôi thở thật mạnh, và cảm thấy không khí phớt qua da mặt, nóng ẩm và êm dịu hơn bao giờ hết. Đột nhiên tôi nghĩ đến bọn con gái, đến những đồng cỏ nở hoa, đến những đám mây trắng. Đôi chân tôi cứ tự chúng bước trong những chiếc giày; tôi rảo bước, tôi chạy.

Những người lính đi qua bên tôi; những lời họ nói kích động tôi, nhưng tôi chẳng hiểu gì cả. Mặt đất căng đầy sinh lực, xuyên qua bàn chân tràn ngập vào người tôi.

Đêm rung chuyển ngàn tia lửa điện. Đường hỏa tuyến vang động ào ào như một dàn trống hòa với nhau.

Chân tay tôi cử động nhanh nhẹn. Tôi thở và tôi vùng vẫy. Đêm khuya đang sống. Cả tôi nữa, tôi cũng đang sống. Tôi đói, một cái đói cồn cào ghê gớm hơn lúc chỉ đói từ trong bụng.

Muynlơ đứng trước lán. Nó đợi tôi. Tôi đưa đôi ủng của Kemrich cho nó. Chúng tôi đi vào, nó xỏ thử đôi ủng, thật là vừa khít. Nó lục trong đồng lương thực, biểu tôi một miếng xúc xích to. Ngoài ra, lại còn nước chè pha rượu rum, rất nóng.

Chương 3

Chúng tôi nhận được viện binh. Người ta lấp các chỗ trống, và những ổ rơm trong lán trú quân lại có người nằm. Một phần là lính cũ. Nhưng cũng có hai mươi lăm anh trẻ tuổi từ những trạm tân binh sau mặt trận gửi đến. Bọn này kém chúng tôi gần một năm. Cốp huých tôi:

- Cậu đã trông thấy lũ nhóc chưa?

Tôi gật. Mấy đứa chúng tôi vênh vênh vào vào, chúng tôi cúi đầu ở ngoài sân, chúng tôi thọc tay vào túi quần, chúng tôi ngắm nghía bọn lính mới và chúng tôi tự cho là những tay cự trào.

Catdinxki đến nhập bọn với chúng tôi. Chúng tôi dạo qua những chuồng ngựa và đi tìm những tay mới đến mà người ta đang phát mặt nạ chống hơi độc và cà phê. Cát hỏi một cậu trẻ nhất:

- Chừng đã lâu lắm đằng ấy chưa được đớp cái gì kha khá một tí phải không?

Thằng kia nhăn:

- Sáng bánh củ cải vàng, trưa củ cải vàng, tối sườn nấu củ cải vàng và xà lách củ cải vàng.

Catdinxki huýt sáo ra vẻ sành sỏi:

- Bánh củ cải vàng à? Còn là may đấy; bây giờ người ta đã đến chỗ làm bằng mùn cưa rồi. Thế còn cái món đậu trắng, cậu thấy cũng khá đấy chứ? Có muốn làm một miếng không?

Cu cậu đỏ mặt:

- Anh làm tôi thèm rỏ dãi ra làm gì?

Catdinxki chỉ nói như ra lệnh:

- Lấy cái cà mèn ra đây.

Chúng tôi nhìn Cát đầy vẻ tò mò. Anh ta dẫn chúng tôi đến một cái thùng gỗ, gần ổ rơm của anh.

Rõ ràng, cái thùng đầy đến nửa toàn là đậu hầm với thịt bò. Catdinxki đứng ưỡn ngực trước cái thùng, y như ông tướng và nói:

- Mở mắt ra, thò tay vào, đó là khẩu lệnh của người Phổ.

Bọn tôi ngạc nhiên quá. Tôi hỏi anh ta:

- Chết cha! Cát, cậu làm thế nào mà xoáy được chỗ này thế?

- Thằng cà chua đồng ý cho bê tất cả, tớ cho nó ba cái dù lụa. Này, này, cái món đậu trắng mà ăn nguội thì tuyệt lắm đấy nhé.

Anh ta rộng rãi cho thằng nhóc một khẩu phần và nói:

- Lần sau mang cà mèn đến đây, nhớ cầm ở tay kia một miếng xì gà hay một cuộn thuốc, hiểu chưa?

Rồi anh ta quay về phía chúng tôi:

- Tất nhiên, với các cậu thì được miễn khoản ấy.

Catdinxki là một người đáng quý vì anh ta có cái giác quan thứ sáu. Ở đâu cũng có những người như vậy nhưng thoát đầu ít ai để ý. Đại đội nào cũng có một hai người như thế. Catdinxki là một con người tinh quái nhất xưa nay tôi chưa từng thấy. Anh ta xuất thân từ nghề đóng giày thì phải, nhưng cái ấy không đáng kể, anh ta biết đủ mọi nghề. Đánh bạn với anh ta thú đáo để. Cốp và tôi được coi là bạn của anh ta, và trong chừng mực nào đó, Hai Vethut cũng thế. Thật ra thằng này chỉ là tay sai của anh ta thôi, vì khi nào xoay sở món gì mà cần đến sức lực thì Cát gọi đến nó. Ngược lại, nó cũng được hưởng những ân huệ, gọi là để đền bù cho cái công khó nhọc.

Thí dụ có lần ban đêm chúng tôi đến một nơi hoàn toàn xa lạ, một nơi vừa đặt chân đến đã biết ngay là chẳng nước non gì, chỉ trơ ra mấy bức tường.

Chỗ chúng tôi vừa thu vén xong là một cái xưởng máy nhỏ, tối mò. Có mấy cái giường - nói cho đúng là mấy cái giát giường, mấy thanh gỗ căng dây thép.

Dây thép thì gay lắm. Chúng tôi chẳng có cái gì rải lên vì chần còn phải để đắp. Vải bạt thì mỏng quá.

Cát nhìn quanh quéo một tí rồi bảo Hai Vethut:

- Đi theo mình.

Họ đi vào xóm, một nơi hoàn toàn mới lạ đối với họ.

Nửa giờ sau, họ trở về, tay ôm đầy rơm. Cát đã lưng được một chuồng ngựa và bao nhiêu là rơm luôn thể.

Thế là, giá bây giờ không bị cái đói cồn cào nó hành thì chúng tôi có thể đánh một giấc say sưa ấm áp.

Cốp hỏi một anh pháo thủ đóng ở vùng này đã lâu:

- Có cái quán ăn nào quanh đây không?

Gã kia cười:

- Cậu tưởng, ở đây chẳng có cóc gì cả. Một mẩu bánh mì cũng đừng hòng.

- Thế không còn dân cư gì cả sao?

Gã kia khạc một cái:

- Có, có chứ, vài mống, nhưng chính họ cũng lượn quanh mấy cái nồi như bọn này thôi.

Thật là nẫu quá. Chúng tôi lại phải thít cái thắt lưng khốn khổ vào thêm một nấc nữa, đành đợi ngày mai xe chở thức ăn đến vậy.

Thế nhưng, tôi thấy Cát chụp cái mũ ca lô, tôi hỏi anh ta:

- Cậu đi đâu đấy, Cát?

- Xem tình hình một tí.

Anh ta uể oải bước ra, gã pháo thủ cười khẩy:

- Đẳng ấy cứ đi mà xem tình hình. Nhưng đừng có ôm đồm lắm đấy nhé.

Chán nản, chúng tôi nằm ườn cả ra và tự hỏi có nên động đến lương thực dự trữ không. Làm thì liều quá, cho nên chúng tôi cố chợp mắt một tí.

Cốp cầu điều thuốc, cho tôi một nửa. Jardon nói về các món ăn ở vùng quê

nó, đậu ván nấu thịt mỡ. Phải cho cả rau thơm vào, nhưng phải đun cùng một lúc, chứ không được (xin Chúa che chở cho chúng tôi) cho khoai tây đậu ván với thịt mỡ riêng rẽ. Một đứa gắt nặng lên là nếu Jadron không im ngay mồm đi, hẳn sẽ nghiền nó ra làm đồ gia vị để rắc vào cái món đậu ván của nó.

Thế là im lặng trở lại cái phòng ngủ rộng rãi và ngẫu nhiên. Chỉ còn mấy ngọn nến lung linh trên miệng chai, và thỉnh thoảng gã pháo thủ lại khạc nhổ. Chúng tôi đang thiu thiu thì cửa kẹt mở và Cát xuất hiện. Tôi đương mê ngủ. Hẳn cặp hai cái bánh ở một tay, tay kia xách cái bị rách vấy máu, trong đựng thịt ngựa.

Gã pháo thủ kinh ngạc để tẩu thuốc rơi khỏi miệng. Hẳn nắn cái bánh: "Đúng, bánh thật, mà lại còn nóng!". Cát không dài dòng mất thì giờ. Hẳn xoay được bánh, thế là đủ. Tôi tin rằng giá đóng ở sa mạc, cũng chỉ một giờ sau hẳn ta xoay xỏa được bữa chén có đủ thịt quay, chà là và rượu nho. Hẳn bảo Hai bằng giọng cộc lốc: "Bổ củi". Rồi hẳn ta rút ở trong áo ra một cái chảo, móc ở túi ra một nắm muối và một khoanh mỡ. Cái gì hẳn ta cũng đều nghĩ tới. Hai nhóm bếp ngay trên mặt đất.

Lửa kêu lách tách giữa cảnh trống trải của xưởng máy. Chúng tôi nhún tay nhảy xuống giường.

Gã pháo thủ ngập ngừng, không biết có nên tỏ lời khen ngợi không, biết đâu lại không được tí chút; nhưng Catdinxki chẳng để ý gì đến hẳn, coi hẳn như không có, thế là gã pháo thủ lúi mắt, mồm lẩm bậm vắng tục.

Cát biết cách rán thịt ngựa sao cho thật mềm.

Không được bỏ ngay vào chảo; như thế nó sẽ dai, trước hết phải cho vào ít nước chần qua đã. Chúng tôi ngồi xồm thành vòng tròn, tay cầm dao ăn rồi cứ việc tọng cho đầy dạ dày.

Đấy, Cát là con người như thế. Giả dụ trong một vùng, quanh năm chỉ có cái gì ăn vào một giờ nào đó thôi, thì đúng cái giờ đấy, anh chàng Cát ta như có một linh tính báo trước sẽ chụp cái mũ ca lô đi ra, và đến thẳng chỗ có cái món ấy, y như có la bàn dẫn đường, và thế là anh ta chôm được.

Anh ta tìm ra được đủ thứ: khi trời rét thì những cái chảo con với củi, rơm rạ, bàn ghế, nhưng nhất là cái gì chén được. Thật là một sự bí hiểm. Người ta ngỡ những cái đó từ trên trời rơi xuống. Cái chuyển bở nhất của anh ta là bốn hộp tôm hùm. Nhưng của đáng tội, bọn tôi lại thích mỡ lợn rán hơn.

Chúng tôi lẫn lộn trước lán trú quân về phía có nắng. Mùi hắc ín, mùi mùa hè và mùi mồ hôi chân nồng nặc.

Cát ngồi cạnh tôi, vì anh ta thích nói chuyện.

Buổi chiều hôm ấy, chúng tôi tập chào quân sự trong một giờ đồng hồ, chỉ vì Jadron đã chào một cấp chỉ huy uể oải quá. Cát chỉ nghĩ về chuyện ấy, anh ta nói: "Rồi cậu xem, chúng ta sẽ thua trận chỉ vì chào kỹ quá thôi!". Cộp bước lại, chân đi không, quần xắn móng lợn.

Nó phơi đôi bít tất vừa giặt trên bãi cỏ. Cát nhìn trời, đánh một cái rắm thật

lực, rồi nói bằng một giọng kiêu cách: "Bất kỳ hạt đậu nào, dù bé tẹo, cũng phát ra tí chút âm nhạc chứ!". Cốp và Cát bắt đầu tranh cãi với nhau. Đồng thời, hai người đánh cuộc một chai bia về trận không chiến đang diễn ra trên đầu chúng tôi. Cát không chịu bỏ ý kiến của mình, với tư cách là lính cự trào, anh ta cố phát biểu cho thành thơ: "Nếu cùng hướng cùng chén như nhau". Chiến tranh đã hết từ lâu còn gì. Còn Cốp thì lại là một nhà tư tưởng. Nó muốn nói rằng mỗi lần tuyên chiến sẽ là một thứ hội hè của dân chúng: "có giấy vào cửa, có âm nhạc cẩn thận", như trong những cuộc thi đấu bò mộng ấy. Rồi trên đấu trường, các ngài bộ trưởng và các vị tướng của hai nước, sẽ mặc quần đùi tắm và vũ trang bằng dùi cui, cứ việc xông vào mà nện nhau. Vị nào còn đứng vững được đến phút cuối cùng thì nước của vị ấy sẽ thắng trận. Lời đề nghị ấy được hoan nghênh và câu chuyện chuyển sang việc tập lính ở doanh trại.

Một hình ảnh hiện ra trong óc tôi. Mặt trời giữa trưa chiếu hằm hập trên sân trại lính. Cái nóng kinh người đè trĩu không gian im lặng. Các ngôi nhà im lìm như chết. Mọi vật đều ngủ. Người ta chỉ nghe thấy tiếng trống tập đánh. Họ ngồi ở quanh đầu dãy và tập đánh một cách vụng về, đều đều, ngớ ngẩn. Cả một sự hài hòa: cái nắng giữa trưa, cái sân trại lính và buổi tập đánh trống.

Những cửa sổ doanh trại đều trống hốc và tối om, ở vài cửa sổ, có vắt phơi mấy cái quần áo vải thô. Người ta nhìn vào bên trong có vẻ thèm thuồng. Những căn phòng thật là mát mẻ. Hối những căn phòng tối tăm có mùi mốc, với những giát giường bằng sắt, những tấm đệm vải kẻ ô vuông, những cái tủ đúng quy cách và những chiếc ghế đẩu để trước mặt! Chính các người, các người có thể làm chúng ta ao ước. Ngồi đây nhìn các người, các người đối với chúng ta là cái phản ảnh thần kỳ của Tổ quốc, với cái mùi nồng nặc của thức ăn đã thiu, của giấc ngủ, của thuốc lá và của quần áo.

Catdinxki mô tả một cách rất hào hứng những căn phòng ấy với bao nhiêu là màu sắc rực rỡ. Chúng tôi còn ngần ngại gì mà không trở lại? Vì chúng tôi cũng chẳng đòi hỏi gì hơn.

Ôi! Những giờ huấn luyện quân sự trong buổi sáng tinh mơ. "Khẩu súng kiểu 98 gồm bao nhiêu bộ phận?". Ôi! Những giờ tập thể dục buổi chiều. "Những anh nào đánh dương cầm đi ra khỏi hàng, bên phải quay! Đến nhà bếp gọt khoai!". Kỷ niệm tràn ngập.

Tự nhiên Cốp bật cười và nói: "Đến Long, đổi tàu!".

Đó là cái trò ưa thích của thầy cai chúng tôi. Long là một nhà ga ở ngã ba. Để cho tụi đi phép không thể nhầm được, Himmenxtôt bắt chúng tôi tập ở trong buồng cái động tác đổi tàu. Hẳn cho chúng tôi biết rằng đến Long, người ta sẽ đi qua một con đường hầm để sang chuyển tàu chở thư: con đường hầm ấy được tượng thành bằng những cái giường. Một mệnh lệnh phát ra: "Đến Long. Đổi tàu". Thế là nhanh như chớp, tất cả bọn chúng tôi phải chui xuống gầm giường, rồi nhoai ra phía bên kia. Có mỗi một động tác ấy mà phải làm

hàng giờ.

Trong lúc ấy, chiếc máy bay Đức đã bị hại nặng.

Nó lao xuống không khác một ngôi sao chổi, kéo theo một đám khói như cái phễu.

Thế là Cốp thua cuộc, mất chai bia, nó xía tiền ra nhăn nhó như bị.

- Himmenxtôt làm phu trạm thì chắc chắn là một con người chất phác, - tôi nói khi Anbe đã bớt ù.

- Không hiểu sao khi đóng lon cai, hấn lại đều cáng quá quần đến thế?

Câu hỏi làm cho Cốp sôi nổi hấn lên:

- Không phải chỉ riêng Himmenxtôt mới thế, nhiều người khác cũng thế. Khi họ vừa đeo cái lon hoặc thanh gươm vào là họ biến chất hoàn toàn, y như tọng ximăng cốt sắt vào người.

- Quân phục nó làm nên thế... - tôi nói như một giả thuyết.

- Cũng gần đúng thế, - Cát vừa nói vừa chuẩn bị một bài diễn thuyết tràng giang đại hải. - Thế nhưng lý do chính lại khác. Cậu thấy đấy. Khi cậu luyện cho một con chó biết ăn khoai lang, rồi sau cậu chìa cho nó một miếng thịt: dẫu sao nó cũng vẫn nháy xỏ vào đớp miếng thịt, vì đó là bản chất của nó; nếu cậu cho con người một chút quyền hành, câu chuyện cũng thế thôi: hấn cũng nháy xỏ vào. Cái đó là lẽ tự nhiên, vì bản thân con người, nguồn gốc chỉ là một con vật bản thiêu, có lẽ chỉ mãi về sau này nó mới được quét lên một lớp lễ nghĩa, như một lát bánh có phết bơ lên vậy. Thế mà cuộc đời nhà binh lại là thăng nọ có quyền hơn thăng kia. Khổ một nỗi anh nào cũng có nhiều quyền quá: một thầy cai có thể hành chú lính trơn đến phát điên, cũng như ngài thiếu úy hành thầy cai, ngài đại úy hành ngài thiếu úy. Bởi anh nào cũng biết cái quyền của mình, nên họ quen lạm quyền. Lấy một thí dụ đơn giản: Chúng mình vừa đi tập về, mệt bở hơi tai. Thế mà họ ra lệnh hát. Kết cục là một điệu hát kém hào hứng, vì anh nào anh nấy chỉ còn đủ sức cõng cái ba lô. Thế là cả đại đội phải đứng sau quay, chịu phạt, tập thêm một giờ nữa. Khi trở về lại có lệnh hát: người ta phải cố hát cho ra hát. Như vậy có nghĩa lý gì? Viên chỉ huy đại đội cứ làm theo ý mình, vì ông ta có quyền. Không ai có thể chỉ trích ông ta được, trái lại ông ta lại được tiếng cương quyết là đằng khác. Nhưng đó mới là chuyện vặt, còn có những biện pháp hắc hơn nhiều, làm cho các cậu sùi bọt mép ra nữa kia. Bây giờ mình hỏi các cậu, có nghề gì cho một người thường dân làm, dù hấn là ông gì đi nữa, để hấn có thể giở những chuyện như vậy mà khỏi bị người ta đập cho vỡ mặt ra? Không chỉ trong cái nghề nhà binh mới có những chuyện như thế. Bây giờ, các cậu thấy cả đấy, cái uy quyền ấy bốc lên đầu con người ta. Hơn nữa, trong ngành dân sự thì họ không làm bộ được như thế.

- Như người ta thường nói, cần phải có kỷ luật, - Cốp nói một cách uể oải.

- Ôi dào, lý do thì thiếu gì. - Cát lầu bầu. - Kể ra thì có lẽ cũng cần đấy nhưng đừng có cạn tàu ráo máng thôi. Cậu thử nói chuyện ấy với một anh

chữa khóa, một anh lực điền, một anh thợ nào đó, cậu thử nói chuyện ấy với một anh lính khốn khổ nào đó, mà đa số chúng ta ở đây là thế. Anh ta chỉ thấy một cách đơn giản là người ta hành hạ mình trăm khoanh tứ đốm và anh ta, phải ra chỗ mũi tên hòn đạn, anh ta biết rõ cái gì cần, cái gì không cần chứ. Mình nói để các cậu biết rằng ở đây. Ở mặt trận, cái anh lính quèn là dũng cảm lắm nhé. Điều ấy không phải xoàng đâu nhé.

Ai cũng công nhận điều ấy; ai cũng biết rằng chỉ có ở chiến hào mới không tập quân sự nữa; nhưng vừa về cách mặt trận vài cây số, việc tập tành lại tiếp tục một cách ngu xuẩn với những động tác chào, đi nghiêm, bởi vì đó là một quy luật không thể tránh được, phải làm cho thằng lính không rỗi được một phút.

Vừa lúc ấy, Jadron tới, mặt lấm tẩm những mụn đỏ. Nó cảm động đến nỗi lú cả lưỡi. Nó hớn hờ đánh vần từng tiếng câu nói sau đây: "Himmenxtôt đang trên đường ra mặt trận. Hẳn sắp tới".

Jadron thâm thù Himmenxtôt đến tận xương tận tủy. Vì Himmenxtôt ở trại lính đã huấn luyện nó theo cái kiểu riêng của hẳn. Jadron hay đái dầm; ban đêm nó ngủ, cái chuyện ấy cứ tự nhiên xảy ra thôi.

Himmenxtôt gân cổ lên quyết đoán rằng đó chỉ do bệnh lưỡi và hẳn đã tìm được một phép không hổ danh thầy cai để chữa cho Jadron.

Hẳn phát hiện ở lán bên cạnh cũng có một anh chàng đái dầm nữa tên là Kjnđecvatơ. Hẳn bắt cậu này ngủ cùng phòng với Jadron. Trong các lán của chúng tôi, người ta quen sắp đặt như thế này, hai giường chồng lên nhau, giát giường bằng dây thép ken lại. Thế là Himmenxtôt bố trí cho hai chàng nằm với nhau, lẩn lượt, anh này nằm giường trên thì anh kia nằm giường dưới.

Dĩ nhiên anh nằm dưới phải chịu đựng cảnh ngộ một cách ê chề. Nhưng ngày hôm sau họ lại đổi chỗ.

Anh nằm dưới lại lên nằm trên, để trả thù. Đó là phương pháp tự giáo dục do Himmenxtôt phát minh ra. Biện pháp thì khả ố. Nhưng ý kiến không phải là không có giá trị. Khốn nỗi, biện pháp ấy vô dụng và giả thuyết ấy của Himmenxtốt sai. Cả hai cu cậu đều không phải vì lưỡi mà đái dầm. Chỉ nhìn nước da nhợt nhạt của hai người, là ai cũng nhận thấy thế.

Kết quả cuối cùng là một trong hai chàng từ đó phải nằm xuống đất, rất dễ bị cảm lạnh.

Giữa lúc ấy, Hai đến, ngồi xuống cạnh chúng tôi.

Nó nháy tôi một cái, xoa xoa cái bàn tay hộ pháp: thực là chúng tôi đã sống với nhau cái ngày đẹp nhất của đời lính. Ấy là buổi tối trước khi lên đường ra mặt trận. Người ta đã ghép chúng tôi vào một trung đoàn vừa thành lập, nhưng trước đó người ta cho chúng tôi trở về chỗ trú quân để lĩnh quần áo; nói cho đúng không phải là về trại tân dinh mà là về một trại lính khác. Sáng hôm sau chúng tôi phải lên đường. Buổi tối chúng tôi nghĩ cách thanh toán với thằng cha Himmenxtôt mới được.

Chúng tôi đã thề với nhau mấy tuần lễ trước.

Cốp đã định bụng, khi hòa bình lập lại, sẽ vào ngành bưu điện để làm cấp trên của Himmenxtôt, lúc ấy chắc hẳn sẽ lại trở về làm phu trạm. Nó nghĩ đủ mọi cách để ăn miếng trả miếng cho bằng được.

Chính vì thế mà không bao giờ Himmenxtôt hòng khuất phục được bọn tôi. Chúng tôi định thế nào cũng có phen hấn vào tay chúng tôi, chậm nhất là khi hết chiến tranh. Trong khi chờ đợi, chúng tôi muốn giã cho hẳn một trận nên thân. Nếu hẳn không nhận ra được chúng tôi thì sợ quái gì, hơn nữa, sáng mai chúng tôi tetch cả rồi cơ mà! Chúng tôi đã nắm được buổi tối hẳn hay đến quán nào. Muốn về trại, hẳn buộc phải qua một phố tối và vắng. Chúng tôi rình hẳn ở đấy, sau một đồng đá.

Tôi mang một cái khăn trải giường. Chúng tôi lo không biết hẳn có đi một mình không. Cuối cùng, chúng tôi nghe tiếng bước chân quen thuộc của hẳn.

Chúng tôi nghe tiếng bước chân ấy đã quá quen, sáng nào cũng vậy, cái cửa bất thành lình mở tung và Himmenxtôt ngoạc mồm ra: "Dậy!".

- Có mình hẳn? - Cốp thì thào.

- Phải, mỗi mình hẳn.

Cùng với Jadơn, tôi bò len lén quanh đồng đá.

Cái khóa thắt lưng của hẳn đã lập lánh kia rồi.

Himmenxtôt đang có vẻ khoái chí. Hẳn hát. Hẳn đi qua chỗ chúng tôi, chẳng nghi ngờ gì cả. Chúng tôi cầm cái khăn trải giường; chúng tôi chồm ra, nhẹ nhàng, từ đằng sau, chụp cái khăn lên đầu Himmenxtôt, rồi túm chặt lấy phía dưới, thành thử hẳn y như chui vào một cái bị trắng và không thể nào giơ tay lên được. Tiếng hát tắt.

Một lát sau, Hai Vethut chạy đến. Nó giơ tay gạt chúng tôi ra, dành lấy phần đầu tiên. Với vẻ khoái trá không thể tưởng tượng được, nó lấy kiểu đứng, vung cánh tay lên như cột tín hiệu, rồi quai bàn tay to như cái xẻng xúc than vào cái bị trắng một cú, tưởng đến bò cũng phải chết. Himmenxtôt chao người đi ngã văng ra đến năm thước và rống lên.

Chúng tôi đã nghĩ đến chuyện này. Chúng tôi đã mang theo một cái gối. Hai ngòì xồm, đặt cái gối lên đầu gối, rồi ghì đầu Himmenxtôt vào đấy. Những tiếng rống của Himmenxtôt tắt đi ngay. Thỉnh thoảng Hai cho hẳn thở một tị, thế là những âm thanh khàn khàn hỗn hển nổi lên, thay thế cho cái tiếng thét oai vệ sang sảng lúc này đã lịm đi dưới cái gối...

Jadơn bèn cởi dây đeo quần của Himmenxtôt rồi tụt quần hẳn xuống. Đồng thời mồm nó cắn chặt một cái roi da. Rồi nó đứng dậy và bắt đầu hành sự.

Thật là một bức tranh tuyệt tác. Himmenxtôt nằm dài trên mặt đất; Hai cúi xuống, ghì chặt đầu hẳn vào gối; mặt hẳn nhăn nhó một cách quái quỷ, mồm há hốc ra vì khoái quá rồi cái quần đùi kẻ sọc dầy dựa, cùng với đôi chân bắt chéo chữ X, cứ mỗi nhát roi, lại biểu diễn những động tác rất độc đáo bên trong cái quần bị tụt xuống. Còn phía trên thì Jadơn không biết mồm, cứ đánh

như bồ cùi. Sau chúng tôi phải lòi nó ra để chúng tôi cũng dự phần nữa chứ.

Cuối cùng Hai dựng Himmenxtôt dậy và trình diễn một kiểu đặc biệt, để kết thúc. Nó giơ bàn tay phải lên thật cao, tưởng chừng muốn tóm lấy một ngôi sao, chuẩn bị đánh một cái tát nảy đom đóm.

Himmenxtôt ngã khụy xuống. Hai lại dựng hẳn dậy, lại lấy thế, dùng tay trái, bợp cho một cái nữa, không chê vào đâu được. Himmenxtôt rống lên và cầm đầu chạy miết. Cái móng kẻ sọc kiểu phu trạm của nó lấp lóe dưới ánh trăng.

Chúng tôi biến ngay tức khắc. Hai còn quay lại một lần nữa, nói giọng chua chát, thỏa mãn và hơi khó hiểu: "Sự trả thù chẳng qua là cái vòng lẩn quẩn...". Đúng ra Himmenxtôt nên bằng lòng mới phải, vì cái lý thuyết của hẳn về sự người này phải giáo dục người kia đã mang lại những kết quả mà chính hẳn được hưởng. Chúng tôi đã trở nên những môn đồ thông thái của hẳn.

Không bao giờ hẳn biết được người hẳn đã phải mang ơn. Có điều là hẳn được lãi cái khăn trải giường, vì mấy giờ sau, chúng tôi quay lại tìm thì không thấy nó nữa.

Chiến công tối hôm đó làm sáng hôm sau, chúng tôi lên đường có vẻ hùng dũng hơn. Chả thế mà một lão già đã gọi chúng tôi, bằng một giọng rất cảm động là tuổi trẻ anh hùng.

Chúng tôi bị điều lên tiền tuyến, làm công sự.

Khi bóng tối vừa tỏa xuống, thì những chiếc xe vận tải bắt đầu chuyển bánh. Chúng tôi trèo lên xe.

Buổi chiều nóng hầm hập, bóng hoàng hôn như một tấm màn che khiến chúng tôi cảm thấy dễ chịu.

Nhờ thế chúng tôi gần gũi nhau hơn; cả đến anh chàng Jadơn bún xin cũng tặng tôi một liều thuốc lá và đánh diêm cho tôi.

Chúng tôi đứng chen chúc nhau, chật chội, chẳng ai ngồi được. Thật ra chúng tôi chẳng quen được thoải mái như vậy; lần đầu tiên, Muynlơ có vẻ phờn; nó đi đôi ủng mới.

Động cơ nổ ròn, xe chạy rầm rầm. Đường xấu, đầy những ổ gà. Không được phép bật đèn, chúng tôi bị xốc tưởng chừng ngã lộn nhào ra ngoài xe. Nhưng cái đó không làm chúng tôi lo quá đáng. Có gì xảy đến cho chúng tôi được? Gãy một tay còn hơn bị một lỗ thủng ở bụng. Nhiều người lại mong muốn cái dịp may hiếm có ấy để đảo về nhà một chuyến. Bên cạnh chúng tôi, một đoàn xe dài chở vũ khí chạy vội vã và luôn luôn vượt chúng tôi. Chúng tôi ném sang họ những lời đùa cợt và họ cũng trả lời.

Chúng tôi thấy một bức tường của một ngôi nhà cách xa đường. Đột nhiên, tôi vểnh tai lên. Có phải một sự nhầm lẫn không? Một lần nữa, tôi nghe rõ ràng tiếng ngỗng kêu càng cạc. Tôi nhìn Catdinxki, anh ta cũng nhìn trả lại ngay. Chúng tôi hiểu nhau quá.

- Cát, mình nghe tiếng một ông khách của cái chảo bọn mình đấy...

Anh ta gật gù và nói:

- Được thôi! Để lúc về. Tớ biết chỗ rồi.

Dĩ nhiên Cát biết đủ mọi chỗ. Chắc rằng bất kỳ dấu chân ngỗng nào trong vòng hai chục cây số anh ta cũng đều biết cả.

Đoàn xe đến những vị trí pháo binh. Các ụ pháo đều ngụy trang cành lá để che mắt tụi phi công.

Quang cảnh giống như ngày hội Tiết mao của quân đội. Những vòm cây đó có vẻ vui mắt và hiền lành biết bao nếu kẻ trú ngụ không phải là những khẩu đại bác.

Không khí nặng trĩu khói súng và sương mù.

Người ta cảm thấy vị đắng của thuốc súng trên đầu lưỡi. Những viên đạn khởi hành nổ rung cả xe chúng tôi, tiếng vọng lan xa âm âm. Mọi vật đều nghiêng ngả. Nét mặt chúng tôi tự nhiên biến sắc.

Tất nhiên, chúng tôi không lên tới những chiến hào của tuyến thứ nhất, mà chỉ đến khu vực làm công sự thôi; nhưng trên mỗi gương mặt chúng tôi, người ta có thể đọc được những ý nghĩ: "đây là mặt trận, chúng mình đã vào khu vực mặt trận".

Tuy vậy, không phải là một sự khiếp sợ. Khi đã lên tuyến thứ nhất nhiều lần như bọn tôi, thì người ta đâm lì ra. Chỉ có bọn tân binh mới hốt. Cát dẫn dụ cho họ: "Quả 305 đấy. Cứ nghe tiếng nổ lúc bắn đi thì biết. Các cậu nghe nó rơi xuống ngay bây giờ đấy!". Những tiếng nổ ù tai của những "quả đến" không lọt được đến tận đây. Nó bị lẫn trong muôn nghìn tiếng ồn ào của mặt trận. Cát lảng tai rồi nói: "Đêm nay là giã nhau kịch liệt đấy".

Chúng tôi đều lắng nghe. Mặt trận đang rung chuyển. Cõp nói quân nhà Tôm bắn đấy. Nghe rõ tiếng bắn". Đó là pháo binh của quân Anh bố trí ở bên phải khu vực chúng tôi. Chúng nã sớm hơn lệ thường một giờ. Phía chúng tôi bao giờ cũng đúng mười giờ mới bắn.

- Chúng nó làm sao thế? - Muynlơ kêu lên.

- Chắc đồng hồ chúng nó nhanh.

- Thì đã bảo sắp giã nhau kịch liệt mà. Tớ cảm thấy rõ rệt như vậy. - Cát vừa nói vừa rụt cổ lại.

Cạnh chúng tôi, ba quả đại bác bắn đi, gầm lên. Tia lửa xuyên chéo qua đám sương mù; trọng pháo gầm gừ quát tháo; chúng tôi rùng mình, và lấy làm sung sướng là sáng sớm mai lại được trở về lán trú quân.

Nét mặt chúng tôi không tái cũng không đỏ hơn lúc thường, cũng không căng thẳng, cũng không bình thản hơn, nhưng lại khác hẳn. Chúng tôi cảm thấy một luồng điện chạy trong mạch máu. Đó không phải chỉ là một cách nói. Đó là một sự thật. Đây là một mặt trận, chính cái ý thức đang ở mặt trận bật lên luồng điện ấy. Khi những quả đại bác đầu tiên rít lên, khi những viên đạn bắn đi xé không khí, thì đột nhiên trong mạch máu chúng tôi, nhen lên một sự chờ đợi ấm ức, một kiểu giữ miếng, một sự nhức nhối mãnh liệt nhất của cơ

thể, một sự tinh tế đặc biệt của giác quan. Con người đột nhiên sẵn sàng hành động.

Nhiều lúc, tôi tưởng như không khí bị xô đẩy và rung động đã chồm lên chúng tôi với đôi cánh im lặng. Tôi lại có cảm tưởng rằng chính trận địa lóe ra một luồng điện, đang kích động trong tôi những sợi dây thần kinh mới lạ.

Lần nào cũng vậy. Khi ra đi chúng tôi chỉ là những anh lính tầm thường, nhân nhó hoặc hờn hờ.

Nhưng khi đến những vị trí pháo binh đầu tiên, thì mỗi tiếng chúng tôi nói ra, lại có một giọng khác hẳn... Khi Cát đứng trước dãy lán cho quân về nghỉ mà nói: "sắp giã nhau kịch liệt", thì đó chỉ là ý kiến riêng của anh ta, thể thôi; nhưng ở đây, khi anh ta nói thế, thì câu nói có cả sự sắc bén của một lưỡi lê dưới ánh trăng. Nó xuyên qua tư tưởng chúng tôi một cách mãnh liệt; câu nói ấy gần gũi chúng tôi hơn và kêu gọi trong tiềm thức chúng tôi một ý nghĩ thầm kín: "Phải chăng cái sinh mệnh quý báu nhất và thầm kín nhất của chúng tôi đang rung lên, đang chồm lên để tự vệ".

Đối với tôi mặt trận là một cơn lốc quái gở. Khi còn ở xa trung tâm, trong dòng nước phẳng lặng, người ta đã cảm thấy cái sức hút nó lôi kéo anh, thông thả, không thoát khỏi, không cưỡng nổi. Nhưng có những lực lượng phòng thủ, từ mặt đất, từ không trung đến với chúng tôi, nhất là từ đất. Đất, đất đối với người lính quan trọng hơn đối với bất cứ người nào. Khi người lính ghì lấy đất thật lâu, thật mạnh, khi người lính vục sâu mặt mình, chân tay mình xuống đất, trong những giờ phút khủng khiếp chết người của lửa đạn, thì lúc ấy đất là người bạn duy nhất, là người anh em, là bà mẹ của anh ta. Sự khiếp sợ và những tiếng kêu la rền rĩ của anh ta nổi lên trong im lặng, trong nơi ẩn náu: đất đón lấy chúng và lại để anh ta chạy, sống thêm mười giây khác, rồi đất lại ôm lấy anh ta, và có khi là ôm vĩnh viễn.

Ôi đất! Đất! Đất! Ôi đất! Với những chỗ nhấp nhô của đất, với những lỗ, những hang hốc, nơi người ta có thể nằm dấp xuống và ngồi nép mình, ôi đất! Trong những giờ phút quặn quại kinh khủng trong những cơn tàn phá như thác đổ sóng trào, trong tiếng gầm rống chết chóc của muôn ngàn tiếng nổ, chính đất đã mang đến cho chúng tôi cái dòng nước ngược của cuộc đời được cứu thoát. Giữa những lúc đang đảo điên cuồng loạn thì cuộc sống tươi bời của chúng tôi gặp được một nguồn khí lực hồi sinh chuyển từ đất đến tay chúng tôi: nhờ đó, sau khi thoát chết, chúng tôi đã sục sạo trong lòng đất và, tràn ngập niềm hạnh phúc âm thầm và hồi hộp được sống sót trong phút này, chúng tôi đã cắn vào đất đến ngập cả đôi môi...

Nghe tiếng gầm đầu tiên của trọng pháo, một phần con người chúng tôi như đột nhiên bị kéo lùi lại hàng ngũ ngàn năm về trước. Đó là bản năng của con vật thức dậy trong chúng tôi, dẫn dắt và che chở chúng tôi. Nó không có ý thức, nó nhanh hơn, vững hơn lương tri sáng suốt rất nhiều; không ai cắt nghĩa được hiện tượng ấy. Ngày đây, người ta đang đi chẳng nghĩ gì, thành linh

người ta nằm rạp xuống một hố đất, trong khi trên đầu, những mảnh đạn đại bác tóe ra, thế mà không tài nào nhớ được là mình đã nghe thấy tiếng đạn đến và nghĩ đến chuyện lao mình xuống đất. Nếu có chờ đợi để làm cái việc ấy, thì bây giờ người ta chỉ còn là một đồng thịt vương vãi tứ tung. Chính cái yếu tố khác ấy, cái giác quan tinh tế ấy đã hất người ta xuống đất, và không hiểu sao đã cứu người ta thoát chết. Nếu không thế thì từ lâu, từ miền Flăngđrơ đến núi Vô giơ, chẳng một người nào còn sống sót. Khi ra đi, chúng tôi chỉ là những anh lính tầm thường, nhần nhó hoặc hờn hờ, nhưng khi chúng tôi đến địa đầu mặt trận, chúng tôi trở nên những thứ nửa người nửa ngợm.

Chúng tôi tiến vào một khu rừng nhỏ. Chúng tôi đi qua những "khẩu đại bác đậu hầm". Chúng tôi xuống xe ở phía sau khu rừng. Đoàn xe trở về; tờ mờ sáng mai, chúng sẽ lộn lại đón bọn tôi.

Sương mù và khói đại bác phủ đầy cánh đồng cỏ, ngập đến tận ngực. Phía trên, mặt trời chiếu sáng.

Trên đường, quân lính đi rầm rập; những chiếc mũ sắt lóe dưới ánh trắng những tia sáng đục. Đầu người và mũi súng nhô lên khỏi lớp sương mù bàng bạc, đầu người lắc lư và mũi súng lập lòe.

Xa hơn một chút, không còn sương mù nữa. Ở đó, đầu người kéo dài thành những cái bóng tròn vẹn: những bộ quân phục, những cái quần, những đôi ủng lòi ra khỏi sương mù như khỏi một cái ao sữa. Họ đi thành hàng. Hàng người tiến thẳng về phía trước.

Bóng người lẫn vào nhau, cả khối giống như một cái nê; người ta không nhận ra người nữa; đó chỉ là một cái nê màu tối sẫm, thông thả tiến đến, và kỳ dị hơn lại thêm những đầu người, những khẩu súng như bơi ra khỏi cái ao sương mù. Một hàng người, nhưng không phải là những con người.

Những khẩu đại bác hạ nhẹ và những cỗ xe chở đạn chạy trên một con đường xuyên ngang. Lưng ngựa lấp loáng dưới ánh trắng, động tác của chúng thật đẹp mắt, đầu chúng vươn cao, mắt như nẩy lửa.

Những khẩu đại bác và những cỗ xe lướt trên cái nền mờ nhạt của bức vẽ đêm trắng, những lính kỵ mã đội mũ sắt, có vẻ như những kỵ sĩ thời xưa; về một mặt nào đó thật là đẹp và xúc cảm.

Chúng tôi đến khu vực công binh. Tốp này vác những cọc sắt nhọn và công, tốp kia xốc những thanh sắt xuyên qua những cuộn dây thép gai, rồi vác đi.

Những cửa ấy thật công kênh và nặng nề.

Mặt đất lúc này đầy những vết nứt toác.

Từ đầu hàng người ta chuyền xuống: "Coi chừng! Bên trái có hố đại bác sâu đấy!...". Mắt chúng tôi căng ra để nhìn cho rõ; đôi chân và chiếc gậy dò dẫm mặt đường trước khi đón lấy sức nặng của toàn thân. Bất thành linh hàng người dừng lại. Chút nữa thì vấp phải dây thép gai của người đằng trước, thế là lại có tiếng văng tục.

Mấy chiếc xe vận tải bị đại bác phá hủy chặn ngang đường, lệnh mới: "Tắt

thuốc lá và tẩu đi". Chúng tôi đã đến sát các chiến hào.

Trong lúc ấy bốn bề tối om. Chúng tôi lượn quanh một cánh rừng nhỏ; và kìa, trước mặt chúng tôi là hỏa tuyến thứ nhất.

Một luồng sáng đỏ nhạt và mờ ảo chạy suốt phía chân trời. Luồng ánh sáng ấy luôn luôn chuyển động, bị những ánh chớp lóe ra từ trọng pháo xuyên qua.

Những pháo hiệu như những quả cầu đỏ rực, lấp lánh ánh bạc, vọt lên trên tất cả, nổ tung ra rồi rơi xuống thành một trận mưa ngàn vạn ngôi sao xanh, đỏ, trắng. Pháo hiệu của quân Pháp bay vút lên, mở ra trong không trung chiếc dù lụa rồi từ từ rơi xuống đất. Chúng sáng như ban ngày, ánh sáng của chúng chiếu đến tận chỗ chúng tôi, và chúng tôi nhìn thấy rõ bóng chúng tôi trên mặt đất. Chúng bay là là mấy phút rồi mới tắt. Tiếp luôn đó, những loại pháo hiệu khác, vọt lên khắp nơi, rồi thỉnh thoảng lại có những chiếc màu xanh, màu đỏ, màu lơ.

- Đều thật, - Cát nói.

Cơ bão táp của trọng pháo mỗi lúc một dữ dội, đến nỗi nó trở thành một tiếng gầm thét duy nhất, ù tai, rồi sau nó lại tách ra thành từng loạt kế tiếp nhau. Từng tràng súng máy khô khan, nổ ròn rã trên đầu chúng tôi. Không khí tràn ngập những đợt xô đẩy vô hình những tiếng rỗng, những tiếng rít, những tiếng rì rào, đó là những quả đại bác cỡ nhỏ.

Nhưng thỉnh thoảng, xuyên qua màn đêm, nổi lên giọng trầm hùng của những thùng than, những đạn của pháo binh hạng nặng, lao xuống tít đặng xa phía sau chúng tôi. Giọng chúng khàn khàn, xa vời, gào lên như bầy hươu động cốn. Luồng đạn của chúng vượt lên trên hẳn những tiếng gầm rít của đại bác hạng nhẹ.

Đèn chiếu bắt đầu sục sạo bầu trời tối đen.

Những tia sáng kéo dài, giống như những cái thước kẻ khổng lồ hình búp sọt. Đây, một luồng sáng dừng hẳn lại và chỉ hơi rung rinh tí chút. Lập tức một luồng khác bắt chéo vào; người ta thấy giữa hai luồng ấy, một con bọ đen đang cố tẩu thoát: chiếc máy bay. Đường bay của nó trở nên loạng choạng, nó bị quáng mắt và nó lao đảo.

Chúng tôi đóng thật chắc những cọc sắt thành từng khoảng đều nhau. Bao giờ cũng có hai người giữ cái trục, còn những người khác thì rải dây thép gai, cái thứ dây ghê người với đám gai góc dài nhọn, cái nọ xen vào cái kia. Tôi không thạo công việc này, nên bị rách nát cả bàn tay.

Sau vài giờ chúng tôi xong việc. Nhưng còn lâu ô tô mới đến. Phần đông bọn tôi nằm lăn ra đất và đánh luôn một giấc. Tôi cũng định bụng ngủ. Lạnh quá! Chúng tôi nhận ra là mình đang ở gần vùng bề và cứ bị thức giấc luôn vì lạnh.

Nhưng cuối cùng tôi cũng ngủ thực sự. Đột nhiên tôi chồm dậy, không biết mình đang ở đâu nữa, tôi nhìn thấy sao, tôi nhìn thấy hỏa pháo, và trong khoảnh khắc, tôi có cảm giác như mình đang ngủ trong một khu vườn, giữa lúc

có hội. Tôi cũng chẳng biết lúc ấy là sáng hay là chiều nữa. Tôi nằm trong chiếc nôi xanh nhợt của buổi hoàng hôn, và chờ đợi những lời ngọt ngào tất nhiên sẽ đến, những lời êm dịu và ấm lòng, có phải tôi khóc không? Tôi đưa tay lên mắt, lạ quá, tôi là một đứa trẻ hay sao? Chỉ có làn da mềm mại. Cái đó chỉ thoáng qua trong giây lát rồi tôi nhận thấy bóng dáng Catdinxki. Anh lính già đang ngồi thanh thản, mồm ngậm cái tẩu, dĩ nhiên là tẩu có nắp. Khi thấy tôi thức giấc, anh ta bảo: "Cậu vừa giật mình đấy. Đó chỉ là tiếng rít của một cái pháo hiệu rơi xuống bụi rậm thôi".

Tôi nhồm dậy, tôi cảm thấy cô đơn một cách lạ lùng. Có Cát ngồi đó, thật là tốt quá. Anh ta trầm ngâm nhìn về phía trận địa và nói: "Một cảnh pháo hoa tuyệt đẹp, chỉ tiếc rằng nó nguy hiểm quá thôi".

Một quả đại bác rơi xuống phía sau chúng tôi. Bọn tân binh sợ run lên. Vài phút sau lại một quả nữa nổ. Lần này gần chúng tôi hơn. Cát vỗ cái tẩu: "Sắp kích liệt đây". Thế là bắt đầu. Chúng tôi đánh bài chuồn, ra sức bò thật nhanh. Quả tiếp theo rơi ngay giữa bọn chúng tôi. Vài tiếng kêu nổi lên. Phía chân trời vọt lên những quả pháo xanh. Bùn tóe lên rất cao. Mảnh đạn kêu vo vo. Người ta nghe thấy tiếng mảnh đạn quật xuống đất rào rào một lúc khá lâu sau khi viên đạn nổ.

Một cậu lính mới tóc vàng hoe, khiếm đảm nằm dài cạnh bọn tôi. Cu cậu gục mặt vào lòng bàn tay, cái mũ văng ra một nơi, tôi nhặt mũ và định đặt lên đầu cậu ta. Cậu ta ngược mắt lên, đẩy cái mũ ra, rồi cứ thế rúc đầu vào nách tôi, áp đầu vào ngực tôi y như một đứa trẻ con. Đôi vai gầy của cu cậu run bần lên. Đôi vai giống hệt vai Kemrich trước đây.

Tôi cứ mặc hăn, nhưng muốn cho cái mũ sắt cũng có tí chút tác dụng tôi bèn đặt nó lên mông đít cu cậu không phải để đùa, vì đó là chỗ nhô lên cao nhất của người hăn. Đành rằng ở đó có một tầng thịt dày nhưng bị đạn vào đó thì đau khiếm lắm. Hơn nữa ở bệnh viện lại phải nằm sắp hàng tháng liền, rồi sau thường bị thọt. Một quả đại bác đầu đó rơi xuống giữa đám đông.

Tiếng kêu thét nổi lên giữa những tiếng nổ liên tiếp. Cuối cùng yên tĩnh trở lại. Trận pháo kích đã chuyển sang mục tiêu xa hơn và bây giờ nó nhằm những vị trí hậu bị cuối cùng. Chúng tôi đưa mắt nhìn quanh. Những pháo hiệu màu đỏ lấp lánh trên nền trời. Chắc hẳn sắp có một đợt xuất kích.

Bên phía chúng tôi mọi vật đều im lặng. Tôi nhồm dậy vỗ vai anh lính trẻ: "Xong rồi, chú lỏi, may đấy nhé"! Cu cậu nhìn quanh ngơ ngác. Tôi nói cốt cho hăn yên tâm: "Rồi cậu cũng sẽ quen thôi". Hăn trông thấy cái mũ sắt liền chụp lên đầu. Dần dần hăn hoàn hồn.

Đột nhiên cu cậu đỏ mặt, dáng điệu bối rối. Hăn cẩn thận đưa bàn tay ra đằng sau, và nhìn tôi một cách đau đớn. Tôi hiểu ngay: bệnh "đau bụng súng". Thật ra không phải vì thế mà tôi đặt cái mũ vào đít hăn, nhưng tôi vẫn an ủi hăn: "Chẳng việc gì mà xấu hổ cả, khối thẳng to hơn cậu, ra trận lần đầu còn bình ra đầy quần cơ. Chạy đến sau bụi cây kia, rồi cởi quần ra. Hiểu chưa?...".

Hắn chạy đi. Sự yên tĩnh càng tăng thêm, nhưng những tiếng gào rú vẫn không dứt. Tôi hỏi Anbe:

- Cái gì thế?

- Ở đằng kia, mấy đơn vị bị giã tơi bời.

Những tiếng kêu gào vẫn tiếp tục. Người không tài nào kêu gào khủng khiếp đến thế được. Cát bảo: "Ngựa bị thương đấy!".

Tôi chưa bao giờ nghe ngựa kêu rên nên khó mà tin được. Thật là tất cả sự khốn khổ trên đời. Đó là kiếp sinh linh bị dày xéo, một nỗi đau đớn man rợ, khủng khiếp đang gào thét. Chúng tôi tái mặt đi. Đêtrich chồm lên: "Mẹ kiếp! Kết liễu chúng đi thôi chứ!". Nó là nông dân, nó hiểu biết về ngựa. Điều đó quan hệ mật thiết đến nó. Thế rồi như được sắp đặt từ trước, trận pháo kích lúc này hình như ngừng hẳn. Tiếng kêu gào của những con vật lại càng rõ hơn. Giữa cảnh vật màu trắng bạc rất yên tĩnh này, không hiểu cái tiếng kêu kia từ phía nào vọng đến nữa; sự vật thật vô hình, ma quái. Khắp nơi, giữa vòm trời và mặt đất, những tiếng kêu gào ấy lan rộng ra mênh mông. Đêtrich chồm lên, điên cuồng: "Mẹ kiếp! Kết liễu chúng đi! Kết liễu chúng đi thôi chứ! Mẹ kiếp!".

- Họ còn phải đi nhặt người đã chứ! - Cát nói.

Chúng tôi đứng cả dậy, đi tìm chỗ phát ra tiếng kêu ấy. Nếu chúng tôi trông thấy những con vật thì còn khả dĩ chịu đựng được hơn. May có một cái ống nhòm. Chúng tôi thấy một đám mây đen y tá với những cái cáng và những khối lớn màu sẫm đang cử động. Đó là những con ngựa bị thương. Nhưng chúng không nằm đó tất cả. Vài con còn tiếp tục chạy nước kiệu, quỵ xuống rồi lại chạy. Một con bị toạc bụng ra, ruột gan lòng thòng dọc đường. Đêtrinh nâng súng lên, nhắm bắn, Cát trông thấy, gạt mũi súng đi.

- Mà điên à?

Đêtrinh run lên và vất khẩu súng xuống đất.

Chúng tôi ngồi xuống, bịt tai lại, nhưng những tiếng kêu rống ấy, những tiếng gào thét tuyệt vọng ấy, những tiếng rên rỉ ấy vẫn cứ văng vẳng đến, thâm nhập vào mọi vật.

Có thể nói rằng chúng tôi có khả năng chịu đựng được nhiều thứ, nhưng lúc này, mồ hôi chúng tôi đầm đìa. Chúng tôi muốn đứng dậy và chạy đi, bất kỳ đi đâu miễn là không phải nghe tiếng kêu rên ấy nữa.

Vậy mà, không phải là những con người, đó chỉ là những con ngựa. Một lần nữa, những cái cáng lại tách ra khỏi đám đen. Rồi mấy tiếng súng nổ. Những cái khối to lớn ấy lao đảo và nằm bẹp xuống. Thế là xong. Nhưng chưa hết. Người ta không thể lại gần những con vật bị thương đang kinh hoàng chạy lồng lên: miệng há hốc, kêu gào đau đớn. Một bóng đen quỳ xuống. Một phát súng: một con ngựa ngã vật ra, rồi một con nữa. Con cuối cùng đứng, dựng trên hai vó trước và xoay tròn như ngựa gỗ chạy vòng. Nó đứng xuống nhưng vẫn xoay vòng tròn trên hai vó trước đã cứng đờ; chắc hẳn mông nó đã bị

thương nứt toác. Người lính chạy đến phía nó và bắn một phát.

Cái khối to lớn quy xuống chậm chạp, khốn khổ.

Chúng tôi buông tay ra khỏi tai. Những tiếng kêu đã im bật. Chỉ còn tiếng thở dốc hấp hối bay lượn trên không trung. Rồi chỉ còn những pháo hiệu, tiếng trái phá nổ và những vì sao, và điều ấy làm cho chúng tôi gần như ngạc nhiên.

Đêtrinh vừa đi đi lại lại vừa làm nhảm: "Không hiểu những con vật ấy đau đớn đến thế nào". Rồi nó trở lại vấn đề. Giọng nó cảm động gần như nghiêm trang, lúc nó nói. "Này, súc vật mà phải đi đánh trận, thì thật là điều kinh tởm nhất trên đời!".

Chúng tôi quay trở về hậu tuyến, đã đến lúc trở về đoàn xe vận tải. Nền trời đã sáng hơn một chút.

Lúc ấy vào khoảng ba giờ sáng, gió mát và lạnh nữa, và cái thời gian nhợt nhạt nhuộm lên mặt chúng tôi một màu tro.

Chúng tôi vừa bước vừa dò dẫm, người nọ nối người kia, đi xuyên qua khu chiến hào và những hố đại bác, chúng tôi lại về đến khu vực sương mù.

Catdinxki có vẻ lo lắng. Đó là triệu chứng chẳng lành:

- Cát, cậu sao thế? - Cốp hỏi.

- Tớ muốn chúng mình trở về nhà.

"Về nhà" có nghĩa là về lán trú quân.

- Cát, rồi sẽ về chứ sao.

Anh ta đang bị kích thích.

- Mình không biết, mình không biết.

Chúng tôi đến những dãy giao thông hào rồi tới cánh đồng cỏ. Cánh rừng con đã ở trước mặt. Ở đây, chúng tôi biết rõ từng tấc đất. Này đây là nghĩa địa của lạp binh, nhấp nhô mộ đá và thập tự đen.

Giữa lúc ấy, chúng tôi chợt nghe một tiếng rít phía sau, nó to dần và trở thành một tiếng gầm mãnh liệt như tiếng sấm. Chúng tôi rạp xuống; một trăm thước phía trước chúng tôi, lửa tóe ra như một đám mây. Một phút sau, một phần của khu rừng từ từ bốc lên không trung. Đó là quả đại bác thứ hai vừa rơi xuống, ba bốn cây bị bật văng đi, gãy vụn từng khúc. Những viên đạn tiếp theo đã dồn dập như tiếng nấp nôi hơi, hỏa lực rất ác liệt.

- Nấp đi! Nấp đi! - Một người gào lên.

Đồng cỏ phẳng lì, khu rừng thì nguy hiểm quá không còn chỗ nấp nào khác ngoài những ngôi mồ trong nghĩa địa. Chúng tôi chạy vào đó, loạng choạng trong bóng tối. Đứa nào đứa nấy dính bệt xuống một mô đất như một bãi đờm.

Còn kịp. Bóng đêm lờng lộn. Cả một trận bão táp sôi sục. Những bóng tối đen hơn cả. Đêm tối lao xuống chúng tôi, điên cuồng, chẳng khác gì những cái bước khổng lồ, rồi vượt qua chỗ chúng tôi. Lửa từ những quả nổ bốc cháy rừng rực trên nghĩa địa. Không đâu có lối thoát. Qua ánh sáng của lửa đạn, tôi liếc nhìn phía đồng cỏ. Cả một vùng biển động; những ngọn lửa trái phá vọt lên như những vòi nước. Không ai có tài gì vượt qua được.

Khu rừng biển mất, nó bị tan tành từng mảnh, bị nghiền nát. bị tiêu tan. Chúng tôi bắt buộc cứ phải ở lại đây, trong khu nghĩa địa.

Phía trước chúng tôi, mặt đất nứt toác. Đất tảng rào rào như mưa. Tôi cảm thấy bị lay chuyển, cánh tay áo của tôi đã bị mảnh đạn xé rách. Tôi nắm chặt bàn tay lại, không thấy đau. Nhưng vẫn không yên tâm, vì những vết thương sau một lúc mới thấy đau.

Tôi sờ lên cánh tay, nó bị xây xát, nhưng vẫn còn nguyên vẹn. Bỗng đầu tôi bị quật một cái mạnh đến nỗi tri giác tối sầm cả lại. Một ý nghĩ lóe ra trong óc: "Không được ngất". Tôi cảm thấy bị ngộp trong tối tăm mù mịt, nhưng lại hồi tỉnh được ngay. Một mảnh trái phá đã quật vào mũ tôi, nhưng nó nổ từ xa quá, nên chẳng đủ sức xuyên qua mũ. Tôi vuốt đất đã lấp kín cả mắt. Phía trước tôi, một cái lỗ há hốc. Tôi nhìn thấy nó, tuy rất là khó khăn. Không mấy khi đại bác lại cứ rơi liên tiếp xuống một hố. Cho nên tôi định bụng xuống đó. Tôi nhảy một cái, nằm xoài xuống đấy. Tôi nằm bẹp dí xuống đất như một con cá ra khỏi nước. Nhưng lại có tiếng rít. Tôi vội co rúm người lại, tìm cách nấp tránh. Tôi cảm thấy một vật gì phía bên trái, tôi nép người vào đó, nó lún xuống.

Tôi rên rỉ, mặt đất toác ra, không khí bị ép, găm rỗng bên tai tôi. Tôi trườn lên trên vật ấy, nó không cưỡng lại. Tôi lấy nó phủ lên người; ra là gỗ và vải, một chỗ trú một chỗ trú thảm hại chống những mảnh đạn đang quật rào rào xuống chung quanh tôi.

Tôi mở mắt, ngón tay tôi đang nắm chặt một cái tay áo, một cánh tay người, một người bị thương chẳng? Tôi nói hết sức to với hấn; không có trả lời, một người chết. Bàn tay tôi thực sâu vào hơn nữa, vớ phải những mảnh ván... lúc này tôi mới nhớ ra là chúng tôi đang ở khu nghĩa địa.

Nhưng lựu đạn đã mạnh hơn tất cả. Nó tiêu hủy mọi giác quan; tôi càng chú ý sâu hơn nữa xuống dưới chiếc quan tài, tôi cần phải nấp tránh, dù nó chứa đựng cả Thần Chết đi nữa.

Trước mặt tôi, cái hố đại bác há hốc. Tôi nhìn nó trùng trùng, khác nào đang tóm chặt lấy nó. Thế nào cũng phải lao xuống đấy một cái mới được. Nhưng có một vật gì đập vào mặt tôi, một bàn tay túm lấy vai tôi. Thẳng chết tỉnh dậy chẳng? Bàn tay lắc lắc người tôi. Tôi quay đầu lại và trong một giây lóe sáng, tôi nhìn thấy khuôn mặt Catdinxi. Anh ta há mồm thật to như hét lên câu gì đó... Tôi chẳng nghe thấy gì cả; anh ta lay tôi, anh ta lại sát tôi. Trong một giây phút tạm lắng, tôi nghe thấy tiếng anh ta: "Hơi ngạt, hơi ngạt, hơi ngạt. Đeo vào!". Tôi vớ lấy hộp mặt nạ; có một người nắm gần tôi, tôi chỉ còn nghĩ một điều: làm sao cho hấn cũng biết mới được. "Hơi ngạt, hơi ngạt...". Tôi gọi hấn, tôi trườn về phía hấn, tôi giơ cái hộp mặt nạ về phía hấn; hấn chẳng nhận thấy gì cả: Một lần nữa, lại một lần nữa, hấn chỉ nghĩ đến chuyện co rúm người lại. Đó là một tân binh. Tôi nhìn một cách thất vọng về phía Cát, anh ta đã đeo mặt nạ, tôi cũng rút nhanh cái áo của tôi ra, chiếc mũ bay xuống đất

và cái mặt nạ áp vào mặt tôi. Tôi đến bên gã tân binh. Hộp mặt nạ của hắn ngay cạnh đó. Tôi chụp lấy cái mặt nạ, đặt lên đầu hắn. Hắn cầm lấy, tôi để hắn đó, và bất thành linh tôi chồm lên, lao thẳng vào cái hố hình phễu.

Tiếng kêu ù tai của những quả đại bác mang hơi ngạt chen lẫn tiếng kêu rảng rặc của những quả đạn nổ. Một hồi chuông vang lên giữa những tiếng nổ.

Những tiếng thanh la và tiếng đập trên kim khí, báo hiệu khắp nơi có hơi ngạt, hơi ngạt, hơi ngạt...

Đằng sau tôi, có tiếng ầm ầm như cái gì đổ sụp, một lần, hai lần. Tôi lau mắt kính mặt nạ để khỏi bị ám hơi nước của hơi thở. Cát, Cốp và một người nữa nằm kia. Thần kinh bốn đứa chúng tôi đang bị vô cùng căng thẳng, chúng tôi đang giữ miệng, chúng tôi cố thở càng ít càng hay. Những phút đầu tiên đeo mặt nạ quyết định cái sống hay cái chết, vấn đề là mặt nạ có kín hay không.

Tôi nhớ lại những hình ảnh rùng rợn của bệnh viện: những người bị trúng hơi ngạt, ngày nọ qua ngày kia, khắc ra từng miếng phổi cháy bỏng...

Tôi thở rất thận trọng, mồm áp vào cái lót. Giờ đây lớp hơi ngạt đã xuống đến mặt đất và chui vào các kẽ đất. Như một con sứa khổng lồ và mềm nhũn, nó trườn vào cái hố đại bác của chúng tôi, tràn ngập tất cả các góc ngách. Tôi đẩy Cát. Nên ra khỏi đây và nằm lên phía trên thì tốt hơn là nằm chỗ hơi ngạt tụ lại. Nhưng không sao ra được vì một trận mưa đại bác nữa lại trút xuống. Chúng tôi tưởng không phải là đạn đại bác gầm thét nữa mà chính là mặt đất đang nổi cơn cuồng loạn. Một vật gì đen ngòm lao xuống người tôi, kêu rảng rặc. Nó rơi sát cạnh chúng tôi: một chiếc quan tài bị hất tung lên trời.

Tôi thấy Cát né người, và tôi cũng làm theo anh ta. Chiếc quan tài đổ ụp xuống cánh tay duỗi của người lính thứ tư nằm cùng hố với chúng tôi. Hắn định dùng tay kia tháo mặt nạ ra. Cốp kịp thời ngăn chặn, vặn quặt cổ tay hắn lại sau lưng và giữ thật chặt. Cát và tôi cố gỡ cánh tay bị thương của hắn ra. Cái nắp quan tài đã bị bật và chẻ ra. Chúng tôi có thể nhấc nó ra dễ dàng. Chúng tôi lôi cái xác chết ra, nó rơi phịch xuống đất như một cái bao tải; rồi chúng tôi cố nhích cái phần dưới của chiếc quan tài. May sao người bị thương đã ngất đi và Anbe có thể giúp chúng tôi một tay. Chẳng cần phải gượng nhẹ nữa, chúng tôi lấy những cái xẻng làm đòn, ra sức bẩy, kỳ cho cái quan tài phải bật ra cùng với tiếng thở phào của chúng tôi. Trời rạng sáng hơn. Cát lấy một mảnh nắp quan tài, đặt dưới cánh tay dập gãy, rồi chúng tôi quấn nó lại bằng tất cả những cuộn băng của chúng tôi. Trong lúc này, chưa có thể làm gì hơn được. Đầu tôi kêu ù ù vo vo dưới cái mặt nạ. Có lẽ đầu óc đến vỡ tung ra mất. Phổi rất ngọt ngào, nó phải thở đi thở lại cái thứ không khí nóng bỏng đã thải ra. Mạch máu hai bên thái dương căng lên. Tôi tưởng bị chết ngạt đến nơi...

Một ánh sáng mờ đục rọi đến chỗ chúng tôi, gió đang quét khu nghĩa địa. Tôi nhồm lên khỏi bờ hố đại bác. Trong cảnh chạng vạng nhá nhem, một cái

cảng bị đứt rời nằm vật ngay trước mặt tôi. Chiếc ủng còn nguyên vẹn. Tôi thoáng nhìn thấy tất cả những cái đó một cách rất rõ ràng. Nhưng bây giờ, trước mặt tôi độ hai ba thước, có người nhôm dậy. Tôi lau đôi mắt kính, chúng lại mờ đặc hơi nước ngay, vì tôi thở mạnh quá. Tôi nhìn trừng trừng, người này không đeo mặt nạ nữa. Tôi đợi thêm vài giây, hắn ta vẫn đứng nguyên. Hắn nhìn chung quanh như tìm vật gì rồi hắn đi một hai bước; gió đã thổi tan hơi ngạt, không khí đã sạch rồi. Lúc ấy, tôi cũng giật mạnh cái mặt nạ ra, thở dốc lên một tiếng và ngã quy xuống đất. Không khí như một dòng nước lạnh, chảy tràn trề trong tôi, đôi mắt như muốn lồi ra khỏi đầu.

Cái luồng gió mát rượi ấy đã tràn ngập cả người tôi và làm mờ cả mắt tôi. Trận pháo kích đã ngừng. Tôi quay người lại phía hồ đại bác và ra hiệu cho những người khác. Họ ra khỏi hố và lấy bộ mặt nạ ra. Chúng tôi dìu người bị thương, một người đỡ cánh tay bằng bó của hắn. Cứ thế chúng tôi chạy thật nhanh, nhưng không phải không loạng choạng. Khu nghĩa địa chỉ còn là một bãi hoang tàn.

Quan tài và xác chết vương vãi tứ tung. Chẳng khác gì người chết bị giết một lần thứ hai. Nhưng mỗi xác chết bị tan ra từng mảnh như vậy đã cứu sống một mạng người trong bọn tôi. Hàng rào nghĩa địa bị phá trụi. Đường sắt đã chiến chạy sát qua bị tóa lên, dựng đứng lên trời, uốn thành hình cánh cung. Phía trước chúng tôi, có người nằm sóng sượt. Chúng tôi dừng lại; riêng Cốp vẫn tiếp tục đi với người bị thương. Người nằm ở đất là một tân binh. Hồng hãn đầm máu đã đông cục.

Hắn kiệt lực quá, tôi đã tháo cái bi đông đựng nước chè có pha rượu rum. Nhưng Cát ngăn lại và cúi xuống người lính: "Cậu bị thương ở đâu?". Mắt hãn động đậy. Hãn mệt quá, không trả lời được.

Chúng tôi thận trọng cởi quần hắn ra. Hãn rên lên.

"Bình tĩnh, bình tĩnh, không việc gì đâu...". Nếu hãn bị thương ở bụng thì không nên cho uống. Hãn không nôn mửa, như thế là triệu chứng tốt. Chúng tôi lột trần hông hắn ra. Cả một đồng thịt bầy nhầy với những mảnh xương gãy vụn. Khớp xương bị trúng đạn, anh chàng này chả bao giờ hòng đi lại được nữa. Tay ướt xoa thái dương hắn và cho hãn uống. Đôi mắt hãn sáng lên. Lúc ấy chúng tôi mới lại thấy tay hãn cũng bị chảy máu. Với hai cuộn băng, Cát cố gắng buột kín vết thương lại. Tôi tìm vài quần tất cả chung quanh, nhưng cũng không quần chật quá. Chúng tôi không có gì nữa. Tôi bèn tụt quần gã bị thương ra, định lấy một mảnh quần đùi của hắn làm băng quần. Nhưng hãn không có quần đùi; khi nhìn kỹ hắn, té ra anh chàng tóc vàng hoe ban nãy. Trong lúc ấy, Cát lục được mấy cuộn băng trong túi một người lính đã chết, chúng tôi thận trọng băng vết thương. Tôi bảo gã trẻ tuổi đang nhìn tôi không chớp: "Chúng tớ đi lùng một cái cẳng đây".

Hắn liền mở miệng và lẩm bẩm: "Các anh ở đây". Cát nói: "Chúng tớ lại ngay bây giờ, để chúng tớ đi kiếm một cái cẳng cho cậu chứ".

Không biết hẳn có hiểu không. Phía sau chúng tôi, hẳn rên rĩ như một đứa trẻ: "Các anh đừng bỏ tôi!". Cát quay lại và thì thào: "Hay là cho một phát súng lục cho xong chuyện đi?". Gã trẻ tuổi khó lòng chịu đựng được khi người ta khiêng hẳn đi, và nhiều nhất cũng chỉ thoi thóp được vài ngày nữa là cùng. Tất cả nỗi đau đớn từ lúc hẳn bị thương cho tới giờ không thấm vào đâu với cái đau đớn từ giờ cho đến lúc hẳn chết. Lúc này hẳn còn đang bị tê dại, và chưa cảm thấy gì. Chỉ một tiếng đồng hồ nữa, hẳn sẽ thành một cái bọc găm rỗng lên vì những nỗi đau đớn không thể chịu được. Những ngày sống sót của hẳn sẽ chỉ là một hình phạt tàn nhẫn đối với hẳn mà thôi. Để cho hẳn sống thêm vài ngày nữa thì ích gì cho hẳn?

Tôi gạt đầu tán thành.

- Phải đấy Cát ạ, ta lấy một khẩu súng lục.

- Đưa đây, - anh ta nói và dừng lại.

Trông bộ dạng, tôi biết là anh ta đã quả quyết.

Chúng tôi nhìn chung quanh, nhưng không phải chỉ có mình chúng tôi. Trước mặt chúng tôi đang hình thành một cuộc tập hợp nho nhỏ. Những cái đầu nhô ra khỏi các hố đại bác và các ngôi mộ.

Chúng tôi đành đi tìm một cái cáng. Cát lắc đầu:

- Những thằng bé như thế... Những thằng bé thật ngây thơ đáng thương!...

Những thiệt hại của chúng tôi ít hơn chúng tôi dự đoán. Năm người chết và tám người bị thương.

Chẳng qua chỉ là một trận pháo kích bất chợt trong một thời gian ngắn. Hai người trong bọn chúng tôi bị chết, nằm dài trong một ngôi mộ tung nắp, chúng tôi chỉ còn việc lấp đất lên thôi. Chúng tôi lại đi. Im lặng, chúng tôi chạy hàng một, người nọ nối người kia. Những người bị thương đã được chở đến trạm cứu thương. Trời buổi sáng ảm đạm. Các y tá chạy đi chạy lại với những con số và những tấm phiếu; các thương binh rên rĩ. Trời bắt đầu mưa. Chừng một giờ sau, chúng tôi đến chỗ xe vận tải, chúng tôi trèo lên xe. Bây giờ thì rộng chỗ hơn lúc đi.

Mưa mỗi lúc một to hơn. Chúng tôi giở vải bạt ra đội lên đầu. Nước mưa rơi xuống long bong như gõ trống. Quanh chúng tôi, mưa cứ tầm tã trút xuống. Xe lồm bồm lăn qua các hố trứng. Chúng tôi lắc lư bên nọ qua bên kia, ngủ chập chờn.

Hai người ngồi phía trước xe, cầm những cái gậy dài có chạc. Họ chú ý nhìn những quãng dây điện thoại võng xuống ngang mặt đường, thấp đến nỗi có thể hốt mất đầu bọn tôi đi. Hai người dùng cái chạc ở đầu gậy kịp thời nâng lên khỏi đầu chúng tôi. Chúng tôi nghe tiếng họ nhắc: "Chú ý! Dây đấy!". Và, ngủ gà ngủ gật, chúng tôi cúi xuống rồi chúng tôi lại ngẩng lên.

Xe lúc lắc đều đều. Tiếng nhắc đều đều và mưa rơi đều đều. Mưa rơi xuống đầu chúng tôi, xuống đầu những xác chết phía trước, xuống thân hình anh lính bé nhỏ bị vết thương quá to đối với cái hông của anh ta.

Mưa rơi xuống năm mồ của Kemrich, mưa rơi xuống tâm hồn chúng tôi.

Một quả đại bác nổ tung gần đầu đấy.

Chúng tôi giật mình. Mắt chúng tôi căng ra, những bàn tay đã sẵn sàng để nhảy ra khỏi xe và lao vào những cái hố cạnh đường...

Chẳng có gì xảy ra nữa. Chỉ có tiếng nhắc đều đều vang lên: "Chú ý! Dây đấy!". Chúng tôi cúi xuống và lại ngủ gà ngủ gật. Cứ thế, suốt trên đường.

Chương 4

Khi người ta có đến hàng trăm con rận mà giết từng con một thì chẳng tiện tí nào. Những con vật ấy cũng khá cứng, nên cứ lấy móng tay mà giết mãi chúng thì cũng phiền. Bởi vậy Jadron đã lấy dây thép buộc một cái nắp hộp xi, đặt lên trên một ngọn nến. Chỉ việc bỏ con rận vào cái chảo tí hon ấy. Chúng nổ lép bép, thế là xong.

Chúng tôi ngồi thành vòng tròn, áo sơ mi đặt lên đầu gối, mình để trần trong không khí nóng bức, hai tay bắt rận tíu tít. Rận của Hai thuộc một loại nhỏ đặc biệt. Chúng có một chữ thập đỏ ở trên đầu. Vì vậy, Hai ta cho là đã chở chúng từ quân y viện thua rút về, ở đây chúng là của riêng của viên bác sĩ quân y. Hai nói hẳn còn muốn dùng chỗ mổ đẹn dẫn trong hộp sắt tây ấy để đánh xi đôi ủng nữa và nó cười sặc sỡ đến nửa giờ đồng hồ vì câu khôi hài của nó.

Thế nhưng hôm nay nó không được mọi người chú ý đến mấy nữa, vì có một chuyện khác đã làm chúng tôi hết sức quan tâm.

Tin đồn đã thành sự thực: Himmenxtôt đến đây rồi. Hẳn đến hôm qua; chúng tôi đã nghe thấy giọng nói quen thuộc của hẳn. Hình như ở hậu phương hẳn ta đã hành hạ quá đáng mấy anh lính mới tuyển ở những miền đồng hoang. Hẳn không ngờ trong số đó lại có cậu ấm con quan quận trưởng. Thành ra hẳn bị thất điên bát đảo vì cái chuyện ấy.

Chính hẳn sẽ phải ngạc nhiên ở đây! Jadron tranh luận hàng giờ về tất cả mọi cung cách mà nó có thể sẽ đối xử với hẳn. Hai ngấm nghĩa hai bàn tay hộ pháp của mình một cách trầm ngâm, và nháy nháy mắt nhìn tôi. Trận đòn giã cho Himmenxtôt quả là cái đỉnh cao nhất của đời nó. Nó có kể cho tôi nghe là thỉnh thoảng nó vẫn còn nằm mê thấy cái trận ấy.

Cốp và Muynlơ nói chuyện với nhau. Cốp là người duy nhất có cái ăn lúc này, một cà mèn đậu, có lẽ nó đã xoay được trong bếp của tụi công binh. Muynlơ liếc nhìn món đậu, nhưng nó tự kìm được và nói:

- Anbe này, nếu bắt chợt mà hòa bình lập lại bây giờ, thì cậu sẽ làm gì?
- Hòa bình à? Chẳng có đâu! - Anbe tuyên bố gọn lỏn.
- Đành thế, nhưng nếu... - Muynlơ nhấn mạnh - thì cậu sẽ làm gì?
- Tớ sẽ vất mẹ nó cả mọi cái đi. - Cốp lầu bầu.
- Rõ rồi. Nhưng sao nữa?
- Tớ sẽ say bí tỉ. - Anbe trả lời.
- Đừng nói vớ vẩn nữa; tớ nói chuyện đứng đắn cơ mà...
- Tớ cũng thế, - Anbe nói, - cậu còn muốn tớ làm cái gì khác nữa?

Cát chú ý đến câu chuyện. Anh ta xin Cốp một ít đậu và được ngay; anh nghĩ một lúc lâu rồi nói:

- Phải, người ta có thể say bí tỉ, hoặc nếu không, thì lập tức chạy đến nhà ga gần nhất và một lèo thẳng về nhà. HÒA BÌNH, Anbe này, mẹ kiếp!

Anh ta tìm trong cái ví bằng vải sơn một tấm ảnh và giơ cho cả bọn xem một cách kiêu hãnh.

- Mẹ tớ, nhà mình đây nhé. - Rồi anh ta vừa cất tấm ảnh đi vừa chửi rửa. - Cái chiến tranh đều cáng khốn nạn này...

- Cậu nói thì dễ, - tôi nói, - vì cậu có vợ có con.

- Đúng, - anh ta tán đồng - mình phải xoay sở cho vợ con có miếng mà ăn chứ. Chúng tôi cười.

- Không phải họ thiếu thốn những thứ ấy, Cát, nếu không thì cậu cứ yêu cầu.

Muynlơ đói và nó cũng chưa thỏa mãn. Nó lôi Hai Vethut ra khỏi cái giấc mơ đắm đuối.

- Hai, nếu ngay bây giờ hòa bình trở lại, thì cậu sẽ làm gì?

- Thằng Hai nó phải đá đít cho cậu một trận kịch liệt về cái tội dám đả động đến chuyện như thế ở đây. - Tôi nói.

- Làm sao cậu lại có thể...? Làm sao mà cút bỏ lại lên được mái nhà? - Muynlơ trả lời cộc lốc. Rồi nó lại hỏi Hai Vethut.

Một câu hỏi như thế có vẻ khó quá đối với Hai.

Nó lúc lắc cái đầu lăm lăm tấm mụn đỏ.

- Cậu muốn nói, nếu chiến tranh chấm dứt phải không? Đúng đấy, nói gì cậu cũng hiểu ngay.

- Nếu vậy, lại có đàn bà phải không? - Vừa nói, Hai vừa liếm mép.

- Phải, có cả cái khoản ấy nữa.

- Tổ mẹ ơi! - Hai nói, đồng thời mặt nó tươi hẳn lên - Lúc ấy tớ sẽ ngoặc với một cô ả thật là chắc nịch, một con Mai to béo, cậu hiểu không? Làm sao cho cô nàng không thể chuồi ra được, rồi là tớ bế lên giường ngay tắp lự. Cậu thử tưởng tượng xem, một cái giường lót lông chim, thật êm có đệm lò xo. Các cậu ơi, tớ sẽ không mặc quần trong tám ngày liền nhé!

Ai nấy đều nín thở. Cái hình ảnh đặc sắc quá. Da chúng tôi nổi gai ốc lên. Sau cùng, Muynlơ trấn tĩnh lại và nói.

- Rồi sao nữa?

Một lúc im lặng. Sau đó Hai nói, có vẻ hơi lúng túng:

- Nếu tớ đóng lon cai, tớ sẽ vẫn ở lại trong quân Phổ và... tớ sẽ tái ngũ...

- Hai, đằng ấy dở hơi à? - Tôi hỏi.

Nó hỏi vặn lại luôn:

- Cậu đã làm ở mỏ than bùn bao giờ chưa? Thử tí xem.

- Chắc cũng chưa tẹ bằng những chiến hào ở Săngpanhơ đâu. - Tôi đáp.

Hai vừa nhai vừa cười khẩy:

- Nhưng nó kéo dài hơn nhiều, và cậu không thể nào ẩn nấp được...

- Thế nhưng về nhà thì vẫn hơn chứ, anh bạn?

- Cũng tầm tạt thôi, - nó nói, mồm há hốc ra, có vẻ suy nghĩ. Nhìn nét mặt nó, người ta biết nó đang nghĩ gì.

Nó nghĩ đến những cái lều thảm hại ở mỏ than bùn, nghĩ đến công việc nặng nề dưới sức nắng hầm hập ở mỏ than bùn, nghĩ đến công việc nặng nề dưới sức nắng hầm hập của những bó đuốc tẩm dầu, từ sáng sớm đến tận chiều tối, nó nghĩ đến đồng lương ít ỏi, đến bộ quần áo dị dạng đầy cáu ghét...

- Thời bình mà đi lính thì chẳng là cái cóc gì cả, - cuối cùng nó nói. - Hàng ngày cậu đã có cái chén rồi nhé, nếu không cậu cứ la rầm lên. Cậu có giường ngủ, tám ngày một lần có quần áo sạch, chẳng khác gì một ông hoàng; cậu làm công việc của thầy cai, cậu có quần áo, tất... tối đến cậu hoàn toàn tự do và ra quán rượu.

Hai ta có vẻ đặc ý lạ lùng về cái ý kiến của mình.

Nó lấy thế làm thú vị. Thế rồi sau mười hai năm, cậu sẽ được lĩnh hưu bổng và sẽ thành sen đầm. Suốt ngày cậu chỉ có việc đi rong. Lúc này, ý nghĩ về cái tương lai ấy làm cho nó nóng cả người lên.

- Cậu thử tưởng tượng xem, mọi người sẽ đối đãi với cậu như thế nào: chỗ này một cốc cô-nhắc, chỗ kia nửa chai rượu. Ai mà chả muốn yên lành với ông sen đầm, phải không nào?

- Nhưng cậu chả bao giờ thành thầy cai được đâu, Hai ạ! - Cát đâm ngay một câu.

Hai cụt hứng, nhìn Cát và im ngay. Chắc chắn giờ đây nó đang nghĩ đến buổi tối huy hoàng của mùa thu, đến những ngày chủ nhật nằm ườn dưới bụi thạch thảo, đến những hồi chuông của làng quê, đến những buổi chiều và những đêm nằm với gái, đến những cái bánh rán lúa mạch đen mà mỡ làm sùi lên những cái bướu lớn, đến những giờ chuyện gẫu vô tư lự ở quán rượu...

Nó cần có thì giờ để chui ra khỏi cái thế giới hình ảnh như thế. Vì vậy, nó chỉ còn biết cắn nhẩn cau có.

- Các cậu hay hỏi vợ vẫn bỏ mẹ! Nó chui đầu vào áo lót rồi cài khuy áo ngoài.

- Còn cậu, Jadơn, cậu sẽ làm gì hở? - Cát hỏi.

Jadơn chỉ biết có một việc.

- Tớ sẽ làm thế nào để thằng cha Himmenxtôt không thoát khỏi được tay tớ.

Có lẽ cái mộng của nó là nhốt thằng cha Himmenxtôt vào một cái chuồng rồi sáng sáng xông vào nện cho một chầu dùi cui. Nó phấn khởi nói với Cốp:

- Vào địa vị cậu, tớ sẽ cố trở thành trung úy. Lúc ấy cậu có thể rèn hẵn kỹ cho hai cái móng đít của hẵn phải lạy van lên mới thôi..

- Còn cậu, Đêtrinh? - Muynlơ tiếp tục. Với cái kiểu hỏi con nhà người ta như thế, nó có thể trở nên một thầy giáo chính cống. Đêtrinh ít nói. Nhưng đối với vấn đề này, nó trả lời hẵn hoi. Nó nhìn lên không và chỉ phát ra mỗi một câu:

- Mình về cũng còn kịp vụ gặt...

Nói xong nó đứng dậy và đi thẳng.

Nó đang có chuyện lo nghĩ. Vợ nó phải quán xuyến cả mảnh đất lính canh ấy. Thế mà người ta lại vừa tịch thu của hắn thêm hai con ngựa. Ngày nào nó cũng đọc những tờ báo vợ được, chỉ cất xem thời tiết ở đó, nhà quê Ôndenbua của nó ra sao. Nếu ở đấy cũng mưa, chắc họ không thể đưa rơm về kịp.

Giữa lúc ấy, Himmenxtôt xuất hiện. Hắn đi thẳng về phía bọn chúng tôi. Mặt Jadron đỏ lên, nó nằm thẳng băng trên cỏ và nhắm nghiền hai mắt lại, đủ biết nó đang bị kích thích đến mức nào.

Himmenxtôt có phần ngạp ngừng. Hắn bước chậm lại. Nhưng rồi cuối cùng hắn cũng đi về phía chúng tôi.

Chẳng ai buồn nhúc nhích. Cốp chăm chú nhìn hắn.

Hắn đến trước mặt chúng tôi và đứng đợi. Chẳng ai nói; hắn đành buông ra một tiếng: "Thế nào?". Mấy giây trôi qua. Rõ ràng Himmenxtôt lúng túng không biết nên có thái độ như thế nào. Có lẽ lúc này hắn cũng muốn ra oai thật sự với chúng tôi. Nhưng, hình như hắn cũng đã biết mặt trận không phải là cái sân trại lính tập. Hắn thử một lần nữa và lần này, hắn không hỏi tất cả mọi người, mà hỏi riêng một người, như vậy chắc sẽ đắt lời hơn.

Cốp ngồi gần hắn hơn cả, vì vậy được hân hạnh hắn hỏi tới.

- Thế nào, cũng ở đây à?

Nhưng Anbe có phải là bạn hắn đâu. Nó trả lời cộc lốc:

- Mình ở đây hình như cũng đã lâu hơn đấng ấy một ít đấy!

Bộ râu mép đỏ cách run lên.

- Chắc các cậu không nhận ra mình phải không?

Jadron lúc này mở mắt ra:

- Có chứ, nó nói.

Himmenxtôt quay về phía nó:

- À! Jadron đấy phải không?

Jadron ngóc đầu dậy và nói:

- Thế mà có biết mà là gì không?

Himmenxtôt ngạc nhiên:

- Mà tao với nhau từ bao giờ thế? Tôi với anh có cùng chăn lợn với nhau bao giờ đâu?

Hắn hoàn toàn không biết nên làm gì trong một trường hợp như thế này. Hắn không ngờ đến thái độ thù địch trắng trợn như vậy. Nhưng bây giờ hắn đâm ra khôn ngoan, chắc hắn có người đã mách với hắn chuyện những phát súng được truyền tụng, bắn vào lưng cấp chỉ huy. Cái câu cùng chăn lợn với nhau khiến Jadron phát khùng lên đến mức nó trở thành hóm hỉnh:

- Không phải đâu, - nó nói - có mình mà chăn lợn thôi chứ!

Bây giờ đến lượt Himmenxtôt cũng sôi lên.

Nhưng Jadron không để hắn kịp mở mồm, nó phải nói cho ra nhẽ mới được.

- Mà muốn biết mà là cái đồ gì phải không? Đồ đều cáng chứ còn gì nữa.

Tao đã định báo cho mày biết từ lâu rồi kia!

Sự thỏa mãn từ bao lâu khao khát làm cho đôi mắt ti hí của nó sáng long lanh hẳn lên, lúc nó thét lên cái tiếng "đồ đều cáng!". Himmenxtôt bưng bưng nổi giận.

- Mày muốn gì hả, đồ hốt phân, đồ mặc váy? Đứng! Nghiêm! Khi cấp trên nói!

Jadơn, với một cử chỉ đường bệ:

- Himmenxtôt, anh có thể đứng theo tư thế nghỉ.

- Giải tán.

Himmenxtôt trở nên hiện thân điên cuồng của quy tắc quân sự. Đến Hoàng đế của nước độc chắc cũng không thể bị xúc phạm hơn hẳn. Hẳn gào lên:

- Jadơn, theo đúng cấp bậc nhà binh, tôi ra lệnh cho anh: dừng!

- Rồi sao nữa? - Jadơn hỏi. - Anh có phục tùng mệnh lệnh của tôi không? Có hay không thì bảo?

Jadơn trả lời một cách bình tĩnh và cương quyết, sử dụng một cách không ngờ câu viện dẫn cổ điển thông thường nhất. Đồng thời nó chống hông vào hẳn.

Himmenxtôt vừa chạy vội, vừa gầm lên:

- Phải cho mày ra tòa án binh!

Chúng tôi thấy hẳn chạy khuất về phía văn phòng đại đội. Hai và Jadơn khoái trá không thể tưởng tượng được. Hai cười lăn cười lộn đến nổi sái cả quai hàm, và đột nhiên mồm nó há hốc ra không cử động được nữa.

- Anbe phải tổng cho nó một quả, mới làm quai hàm của nó vào khớp được.

Cát có vẻ lo lắng.

- Nếu hẳn kiện cậu, thì cũng phiền đấy.

- Cậu tưởng hẳn làm thật à? - Jadơn hỏi.

- Hẳn chứ! - Tôi nói.

- Ít ra cậu cũng phải năm ngày tù. - Cát tuyên bố.

Jadơn không mấy may xúc động.

- Năm ngày vào hộp, lại càng được nghỉ khỏe xác.

- Nếu họ tổng cậu đi pháo đài thì sao?

Muynlơ hỏi và tính đến đủ mọi mặt của vấn đề.

- Nếu vậy, trong thời gian ấy, chiến tranh coi như chấm dứt đối với tớ.

Jadơn có số đỏ, nó chẳng phải lo lắng cái gì bao giờ cả. Nó đứng dậy, đi cùng với Hai và Lia để người ta khỏi thấy nó từ lúc bắt đầu giận dữ.

Muynlơ vẫn chưa chịu buông tha những câu lục vấn. Nó lại tóm lấy Cốp:

- Anbe này, nếu cậu được về nhà bây giờ, cậu sẽ làm gì?

Cốp bây giờ đã chén đầy tể nên có vẻ cởi mở hơn.

- Lớp mình còn lại bao nhiêu đứa nhỉ?

Chúng tôi đếm, lớp chúng tôi có hai mươi học sinh, bảy đứa đã chết, bốn đứa bị thương, một đứa đi trại điên. Còn lại gặp nhau nhiều nhất là mười hai

đứa.

- Ba đứa là trung úy. - Muynlơ nói. - Cậu có tin rằng chúng nó còn để cho lão Căngtorec mắng mỏ nữa không?

Chúng tôi không tin; cả chúng tôi nữa, chúng tôi cũng không thể để cho lão ta hành hạ được nữa.

- Tóm lại, trò thấy ba lần hành động của Ghiôm Ten như thế nào?

Đột nhiên Cốp luật lại và nó phá ra cười.

- Những mục đích của Hai bun ở thành Góttinhgơ là gì? - Muynlơ cũng hỏi bằng cái giọng đột nhiên trở nên nghiêm nghị.

- Sáclơ Tê mêre có bao nhiêu con? - Tôi cũng bình tĩnh vặn lại.

- Bao mơ, ra đời trò sẽ là một đứa vô tích sự, hiểu chưa? - Muynlơ cười khẩy.

- Trận Jama xảy ra bao giờ? - Cốp hỏi.

- Cốp, trò học thiếu nghiêm túc, ngồi xuống, trò sẽ được điểm trừ ba. - Tôi vừa nói vừa đưa bàn tay ra hiệu.

- Trò hãy nói những chức năng mà Liquyếcgơ cho là quan trọng hơn hết đối với Nhà nước! - Muynlơ vừa thì thào vừa làm bộ lắp cái kính một mắt.

Thành phố Menluốc có bao nhiêu dân cư? - Muynlơ lại hỏi với cái giọng rì rầm.

- Nếu các trò không biết cái ấy thì các trò định đảm bảo đời sống bằng cách nào?

Tôi hỏi Anbe bằng một giọng cáu kỉnh.

- Sự ngưng tụ nghĩa là gì? - Anbe nói có vẻ đắc thắng.

Chúng tôi chẳng còn nhớ quái gì nữa về tất cả cái mớ tạp nham ấy. Nó chẳng giúp ích gì cho chúng tôi.

Ngược lại, ở nhà trường, chẳng có ai dạy chúng tôi châm thuốc lá khi trời mưa hoặc trời gió thế nào, nhóm bếp khi củi ướt ra làm sao, hoặc giả cái bụng là nơi đâm lưỡi lê vào tốt nhất, vì lưỡi lê không bị mắc vào như ở cạnh sườn.

Muynlơ nói có vẻ tự lự:

- Tất cả những cái ấy để làm gì? Ấy thế mà rồi chúng mình lại phải trở về ghế nhà trường đấy.

Tôi thấy khó lòng có chuyện ấy và tôi nói:

- Có lẽ sẽ có một kỳ thi riêng cho chúng mình chắc?

- Nhưng cậu cũng phải chuẩn bị chứ. Cho là cậu đỗ đi nữa, rồi sau ra sao? Là sinh viên cũng chẳng hơn gì mấy. Nếu không có tiền, cậu lại phải xoay đến bờ hơi tai.

- Kể thì cũng có hơn tí chút đấy, nhưng dù sao, những cái người ta tặng cho mình vẫn chỉ là những cái lẳng nhăng vớ vẩn thôi.

Cốp phát biểu ý kiến của chúng tôi một cách chững chạc:

- Khi cánh mình đang ở mặt trận, thì làm thế nào mà nghĩ hăn hoi về chuyện ấy được.

- Nhưng đầu sao, trò cũng phải có một nghề nghiệp chứ? - Muynlơ đâm ngang vào, y như nó là Căngtôrec.

Anbe gầy móng tay bằng một con dao. Chúng tôi ngạc nhiên về kiểu cách lịch sự của nó. Nhưng với nó, đây chỉ là một cách để suy nghĩ cho chín hơn. Nó đặt con dao xuống và nói:

- Phải, sự thực là như vậy. Cát, Đêtrinh và Hai, các cậu sẽ trở về nghề cũ, vì trước khi ra đi, các cậu đã có nghề trong tay. Cả Himmenxtôt cũng vậy. Còn chúng tớ, chúng tớ chưa có nghề ngỗng gì cả. Vậy thì sau cái trò này (vừa nói nó vừa chỉ về phía mặt trận) làm sao mà chúng tớ có một nghề trong tay được?

- Cần phải là một tay có tiền cho vay lãi và sống mỗi một mình ở trong rừng, - tôi nói, nhưng tôi lại đâm ngượng ngùng vì cái mộng phú quý điên rồ ấy.

- Vậy chúng ta sẽ làm gì, nếu chúng ta trở về nhà? - Muynlơ tự hỏi, chính nó cũng lúng túng.

Cốp nhún vai:

- Tớ cóc biết. Hẳn cứ về cái đã, rồi sẽ tính sau.

Tất cả bọn tôi đều bối rối.

- Vậy bọn mình có thể làm được cái gì? - Tôi hỏi.

- Tớ chẳng thiết cái gì cả. - Cốp trả lời, giọng mệt mỏi. - Thế nào đi nữa thì một ngày kia, cậu cũng chết; mọi chuyện có nghĩa lý quái gì? Tớ chẳng tin là cánh mình sẽ thoát được đâu.

- Khi mình nghĩ đến nó, Anbe ạ! - Một lát sau, tôi trở mình và nói. - Khi mình nghe cái tiếng hòa bình, và thí dụ như hòa bình, đến ngay trước mắt, mình những muốn làm một cái gì thật phi thường. Đây là một ý nghĩ nó cứ sôi lên trong đầu mình. Một cái gì đó, cậu hiểu không, cho nó bỏ cái nỗi cực nhục ở đây. Nhưng mình không thể nào tưởng tượng ra được. Còn những cái mà mình thấy là khả dĩ, tất cả những chuyện nghề ngỗng, học hành, luống lậu v.v... chỉ tổ làm mình buồn nôn, vì vẫn là cái điệu đàn muôn thuở ấy, nó làm cho các cậu chán ngấy. Mình chẳng cảm thấy gì cả, mình chẳng cảm thấy gì cả, Anbe ạ.

Lúc này, tôi thấy cái gì cũng là trống rỗng và vô vọng. Cả Cốp nữa, nó cũng suy nghĩ về chuyện ấy.

Tóm lại, hoàn cảnh bọn tôi sau này sẽ gay go đấy.

Nhưng, còn những người ở hậu phương, liệu đôi khi họ có lo lắng về vấn đề ấy không? Hai năm ròng bom đạn... dù sao người ta cũng không thể gạt bỏ nó như cởi một đôi bít tất.

Chúng tôi đồng ý với nhau rằng ai cũng thế cả, không riêng gì chúng tôi ở đây, mà khắp nơi, với bất cứ ai cùng một hoàn cảnh, hơn hay kém không đáng kể. Đó là số phận chung của thế hệ chúng tôi.

Anbe nói rất đúng: "Chiến tranh đã làm cho chúng mình thành những người

vô tích sự.”

Nó nói có lý, chúng tôi không thuộc vào giới thanh niên nữa. Chúng tôi chẳng muốn lao vào vũ trụ nữa. Chúng tôi là những thằng đào ngũ. Trước đây chúng tôi đang trong cái tuổi mười tám, bắt đầu yêu đời yêu cuộc sống, thế mà chúng tôi đã phải nổ súng bắn vào cuộc sống. Quả đại bác đầu tiên rơi xuống đã nổ trúng trái tim chúng tôi. Chúng tôi chẳng còn thiết gì đến nỗ lực, hoạt động và tiến bộ nữa. Chúng tôi không còn biết đến những cái ấy nữa, chúng tôi chỉ còn tin có chiến tranh.

Văn phòng đại đội nhộn lên. Hình như Himmenxtôt đã đến đây làm náo động. Ngài đội nhất chạy dẫn đầu. Thật là một hiện tượng kỳ lạ, hầu hết các ngài đội nhất chuyên nghiệp đều béo phì.

Himmenxtôt chạy theo sau, hừng hực ý muốn trả thù. Đôi ủng của hắn bóng nhoáng dưới ánh nắng. Chúng tôi đứng dậy. Thầy cai hỏi, giọng hỗn hển:

- Jadron đâu rồi?

Tất nhiên là không ai trả lời. Himmenxtôt nhìn chúng tôi bằng cặp mắt náy lửa. “Đừng có vờ! Các anh biết mà các anh không muốn nói. Nào, nói đi!”. Hắn ta nhìn quanh nhưng chẳng thấy Jadron đâu cả. Hắn thử dùng phép khác:

- Trong mười phút, Jadron phải đến trình diện tại văn phòng.

Sau đó, ngài đội nhất rút lui, Himmenxtôt bám sát nút.

- Tổ có cảm giác là đến kỳ làm công sự sắp tới, thế nào cũng có một cuộn dây thép gai rơi vào chân Himmenxtôt. - Cốp nói.

- Cánh mình đã đùa xong với hắn đâu. - Muynlơ nói.

Dụng tâm của chúng tôi lúc này là: Chống đối đến kỳ cùng mọi ý định của gã phu trạm...

Tôi đến lán trú quân, cho Jadron biết tình hình để nó lĩnh đi.

Sau đó chúng tôi đổi chỗ, rồi lại ngồi chơi bài với nhau. Về cái món này chúng tôi cừ lắm: chơi bài, vắng tục và đánh trận. Kể ra chẳng là bao khi người ta mới hai mươi tuổi... nhưng cũng đã quá nhiều, ở cái tuổi ấy.

Độ nửa giờ sau, Himmenxtôtlại đến chỗ chúng tôi. Chẳng ai thèm để ý đến hắn. Hắn hỏi Jadron đâu.

Chúng tôi nhún vai.

- Các người có trách nhiệm tìm nó, hắn nhấn mạnh và dùng tiếng “i-rơ” tương đương với hai tiếng “chúng mày”.

- Thế nào, “i-rơ” hả? - Cốp hỏi.

- Phải, “i-rơ”, các người, các người ngồi đây...

- Yêu cầu anh không được mày tao nghe không, - Cốp lên giọng đại tá.

Himmenxtôt như rơi từ trên mây xuống.

- Ai mày tao với các anh?

- Anh.

- Tôi?

- Phải.

Ốc hẳn đang nghĩ lung. Hẳn liếc về phía Cốp, có vẻ nghi ngờ, vì hẳn không hiểu Cốp định nói gì. Tuy vậy, về mặt này, hẳn cũng không tin ở hẳn lắm, hẳn nói tiếp, có phần nhã nhặn hơn:

- Các anh có tìm thấy nó không?

Cốp nằm ườn trên bãi cỏ và nói:

- Thầy cai đã ở chiến hào bao giờ chưa?

- Cái đó không dính đến các anh. - Himmenxtôt nói một cách khô khan. -

Tôi yêu cầu các anh trả lời.

- Được thôi. - Cốp vừa nói vừa đứng dậy. - Thầy cai hãy nhìn về phía có những đám mây nhỏ kia. Đó là đạn trái phá của quân Anh. Hôm qua bọn này ở đây đấy. Năm người chết, tám người bị thương, mà mới chỉ là đùa dai tí thôi đấy nhé. Lần sau, thầy cai đi với bọn này, chắc những người trước khi chết, sẽ phải đến trước thầy cai, đập gót chân vào nhau và báo cáo theo đúng luật nhà binh: "Báo cáo thầy cai cho phép tôi rút lui ạ! Báo cáo thầy cai cho phép tôi ngoan ả!". Cần phải nói thế, vì bọn này cũng biết ở đây có những hạng người như thầy cai...

Nó lại ngồi xuống, còn Himmenxtôt thì lại chạy như ma đuổi ^[3].

- Ba ngày phạt giam! - Cát phỏng đoán.

- Lần sau, đến lượt tớ làm cho, - tôi nói với Anbe.

Nhưng hậu quả thấy ngay. Buổi tối, lúc điểm danh, có cuộc đối chất ở văn phòng đại đội, Béctinh, trung úy của chúng tôi ngồi đó, bắt cả bọn lần lượt từng người ra trình diện với ông ta. Tôi cũng bị gọi ra làm nhân chứng, tôi trình bày tại sao Jăđơn lại bướng như thế. Chuyện những anh chàng đái dầm làm mọi người chú ý. Người ta cho gọi Himmenxtôt và tôi nhắc lại những điều đã nói.

- Có đúng không? - Béctinh hỏi Himmenxtôt.

Hẳn ta quanh co chán nhưng đến khi Cốp cũng khai hết như vậy, thì hẳn phải nhận cả.

- Thế tại sao lúc ấy không ai báo cáo? - Béctinh hỏi.

Chúng tôi nín lặng; dẫu sao, chính ông ta cũng phải biết đến tác dụng của sự khiếu nại về những chuyện vợ vẫn như thế trong đời sống nhà binh chứ.

Vả lại trong đời sống nhà binh, người ta có thể cho khiếu nại không? Trung úy nhìn thấy rõ vấn đề, ông ta bắt đầu cạo cho Himmenxtôt một mẻ, và một lần nữa ^[4], cho hẳn biết rằng mặt trận không phải là cái sân trại lính tập. Rồi đến lượt Jăđơn, cu cậu cũng được hưởng phần đích đáng, một trận chính mở người và ba ngày phạt giam, trung úy phạt giam Cốp một ngày, vừa ra lệnh, vừa nháy mắt với nó. "Đàn hình phải vậy thôi". Ông ta nói với Cốp, có vẻ lấy làm đáng tiếc. Thật là một con người biết điều.

Nhà giam cũng không đến nỗi khó chịu lắm. Địa điểm này trước là cái chuồng gà, ở đây tụi bạn của chúng tôi có thể tiếp khách được và bọn tôi sẽ

tìm cách đến chơi với chúng nó. Nhà tù, đáng lẽ là trong hầm nhà. Ngày xưa, người ta còn buộc chúng tôi vào gốc cây nữa kia, nhưng bây giờ cấm làm thế. Trong một số trường hợp, người ta đã đối xử với chúng tôi như những con người.

Một giờ sau khi Jadron và Cốp bị tống vào sau dãy hàng dây thép, chúng tôi đã đến thăm bọn nó.

Jadron bắt chước tiếng gà gáy, chào chúng tôi. Rồi chúng tôi lại đánh bài cát với nhau, cho đến tối mịt.

Dĩ nhiên Jadron vẫn được, cái thằng chó chết ấy! Khi chúng tôi đi khỏi, Cát hỏi tôi:

- Nếu cánh mình quay một con ngỗng thì cậu nghĩ sao?

- Ý kiến hay đấy chứ, - tôi nói.

Chúng tôi leo lên một cái xe trong đoàn vận tải vũ khí. Phải mất hai điều thuốc lá đấy. Cát đã mò được đúng chỗ. Cái chuồng bò ấy là của một ban tham mưu trung đoàn. Tôi quyết tâm lòng cho bằng được ngỗng, và hỏi dò tình hình. Chuồng bò ở sau bức tường, chỉ cài bằng mỗi cái then ngang.

Cát chụm hai tay lại làm bàn đạp, tôi đặt chân lên và trèo qua tường. Cát đứng ngoài gác.

Trong mấy phút tôi đứng im cho quen mắt với bóng tối. Rồi mới nhận ra cái chuồng bò. Tôi nhẹ nhàng lén vào, sờ soạng cái then ngang, nhấc nó ra và mở được cửa. Tôi nhận thấy hai đốm trắng. Hai con ngỗng; rầy rà đây, vì nếu bắt con này, con kia sẽ kêu ầm lên. Vậy phải tóm cả hai chú; nếu tôi làm thật nhanh gọn thì sẽ ổn cả.

Tôi nháy vọt vào, tóm ngay được một chú, và một lát sau tóm nốt được chú kia. Chẳng khác gì thằng điên, tôi đập đầu chúng vào tường để làm cho chúng choáng đi. Nhưng có lẽ tôi không được khỏe cho lắm.

Hai con vật dẫy dựa, chân và cánh chúng đập, vẩy lung tung. Tôi vật lộn với chúng bỏ cả hơi tai, nhưng, trời, cái giống ngỗng sao mà khỏe thế! Chúng nó lôi kéo làm tôi loạng choạng cả người. Trong bóng tối, những cái vật trắng ấy sao mà gớm ghiếc thế. Hai tay tôi bây giờ như mọc cánh ra. Tôi sợ có lẽ bị lôi tuột lên trời mất, khác nào mỗi bàn tay tóm lấy hai quả khinh khí cầu! Nhưng đã vậy lại có tiếng động nữa chứ! Một trong hai cái cổ họng đã hít được không khí và kêu lên như đồng hồ báo thức. Bất thành linh có một vật gì từ phía ngoài lao tới; tôi bị xô mạnh một cái, ngã lăn chiêng xuống đất và nghe thấy tiếng gầm dữ tợn! Một con chó! Tôi ngoảnh lại nhìn, và kìa, nó đang há mồm ra nhắm thẳng vào cổ tôi. Ngay lập tức, tôi nằm cứng người ra, nhất là ghì sát cầm vào cổ áo quân phục.

Một con chó gộc. Sau một lúc lâu, tưởng như vô tận, cái đầu nó lúi lại rồi nó ngồi xuống cạnh tôi. Nhưng hể tôi hơi cựa quậy một tí, nó lại gầm gừ. Tôi tính nước. Điều duy nhất tôi có thể làm được là rút khẩu súng lục nhỏ ra. Dù sao cũng phải tetch khỏi nơi đây trước khi có người đến. Từng phân, từng phân

một, tôi nhích bàn tay về phía khẩu súng lục. Tôi có cảm giác là lâu đến hàng giờ. Mỗi cử động nhỏ đều tiếp theo một tiếng gừ đáng sợ của con chó.

Tôi nằm im rồi lại tiếp tục. Đến khi tôi đã nắm được khẩu súng lục trong tay rồi thì bàn tay cứ run lên, quyết định bắn trước khi con chó có thể cắn được, rồi vọt qua tường ngay.

Tôi thở thong thả và trở nên bình tĩnh hơn. Rồi tôi nín thở; nâng khẩu súng lên; viên đạn nổ, con chó gộc ngã vật xuống, hộc lên, tôi chạy vọt ra cửa chuồng bò, vấp ngay phải một trong hai chú ngỗng đang núp ở đấy.

Nhanh như chớp, tôi tóm nghiêng lấy nó, vọt qua tường rồi tôi cũng trèo qua luôn. Chưa sang đến bên kia thì con chó cũng đã vùng dậy được và lao về phía tôi. Tôi nhảy bừa ngay xuống. Cát đứng đó, trước mặt tôi mười bước, tay cặp con ngỗng. Anh ta vừa nhìn thấy tôi là hai đứa chuồn thẳng.

Cuối cùng, hai đứa đã thở được. Con ngỗng đã chết. Trong một loáng. Cát đã bóp chết nó. Chúng tôi tính quay ngỗng luôn để không ai hay biết gì cả. Tôi đi lòng những cái liễn và củi trong lán trú quân, rồi chúng tôi len vào một căn nhà bỏ hoang mà chúng tôi thường dùng vào những việc này.

Chúng tôi đóng chặt cái cửa sổ duy nhất của căn nhà lại. Trong nhà có một cái giống như bếp lò, một mảnh sắt kê trên những hòn gạch. Chúng tôi nhóm bếp.

Cát vọt lông ngỗng và sửa soạn quay. Chúng tôi cẩn thận để lông ngỗng vào một chỗ. Chúng tôi định bụng làm hai cái gò nhỏ, rồi ghi lên trên: "Hãy ngủ ngon giữa lửa đạn".

Hỏa lực của trọng pháo ăm ỉ bao quanh ngôi nhà ẩn dật của chúng tôi, ánh lửa bếp lò nhảy múa trên mặt chúng tôi, bóng người cũng nhảy múa trên tường. Thình thoảng lại có tiếng nổ ù tai, làm rung chuyển cả căn nhà nhỏ bé, ấy là bom từ máy bay ném xuống. Một lần chúng tôi nghe thấy những tiếng kêu thất thanh, có lẽ một lán trú quân đã bị trúng bom.

Tiếng máy bay ăm ỉ, tiếng súng máy tặc tặc.

Nhưng không có một tí ánh sáng nào lọt ra khỏi chỗ chúng tôi để bên ngoài có thể nhìn thấy. Thế là Cát và tôi, hai thằng lính quân phục sờn rách, ngồi đối diện nhau quay ngỗng giữa đêm khuya. Chúng tôi không nói nhiều nhưng chúng tôi để ý săn sóc nhau từng li từng tí, thiết tưởng còn hơn cả những cặp tình nhân.

Chúng tôi là hai con người, hai tàn lửa sống nhỏ bé, ở ngoài kia, là đêm tối, là vòng vây của thần chết. Chúng tôi ngồi ngay bên rìa bóng đêm và thần chết, vừa bị đe dọa, vừa được che chở; mỡ chảy trên bàn tay chúng tôi; tấm lòng chúng tôi gặp nhau, và giờ phút hai đứa tôi đang sống cũng giống như chỗ chúng tôi đang ngồi, ngọn lửa êm dịu của tâm hồn đang nhảy múa những ánh sáng và những hình bóng của nguồn cảm xúc. Anh ta biết gì về tôi, và tôi, tôi biết gì về anh ta. Trước đây chẳng một ý nghĩ nào của chúng tôi giống nhau; nhưng bây giờ chúng tôi ngồi trước một con ngỗng, chúng tôi thông cảm

đời sống của nhau, chúng tôi gần gũi nhau đến nỗi không cần nói đến nữa.

Quay một con ngỗng, cũng mất thì giờ đấy, dù rằng ngỗng non và béo, vì vậy hai đứa phải thay phiên nhau. Đứa này ngồi rười rượi vào con ngỗng thì đứa kia ngủ. Dần dần một mùi thơm ngào ngạt tỏa ra chung quanh chúng tôi. Những tiếng động bên ngoài làm thành một thứ móc xích, một giấc mơ, nhưng trong đó, kỷ niệm không hoàn toàn bị xóa mờ. Trong giấc ngủ chập chờn, tôi thấy Cát lơ lửng xuống cái cùi đĩa; tôi yêu anh ta với đôi vai, với cái bóng dáng xương xương và khòm khòm, đồng thời phía sau anh ta tôi nhìn thấy những khu rừng, những cây cối, và một giọng ngọt ngào nói lên những lời an ủi tôi, một chú lính bé nhỏ bước đi dưới bầu trời rộng lớn với đôi ủng to, cái thắt lưng da, cái túi dết, theo con đường trước mặt, rất dễ quên, rất ít khi buồn và đi tới mãi dưới bầu trời khuya bát ngát.

Một chú lính bé nhỏ và một giọng nói ngọt ngào; và nếu người ta muốn đồ dành chú ta, có lẽ giờ đây chú ta sẽ không thể hiểu ra làm sao nữa, cái chú lính đang bước đi kia với đôi ủng to và trái tim rã rời, cái chú lính đang bước đi kia vì chú ta có đôi ủng và đã quên tất cả, trừ cái việc phải đi.

Ở chân trời phải chẳng có những bông hoa và một phong cảnh xiết bao êm đềm mà chú lính muốn thương khóc? Ở đây phải chẳng có những hình ảnh mà chú đã không để mất, vì chú chưa hề có, những hình ảnh rạo rực, nhưng đối với chú lại là vật quá khứ? Phải chăng ở đây có cái tuổi hai mươi của chú? Mặt tôi ướt đầm và tôi tự hỏi mình đang ở đâu đây? Cát đang ngồi trước mặt tôi, cái bóng khổng lồ của anh ta cúi sát xuống, nghiêng về phía tôi, như hình ảnh của quê hương. Anh ta nói khẽ, anh ta mỉm cười và quay lại bếp lửa.

Rồi anh ta nói:

- Xong rồi.

- Thế à, Cát.

Tôi cự mình. Giữa không gian, lấp lánh con ngỗng quay vàng. Chúng tôi cầm nĩa và dao, mỗi đứa cắt một đùi. Chúng tôi chén với bánh lính, chấm vào nước sốt. Chúng tôi ăn thông thả, rất thú vị.

- Ngon không, Cát?

- Ngon, còn cậu?

- Ngon lắm, Cát ạ.

Hai đứa chúng tôi như anh em ruột thịt, chúng tôi nhường nhau những miếng ngon nhất. Sau đó, tôi hút một điếu thuốc lá, Cát hút một điếu xì gà. Còn thừa nhiều vô khối.

- Cát này, bọn mình mang cho Cốp và Jardon một miếng nhé, cậu nghĩ sao?

- Được thôi! - Anh ta nói.

Chúng tôi chặt một miếng và gói cẩn thận vào giấy báo. Chúng tôi định để dành chỗ còn lại cho bọn ở lán, nhưng Cát cười, chỉ nói mỗi tiếng: "Jardon". Tôi hiểu ngay, chúng tôi phải mang cả đi. Thế là chúng tôi đi về phía chuồng gà đánh thức hai tướng dậy. Trước đó, chúng tôi đã gói chỗ lông ngỗng vào một

bọc và quăng đi thật xa. Cốp và Jadơn nhìn chúng tôi đầy vẻ ngạc nhiên. Thế rồi quai hàm của hai đứa bắt đầu làm việc. Jadơn, hai tay cầm một cánh ngỗng đặt vào mồm như thổi kèn ác mônica, rồi gặm. Nó húp mỡ trong liễn, vừa nói vừa ăn nhồm nhoàm: “Đến chết tở cũng không quên được”.

Chúng tôi quay về lán trú quân. Và đây, lại bầu trời rộng lớn với các vì sao và buổi bình minh chớm rạng và dưới đây tôi đang bước đi, chú lính có đôi ủng to và cái bụng no kênh, chú lính bé nhỏ lẫn mất trong ánh mặt trời mới bắt đầu bừng chiếu, nhưng bên cạnh tôi có Cát, bạn tôi, lom khom và xương xương đang đi.

Những đường nét của lán trú quân đã hiện ra trước mắt chúng tôi, trong bóng mờ của buổi rạng đông, như một giấc ngủ đen tối, triền miên.

Chương 5

Người ta đang thì thào nói đến một trận tấn công. Chúng tôi lên tuyến thứ nhất sớm hơn lệ thường hai ngày. Dọc đường, chúng tôi đi qua một ngôi trường bị đại bác phá hoại. Hai dãy quan tài sáng màu, mới tinh, đóng bằng ván không bào, xếp dọc ngôi nhà, thành một bức tường kếp cao ngất.

Chúng còn sặc mùi nhựa, mùi gỗ thông và mùi rừng, ít ra là một trăm chiếc.

- Trận tấn công được chuẩn bị kỹ nhỉ! - Muynlơ nói, có vẻ ngạc nhiên.

- Để cho cánh mình đẩy mà. - Đêtrinh lẩm bẫm.

- Bậy nào! - Cát mắng nó.

- Nếu cậu được một cái áo quan thì còn phúc cho cậu đấy - Jăđơn cười khẩy,

- khéo họ chỉ cho cái hạng bia đỡ đạn các cậu một miếng vải bạt thôi.

Những đứa khác cũng ném ra những câu bông đùa, những câu bông đùa không thú vị gì mấy, vì chúng tôi còn biết nói gì hơn? Những quan tài ấy dành cho chúng tôi thật. Đối với những chuyện ấy việc tổ chức thật là đâu ra đấy.

Khắp nơi, phía trước chúng tôi, có một cái gì đang ngấm ngấm. Đêm đầu tiên, chúng tôi thử tìm phương hướng. Khu vực này tương đối yên tĩnh, nên chúng tôi có thể nghe rõ tiếng xe vận tải chạy liên miên ở hậu tuyến quân địch, cho đến lúc tảng sáng. Cát nói chúng nó không rút đâu, chúng chờ thêm quân lính, đạn dược và đại bác đến đấy.

Pháo binh quân Anh được tăng viện, chúng tôi nhận thấy ngay. Phía bên phải khu trại, ít ra phải có thêm bốn khẩu 205 nữa và sau thân cây bạch dương chúng nó đặt những khẩu phóng bom. Ngoài ra, còn không biết bao nhiêu là thứ súng quái ác bắn pháo hiệu nổ của tụi Pháp.

Tinh thần sút kém. Chúng tôi nấp trong hầm đến hai tiếng đồng hồ; này đây, chính pháo binh nhà mình lại dọt xuống chiến hào của chúng tôi. Đây là lần thứ ba trong vòng bốn tuần lễ. Nếu chỉ là tính toán nhằm thì cũng chẳng ai bảo sao, nhưng lại là do nòng đại bác mòn quá, làm cho đường đạn đi chệch choạc, nhiều lần đạn rơi vung vãi cả vào khu vực chúng tôi.

Đêm nay, chúng tôi có hai người bị thương vì thế.

Trận địa là một cái lồng trong đó người ta phải ngồi đợi một cách bứt rứt những biến cố xảy ra.

Chúng tôi nằm dưới một lớp lưới do đường đạn trái phá tạo nên và chúng tôi sống trong trạng thái căng thẳng, không biết cái gì sẽ đến. Sự may rủi bay lượn trên đầu. Khi một viên đạn bắn tới, tôi chỉ còn biết cúi xuống, thế thôi. Tôi không thể biết chính xác nó sẽ rơi xuống đâu, và cũng chẳng tài gì thay đổi được điểm rơi của nó.

Chính sự may rủi đã làm chúng tôi thản nhiên.

Cách đây vài tháng, có lần tôi ngồi trong một hầm trú ẩn đánh bài; một lát

sau, tôi đứng dậy, đi thăm vài tay quen ở một hầm khác. Khi tôi quay lại, cái hầm thứ nhất đã tan tành không còn một mảnh; nó đã bị một quả đại bác hạng nặng nghiền nát như tương. Tôi quay lại cái hầm thứ hai, thì cũng vừa kịp đến để giúp vào việc thu dọn, vì cũng vừa đến lượt nó bị phá hủy.

Thật là do tình cờ mà thoát cũng như do tình cờ mà bị. Trong một cái hầm "tha hồ bom dội", tôi có thể bị tan xác ra từng mảnh, thế mà có khi nằm trơ ra ngoài trời mười giờ liền dưới trận mưa đại bác, có thể tôi chẳng bị qua vết thương nào. Chính nhờ sự may rủi mà người lính sống sót. Cho nên bất kỳ anh lính nào cũng tin tưởng và tin nhiệm cái rủi may.

Chúng tôi phải để ý đến cái khoản bánh. Gần đây, từ dạo các chiến hào không được trông nom cẩn thận, chuột sinh sôi nảy nở ra nhiều quá. Đêtrinh cho đó là triệu chứng thể nào cũng sắp có chuyện đây.

Những con chuột ở đây, kinh tởm một cách đặc biệt, vì chúng to ghê quá. Đó là thứ chuột mà người ta thường gọi là: "Chuột xác chết". Chúng có cái đầu góm ghiếc, dữ tợn, trọc lóc và chỉ nhìn cái đuôi dài nghêu, nhảnh thín của chúng người ta cũng đủ phát ốm.

Chúng có vẻ rất đói ăn. Chúng đã gặm bánh mì của hầu hết mọi người. Cốp đã phải bọc bánh của nó vào trong một miếng vải bạt rồi gói đầu lên. Nhưng nó không thể ngủ yên được vì lũ chuột chạy cả lên mặt nó để mò đến cái bánh. Đêtrinh muốn tỏ ra láu hơn; nó buộc lên trần nhà một sợi dây thép nhỏ rồi móc cái túi dết trong có cái bánh vào đấy. Ban đêm, lúc bấm đèn túi lên, nó thấy cái dây đang đung đưa, thì ra một chú chuột béo thật lực đang cưỡi lên cái bánh của nó.

Cuối cùng chúng tôi phải đi tới một quyết định.

Chúng tôi cắt bỏ cẩn thận những chỗ bánh bị chuột gặm đi; bất luận thế nào, chúng tôi cũng không thể vất cả cái bánh đi được, vì làm thế thì ngày mai sẽ chẳng có cái gì ăn. Cùng một lúc chúng tôi xếp tất cả những khoanh bánh đã cắt ra đấy vào giữa hầm. Mỗi người cầm cái xẻng của mình, và nằm dài ra, chuẩn bị đập.

Đêtrinh, Cốp và Cát cầm đèn bấm.

Vài phút sau, chúng tôi nghe thấy những tiếng loạt soạt đầu tiên của lũ chuột đến gặm bánh. Tiếng động to dần. Ở đấy, hiện có không biết bao nhiêu là bàn chân nhỏ xíu. Thế là, bất thành lình, đèn bấm lóe lên và tất cả mọi người bổ nhào xuống cái đám đen ngòm vừa chạy tán loạn vừa kêu choe chõe. Kết quả tốt. Chúng tôi vất những xác chuột bị đập nát qua lũy của chiến hào, rồi chúng tôi lại lĩnh.

Còn thành công được ba lần nữa. Sau đó lũ chuột đã nhận thấy cái gì đó hoặc đã đánh hơi thấy mùi máu. Chúng không đến nữa. Ấy thế mà, sáng hôm sau, lũ chuột đã tha đi hết tất cả những mẩu bánh trên mặt đất.

Trong khu vực bên cạnh, chuột đã tấn công hai con mèo to và một con chó, cả ba con này đều bị chuột cắn chết và ăn thịt.

Ngày hôm sau, có pho mát Hà Lan. Mỗi người được lĩnh gần một phần tư tảng. Một mặt, đó là điều hay, vì pho mát Hà Lan ăn ngon tuyệt, nhưng mặt khác, lại là điều xấu. Vì từ trước đến nay, những tảng to tròn màu đỏ ấy bao giờ cũng báo hiệu những trận đánh ác liệt. Sự linh cảm của chúng tôi càng rõ rệt hơn khi người ta phát rượu Sinich^[5]. Uống thì uống thôi, nhưng chẳng vui gì.

Suốt ngày chúng tôi thi nhau bắn chuột và la cà khắp nơi. Những kho dự trữ đạn và lựu đạn ngày càng đầy ắp. Chúng tôi thân hành kiểm tra lại lưỡi lê. Quả nhiên có những lưỡi lê mà cái sống là một lưỡi cưa. Bọn đối phương mà tóm được thẳng nào vũ trang lưỡi lê như thế thì chúng giết thẳng cánh ngay.

Trong khu vực bên cạnh, chúng tôi đã thấy nhiều anh bị cắt mũi và khoét mắt vì những lưỡi lê răng cưa ấy. Rồi chúng nhét đầy mùn cưa vào mồm vào mũi cho chết ngạt. Vài chú tân binh còn thứ lưỡi lê ấy; chúng tôi vất biển ngay đi và xoay cho họ những cái khác. Thật ra, lưỡi lê không còn tác dụng mấy nữa. Bây giờ, nhiều người có kiểu xung phong chỉ bằng lựu đạn và xẻng.

Cái xẻng mài sắc là một thứ vũ khí thuận tiện và lợi hại hơn nhiều. Không những nó có thể cắm phập vào yết hầu quân địch, mà nhất là còn có thể quật những nhát hết sức mạnh. Đặc biệt, nếu quai một nhát chéo góc khoảng giữa cổ và vai, nó có thể xả đến tận ngực như chơi. Nhiều khi lưỡi lê mắc ngấp vào vết thương, phải đập mạnh vào bụng tên địch rồi mới rút ra được, trong lúc ấy rất có thể chính mình cũng bị một nhát. Ngoài ra, lưỡi lê bị gãy cũng không phải ít.

Ban đêm, người ta thả hơi ngạt phía trước mặt chúng tôi. Chúng tôi nằm chờ cuộc tấn công, với đầy đủ mặt nạ, và sẵn sàng lột nó ra ngay khi những bóng người đầu tiên xuất hiện.

Tảng sáng cũng không có gì xảy ra. Phía bên kia, suốt ngày đêm chỉ ì ầm tiếng xe chạy gặm nhấm thần kinh, những đoàn tàu, những xe vận tải; chúng nó tập trung những gì bên ấy thế? Pháo binh của chúng tôi bắn liên tục, nhưng tiếng ầm ì vẫn không ngừng, tưởng như không bao giờ chấm dứt...

Mặt mũi chúng tôi bơ phờ, chúng tôi không dám nhìn thẳng vào mặt nhau nữa. "Lại giống trận sông Xom, ở đấy, sau hết là đại bác nã liền tù tì bảy ngày bảy đêm", Cát nói một cách ủ rũ. Bây giờ anh ta không đùa nữa, từ khi chúng tôi tới đây, đó là dấu hiệu không hay vì Cát là tay lính cựu trào, đánh hơi được những gì đang chuẩn bị. Chỉ có Jadron là hài lòng với những miếng ăn ngon và rượu rum; thậm chí nó lại còn cho rằng chẳng có quái gì xảy ra đâu, và chúng tôi lại đến quay về nghỉ thôi.

Mọi người hầu như tin lời nó. Ngày lại ngày trôi qua chẳng có gì mới lạ. Ban đêm ngồi trong hố trinh sát, trên đầu tôi, bay lên lượn xuống đủ các thứ pháo hiệu và đèn dù. Tới hết sức thận trọng, ruột gan như thắt lại, tim đập thình thình. Tôi luôn luôn để mắt nhìn mặt đồng hồ dạ quang. Những chiếc kim không nhúc nhích. Giấc ngủ bám trấu lấy mi mắt; tôi ngọ nguậy đầu ngón

chân trong đôi ủng để cố tình ngủ.

Không có gì xảy ra cho đến lúc tôi được thay phiên; vẫn chỉ có cái tiếng âm ỉ liên miên ở phía bên kia. Dần dần chúng tôi bình tĩnh lại, lại đánh bài Soát hoặc bài Ram cả ngày. Có lẽ chúng tôi có số may chăng?

Bầu trời suốt ngày đầy những khí cầu thám thính. Người ta bảo rằng hiện nay, trong lúc tấn công, quân địch ở đây cũng có cả xe tăng và máy bay phối hợp với bộ binh. Nhưng cái đó không làm chúng tôi chú ý bằng những điều người ta nói về loại súng phun lửa mới chế tạo.

Nửa đêm, chúng tôi chợt thức dậy. Mặt đất rung chuyển âm ầm. Trên đầu chúng tôi, cả một trận pháo kích khủng khiếp. Chúng tôi co rúm người trong các góc ngách. Chúng tôi có thể phân biệt đủ các cỡ đạn.

Anh nào anh nấy đặt tay lên đồ lễ của mình, luôn luôn xem chúng còn nguyên đấy không. Hầm của chúng tôi rung lên, bóng đêm chỉ còn là găm rỗng và chớp giạt. Dưới ánh lửa đạn sáng lòe, chúng tôi ngồi nhìn nhau, mặt tái đi, môi mím lại, chúng tôi lắc đầu.

Ai cũng cảm thấy tận trong thớ thịt mình, những quả đại bác hạng nặng đang giạt tung thành lũy chiến hào, đang lao ngập xuống bờ hào, đang xé vụn những khối bê tông phía trên. Chúng tôi chú ý đến phát nổ mạnh nhất, dữ dội nhất của một viên đạn rơi trúng vào chiến hào; tưởng như một con thú dữ găm rỗng, vồ vào chúng tôi. Buổi sáng, mấy chú tân binh, nhợt nhạt cả người nôn thốc nôn tháo. Họ chưa có kinh nghiệm.

Một tia sáng đục lờ và ghê rợn từ từ lọt vào các hầm chúng tôi, làm cho ánh chớp trái phá rơi càng thêm nhợt nhạt. Trời sáng. Bây giờ tiếng mìn nổ chen lẫn tiếng đại bác. Sức chấn động của chúng kinh khủng không thể tưởng tượng được, chỗ nào có mìn nổ, chỗ đó thành một cái hố chôn chung.

Những đơn vị thay phiên đi ra, những trinh sát viên lão đảo bước trở về, khắp người nhem nhuốc và run lấy bầy. Một cậu nằm im trong một xó và ăn; một cậu khác, lính trù bị, khóc nức nở; không khí bị dồn ép trong khi đạn nổ đã hai lần hất cậu ta lên mặt lũy làm thần kinh cậu ta bị kích động, chứ không bị thương tích gì cả. Tụi tân binh nhìn cậu ta. Cái này rất là mau lây; chúng tôi phải coi chừng lắm mới được, vì miệng nhiều cậu đã bắt đầu mếu xệch. Trời sáng thì tốt hơn; có lẽ trận tấn công sẽ nổ ra ngay sáng nay.

Trận pháo kích vẫn không giảm. Nó lan ra cả phía sau chúng tôi. Khắp nơi chỗ nào tầm mắt có thể nhìn tới đều thấy vọt lên những cột bụi và sắt. Như thể là pháo binh đã phủ cả một khu vực rất rộng. Trận tấn công không nổ ra, nhưng pháo kích vẫn tiếp tục. Dần dần, chúng tôi đâm điếc đặc cả. Chẳng ai nói nữa; vả lại cũng chả ai hiểu ai nói cái gì.

Chiếc hào của chúng tôi gần như bị phá hủy. Ở nhiều nơi, nó không còn đến năm mươi phân nữa. Khắp nơi chẳng chịt những hố sâu, những hố hình phễu, những núi đất. Một quả đại bác nổ tung ngay trước căn hầm của chúng tôi. Thế là tối sầm cả lại. Chúng tôi bị vùi xuống đất và phải cố tìm cách nhoai ra;

gần một giờ sau, lối ra mới được khơi thông, lúc này chúng tôi bình tĩnh hơn một chút vì trí óc bị hút vào công việc. Viên chỉ huy đại đội của chúng tôi bò đến chỗ chúng tôi và cho biết là có hai cái hầm đã bị tiêu tan. Bọn lính mới có vẻ yên tâm khi nhìn thấy ông ta. Ông ta nói là chiều nay người ta sẽ xoay sở để có cái ăn.

Đó là một tin mừng. Chưa ai nghĩ đến chuyện ấy cả, trừ Jadron. Thế là, chúng mình lại sắp nhận được cái gì đó từ bên ngoài đưa tới. Mà người ta còn nghĩ đến việc tiếp tế thì chắc hẳn tình hình cũng không đến nỗi bi quá, bọn lính mới nghĩ như vậy. Chúng tôi không muốn làm họ hoang mang, chúng tôi biết rằng lương thực cũng cần như đạn dược và chính vì thế mà người ta phải đi xoay sở.

Nhưng không ăn thua gì cả. Một toán tạp dịch thứ hai lên đường, rồi cũng phải trở lại. Sau cùng, Cát ra tay, nhưng chính anh ta cũng về tay không. Không một ai đi qua được. Đến con ruồi cũng dừng hòng bay lọt một cái lưới lửan như thế ^[6].

Chúng tôi thít dây lưng vào thêm một nấc, và mỗi một miếng ăn nhỏ chúng tôi nhai lâu gấp ba lần. Thế mà cũng chẳng đi đến đâu. Chúng tôi đói hoa cả mắt lên. Tôi chỉ còn một mẩu đầu bánh; tôi ăn chỗ ruột, rồi cắt miếng vỏ vào túi dết; thỉnh thoảng tôi nhắm một ít.

Ban đêm thật là khó chịu. Chúng tôi không tài nào ngủ được, cứ mở mắt nhìn trũng trũng và ngủ gà ngủ gật. Jadron tiếc rằng chúng tôi đã phí phạm vất cho chuột những mẩu bánh mà chúng đã gặm. Đáng lẽ nên cắt đi cẩn thận mới phải. Hẳn bây giờ chẳng ai chê. Nước cũng thiếu, nhưng không khổ vì cái ấy lắm.

Gần về sáng, lúc còn mờ mờ, đã xảy ra một chuyện náo động; một đàn chuột chạy trốn đã lao vào cửa hầm chúng tôi. Chúng leo lên dọc khắp các bức tường. Các ngọn đèn bấm chĩa vào cái đám hỗn độn ấy. Tất cả mọi người kêu ầm lên, chửi rủa, và đập lũ chuột túi bụi. Thế là mỗi giạn dũ và thất vọng bấy lâu chứa chất được dịp trút tung ra. Mặt nhăn tay đập; lũ chuột kêu rít lên. Phải khó khăn mới ngừng tay lại được và chỉ một li nữa là chúng tôi xông vào đập lẫn nhau.

Trận xung phong này làm chúng tôi mệt lử.

Chúng tôi lại nằm xuống và đợi. Thật là một sự kỳ lạ, hầm chúng tôi chưa ai việc gì cả. Đó là một trong số ít căn hầm sâu còn đứng vững được.

Một thầy cai bò vào, mang theo một cái bánh. Ba chú lính, ban đêm đã vượt qua được hàng rào lửa, mang vào được ít lương thực. Họ cho biết là trận pháo kích, không hề giảm cường độ, đã tràn cả đến vị trí pháo binh. Người ta tự hỏi, đối phương đã kiếm đâu ra lắm súng thế?

Chúng tôi cứ phải đợi, đợi mãi. Khoảng giữa trưa, điều chúng tôi lo sợ đã xảy ra. Một cậu lính mới lên cơn. Từ lâu, tôi đã chăm chú theo dõi hẳn, trong khi hẳn luôn luôn nghiêng răng, nắm và ghì chặt bàn tay.

Chúng tôi đã quen với những đôi mắt trở ra và hoảng hốt như vậy. Mấy giờ gần đây, chỉ có bề ngoài là hẩn bình tĩnh hơn; hẩn buông phịch người xuống như một cây gỗ mục.

Bây giờ, hẩn lại nhồm dậy, len lên bò qua hầm, dừng lại một lát rồi trườn ra cửa. Tôi vừa ngăn lại vừa hỏi:

- Cậu định đi đâu thế?

- Tôi về ngay bây giờ mà, - hẩn vừa nói vừa toan đi qua mặt tôi.

- Đợi một tí, súng sắp ngớt đây.

Hẩn vểnh tai lên và phút chốc mắt hẩn trở nên linh lợi. Rồi đôi mắt hẩn lại đục ngầu như mắt chó dại; hẩn im lặng và tìm cách gạt tôi ra.

- Đợi một phút đã, anh bạn! - Tôi quát lên.

Tiếng quát làm cho Cát chú ý, và giữa lúc hẩn đẩy tôi một cái thì Cát túm lấy hẩn và hai chúng tôi giữ hẩn thật chặt.

Thế là cậu lính ta phát khùng lên:

- Buông tôi ra! Cho tôi ra ngoài! Tôi muốn ra ngoài!

Hẩn chẳng nghe thấy gì cả và đấm đập lung tung, hẩn sùi bọt mép và bật ra những tiếng nửa chừng, chẳng có nghĩa lý gì cả. Đó là cơn điên vì sợ hãi, phát sinh trong những hầm chiến hào. Hẩn có cảm giác bị chết ngạt ở đây và chỉ còn nghĩ đến một điều: phải ra khỏi nơi đây. Nếu để hẩn ra, hẩn sẽ nhảy lung tung, chẳng ǎn nấp gì cả. Hẩn không phải là người đầu tiên mắc phải chứng đó.

Vì hẩn rất hung, và mắt đã long lên sòng sọc, nên chúng tôi không còn cách nào hơn là nện cho hẩn một trận cho tỉnh người ra. Chúng tôi quai luôn, không thương xót gì cả. Kết quả là tạm thời hẩn lại lặng yên ngồi xuống. Những cậu khác trông thấy, đến sợ tái đi. Cũng mong sao sự việc này gây cho họ một mối sợ hãi bổ ích. Trận pháo kích liên miên, vượt cả sức chịu đựng của cái bọn khốn khổ này; họ đã đi thẳng từ trại tân binh đến đây, rơi vào một cái địa ngục mà ngay cả đến lính cũ cũng phải xanh mặt.

Sau đó, không khí ngột ngạt trở lại, càng thử thách cân não của chúng tôi hơn nữa. Chúng tôi như ngồi trong nhà mồ, chỉ còn chờ một điều là cái nhà mồ ấy đổ ụp xuống. Bất thành linh, có tiếng gầm thét và những ánh chớp lóe khác thường; tất cả các khớp của căn hầm chúng tôi chuyển răng rắc vì nó vừa bị quật một phát vào chính giữa. May sao, viên đạn thuộc cỡ nhỏ, và những tảng bê tông đã chống đỡ được. Tiếng kim khí va chạm nhau loảng choảng nghe rợn cả người.

Những bức tường nghiêng ngả, súng ống, mũ mǎng, đất bụi, và các thứ bắn thiêu bay tung cả lên. Một đám hơi lưu huỳnh lùa thốc vào tận chỗ chúng tôi.

Nếu không ở cái hầm chắc chắn hạng nhất này, mà lại ở trong loại hầm trú ẩn ọp ẹp như người ta làm hiện nay, thì đừng một ai hòng sống sót.

Nhưng hậu quả của phát đại bác ấy lại thật khá buồn. Cậu lính mới ban nãy, lại bắt đầu dẫy dựa và hai cậu lính khác cũng thế. Một trong ba người lọt được

ra ngoài rồi chạy biến mất. Hai gã còn lại làm chúng tôi mệt quá. Tôi vừa đuổi theo gã chạy trốn vừa nghĩ có nên bắn một phát vào chân hắn không.

Bỗng một tiếng rít nổi lên, tôi nằm bẹp xuống và khi nhồm dậy thì mép hào đã phủ đầy những mảnh trái phá bóng rầy, những mảnh thịt và quân phục rách bươm. Tôi quay lại hầm.

Gã tân binh thứ nhất hình như điên thật sự. Nếu buông hắn ra, là hắn húc đầu vào tường y như một con dê đực vậy. Ban đêm, phải đưa hắn về hậu tuyến. Hiện giờ, chúng tôi trói hắn lại, nhưng bằng cách, nếu có tấn công có thể lập tức cởi ra cho hắn ngay được.

Cát gạ đánh bài Soát. Còn biết làm gì hơn? Có lẽ đánh bài sẽ giúp chúng tôi chịu đựng được tình huống. Nhưng kết quả thật thảm hại. Chúng tôi lắng nghe từng quả đại bác rơi xuống chung quanh thành ra đếm nhầm cả bài ăn, hoặc ra quân không đúng nước. Chúng tôi đành bỏ không đánh bài nữa. Thật chẳng khác gì ngồi trong một cái nồi hơi âm vang mãnh liệt mà người ta đập chan chát lên nó khắp babề bốn bên.

Lại một đêm nữa. Hiện giờ có thể nói rằng chúng tôi bị rong cả người vì thần kinh căng thẳng. Đó là một trạng thái căng thẳng chết người, không khác gì lấy một con dao mё nạo suốt dọc tủy xương sống. Chân chúng tôi rã rời; tay run lật bật; thân thể chúng tôi chỉ còn là một tấm da mỏng bọc lấy một cơ mё sảng; khó khăn lắm mới vượt qua được và che dấu một tiếng hét bất tận mà chúng tôi không thể kìm hãm được nữa. Chúng tôi chẳng còn thịt, cũng chẳng còn bắp thịt; chúng tôi không dám nhìn nhau nữa, vì khiếp sợ một cái gì không thể lường được. Thế là chúng tôi mím môi lại, cố nghĩ rằng: rồi nó sẽ qua... Rồi nó sẽ qua... Có lẽ thoát được đây. Đột nhiên, trái phá ngừng rơi xuống chung quanh chúng tôi. Trận pháo kích tiếp tục nhưng chuyển đến phía sau chúng tôi; chiến hào chúng tôi được tự do. Chúng tôi vớ lấy lựu đạn ném về phía trước hào, rồi nhảy vọt ra ngoài. Hỏa lực phá hoại đã ngừng, nhưng trái lại, phía sau chúng tôi là cả một lưới lửa bắn chặn dữ dội. Cuộc tấn công bắt đầu.

Không ai tin được trong cái chốn hoang tàn xơ xác này lại có thể còn có con người; thế mà lúc này, những chiếc mũ sắt nhô lên khắp nơi trong chiến hào. Và cách chúng tôi nằm chực thước, ngay lúc đó, một ổ súng máy bắt đầu nổ ròn rã.

Những công sự phòng thủ bằng dây thép đều bị phá hủy. Tuy vậy chúng còn tạo ra được ít nhiều chướng ngại. Chúng tôi nhìn thấy bọn xung kích đang xông tới. Trọng pháo của chúng tôi lóe chớp.

Súng máy rền rĩ, súng trường đùng đoàng. Bọn đối phương cố hết sức tiến lên. Hai và Cốp bắt đầu sử dụng lựu đạn. Chúng nó ra sức ném thật nhanh.

Những quả lựu đạn chuyển cho chúng nó đều đã sẵn sàng, chỉ việc ném đi. Hai ném được tới sáu chục thước. Cốp năm chục thước. Tầm ném trước đây đã được kiểm tra và đó là một điều rất quan trọng. Bọn đối phương vì mãi chạy,

cho nên trước khi chúng đến cách ba chục thước thì không có gì nguy hiểm lắm.

Chúng tôi nhận ra những bộ mặt nhó và những chiếc mũ sắt. Đó là quân Pháp. Chúng đã tới chỗ dây thép gai bị phá tung và chúng đã bị thiệt hại nặng nề. Cả một hàng người bị khẩu súng máy cạnh chúng tôi quét sạch; nhưng sau đó chúng tôi bị mấy lần súng hóc, nên bọn xung kích đã tiến đến sát.

Tôi thấy một đứa trong bọn chúng ngã vật lên hàng rào lông nhím, mặt ngẩng cao. Cái mình hăn khuyu xuống như một chiếc bao tải, hai tay chắp lại như cầu nguyện. Thế rồi cả cái thân người tách rời hăn ra, chỉ còn có hai bàn tay cùng với những khúc cánh tay bị đạn tiện đứt còn mắc lại trong đám dây thép gai.

Lúc chúng tôi lùi lại, có ba cái mặt nhô lên khỏi mặt đất. Dưới một chiếc mũ sắt, hiện ra một bộ râu nhọn hoắt, đen sì và hai con mắt nhìn thẳng vào tôi.

Tôi giơ tay lên nhưng không thể nào ném quả lựu đạn của tôi về phía hai con mắt lạ lùng ấy được.

Trong một lúc điên loạn, tất cả trận đánh quay cuồng chung quanh tôi và chung quanh đôi mắt ấy, riêng có đôi mắt ấy là không động đậy; rồi trước mặt tôi, cái đầu ngẩng lên, tôi nhìn thấy một bàn tay, một động tác thể là lập tức quả lựu đạn của tôi phóng ra, bay thẳng về phía ấy.

Chúng tôi vừa lùi vừa chạy, chúng tôi kéo phẳng đám hàng rào lông nhím vào trong chiến hào và chúng tôi để rơi lại phía sau những quả lựu đạn đã đập kíp, để có thể lui mà vẫn duy trì được hỏa lực. Từ vị trí liền đó, súng máy vẫn nhả đạn.

Chúng tôi trở nên những con thú dữ nguy hiểm, chúng tôi không đánh nhau, chúng tôi chỉ tự vệ chống lại sự tiêu diệt. Không phải chúng tôi ném lựu đạn để giết những con người, vì lúc ấy chúng tôi chỉ cảm thấy có một điều: cái chết kia kia, đang đuổi bắt chúng tôi dưới hình thù những bàn tay và những cái mũ kia. Từ ba ngày nay, đây là lần đầu tiên chúng tôi có thể nhìn cái chết tận mắt. Từ ba ngày nay, đây là lần đầu tiên mà chúng tôi có thể chống cự lại nó. Sự giận dữ đang sôi sục trong chúng tôi thật là vô lý. Chúng tôi không còn là những người bị đặt nằm bất lực trên máy chém nữa, nhưng chúng tôi có thể tiêu diệt bản giết để thoát thân... để thoát thân và để trả thù.

Chúng tôi nấp sau từng góc ngách, sau từng trụ dây thép gai, và trước khi rút xa hơn, chúng tôi ném vào chân bọn đang xông tới, từng gói thuốc nổ. Tiếng lựu đạn nổ khô đòn dội lại cánh tay và ống chân chúng tôi rất mạnh. Co dúm lại như những con mèo, chúng tôi chạy, chìm ngập trong cái làn sóng đang lôi cuốn chúng tôi, làm chúng tôi trở nên dữ tợn, làm chúng tôi thành những tên tướng cướp lực lâm, những tên sát nhân và thậm chí những con quỷ dữ nữa - cái làn sóng làm tăng sức lực chúng tôi lên gấp mấy lần giữa cơn hoảng hốt điên cuồng và thèm khát, cái làn sóng tìm cách cứu thoát chúng tôi

và kể ra cũng đã cứu được. Nếu bố anh mà có mặt trong hàng ngũ bọn đối phương, chắc anh sẽ chẳng ngần ngại gì mà không ném một quả lựu đạn vào giữa ngực ông ta.

Những chiến hào ở tuyến thứ nhất đã rút hết. Có còn là những chiến hào nữa không? Chúng đã bị đạn chằng chịt, đã bị tiêu hủy; chỉ còn là những mảnh xác xơ của chiến hào, những cái lỗ thông nhau bằng đường chữ chi, và không biết bao nhiêu là hố đại bác. Nhưng sự thiệt hại của đối phương mỗi lúc một tăng. Chúng không ngờ đến sức kháng cự mãnh liệt dường ấy.

Trưa. Mặt trời nóng gay gắt; mồ hôi chảy xuống mắt khó chịu; chúng tôi lấy tay áo quạt mồ hôi, nhiều lúc có cả máu. Bây giờ chúng tôi đến một dãy chiến hào khá hơn một chút. Quân chúng tôi đang đóng ở đây và chuẩn bị phản công. Họ đón chúng tôi. Pháo binh chúng tôi hoạt động mãnh liệt và khóa chặt lấy vị trí.

Những hàng người phía sau chúng tôi dừng lại, chúng không thể tiến được nữa. Đợt tấn công đã bị pháo binh của chúng tôi bẻ gãy. Chúng tôi đang lăm lăm thủ thế. Này đây, đường đạn trọng pháo bên chúng tôi kéo dài thêm ra một trăm thước, thế là chúng tôi dành lại thế công. Bên cạnh tôi, một anh binh nhất bị văng mất đầu. Anh ta còn bước thêm mấy bước nữa trong khi máu ở cổ phụt ra như suối.

Nói cho đúng, chưa phải là đánh giáp lá cà vì bọn kia đã bắt buộc phải lùi. Chúng tôi không những lấy lại được những đoạn chiến hào, lại còn vượt qua đó nữa.

Ôi, những trận phản kích! Anh đã về, đến phòng tuyến hậu bị che chở cho anh, anh muốn lẩn lút sau nó và biến đi, thế mà lại phải đằng sau quay và trở lại cái xứ sở của khủng khiếp. Nếu chúng tôi không phải là những con người máy thì lúc đó chúng tôi đã nằm ì, kiệt lực, không còn chút ý chí nào nữa. Nhưng chúng tôi lại bị lôi cuốn một cách bất đắc dĩ về phía trước và với cả một sự căm giận điên cuồng nữa, chúng tôi muốn giết, vì những người phía bên kia giờ đây là những kẻ tử thù; Súng trường và lựu đạn của chúng nhắm vào chúng tôi. Nếu chúng tôi không giết chúng thì chúng cũng giết chúng tôi.

Đất nâu, cái dãy đất nâu tan tành xơ xác hắt ra một ánh sáng lờ mờ bóng nhẫy dưới những tia sáng mặt trời, là bối cảnh của một việc tự động âm ỉ và không ngừng; tiếng thở dốc của chúng tôi là tiếng lò xo của bộ máy; môi chúng tôi khô, đầu chúng tôi nặng trĩu hơn cả sau một đêm say rượu. Chính trong cái trạng thái ấy mà chúng tôi lao đảo tiến lên; một hình ảnh đã thâm nhập một cách đau đớn xé lòng vào tâm hồn chúng tôi, cái tâm hồn lổm chổm như những cái muôi hớt bột; đó là hình ảnh dãy đất nâu này với ánh mặt trời bóng nhẫy này, với những người lính chết và thoi thóp đang nằm kia, như một số phận không thể nào tránh khỏi, hoặc tóm lấy chân chúng tôi và kêu gào lên trong khi chúng tôi nháy qua xác họ.

Chúng tôi đã mất hết cả tình đồng đội. Chúng tôi chỉ thoáng nhận ra nhau

khi hình ảnh của người khác đập vào đôi mắt của chúng tôi, của con thú bị săn đuổi. Chúng tôi là những người chết vô tri vô giác, do một thứ phép lạ và một thứ bùa chú nguy hại, còn đủ sức chạy và giết.

Một tên Pháp trẻ tụt lại đằng sau; nó bị đuổi kịp, nó giơ tay lên; trong một bàn tay vẫn còn khẩu súng lục, người ta không hiểu nó định bắn hay định hàng.

Một nhát xẻng chẻ mặt nó ra làm hai. Một tên khác trông thấy vậy toan chạy, nhưng một lưỡi lê rít lên, cắm phập vào lưng nó. Nó chồm lên, hai cánh tay giang ra, mồm há hốc và rú lên, nó lao đảo trong khi chiếc lưỡi lê rung rinh ở xương sống nó. Tên thứ ba vấp khẩu súng và nép mình xuống đất, hai tay bịt mắt. Chúng tôi để nó lại đằng sau, cùng với mấy tù binh khác để khiêng thương binh.

Đột nhiên, trong khi truy kích, chúng tôi tới phòng tuyến địch. Chúng tôi bám sát địch đến nỗi chúng tôi gần như lọt vào đẫy cùng một lúc với chúng. Nhờ thế, chúng tôi không bị thiệt hại mấy. Một khẩu súng máy bắt đầu sủa, nhưng một quả lựu đạn bắt nó câm họng ngay. Tuy vậy, chỉ trong có mấy giây nó hoạt động cũng đủ làm thủng bụng năm người bên chúng tôi.

Giáng cái bóng súng, Cát đập vỡ mặt một trong những thằng bắn súng máy chưa bị thương. Chúng tôi đâm những thằng khác bằng lưỡi lê trước khi chúng rút được lựu đạn. Thế rồi, khát quá, chúng tôi nốc ừng ực nước trong bình làm nguội súng.

Khắp nơi, lách tách tiếng kìm cắt dây thép đang hoạt động; khắp nơi, những tấm ván đặt bừa lên trên đồng công sự ngổn ngang, chúng tôi nhảy xuống các chiến hào qua những cửa vào nhỏ hẹp. Hai cắm phập lưỡi xẻng của nó vào cổ họng một thằng Pháp đồ sộ và ném quả lựu đạn đầu tiên; chúng tôi nấp vài giây sau một bức lũy; sau đó, tất cả khoảng chiến hào chạy dọc trước mặt chúng tôi trở nên trống rỗng. Lựu đạn chúng tôi vèo vèo xiên vào các góc ngách, thế là quét sạch. Vừa chạy, chúng tôi vừa ném lựu đạn vào các hầm chúng tôi chạy qua. Đất rung chuyển; chỉ còn là khói, là tiếng gầm và tiếng nổ. Chúng tôi vấp, trượt trên những tảng thịt, những thân người mềm nhũn; tôi ngã xuống một cái bụng phanh toác ra, trên úp một cái mũ sĩ quan mới toang và rất sạch.

Trận đánh dịu đi. Sự tiếp giáp với quân địch bị gián đoạn. Vì chúng tôi không thể giữ chỗ này được lâu nên người ta lại điều chúng tôi về vị trí cũ, dưới sự che chở của pháo binh. Vừa được biết lệnh thoái triệt, chúng tôi vội vàng xông vào các hầm gần đây để khoảng tất cả những đồ hộp nhìn thấy, nhất là những hộp thịt bò ướp và bơ, rồi mới leo ra khỏi chiến hào.

Chúng tôi rút lui trong những điều kiện thuận lợi.

Lúc ấy, không có đợt tấn công nào của địch nữa.

Trong hơn một tiếng đồng hồ, chúng tôi nằm dài ra, thở hồng hộc, chẳng nói chẳng rằng gì cả. Chúng tôi mệt đừ đến nỗi đói cào đói cào mà cũng chẳng

thiết gì đến đám đồ hộp kia. Rồi dần dần, chúng tôi mới trở lại gần như những con người.

Món thịt bò ướp của đối phương nổi tiếng khắp mặt trận. Thậm chí, có lần cái món ăn ấy là lý do chính của một trong những đợt xuất kích bất thành lình của chúng tôi, vì thức ăn của chúng tôi thường là tòi; chúng tôi luôn luôn bị đói.

Chúng tôi vớ được năm hộp tất cả. So với chúng tôi là những đứa đói meo chỉ có món xu hào nấu nhừ, thì những thùng bên kia được ăn khoái quá; ở bên chúng nó, thịt thà ê hề; chỉ cần chìa tay ra là có ngay. Ngoài ra, Hai còn vớ được một cái bánh mì trắng, tròn lủng lủng của bọn Pháp, nó giắt vào thắt lưng y như một cái xẻng. Một đầu bánh hơi vấy máu, nhưng cắt đi cũng dễ thôi.

Bây giờ chúng tôi đã có cái ăn ngon, thật là hạnh phúc; chúng tôi còn cần đến sức nhiều, ăn cho no cũng có ích như có một cái hầm tốt, vì vậy chuyện ăn uống mới làm bận tâm chúng tôi đến thế, thực tế nó có thể cứu sống chúng tôi.

Jadon lại còn vớ thêm được hai bình rượu Cô nhắc. Chúng tôi chuyền cho nhau uống.

Pháo binh ban phước lành buổi tối cho chúng tôi. Đêm đến, những đám sương mù từ những hố trái phá dâng lên. Người ta ngỡ rằng những cái hố ấy chứa chất đầy những sự kỳ dị, giống như ma quái.

Làn hơi trắng, trườn đi đây đó một cách rụt rè, trước khi dám dâng lên miệng hố, rồi những tà áo dài nhẹ mỏng kéo lê từ hố này sang hố khác.

Trời lạnh. Tôi đứng gác và nhìn trôn trôn vào bóng tối. Tôi thấy mệt mỏi rã rời như sau mỗi trận đánh; vì thế khi phải đứng lẻ loi với những ý nghĩ của mình tôi thấy thật là khổ. Nói cho đúng, đó không phải là những ý nghĩ, mà là những ký ức lúc này đang ám ảnh tôi trong phút yếu lòng, đang kích động tôi một cách kỳ lạ. Những quả pháo sáng vọt lên trời và tôi thấy hiện lên trong tôi một hình ảnh: một buổi chiều hè, tôi đứng trong khu kín của nhà thờ, tôi ngắm những cây hồng cao nở hoa giữa mảnh vườn nhỏ, nơi để chôn các thầy tu. Chung quanh là những tượng đá của các chặng đường thánh giá. Không một bóng người. Yên lặng hoàn toàn ngự trị trên mảnh vườn nở hoa ấy; mặt trời hun những tảng đá lớn màu xám: tôi đặt tay lên và cảm thấy chúng nóng quá. Ở đầu bên phải của cái mái lợp đá đen ngọn tháp màu xanh của nhà thờ vươn lên trong màu xanh nhạt và mờ đục của chiều tà. Giữa những cột nhỏ, bóng bầy, chạy quanh khắp khu kín, tràn ngập cái bóng tối mát rượi chỉ các nhà thờ mới có; tôi đứng đó, im lìm, nghĩ đến chuyện năm hai mươi tuổi, tôi sẽ được biết những niềm rạo rục với đàn bà.

Do một hiện tượng lạ lùng, cái hình ảnh ấy đến sát bên tôi, gần như chạm vào tôi, trước khi bị xóa nhòa dưới ánh lửa của chiếc pháo hiệu sau.

Tôi cầm lấy khẩu súng và kiểm tra lại. Nòng súng âm. Tôi đặt tay lên, nắm

chặt lại, và lấy ngón tay lau nòng súng.

Giữa những đồng cỏ, phía sau thành phố của chúng tôi, có một hàng cây bạch dương già chạy dọc theo một ngòi nước. Từ rất xa, người ta đã nhìn thấy chúng và thường gọi là con đường bạch dương mặc dầu chỉ có một hàng cây. Ngay hồi còn bé, chúng tôi đã rất thích hàng bạch dương ấy, bị chúng thu hút mà không hiểu tại sao. Chúng tôi suốt ngày quần quít bên những gốc cây, nghe chúng thì thầm nhẹ nhàng. Chúng tôi ngồi dưới bóng cây, trên bờ ngòi, thả chân xuống dòng nước trong veo và chảy xiết.

Những làn hơi nước thanh khiết và tiếng gió du dương trong những cành bạch dương, bao trùm cả tâm trí chúng tôi. Sao mà yêu chúng thế! Hình ảnh của những ngày ấy trước khi xóa mờ, còn làm tim tôi thổn thức. Thật là lạ lùng, tất cả những ký ức gợi lại trong lòng chúng tôi đều có hai tính chất. Những kỷ niệm ấy trầm lặng, đó là cái đặc điểm rõ rệt nhất, và dù cho trong thực tế, có khác đi nữa, chúng vẫn gây cho ta cảm giác như vậy. Đó là những hình ảnh câm, chúng thầm lặng nói với tôi bằng mắt, bằng cử chỉ, chẳng cần đến lời; và sự trầm lặng ấy, xúc động xiết bao, khiến tôi phải ghì lấy tay áo và khẩu súng, để khỏi rơi mình vào chỗ mơ màng, chan chứa, mà thể xác tôi muốn nhẹ nhàng buông thả để chạy theo cái sức mạnh câm lặng ẩn sau sự vật ấy.

Những bóng hình ấy yên lặng, chính vì sự yên lặng là một hiện tượng chúng tôi không hiểu được. Ở mặt trận, không có yên lặng, và ảnh hưởng của mặt trận bao trùm đến nỗi chúng tôi không thể nào thoát khỏi nó. Ngay cả ở những trạm xa hỏa tuyến, những nơi chúng tôi quay về nghỉ, tiếng gầm thét và tiếng ồn ào đã dội đi của hỏa lực, cũng vẫn còn văng vẳng bên tai. Không bao giờ chúng tôi được đi xa hơn để khỏi phải nghe thấy nó. Nhưng, tất cả những ngày gần đây, thật là không chịu nổi.

Sự yên lặng ấy là lý do tại sao những hình ảnh quá khứ thức tỉnh trong chúng tôi nhiều buồn rầu hơn là mong ước, một mối sầu mệnh mông và cuồng loạn. Những cái đó đã có thật, nhưng sẽ không quay lại nữa. Chúng đã qua rồi, và thuộc về một quãng đời đã trọn vẹn đối với chúng tôi. Trong những sân trại lính, chúng kích thích một ý muốn dữ tợn và ngỗ ngược; thế là chúng còn gắn bó với chúng tôi, chúng tôi còn thuộc về chúng và chúng còn thuộc về chúng tôi, dù rằng giữa chúng tôi và những hình ảnh ấy đã có sự cách biệt. Những hình ảnh ấy còn nổi lên trong những bài ca của lính mà chúng tôi thường hát khi đi tập ở đồng hoang, chân bước giữa ánh bình minh và những hình dáng đen tối của rừng sâu; chúng tạo nên một kỷ niệm mãnh liệt ở trong chúng tôi và cũng toát cả ra ngoài chúng tôi.

Nhưng ở đây, trong những chiến hào, kỷ niệm ấy bị mất đi. Nó không dâng lên trong chúng tôi nữa; chúng tôi đã chết và nó ở tận xa tít phía chân trời; nó như một thứ hiện hình, một ánh hồi quang huyền diệu đến với chúng tôi; chúng tôi sợ nó mà lại yêu nó, bằng một mối tình tuyệt vọng. Kỷ niệm ấy

mãnh liệt và lòng mong muốn của chúng tôi cũng mãnh liệt; nhưng chúng tôi biết rằng không với được tới nó. Nó cũng hão huyền như cái hy vọng trở nên đại tướng.

Và dù người ta có trả lại chúng tôi cái phong cách ấy của thời thơ ấu, chúng tôi cũng chẳng biết dùng nó để làm gì. Những sức mạnh tế nhị và kín đáo mà nó kích thích trong chúng tôi, không thể sống lại được nữa. Chúng tôi tha hồ mà sống, mà cựa quậy trong nó, chúng tôi tha hồ mà nhớ lại, mà quý mến nó, mà xúc động trước hình bóng đó, nhưng cũng chẳng khác nào bức ảnh của một người bạn đã chết xâm chiếm ý nghĩ chúng ta; đó là nét mặt anh ta, là khuôn mặt anh ta, là những ngày sống chung với anh ta; chúng sống lại trong óc chúng ta một cách giả tạo, nhưng không phải là chính anh ta.

Chúng tôi sẽ chẳng còn gắn bó với cái phong cảnh ấy như trước đây nữa. Không phải sự hiểu biết về đẹp và tâm hồn của nó đã lôi cuốn chúng tôi đến với nó, mà là sự cảm thông, ý thức về một mối tình ruột thịt với những sự vật và biến cố của bản thân chúng tôi, mối tình ruột thịt ấy ngăn cách chúng tôi, thường làm cho chúng tôi không hiểu nổi cái thế giới của các bậc cha mẹ; vì có thể nói rằng chúng tôi luôn luôn tha thiết mê say và bị lãng quên trong cái thế giới riêng của chúng tôi, và những sự vật nhỏ bé nhất đối với chúng tôi bao giờ cũng tận cùng ở con đường vô tận. Có lẽ, đó chỉ là cái đặc ân của thời niên thiếu; thời ấy chúng tôi chưa nhìn thấy một giới hạn nào, và chúng tôi chẳng cho đâu là đích cả; chúng tôi có trong người cái men say của dòng máu kết hợp chúng tôi với bước đường đời chúng tôi.

Ngày mai, có lẽ chúng tôi sẽ đến thăm phong cảnh thời thơ ấu như những người du khách. Chúng tôi đã bị sự đời làm cho tiêu tụy, chúng tôi biết phân biệt những chi tiết như những gã lái buôn, và thấy được nhu cầu như những tay bán thịt. Chúng tôi không còn vô tư lự nữa, chúng tôi lạnh lùng một cách đáng sợ. Chúng tôi sẽ ở đây, nhưng có phải chúng tôi sống không?

Chúng tôi bơ vơ như những đứa trẻ và thạo đời như những cụ già; chúng tôi thô lỗ, u sầu và hơi hợt, tôi chor rằng chúng tôi đã hỏng hết.

Bàn tay tôi lạnh toát và da nổi gai lên. Vậy mà, đêm vẫn nóng, chỉ có làn sương mù là lạnh lẽo, cái sương mù quái gở ấy bò xung quanh những người chết trước mặt chúng tôi và hút lấy giọt sống cuối cùng còn dấu kín. Ngày mai, họ sẽ nhợt nhạt, máu họ sẽ tím đen và đóng cục. Những pháo sáng vẫn bay lên trời và tỏa ánh sáng tàn nhẫn trên cái quang cảnh sững sờ đầy hố hình phễu, một ánh sáng lạnh lẽo như ánh trăng. Dòng máu chảy trong người tôi chứa đựng nỗi lo âu kinh hãi của những ý nghĩ yếu đuối và run rẩy; chúng đòi hỏi sức nóng và sự sống.

Chúng không thể cầm cự được nếu không có nguồn an ủi và ước mơ; chúng rối loạn trước hình ảnh trắng trợn của tuyệt vọng.

Nghe có tiếng xoong nồi lích kích, tôi thèm thức ăn nóng quá. Nó sẽ làm cho tôi dễ chịu và bình tĩnh lại. Tôi đành phải khổ tâm chờ đến lúc đổi gác.

Rồi tôi xuống hầm và thấy có một bát cháo bột để phần tôi. Có cả mỡ, ngon thật; tôi ăn thông thả. Nhưng tôi vẫn im lặng, mặc dầu những người khác có vẻ tươi hơn vì trận pháo kích đã ngớt.

Ngày lại ngày trôi qua, và mỗi giờ trôi qua vừa khó hiểu lại vừa rõ ràng, minh bạch. Những đợt tấn công xen với những đợt phản công, xác chết chồng chất bên các hố đại bác giữa các tuyến. Thường thường chúng tôi có thể đi tìm những người bị thương nằm không xa quá: nhưng dù sao vẫn còn nhiều người phải nằm đó thật lâu và chúng tôi nghe thấy họ chết.

Có một người chúng tôi ra sức tìm đã hai ngày hôm nay. Có lẽ hắn ta nằm sấp và không trở mình được. Đó là nguyên nhân duy nhất khiến chúng tôi không tài nào tìm ra được chỗ hắn nằm, vì khi gọi mà mồm để sát đất, thì thật khó mà biết tiếng gọi từ đâu tới. Chắc hắn ta bị một vết thương nặng, một vết thương tai ác, không đến nỗi nặng quá để có thể đánh gục anh ngay và làm anh chết trong cơn mê sảng, nhưng lại quá nặng khiến anh không chịu nổi đau đớn và không mong gì chữa khỏi. Cát cho rằng hắn bị gãy xương chậu hoặc bị một phát vào xương sống. Chắc không phải bị thương ở ngực; nếu bị, thì làm gì có nhiều hơi đến thế để kêu. Nếu vết thương ở chỗ khác, tất nhiên hắn đã phải trở mình.

Dần dần, tiếng kêu trở nên khàn khàn. Cái âm thanh phát ra oái oăm đến nỗi người ta tưởng nó từ cả bốn phương bay lại; họ tưởng đã tìm đúng hướng và họ bò về phía ấy, nhưng khi lắng tai, thì tiếng kêu lại từ phía khác vọng đến.

Họ tìm kiếm cho mãi đến sáng vẫn vô ích. Ban ngày, chúng tôi sục sạo địa thế bằng ống nhòm; nhưng không thấy gì hết. Ngày thứ hai, tiếng kêu của hắn, yếu hơn; chúng tôi biết là môi và miệng hắn đã khô rồi!

Viên chỉ huy đại đội chúng tôi hứa cho người nào tìm thấy hắn sẽ được nghỉ phép trước kỳ hạn, lại được thêm ba ngày nữa. Đó là nguồn động viên rất mạnh, nhưng dầu chẳng có cái ấy, thì chúng tôi cũng vẫn cố hết sức tìm vì những tiếng kêu ấy nghe khiếp quá. Có một lần Cát và Cộp đang buổi chiều cũng ra đi tìm. Anbe bị một viên đạn xéo mất một mẩu tai. Táo bạo vô ích, chúng nó cũng chẳng tha được hắn về. Tuy vậy, chúng tôi vẫn hiểu rõ hắn kêu những gì.

Đầu tiên hắn không ngừng gọi người đến cứu; đêm thứ hai, có lẽ hắn hơi bị sốt; hắn nói với vợ và các con; chúng tôi luôn luôn nghe thấy tên Elidơ. Hôm nay, hắn chỉ khóc. Chiều nay, giọng hắn tắt đi và chỉ còn tiếng rên. Nhưng hắn vẫn còn than thở khe khẽ suốt cả đêm. Chúng tôi nghe thấy rất rõ, vì gió thổi về phía chiến hào chúng tôi. Sáng hôm sau, lúc chúng tôi tưởng hắn đã yên nghỉ từ lâu, thì một tiếng rên ú ứ trong cổ họng lại một lần nữa bay đến phía chúng tôi...

Ban ngày nóng bỏng, mà những người chết vẫn nằm kia, chi chít liền nhau. Chúng tôi không thể mang họ đi hết; chúng tôi cũng không biết làm thế nào

với họ nữa. Chính những viên đạn trái phá sẽ chôn họ. Thỉnh thoảng, bụng họ trương lên như một quả bóng. Họ phì ra, oi lên và cựa quậy. Đó là những luồng hơi còn rậm rịch trong người họ.

Trời xanh, không một bóng mây. Buổi chiều nặng nề và hơi nóng từ mặt đất bốc lên. Khi thổi về phía chúng tôi, gió lại mang đến cho chúng tôi mùi máu, cái mùi nặng nề, nhạt nhẽo kinh tởm ấy, cái mùi chết chóc bốc lên từ những hố đại bác, giống như một thứ thuốc mê trộn lẫn với mùi thổi rửa, làm cho chúng tôi khó chịu.

Nhiều đêm đã trở lại yên tĩnh, chúng tôi bắt đầu đi lùng những chiếc đai đồng của đạn trái phá và những chiếc dù lụa pháo sáng của quân Pháp. Thực ra, chẳng ai hiểu tại sao những chiếc đai đạn trái phá lại quý đến thế. Những tay sưu tầm chỉ quả quyết một điều là chúng có giá trị. Có những cậu khuôn nhiều đến nỗi khi xuống hào, phải cúi gập cả người lại vì nặng quá.

Riêng Hai, ít ra nó cũng có một lý do: nó định gửi những chiếc đai đạn ấy về cho vợ chưa cưới của nó để làm nịt bít tất!

Nghe thấy vậy, tất nhiên mấy anh chàng quê xứ Phridor cười như nắc nẻ; chúng nó vừa vỗ đùi vừa nói: "Đến chết cười chứ không phải. Lạ Chúa tôi, cái anh chàng Hai này thế mà dí dỏm quá quắt!". Nhất là Jadron, nó không nhịn được, nó cầm cái đai đạn to nhất rồi luôn luôn cho chân vào để xem còn rộng bao nhiêu nữa. "Hai này, chắc rằng có những cái bấp chân... phải, những cái bấp chân, phải nói rằng ý nghĩ của nó còn lên cao hơn cái điều ấy một chút - và chắc nàng cũng phải có những cái móng đít, phải, như... như một con voi!". Với cái đà vui nhộn ấy, nó còn đùa dai mãi, "ái chà, với cô nàng, tớ chỉ muốn chơi cái trò vỗ chân giò nhau thôi, thật đấy...". Hai ta phổng cả mũi. Vì không ngờ vợ chưa cưới của nó lại trọi đến thế, và đặc ý nó nói gọn lỏn: "Gái ra gái nhé!". Những cái dù lụa có ích lợi thiết thực hơn. Tùy theo khổ người, ba hay bốn chiếc là được một cái áo khoác. Cộp và tôi lấy làm khăn tay. Những đứa khác thì gửi về nhà. Nếu các bà mà biết nỗi nguy hiểm thường xảy ra khi đi lùng những miếng giẻ rách mỏng mảnh này, chắc các bà ấy phải sợ run lên.

Cát bắt chợt gặp Jadron đang thản nhiên đập một viên đạn trái phá khổng lồ để tháo lấy đai. Vào tay người khác, cái món ấy nhất định phải nổ rồi, nhưng Jadron, bao giờ cũng có số may.

Hai con bướm vàng nhờn nhờn suốt buổi chiều trước chiến hào chúng tôi, cánh chúng lốm đốm đỏ. Cái gì đã lôi kéo chúng đến đây? Không có qua một cái cây, một bông hoa nào quanh vùng cả. Chúng đổ xuống hàm răng một cái sọ người. Những con chim cũng vô tư lự như thế, từ lâu chúng nó đã quen với chiến tranh. Sáng sáng, những con chim sơn ca bay tít lên trời, giữa phòng tuyến địch. Một năm trước, chúng tôi đã thấy những con chim ấy đang ấp và chúng cũng nuôi được con nữa.

Trong chiến hào, lũ chuột đã để chúng tôi yên.

Chúng tôi biết tại sao chúng ở phía trước mặt. Lũ chuột béo múp ra. Thấy

con nào là chúng tôi bắn ngay. Ban đêm chúng tôi lại nghe thấy tiếng ầm ĩ ở phía bên kia. Ban ngày, chỉ có những trận pháo kích bình thường, nên chúng tôi có thể sửa chữa lại chiến hào. Cũng có cả trò giải trí nữa. Tụi phi công đóng vai chính. Hàng ngày, những trận không chiến rất là đắt khách. Chúng tôi không bức mình lắm về những máy bay chiến đấu, nhưng chúng tôi ghét cay ghét đắng cái lũ máy bay thám thính, vì chúng chỉ điểm cho pháo binh. Chỉ vài phút sau khi chúng nó xuất hiện là y như có một trận mưa đạn sớápnen [7] và trái phá.

Vì thế, chỉ trong một ngày chúng tôi thiệt mười một người, trong số đó có năm cứu thương. Hai người bị tan xác đến nỗi Jạđơn nói rằng người ta có thể lấy thìa nạo những chỗ còn dính ở vách hầm, và dùng một cái nồi làm quan tài. Một người khác bị tiện văng mất cái bụng dưới và hai chân. Anh ta chết, nửa mình dựng đứng trong chiến hào, mặt màu vàng chanh và điều thuốc vẫn lập lòe trong bộ râu; điều thuốc còn đỏ cho đến khi chạm môi anh ta mới thôi. Chúng tôi tạm thời đặt những người chết vào một hố trái phá lớn. Cho đến bây giờ, đã có đến ba lượt chõng chất lên nhau rồi.

Đột nhiên, hỏa lực lại bắt đầu ầm ầm dữ dội. Thế là chẳng mấy chốc, chúng tôi lại rơi vào tình trạng căng thẳng, lo âu, chờ đợi một cách thụ động.

Tấn công, phản công, xung kích, phản kích, đó chỉ là những từ ngữ, nhưng chúng chứa đựng biết bao ý nghĩa nữa? Chúng tôi thiệt rất nhiều người, nhất là tân binh. Trong khu vực chúng tôi, những chỗ trống đã được viện binh lấp vào. Do đó, chúng tôi nhận được một trung đoàn trong số những trung đoàn vừa mới tổ chức, hầu như toàn bộ là những cậu trẻ măng thuộc các toán lính mới mộ. Trước khi ra trận, chúng nó chỉ được huấn luyện qua loa, chỉ mới biết những động tác cơ bản. Chắc chúng nó cũng hiểu thế nào là quả lựu đạn, nhưng chúng biết rất ít về cách ẩn nấp, nhất là thiếu sự tinh nhanh. Mặt đất phải gồ lên đến năm mươi phân, chúng nó mới nhận ra.

Dù rằng viện binh đối với chúng tôi là rất cần nhưng những cậu lính mới chỉ tổ làm bận chúng tôi hơn là giúp ích chúng tôi. Trong khu vực chiến đấu ác liệt này, chúng nó bị mất hết tinh thần, ngã như sung rụng [8]. Chiến tranh trận địa ngày nay đòi hỏi người lính phải có kiến thức và kinh nghiệm; phải nắm được địa hình, tai nghe phải biết phân biệt các loại đạn và biết tác hại của chúng; phải biết tính trước viên đạn sẽ rơi xuống đâu, phạm vi phá hoại của nó bao nhiêu, và phải ẩn nấp ra sao.

Dĩ nhiên tất cả những cậu lính trẻ này hầu như chưa biết gì về những cái đó. Các cậu chết nhiều là vì chưa biết phân biệt đạn xì với đạn nổ; chúng nó chết như rạ là vì chúng hốt hoảng chăm chú nghe tiếng gầm của những "hòm than" vô hại và sẽ rơi rất xa còn cái tiếng rì rào, xì xì nhẹ nhàng của những con quái vật nhỏ bé, nổ tung ngay sát mặt đất thì chúng nó lại không nghe thấy. Đáng lẽ phải tản ra thì chúng nó lại nép vào nhau như đàn cừu, cả đến những

cậu đã bị thương rồi mà vẫn còn để cho tụi phi công bắn chết như bắn thỏ. Chao ôi! Những bộ mặt khờ dại xám ngoét ấy, những bàn tay co quắp đáng thương ấy, sự can trường thảm hại ấy của những con chó khốn khổ ấy bất chấp sự đời, vẫn xông lên và tấn công; những con chó khốn khổ ấy, những con chó can đảm ấy, bị đe dọa đến nỗi không dám kêu lên và mặc dầu chân, tay, ngực, bụng đã bị rách nát, cũng chỉ dám rên lên khe khẽ gọi mẹ, nhưng khi người ta vừa nhìn chúng thì chúng lại im ngay tức khắc. Những khuôn mặt của chúng nhọn hoắt, đầy lông to và chết cứng, thiếu một cách đáng sợ cái thần sắc của những xác trẻ con.

Chúng tôi nghẹn ngào khi nhìn thấy chúng nó chồm lên, chạy và ngã xuống. Chúng tôi muốn đánh cho chúng một trận vì chúng nó ngu quá, lại cũng muốn ôm chúng vào lòng và mang chúng đi khỏi cái nơi không phải là của chúng. Chúng nó mặc quần áo màu xám, đi ủng lính, nhưng với số đông thì bộ quân phục rộng quá, lật phật quanh tay chân, vai chúng nó gầy quá, mình chúng nhỏ quá, không có thứ quân phục nào vừa cỡ bọn trẻ con ấy cả.

Một anh lính cũ ngã xuống, thì cũng phải từ năm đến mười chú tân binh chết.

Một trận tấn công bất thành lính bằng hơi ngạt đã giết hại một số lớn. Thậm chí, chúng nó không biết cả đến sự nguy hiểm có thể xảy ra nữa. Chúng tôi thấy một căn hầm đầy những cái đầu xám ngoét, những cặp môi tím đen lại. Trong một hồ đại bác, chúng nó đã bỏ mặt nạ ra sớm quá. Chúng nó không biết rằng hơi ngạt đọng lại trong những chỗ trũng lâu hơn; khi thấy những người lính khác đứng phía trên không đeo mặt nạ, chúng nó đã vội bỏ mặt nạ ra và đã hít phải số lượng hơi ngạt đủ làm cháy phổi.

Tình trạng của chúng nó thật là tuyệt vọng; những bãi máu khạc ra như xé phổi, và những cơn tức thở nhất định sẽ dẫn chúng nó đến chỗ chết.

Trong một đoạn chiến hào, đột nhiên tôi chạm trán Himmenxtôt. Hai người cùng nấp trong một cái hầm. Mọi người đều nằm xuống, thở hổn hển, và chờ đợi lúc tiến đánh.

Lúc ra khỏi hầm, tuy tôi bị kích động, nhưng một ý nghĩ vẫn thoáng qua trong óc; tôi không trông thấy Himmenxtôt nữa? Tôi vội vàng lộn trở xuống, và thấy hấn chui vào một xó; hấn chỉ hơi trầy da một chút, nhưng hấn làm ra bộ bị thương. Nhìn mặt hấn, người ta tưởng hấn vừa bị ai nện cho một trận. Hấn đang lên cơn sợ: phải nói rằng ở đây hấn là ma mới. Nhưng cái điều làm tôi tức điên lên là những tân binh đã ra ngoài cả rồi mà hấn lại nằm chúi ở đây cơ chứ!

Tôi điên tiết quát lên:

- Ra ngay!

Hấn không nhúc nhích, môi hấn run lên và bộ râu mép phập phồng.

- Ra ngay!

Hấn dũi cứng chân ra, nép sát vào tường và nhe răng ra, y như một con

chó.

Tôi tóm lấy tay hắn và định bắt hắn phải đứng dậy. Thế là hắn khóc. Tôi phát điên lên. Tôi nắm lấy cổ hắn, lắc như lắc bị, đến nỗi cái đầu hắn vật bên nọ sang bên kia. Tôi quát vào giữa mặt hắn.

- Đồ khốn nạn, mày có ra không thì bảo. Đồ chó, đồ bò cái, mày muốn trốn phải không?

Mặt hắn trở nên lơ đãng, tôi đập đầu hắn vào tường: "Đồ cút!". Tôi đá cho hắn một cú vào cạnh sườn: "Đồ con lợn!". Tôi đùn hắn lên, đẩy đầu hắn ra trước.

Vừa vặn lúc ấy, một đợt các bạn tôi đi qua. Trong số đó có một trung úy; ông ta nhìn chúng tôi và hét:

- Tiến lên! Tiến lên! Dồn hàng lại! Dồn hàng lại!

Thật là những quả đấm của tôi đã không có hiệu lực bằng cái tiếng ấy. Himmenxtôt đã nghe thấy tiếng cấp trên của hắn; hắn nhìn quanh, như chợt tỉnh lại và chạy theo những người khác...

Tôi chạy theo hắn và thấy hắn chồm lên. Hắn đã trở lại cái gã Himmenxtôt sắc nhọn của sân trại. Hắn đã bắt kịp cả viên trung úy và đi ngay ở hàng đầu...

Bắn dồn, bắn rào, lưỡi lửa, mìn, hơi ngạt, xe tăng, súng máy, lựu đạn, đó chỉ là những từ ngữ, những từ ngữ, nhưng chúng chứa đựng tất cả sự khủng khiếp trên đời.

Mặt chúng tôi đóng vẩy dày cộp; tư tưởng chúng tôi đã bị hủy hoại; chúng tôi mệt chết đi được. Khi tấn công nổ ra, có nhiều đứa phải đấm cho một quả mới tỉnh lại và chạy theo được. Mắt đỏ ngầu, bàn tay rách nát, đầu gối rướm máu, khuỷu tay dập nát.

Có phải những tuần, những tháng, những năm đã trôi qua như thế chẳng? Chỉ là những ngày mà thôi. Chúng tôi thấy thời gian trôi qua, bên chúng tôi trên khuôn mặt mất sắc của những kẻ hấp hối; thìa chúng tôi đổ thức ăn vào cơ thể của chúng tôi, chúng tôi chạy, chúng tôi ném lựu đạn, chúng tôi bắn súng, chúng tôi giết, chúng tôi bịt đầu nằm đấy, chúng tôi đã kiệt quệ và trở nên đần độn; chỉ có một điều an ủi chúng tôi: còn có những kẻ kiệt quệ hơn, đần độn hơn, hủy hoại hơn, mắt mở thao láo nhìn chúng tôi như những vị thần, chúng tôi, những kẻ đôi khi có thể thoát chết.

Trong những giờ nghỉ ngơi rất hiếm, chúng tôi lên lớp cho chúng nó: "Này, cậu nhìn cái nồi ^[9] đang lập lòe kia nhé! Ấy là một quả mìn sắp bay đến đấy. Cứ nằm im, nó sẽ rơi thật xa. Nhưng nếu nó như thế này này, thì phải cút ngay. Chạy thật mau có thể tránh kịp đấy!". Chúng tôi luyện cho tai chúng nó quen với tiếng rì rầm ác hại của những viên đạn cỡ nhỏ rất khó nghe thấy, cần phải cho chúng nó nhận ra cái tiếng muỗi vo vo của những viên đạn ấy giữa đám âm ầm ầm hỗn loạn; chúng tôi dạy cho chúng nó biết những viên đạn ấy nguy hiểm hơn những viên lớn mà người ta nghe thấy trước khá lâu. Chúng tôi chỉ dẫn cho chúng nó cách tránh con mắt tụi phi công, cách giả vờ chết, khi

bọn xung kích vượt qua, cách đập kíp lựu đạn để cho nó nổ đúng nửa giây trước khi chạm đích.

Chúng tôi lại dạy chúng nó cách lao người thật nhanh xuống hố đại bác khi gặp loại đạn nổ bắn tới. Chúng tôi bày cho chúng nó cách quét sạch một chiến hào bằng lựu đạn chùm; chúng tôi cắt nghĩa cho chúng nó hiểu lựu đạn địch khác lựu đạn ta về thời gian cháy mồi như thế nào; chúng tôi lưu ý chúng nó về tiếng nổ của lựu đạn hơi ngạt, và chúng tôi giảng cho chúng nó tất cả những mảnh khóe để có thể thoát chết được. Chúng lắng nghe bọn tôi, tỏ ra dễ dạy, nhưng khi trận đánh lại bắt đầu, chúng thường xúc động quá làm sai bét cả.

Hai Vethut bị gãy xương sống, phải khiêng đi; mỗi lần nó thở, phổi nó lại phập phồng qua vết thương. Tôi vẫn còn bắt tay nó được. "Chết mất, Pôn ạ!". Nó vừa rên rỉ, vừa cắn vào cánh tay vì đau quá.

Chúng tôi thấy có những người đã bị mất sọ mà vẫn sống; chúng tôi thấy có những người lính đã bị đạn tiện đứt hai chân mà vẫn chạy; họ lao đảo lết trên những khúc chân cụt rập nát cho đến cái hố trái phá gần đấy; một anh binh nhất bò bằng hai tay suốt hai cây số, lê theo cặp đầu gối vỡ toát; một anh khác, hai tay ôm bộ ruột lòng thòng, đi đến tận trạm cứu thương; chúng tôi thấy những người không có mồm, không có hàm dưới, không có mắt; chúng tôi đã gặp một anh lấy răng cắn thật chặt mạch máu ở cánh tay, trong hai giờ liền, để khỏi mất hết máu; mặt trời mọc, đêm tối đến, trái phá rít lên, sự sống ngừng lại.

Tuy vậy, cái mảnh đất rách nát mà chúng tôi đang ở, vẫn còn giữ vững được, mặc dầu trước những lực lượng trội hơn và chỉ phải hy sinh có một trăm thước đất thôi. Nhưng mỗi thước đất là một mạng người.

Chúng tôi được thay phiên. Bánh xe lăn dưới chân chúng tôi, chở chúng tôi về hậu tuyến. Chúng tôi đứng trên xe y như người mất hồn; mỗi khi có tiếng "Chú ý, dây dấy!". Chúng tôi co gối lại, cúi thấp người xuống. Dạo trước, chúng tôi qua đây là mùa hạ, cây cối còn xanh; bây giờ, chúng nhuộm vẻ thu, trời đêm xám và ẩm. Đoàn xe đỗ lại, chúng tôi bước xuống, một dùm người bị ném ra một cách lộn xộn, phần sót lại của bao nhiêu tên người. Hai bên đường, trong bóng tối, người ta gọi số hiệu các trung đoàn và các đại đội. Sau mỗi tiếng gọi, một tốp nhỏ tách ra khỏi đám người, một dùm lính bắn thủ, nhợt nhạt, một con số đã bị giảm đi một cách kinh khủng, một cái cặn còn lại vô cùng ít ỏi. Này đây, có người hô to số hiệu chúng tôi; chúng tôi nhận ra tiếng viên chỉ huy đại đội. Thế là ông ta đã trở về. Chúng tôi đi lại phía ông ta và tôi nhận ra Cát và Anbe. Chúng tôi đứng sát bên nhau, chúng tôi tựa vào nhau và chúng tôi nhìn nhau. Và lại một lần nữa, lại một lần nữa người ta gọi số hiệu chúng tôi. Người ta có thể gọi thật lâu; trong những trạm cứu thương, trong những hố trái phá nữa, không ai nghe thấy gì cả.

Lại một lần nữa: "Đại đội hai, lại đây!". Rồi thấp giọng hơn: "Đại đội hai

không còn ai nữa à?". Ông ta im lặng. Giọng ông hơi lạc đi, khi ông ta hỏi: "Đủ rồi chứ?". Và ông ta ra lệnh: "Điểm số".

Buổi sáng xám đục; khi chúng tôi ra đi, còn là mùa hè và có một trăm năm mươi người. Bây giờ chúng tôi cảm thấy lạnh - chúng là mùa thu; lá cây rì rào, những giọng mệt mỏi cất lên: "một, hai, ba, bốn...". Sau con số ba mươi hai, là im bặt...

Yên lặng một lúc lâu, rồi một giọng cất lên: "Còn ai nữa không?". Đợi một lúc, rồi cũng cái giọng ấy nói khẽ: "Đi từng tổ!". Thế nhưng, cái giọng ấy ngừng đi và nói hết câu một cách khó nhọc: "Đại đội hai... đại đội hai, đi thường, bước!".

Một dòng người, một dòng người ngăn ngủ lần bước trong buổi trời mai.

Ba mươi hai người.

Chương 6

Người ta đưa chúng tôi về sâu trong hậu phương hơn lệ thường, về một trại tân binh, để bổ sung quân. Đại đội tôi cần bổ sung hơn một trăm người.

Trong thời gian đó, chúng tôi la cà đây đó vì không có công tác gì làm cả.

Hai ngày sau, Himmenxtôt cũng về đến nơi. Từ dạo ở chiến hào đến giờ, hắn không dám ngoác mồm ra nữa. Hắn xin dàn hòa với chúng tôi. Tôi sẵn sàng chấp nhận, vì tôi thấy hắn đã giúp một tay vào việc khiêng Hai Vethut bị gãy lưng. Hơn nữa, hắn ăn nói đã có vẻ thật sự biết điều, nên khi hắn mời chúng tôi ra căng tin, chúng tôi cũng đồng ý thôi. Chỉ có Jadơn là còn nghi ngại và giữ kẽ.

Nhưng rồi chính nó cũng mau xuôi, vì Himmenxtôt cho biết hắn sắp thay chân thầy cai nấu bếp được đi phép. Để tỏ lòng thành, hắn khuân lại cho chúng tôi hai cân đường, và đặc biệt cho Jadơn nửa cân bơ. Sau đó, hắn lại còn vận động cho chúng tôi được điều về nhà bếp trong ba ngày liền, để gọt khoai tây và củ cải vàng.

Những món ăn hắn cung phụng cho bọn tôi, thật xứng đáng với bữa ăn của sĩ quan.

Ấy thế là chúng tôi tạm thời có hai cái khoái của người lính: ăn ngon và nghỉ khỏe. Nghĩ cho kỹ thì cũng không có gì quá đáng. Chỉ mới vài năm trước đây thôi, chúng tôi rất khinh ghét những chuyện ấy. Nhưng bây giờ chúng tôi gần như lấy thế làm thú vị. Cái gì cũng là thói quen cả, cả đến chiến hào cũng vậy thôi.

Sự thích nghi chính là nguyên nhân khiến chúng tôi hình như quên được rất nhanh mọi chuyện. Vừa mới hôm kia, chúng tôi còn sống dưới lửa đạn, thế mà hôm nay, chúng tôi đã đi lê lửng và sống buông thả.

Ngày mai, chúng tôi sẽ trở lại chiến hào. Thực ra, chúng tôi chẳng quên cái gì cả. Ngày nào chúng tôi còn ở hậu phương, thì những ngày ở hỏa tuyến đã qua, giống như những hòn đá chìm sâu xuống trong con người; chúng nặng nề quá khiến chúng tôi không đủ sức nghiền ngẫm. Nếu chúng tôi cứ nghiền ngẫm, chúng sẽ tiêu diệt chúng tôi ngay, bởi vì, tôi đã nhận xét thấy điều này: những sự kinh khủng có thể chịu đựng được nếu như người ta bằng lòng cúi đầu xuống, trái lại, chúng sẽ giết chết ta, nếu ta nghĩ đến chúng.

Cũng như khi ra mặt trận, chúng tôi trở thành những con vật - vì đó là điều duy nhất làm cho chúng tôi đứng vững được - thì khi về nghỉ ngơi, chúng tôi trở nên những chú hề nhạt nhẽo, và những anh chàng nhác nhớn. Không thể làm gì khác được, hoàn cảnh bắt buộc đúng phải như thế, dù thế nào, chúng tôi cũng muốn sống đã. Vì vậy chúng tôi không muốn vướng vít những tình cảm có thể rất là đẹp đẽ trong thời bình, nhưng ở chỗ này, thì quá là không

hợp một tí nào.

Kemrich chết. Hai Vethut chết. Đến ngày phán xét cuối cùng, khó mà lặp lại được cái thân hình của Han Cramơ đã bị một quả đại bác nghiền nát như tương. Macten cụt cả hai chân, May chết, Mác chết, Bay chết, Hammơlinh chết; một trăm hai mươi người chết rải rác trong các trạm cứu thương, da thịt thủng nát; thật là một điều đáng nguyền rủa, nhưng cái đó có liên quan gì đến chúng tôi bây giờ?

Chúng tôi sống. Nếu chúng tôi có thể cứu được họ, phải, người ta sẽ thấy chúng tôi chẳng ngần ngại hy sinh tính mạng của mình. Chúng tôi có thể lên đường ngay, vì khi cần đến, chúng tôi có một sức bật kỳ dị; chúng tôi không biết sợ mấy, chỉ trừ có sợ chết, nhưng cái đó lại là chuyện khác, chuyện của cơ thể.

Nhưng các bạn của tôi đã chết, chúng tôi không có cách gì giúp họ được; họ đã yên phận rồi. Ai biết được số phận chúng tôi sẽ ra sao?

Điều chúng tôi mong muốn bây giờ là nằm khểnh ra đó, ngủ và ăn cho đầy tễ, uống rượu bí tỉ và hút, để cho ngày giờ khỏi trống rỗng. Đòi người ngăn ngủi.

Sự khùng khiếp ở mặt trận sẽ biến đi, khi chúng ta quay lưng lại nó, chúng tôi đem những chuyện ở mặt trận ra đùa cợt một cách tục tĩu và ác khẩu. Khi một người chết, chúng tôi bảo là hắn đã ngậm đất lại rồi, chúng tôi cứ tếu như thế, chẳng tha cái gì. Nhờ vậy mà chúng tôi không phát điên. Chúng tôi còn nhìn mọi chuyện bằng con mắt ấy là chúng tôi còn đứng vững được.

Nhưng chúng tôi chẳng quên đâu! Điều mà các báo chí chiến tranh nói về óc trào phúng của quân đội, bảo rằng họ lo tổ chức những cuộc khiêu vũ khi vừa ra khỏi khu vực pháo kích, điều đó chỉ là chuyện ngớ ngẩn. Sở dĩ chúng tôi làm như thế không phải tại chúng tôi thích trào phúng, mà là vì nếu không trào phúng thì chết mất. Phần khác cũng chẳng mấy lúc nữa mà cạn tử, rồi cái trào phúng của chúng tôi mỗi tháng một trở nên chua chát. Và tôi biết rằng, hiện giờ, khi chúng tôi đang đánh trận, tất cả những gì lắng sâu xuống cõi lòng chúng tôi như những tảng đá, sẽ trỗi dậy khi chiến tranh chấm dứt và chỉ lúc ấy mới giải thích được: cái sống, cái chết.

Những ngày, những tuần, những năm ở mặt trận lúc ấy sẽ sống lại và các bạn đã chết của chúng tôi sẽ trở về và sẽ cùng đi với chúng tôi. Đầu óc chúng tôi sẽ tỉnh táo, chúng tôi sẽ có một mục đích, và cứ thế chúng tôi sẽ đi cùng với các bạn đã chết bên cạnh chúng tôi và, phía sau chúng tôi, những năm ở mặt trận: chúng tôi sẽ đi... chống ai, chống ai?

Trong vùng này, vừa có những buổi biểu diễn của một đoàn kịch mặt trận. Trên một hàng rào, vẫn còn thấy dán những tờ quảng cáo sắc sỡ. Cốp và tôi đang trở mắt ra nhìn. Chúng tôi không thể hiểu được sao lại còn có những cái như thế. Này đây, một thiếu nữ mặc áo mùa hạ màu nhạt, với chiếc dây lưng da đỏ thắt quanh người. Một tay nàng đặt trên lan can, tay kia cầm chiếc mũ

nan, nàng đi giày trắng và tất trắng, đôi giày cao gót xinh xắn có khóa; phía sau nàng, biển xanh lấp lánh với vài làn sóng tung bọt trắng xóa và bên cạnh một cái vịnh đầy ánh sáng.

Thật là một cô nàng tuyệt đẹp, mũi xinh, môi đỏ, chân dài, sạch sẽ, đóm dáng không thể tưởng tượng được. Chắc hẳn mỗi ngày nàng tắm hai lần, và không bao giờ có ghét ở móng tay, quá lắm, có lẽ đôi lúc cũng chỉ dính vài hạt cát của bờ biển. Cạnh nàng, có một anh con trai quần trắng, áo vét tông xanh, mũ thủy quân, nhưng chúng tôi chẳng để ý đến chàng ta mấy. Cái cô nàng ở cạnh hàng rào ấy chẳng khác gì một phép lạ đối với chúng tôi; chúng tôi đã quên hẳn rằng trên đời này còn có những chuyện như vậy, và ngay đến bây giờ chúng tôi cũng khó tin là chính mắt đã trông thấy thế. Dù sao hàng mấy năm nay chúng tôi cũng chưa hề thấy những điều tương tự; những điều chưa đầy đủ lắm, nhưng đã nói lên biết bao nhiêu là trong sáng, xinh tươi và hạnh phúc.

Đây mới thật là hòa bình; hòa bình là phải thế, chúng tôi cảm nghĩ như vậy, lòng đầy xúc động.

- Cậu hãy nhìn đôi giày nhỏ nhẹ này; khó mà đi nổi một cây số, - tôi nói.

Nhưng ngay lúc ấy, tôi tự thấy buồn cười, vì đứng trước một hình ảnh như vậy mà nghĩ đến chuyện đi thì thật là ngớ ngẩn.

- Nàng độ bao nhiêu tuổi nhỉ? - Cốp hỏi.

Tôi lẩm nhẩm rồi nói:

- Nhiều nhất là hăm hai, Anbe ạ.

- Nếu thế thì nàng lại hơn tuổi cánh mình mất.

- Tớ thì chắc nàng không quá mười bảy.

Chúng tôi run cả người.

- Anbe này, thế thì tuyệt quá nhỉ!

Nó gật.

- Ở nhà tớ cũng có một cái quần trắng.

- Một cái quần trắng, đồng ý, - tôi nói, - nhưng một cô gái như thế này...

Hai đứa chúng tôi nhìn lẫn nhau từ đầu đến chân. Quả là không có cái gì ra hồn, ngoài một bộ đồng phục đầy cáu ghét, vá chằng vá đụp và bạc phếch. Mọi so sánh đều không hy vọng.

Vì thế, trước hết chúng tôi lộn bég ngay cái anh chàng quần trắng ra khỏi hàng rào một cách cẩn thận để khỏi động đến cô thiếu nữ. Thế là được một việc.

Sau đó, Cốp bàn:

- Chúng mình đi bắt rận đi!

Tôi không hoàn toàn tán thành ý kiến ấy vì như thế thì công việc hỏng bét mất; chúng tôi đã bắt rận suốt hai giờ rồi. Nhưng sau khi ngắm lại bức tranh một lần nữa, tôi tuyên bố sẵn sàng theo ý kiến của nó. Và tôi thêm:

- Chúng mình thử đi lũng một cái sơ mi sạch xem sao.

Anbe không hiểu thế nào lại nghĩ:

- Bít tất Nga chắc còn tốt hơn nữa.

- Phải đấy, có lẽ cả bít tất Nga nữa, chúng mình phải cố đi xoay cái gì mới được chứ.

Nhưng kìa, Lia và Jadron đang phát phơ đi tới.

Chúng nó nhìn thấy tờ quảng cáo và câu chuyện xoay ngay sang cái giọng tục tũ. Trong lớp tôi, Lia là đứa đầu tiên có một con nhân tình; nó đã tả cho chúng tôi nghe những chi tiết của cái ái tình của nó và làm chúng tôi bị kích thích tợn. Nhìn bức tranh này, nó hứng lên theo kiểu của nó, và Jadron bắt chước nó một cách hăng hái. Nói của đáng tội, chúng tôi chẳng phải ghét cái đó. Ai không biết nói chuyện tục tũ thì không phải là lính; có điều, lúc này đầu óc chúng tôi chưa để tất cả vào đấy mà thôi. Vì vậy, chúng tôi cắt đứt câu chuyện và đi về chỗ bắt rận, với cảm tưởng là mình đang đi tới một hiệu thợ may lịch sự.

Những ngôi nhà chúng tôi trú quân, ở gần một con kênh. Ở bờ bên kia, có những cái đầm với những cây bạch dương bao quanh. Bên kia kênh, cũng có cả đàn bà nữa. Phía bên này, dân cư đã tản đi hết, nhưng phía trước mặt, thỉnh thoảng vẫn có bóng người.

Buổi chiều chúng tôi đi bơi. Kìa, có ba người đàn bà đi đến, dọc theo bờ kênh. Họ đi thong thả và không ngoảnh mặt đi, mặc dầu chúng tôi không mặc quần đùi.

Lia cất tiếng gọi; các cô ấy cười và ngừng lại nhìn chúng tôi. Chúng tôi ném sang những câu tiếng Pháp nửa mùa chợt nhớ ra được, bất kể là câu gì, lộn xộn hấp tấp, cốt để các cô ấy không đi mất. Thật tình, đây cũng chẳng phải là những lời lẽ gì tao nhã cho lắm, nhưng chúng tôi moi ở đâu ra được kìa chứ?

Đặc biệt có một cô tóc nâu, thân hình mảnh dẻ.

Khi cô cười, hàm răng trắng bóng. Cử chỉ của cô ta nhanh nhẹn, chiếc váy mềm mại rủ xuống chung quanh bắp chân. Mặc dầu nước lạnh, nhưng chúng tôi cũng cố làm cho các cô ấy chú ý đến để các cô ấy đứng lại. Chúng tôi cứ pha trò bừa đi, các cô ấy cũng bắt lời, nhưng chúng tôi chẳng hiểu gì cả. Chúng tôi cười và ra hiệu với các cô ấy. Jadron khôn hơn, nó chạy về nhà, mang ra một cái bánh lính và giơ lên.

Thế là thu được kết quả rục rĩ. Bằng dấu hiệu và cử chỉ, các cô mời chúng tôi sang chơi, nhưng đã có lệnh cấm. Chúng tôi không được phép sang bờ kênh bên kia. Cầu nào cũng có lính gác. Không có giấy tờ hợp lệ thì đừng hòng. Vì thế chúng tôi cố làm cho các cô ấy hiểu là chính các cô ấy phải sang chỗ chúng tôi, nhưng các cô ấy lắc đầu và chỉ những cái cầu; cả các cô ấy cũng không được phép sang. Các cô ấy quay trở lại đi thong thả, ngược dòng kênh và vẫn đi dọc theo bờ. Chúng tôi bơi theo các cô ấy. Được độ vài trăm thước, các cô ấy rẽ khỏi bờ kênh và chỉ cho chúng tôi một ngôi nhà gần đấy, nổi lên giữa đám cây cối và bụi rậm. Lia hỏi có phải các cô ở đấy không? Các cô ấy cười. Đúng,

nhà các cô ấy đấy.

Chúng tôi gào to lên là chúng tôi sẽ sang khi nào tụi lính gác không thể trông thấy chúng tôi. Ban đêm, ngay đêm nay đấy? Các cô ấy giơ tay lên, úp hai bàn tay lại với nhau, rồi để sát mặt và nhắm mắt lại. Các cô ấy đã hiểu.

Cô tóc nâu mảnh khảnh uốn éo đi mấy bước vũ. Cô tóc vàng ỏn ẻn: "Bánh ngon... bánh thơm...". Chúng tôi cam đoan rồi rít với các cô ấy là chúng tôi sẽ mang bánh sang. Lại còn nhiều cái khác thú vị nữa cơ. Vừa nói, chúng tôi vừa nhấm nháy và giơ tay làm những dấu hiệu có ý nghĩa. Lia ta suýt chết đuối vì muốn cắt nghĩa là nó muốn mang sang một khúc dồi. Nếu cần, có lẽ chúng tôi hứa với các cô ấy cả một kho lương thực. Các cô bước đi nhưng vẫn còn quay lại nhiều lần. Chúng tôi vào bờ và kiểm tra lại xem có đích là các cô vào cái nhà ấy không, vì có thể là các cô ấy đánh lừa chúng tôi. Rồi chúng tôi lại bơi về chỗ khởi hành.

Không có giấy tờ hợp lệ, không được qua cầu. Vì vậy, ban đêm chỉ còn cách bơi sang thôi. Chúng tôi rạo rức cả người, cái rạo rức không buông tha chúng tôi, làm cho chúng tôi đứng ngồi không yên; chúng tôi đến căng tin, vừa vặn có bia và rượu pơnsơ [\[10\]](#).

Chúng tôi uống pơnsơ và kể chuyện cho nhau nghe, những câu chuyện ngộ nghĩnh bịa từ đầu đến cuối. Chẳng đứa nào đòi hỏi gì hơn là cứ việc nhắm mắt tin lời thằng cha bên cạnh, và hau háu đợi đến lượt mình lại ba hoa khóa các một chuyện khác oanh liệt hơn nữa. Chân tay chúng tôi bần chồn. Chúng tôi hút không biết bao nhiêu là thuốc lá, đến nỗi Cốp nói: "Theo ý mình, chúng ta có thể mang sang cho các nàng mấy điếu thuốc lá nữa". Ấy thế là chúng tôi bỏ thuốc lá vào mũ ca lô và giữ nguyên đấy. Nền trời nhuộm màu táo xanh. Chúng tôi có bốn đứa, mà lại chỉ có ba cô nàng; vì vậy chúng tôi phải làm thế nào rủ được thằng Jạ đơ ra mới ổn. Chúng tôi ép nó uống rượu rum và rượu pơnsơ cho đến khi nó say mềm ra.

Trời vừa tối mịt, chúng tôi trở về chỗ ở, Jạ đơ đi giữa ba đứa. Chúng tôi nóng ruột như lửa đốt, lòng tràn đầy ham muốn cái chuyện mới lạ. Cô tóc nâu mảnh dẻ là phần của tôi: chúng tôi đã chia nhau, dứt khóa rồi. Jạ đơ ngã lăn quay ra ổ rơm, và bắt đầu ngáy; nhưng kìa, nó lại thức dậy, nó vừa nhìn chúng tôi vừa cười khẩy có vẻ ranh mãnh khiến chúng tôi phát hoảng và nghĩ có lẽ nó chỉ giả vờ say rượu, và có lẽ mất toi cái khoản tiền rượu pơnsơ trả cho nó cũng nên; nhưng rồi nó lại ngã xuống và lại ngủ. Mỗi đứa chúng tôi chuẩn bị một cái bánh còn nguyên, lấy giấy báo gói lại. Chúng tôi để thêm vào đấy mấy điếu thuốc lá. Ngoài ra lại có cả ba khúc dồi gan mà chúng tôi vừa lĩnh buổi chiều xong. Thật là một món quà xứng đáng. Tạm thời chúng tôi bỏ tất cả những cái ấy vào những đôi ủng, vì cần phải mang ủng đi để khỏi dẫm phải dây thép gai hoặc mảnh sành khi lên bờ bên kia. Trước hết, vì phải bơi qua kênh, nên chúng tôi không đứa nào phải bận tâm đến cái khoản quần áo, sau nữa, vì là ban đêm và cũng không xa lắm. Chúng tôi khởi hành, tay xách ủng.

Chúng tôi nhào nhanh xuống nước, bơi ngửa, hai tay nâng khỏi đầu đôi ủng với những món nói trên. Chúng tôi rón rén trèo lên bờ kênh bên kia.

Chúng tôi lấy các gói ra khỏi đôi ủng rồi đi ủng vào.

Chúng tôi cặp vào vách những thứ mang theo. Thế là ba đứa bắt đầu đi, ướm như chuột lột, trần như nhộng, tất cả y phục chỉ có mỗi đôi ủng, chúng tôi chạy thong thả bước một. Chúng tôi tìm thấy ngay ngôi nhà. Nó khuất trong bóng tối của đám bụi rậm. Cát vấp phải một cái rễ cây và xước cả khuỷu tay. "Không hề gì!" - nó nói một cách vui vẻ.

Các cửa sổ đều có ván ngoài. Chúng tôi đi vòng quanh nhà một lượt, và thử nhòm qua những kẽ hở. Chúng tôi đâm ra sốt ruột. Đột nhiên, Cốp có vẻ lưỡng lự:

- Này! Nếu có một cặp chỉ huy đang ở trong ấy thì sao?

- Thì chuẩn chứ sao nữa! - Lia cười khẩy.

- Lão ta chỉ việc đọc sổ hiệu trung đoàn cánh mình ở đây này! - Anbe vừa nói vừa vỗ vào mông đít.

Cửa ra vào ngôi nhà để ngỏ, ủng của chúng tôi gây ra một vài tiếng động, một chiếc bản lề rít lên. Chúng tôi nhìn thấy ánh sáng.

Một cô nàng hoảng sợ rú lên một tiếng. Chúng tôi nói với cô ta bằng thứ tiếng Pháp cố cho thật dễ hiểu: "Này... này... bạn... bạn hết...".

Đồng thời để tranh thủ cảm tình của cô ta, chúng tôi giơ các gói lên.

Bây giờ, chúng tôi trông thấy cả hai cô kia. Cửa mở toang và ánh sáng chiếu vào người chúng tôi. Các cô nàng nhận ra chúng tôi và cả ba cô cười ngặt cười nghẽo về cách ăn mặc của chúng tôi. Các cô đứng trong khung cửa, vắn cả người, gập cả người lại mà cười, góm cười cười quá thể. Thân hình các cô mới uyển chuyển làm sao.

- Đợi một tí nhé! - Các cô nói.

Các cô biến mất rồi vất cho chúng tôi một đồng khăn áo, chúng tôi lấy quần bừa vào người. Sau đó chúng tôi được phép vào.

Một ngọn đèn nhỏ thắp trong nhà. Có vẻ ấm cúng, lại thoang thoang mùi nước hoa. Chúng tôi giơ các gói ra và đưa cho các cô nàng. Mắt các cô sáng lên, đúng là các cô đang đói.

Sau đó, cả ba đứa đâm ra hơi lúng túng. Lia làm bộ điệu muốn ăn. Thế là quang cảnh lại nhộn lên; các cô đi lấy nĩa và dao rồi sà ngay vào đám đồ ăn.

Đầu tiên trước khi ăn một khoanh dồi gan, các cô lại giơ nó lên, có vẻ thán phục lắm; còn chúng tôi ngồi bên các cô, rất hãnh diện.

Các cô nói huyền thuyên với chúng tôi. Chúng tôi chẳng hiểu gì mấy những điều các cô nói, nhưng chúng tôi cảm thấy toàn là những lời lẽ đáng yêu cả.

Có lẽ các cô ấy cũng cảm cái tuổi trẻ măng của chúng tôi chẳng; cô nàng tóc nâu mảnh khảnh vuốt ve tóc tôi và nói với tôi cái điều mà tất cả những người đàn bà Pháp, bao giờ cũng nói: "Chiến tranh... tai họa lớn... những chàng trai khốn khổ...". Tôi nắm lấy cánh tay cô nàng, ghì chặt lấy và đặt

miệng vào lòng bàn tay nàng. Ngón tay nàng ghì chặt lấy mặt tôi. Phía trên tôi là đôi mắt đầy xúc cảm, là làn da nâu mát rượi và đôi môi đỏ thắm. Miệng nàng nói những lời mà tôi không hiểu. Tôi cũng không hiểu hết được ý tứ của đôi mắt nàng, chúng nói nhiều hơn là chúng tôi mong đợi khi tới đây.

Bên cạnh có nhiều buồng. Tôi vừa bước vào, đã thấy Lia nói bô bô với cô nàng tóc vàng và tiến hành một cách táo bạo. Thực ra nó đã thông thạo cái khoản ấy; nhưng tôi, tôi bị lạc vào một cõi xa lạ, vừa dịu dàng lại vừa mãnh liệt, và tôi cứ thả mình vào đó. Tôi cảm thấy trong tôi có một cái gì vừa khát khao lại vừa chìm đắm. Đầu óc tôi quay cuồng. Ở đây chẳng có gì để bầu víu cả. Chúng tôi để ửng ngoài cửa; các cô đã thay cho bằng những đôi dép ngủ và thế là bây giờ tôi chẳng còn cái gì là tư thế mã thượng và lấc xấc của anh lính nữa: không súng, không thắt lưng, không quân phục, không mũ. Tôi rơi vào chốn lạ lùng này, thôi thì muốn ra sao thì ra, vì dẫu sao tôi cũng hơi rờn rợn.

Cô nàng tóc nâu nhú đôi lông mày lại, mỗi khi nàng suy nghĩ. Khi nàng nói thì đôi lông mày không động đậy.

Cũng có đôi lúc, điều nàng nói chỉ thốt ra nửa chừng, bị nghẹn lại hoặc lướt nhẹ trên đầu tôi; thật như một cánh cung, một đường đạn, một ngôi sao chổi. Tôi hiểu như thế nào? Những lời lẽ của cái tiếng ngoại quốc mà tôi chỉ biết lồm bồm, ru ngủ tôi, dìm tôi vào một cảnh tĩnh mịch, trong đó căn buồng gần như biến đi cùng với những bóng tối và ánh sáng của nó, trong đó chỉ còn rõ nét, chỉ còn sống có mỗi cái mặt người phía trên tôi.

Thật khó hiểu biết bao, cái khuôn mặt mới một giờ trước đây còn lạ lùng, thế mà bây giờ cúi xuống với một dáng điệu âu yếm, cái dáng điệu không phải tự nó mà có, mà từ bóng đêm, từ vũ trụ, từ dòng máu như đang tỏa ánh sáng trên nó. Những đồ vật chung quanh đều bị ảnh hưởng và biến dạng bởi cái môi trường này, chúng khoác một hình thù đặc biệt và nước da trắng trẻo của tôi gần như gây cho tôi một cảm giác tôn sùng, khi ánh sáng ngọn đèn chiếu vào nó và khi bàn tay nâu và mát rượi vuốt ve nó.

Tất cả cái này khác xa biết bao cảnh nhà thổ lính mà chúng tôi được phép đi, và chúng tôi phải đứng nối đuôi thành hàng dài! Tôi không muốn nghĩ đến chuyện đó nữa, nhưng kỷ niệm ấy vẫn ám ảnh tôi và làm tôi phát khiếp, vì có lẽ chúng tôi không bao giờ có cách gì rũ sạch nó đi được.

Nhưng lúc này tôi cảm thấy đôi môi của nàng tóc nâu mảnh khảnh và tôi vươn về phía đôi môi ấy; tôi nhắm mắt lại và qua đó, tôi muốn xóa bỏ tất cả, chiến tranh, những sự kinh khủng, những sự nhục nhã của nó, để khi tỉnh dậy sẽ trẻ trung và sung sướng. Tôi nghĩ đến hình ảnh cô thiếu nữ ở tờ quảng cáo, và trong chốc lát, tôi tưởng cuộc đời tôi chỉ tùy thuộc có một điều: chinh phục được nàng. Tôi càng ghì người vào trong đôi cánh tay đang ôm chặt lấy tôi: có lẽ sẽ xảy ra một sự kỳ diệu chẳng?... Sau cùng, tôi không hiểu sao cả ba đứa tôi lại trông thấy nhau. Lia có dáng điệu đặc thẳng. Chúng tôi chia tay các cô nàng một cách đăm thắm và đi ửng vào.

Không khí ban đêm xoa dịu những tấm thân nóng bừng của chúng tôi. Những cây bạch dương đứng sừng sững và rì rào trong bóng tối. Vầng trăng lấp lánh trên trời và trên dòng nước của con kênh. Chúng tôi không chạy, chúng tôi rảo bước cạnh nhau. Lia nói:

- Cũng đáng một cái bánh lính đấy!

Tôi không biết nói gì; tôi cũng chẳng vui nữa.

Bỗng, có tiếng chân bước, chúng tôi liền ẩn sau một bụi rậm. Bước chân mỗi lúc một gần, và bây giờ đến sát chúng tôi. Chúng tôi thấy một gã trần truồng cũng đi ủng, y hết bọn tôi, nó cắp một gói ở cánh tay và chạy lồng lên. Đúng Jadron, cu cậu đang vội quá.

Cu cậu đã biến mất.

Chúng tôi cười. Ngày mai thế nào nó chả chửi om lên!

Chúng tôi về ổ rơm, chẳng ai biết tí gì cả.

Tôi được gọi lên văn phòng, viên chỉ huy đại đội chìa cho tôi một cái giấy phép và một tờ giấy đi đường, rồi ông ta chúc tôi lên đường bình an. Tôi nhìn xem được bao nhiêu ngày phép: mười bảy ngày. Mười bốn ngày nghỉ và ba ngày đi đường. Đi đường như vậy thì ít quá. Tôi liền hỏi liệu có xin được năm ngày không. Béctinh ra hiệu bảo tôi nhìn kỹ tờ giấy; tôi nhận ra là sẽ không phải trở về ngay mặt trận. Hết hạn phép, tôi sẽ đi dự lớp học ở trại Lãng.

Nhiều đứa ghen với tôi. Cát mách cho tôi nhiều nước hay, bảo tôi cách xoay sở để có thể lẩn được. "Nếu cậu láu thì cậu sẽ ở lì đấy".

Nói tình thực, tôi chỉ thích độ tám ngày nữa hãy đi, vì chúng tôi còn ở đây trong suốt thời gian ấy và ở đây thật là khoái. Dĩ nhiên, tôi phải đãi một châu căng tin. Mấy đứa chúng tôi đều ngà ngà say cả. Tôi đâm ra buồn. Tôi sẽ ở lại hậu phương trong sáu tuần lễ, cái đó hẳn là sướng rồi, nhưng lúc trở lại thì ra sao? Liệu có còn gặp nhau đủ mặt không? Hai và Kemorich đã không còn nữa; đến lượt ai bây giờ đây?

Chúng tôi uống rượu và tôi lần lượt nhìn kỹ từng thằng bạn của tôi. Anbe ngồi cạnh tôi, hút thuốc và rất vui, hai đứa tôi lúc nào cũng có nhau. Cát ngồi trước mặt, hai vai xuôi thõng, ngón tay cái to bè và giọng nói trầm tĩnh. Rồi đến Muynlơ với bộ răng vầu và tiếng cười như lệnh võ. Jadron với đôi mắt chuột nhắt. Lia để bộ râu trông đến bốn mươi tuổi.

Trên đầu chúng tôi khói bay đặc sệt. Không thuốc lá, đời thằng lính còn ra sao nữa. Căng tin là nhà an dưỡng của hẳn, bia không phải chỉ là một thứ đồ uống, mà còn là dấu hiệu có thể nằm dài, duỗi tay duỗi chân không sợ gì nguy hiểm. Sự thực về mặt này chúng tôi chẳng đứa nào ngại tí gì cả. Chúng tôi nằm thẳng căng và khạc nhổ bằng thích ra khắp chung quanh, hẳn tạm nói thế đã! Tất cả những cái này ghi vào lòng kẻ ngày mai ra đi một ấn tượng sâu sắc biết bao!

Đêm ấy chúng tôi còn sang bên kia kênh một lần nữa. Tôi hầu như sợ sệt phải nói với cô nàng tóc nâu mảnh khảnh là tôi sẽ đi và khi trở về, tất nhiên

lại ở chỗ khác, và như thế là vĩnh biệt nhau; nhưng nàng chỉ gật gật đầu và không có vẻ cảm động lắm. Đầu tiên tôi không thể nào hiểu được, nhưng sau tôi vỡ lẽ. Lia nói có lý, nếu tôi ra chiến hào thì người ta còn nói: "Chàng trai khốn khổ!". Nhưng một anh lính đi phép thì còn sợ mủi gì nữa, các cô nàng chết tiệt này. Quý bắt cô ta đi với cái giọng ỏn ẻn và những lời ăn tiếng nói của cô ta! Cứ tưởng là chuyện kỳ diệu, nhưng rút cục, chỉ có bánh lính.

Sáng hôm sau, bắt rận tinh tươm rồi, tôi đi ra phía đường sắt. Anbe và Cát đi tiễn tôi. Ở nhà ga, người ta nói mấy giờ nữa tàu mới chạy. Hai bạn tôi phải trở lại, vì có công tác; chúng tôi chia tay nhau:

- May mắn! Cát nhé! May mắn, Anbe nhé!

Chúng nó đi khỏi và còn vẫy tôi nhiều lần. Bóng chúng nó nhỏ dần. Mỗi bước đi, mỗi cử chỉ của chúng nó đều quen thuộc đối với tôi, từ xa tôi có thể dễ dàng nhận ra chúng nó. Thế là chúng nó đã đi khuất hẳn.

Tôi ngồi trên ba lô và đợi. Đột nhiên, tôi nóng ruột như điên đi.

Tôi đã dừng lại ở nhiều ga; tôi đứng trước nhiều cái nôi để người ta phát súp, tôi đã ngả lưng trên nhiều tấm ván. Nhưng rồi sau đó, phong cảnh những nơi con tàu chạy qua dần dần trở nên xao xuyến lòng người, vừa khơi nỗi ưu tư, vừa đượm tình ruột thịt; phong cảnh lướt trên mặt kính chiếu với những làng mạc - có mái tranh úp chụp xuống những ngôi nhà trát vữa và có vách ngăn, như những chiếc mũ ca lô với những cánh đồng lúa, dưới ánh nắng xiên khoai, lấp lóe như ánh xà cừ, với những vườn cây ăn quả, với thùng kho lúa, với những gốc bồ đề già cỗi.

Tên các nhà ga trở nên những điều làm rung động lòng tôi. Con tàu chạy, chạy mãi, rập rình lúc lắc, tôi ngồi cạnh cửa sổ và tì vào thành tàu. Những cái tên đó chứa đựng cả thời niên thiếu của tôi. Đồng cỏ phẳng lì, đồng ruộng, trang trại. Một cỗ xe ngựa cô đơn chạy qua trên nền trời, trên con đường song song với chân trời. Đây kia, một chỗ chẵn ngang đường, phía trước chẵn có những bác nông dân đứng đợi, những thiếu nữ gơ tay vẫy vẫy, những em bé chơi dọn đường, những con đường chạy về tận thôn xóm, những con đường rất bằng phẳng, không có pháo binh.

Buổi chiều, nếu con tàu không kêu ầm ầm chắc tôi phải hét lên. Đồng ruộng trải ra bát ngát; xa xa bóng những dãy núi xiên ngang một màu xanh nhạt bắt đầu nổi lên. Tôi nhận ra cái nét đặc biệt của đỉnh Đôdenbe lờ mờ, đột ngột buông xuống trên ngọn khu rừng. Chính sau ngọn núi đó, thành phố sẽ hiện ra.

Ánh sáng màu vàng son chảy trên mặt đất và hòa với đất; con tàu chạy vào một khúc lượn, kêu rít lên, rồi lại một khúc lượn nữa, và xa tít, những cây bạch dương thẳng tắp có vẻ hư ảo, mơ hồ, mờ mịt, cây nọ nối cây kia thành một hàng dài như toàn bằng bóng tối, ánh sáng và ưu tư.

Đồng quê từ từ xoay tròn với hàng cây, con tàu lượn quanh chúng, các khoảng cách giảm dần, những bóng cây chập lại chỉ còn một khối và, một lát

sau, tôi chỉ còn nhìn thấy một cây. Rồi những cây khác lại xuất hiện sau cây đầu tiên, chúng đứng cô đơn như vậy rất lâu, trên nền trời, cho đến lúc chúng bị những ngôi nhà đầu tiên che lấp.

Đây là chỗ đường sắt chạy ngang phố. Tôi ngồi yên cửa sổ không thể rời ra được. Mọi người sửa soạn hành lý để xuống, còn tôi, tôi thăm thì đọc tên phố đi qua: "Phố Brem, phố Brem Brem...". Dưới đường có người đi xe đạp, có xe cộ: có người ta. Đây là một phố màu xám và một cái cầu chui màu lam, thế mà nó làm tôi cảm động khác nào chính mẹ tôi. Rồi con tàu dừng lại, nhà ga đây rồi, với tiếng ồn náo, tiếng gọi nhau và những bảng yết thị. Tôi nhắc ba lô đeo lên vai, xách khẩu súng trường và bước xuống những bậc tàu, gần như loạng choạng. Đứng trên sân ra, tôi nhìn quanh. Tôi chẳng quen một ai trong đám người đang chen chúc ấy. Một bà Hồng thập tự mời tôi uống. Tôi lảng ra. Bà ta cười với tôi một cách ngớ ngẩn, tưởng mình quan trọng lắm (*Xem, tôi cho anh lính uống cà phê đây!*). Bà ta nói với tôi: "Anh bạn ơi", y như tôi cần đến cái tiếng ấy lắm.

Phía ngoài trước ga, một dòng sông lấp lánh chảy cạnh dãy phố. Ra khỏi cửa cổng của chiếc cầu nhà máy xay, con sông reo lên trắng xóa. Ngọn tháp vuông cổ kính đứng sừng sững ngay gần đó; trước tháp, có cây bồ đề thật to màu sắc rực rỡ, và sau tháp là cảnh hoàng hôn.

Nơi đây chúng tôi thường hay ngồi chơi - ngày ấy lâu quá rồi!

Chúng tôi thường đi trên cầu, ngửi mùi mát rượi và khăm khăm của mặt nước im lìm. Chúng tôi thường hay cúi xuống ngắm dòng nước bình thản phía bên này cống, nơi bao nhiêu cây leo xanh và rong rêu bám lòng thòng ở chân cầu. Và phía bên kia cống, những ngày nóng nực chúng tôi vừa hưởng luồng hơi mát rượi của bọt nước bắn tung vừa tán gẫu về chuyện các thầy giáo.

Tôi đi qua cầu, nhìn về phía bên phải và bên trái, nước vẫn đầy rong rêu, vẫn lao xuống ầm ầm làm thành một vòng cung trắng xóa. Trong ngọn tháp cổ, các cô thợ là vẫn như ngày trước, cánh tay trần đứng trước đồng quần áo trắng, và hơi nóng bàn là đang tỏa ra ngoài cửa sổ mở tung. Lũ chó chạy lon ton trong phố hẹp trước cửa nhà, có những người nhìn tôi đi qua, bắn thiu và tay xách nách mang như một anh phu khuân vác. Trong cái hiệu bánh này, chúng tôi đã uống nước đá và tập hút thuốc lá. Trong dãy phố tôi đang đi, tôi thuộc lòng từng ngôi nhà, từng cửa hàng tạp hóa, hiệu thuốc, hiệu bánh; và đây, tôi đến trước cái cửa màu nâu với chiếc then đã mòn; bàn tay tôi cứng đờ ra. Tôi mở, một luồng không khí mát mẻ lạ lùng đón lấy tôi; nó làm tôi mờ cả mắt.

Cầu thang cọt kẹt dưới gót ủng. Phía trên, một cánh cửa rít lên, có ai nhìn qua lan can. Đây là cửa nhà bếp vừa mở. Người ta đang rán bánh khoai, mùi thơm bay tỏa khắp nhà. Phải, hôm nay là thứ bảy; có lẽ chị tôi đang đứng trên ấy nhìn xuống. Trong khoảng khắc, tôi ngượng ngùng và cúi đầu. Rồi tôi bỏ mũ và ngược mắt lên. Đúng, đúng là chị tôi: "Pôn! Pôn!", chị tôi kêu lên.

Tôi vấp. Cái ba lô của tôi đụng phải lan can; khẩu súng sao mà nặng thế!

Chị tôi mở toang cửa và kêu lên: "Mẹ, mẹ, Pôn đây này!". Tôi không bước thêm được nữa. "Mẹ, mẹ, Pôn đây này!".

Tôi dựa vào tường và run run ôm chặt cái mũ và cây súng, tôi ôm chặt với tất cả sức lực của tôi, nhưng tôi không sao đi thêm được một bước nữa. Trước mắt tôi, chiếc cầu thang mờ đi. Tôi thúc một báng súng vào chân, tôi nghiêng rặng lại một cách giận dữ, nhưng không sao cưỡng lại được mỗi một câu nói ấy của chị tôi; không làm thế nào được. Tôi tự dằn vò, bắt mình phải cười, phải nói, nhưng không tài nào thốt ra được một tiếng, cứ thế, tôi đứng sững ở cầu thang, khổ sở, bối rối, như bị một cơn biển chướng ghê gớm; tôi cố trấn tĩnh lại, nhưng nước mắt cứ trào ra, ướt đẫm cả mặt. Chị tôi trở ra, và hỏi: "Em sao thế?".

Lúc ấy, tôi cố trấn tĩnh, đi thẳng đến phòng đợi, vừa đi vừa vấp. Tôi dựng khẩu súng vào một góc, đặt ba lô sát tường rồi để cái mũ lên trên. Tôi phải cúi ngay thắt lưng và những thứ móc vào đấy ra mới được. Rồi tôi nói một cách giận dữ: "Đưa tôi cái khăn tay nào!". Chị tôi lấy cái khăn tay trong tủ ra cho tôi, tôi lau mặt. Phía trên đầu tôi, vẫn còn nguyên một cái hộp thủy tinh treo trên tường, trong đựng đủ các thứ bướm bướm nhiều màu sắc mà ngày trước tôi sưu tầm. Lúc này, tôi chờ mẹ tôi lên tiếng. Tiếng nói ấy vọng ra từ buồng ngủ. Tôi hỏi chị tôi:

- Mẹ chưa dậy sao?

- Mẹ ốm... - chị tôi trả lời.

Tôi bước đến bên mẹ tôi, đưa tay cho mẹ tôi cầm và nói với mẹ tôi bằng một giọng cố hết sức bình tĩnh:

- Con đây, mẹ ạ.

Mẹ tôi nằm im lặng, trong chỗ tranh tối tranh sáng. Mẹ tôi hỏi tôi một cách lo lắng, trong khi ấy tôi cảm thấy như đôi mắt mẹ đang sờ nắn người tôi:

- Con có bị thương không?

- Không, con được về phép.

Mẹ tôi xanh quá, tôi sợ không dám để ánh sáng vào nhiều.

- Thế mà đáng lẽ phải vui mừng thì mẹ lại cứ nằm đây mà khóc, - mẹ tôi nói.

- Mẹ ốm hả mẹ?

- Hôm nay mẹ sẽ dậy một tí...

Rồi mẹ tôi quay về phía chị tôi, chị tôi cứ chốc chốc lại phải nhảy vào bếp, sợ cháy mất cái món đang làm.

- Mà mở cả cái lọ mút quất ra nhé. Con thích quất phải không? - Mẹ tôi hỏi.

- Vâng, mẹ ạ, đã lâu con không được ăn quất.

- Y như là cả nhà đã biết trước cậu về! - Chị tôi vừa nói vừa cười. - Vừa đúng nhà làm cái món cậu thích, món bánh rán khoai, lại thêm cả mút quất

nữa nhé.

- Nhưng phải nói hôm nay là thứ bảy, - tôi nói.

- Ngồi xuống bên mẹ, con, - mẹ tôi nói.

- Mẹ nhìn tôi, tay mẹ tôi trắng nhợt, ốm yếu và so với bàn tay tôi thì gầy bé quá. Hai mẹ con nói với nhau rất ít và tôi rất biết ơn mẹ tôi vì mẹ không hỏi gì cả. Và lại tôi biết trả lời ra sao? Rút cuộc tôi cũng chẳng có gì đáng than phiền vì tôi đã về đây, khỏe mạnh, ngồi cạnh mẹ và trong bếp, chị tôi vừa hát vừa làm bữa ăn chiều.

- Con yêu quý của mẹ ơi! - Mẹ tôi nói khe khẽ.

Gia đình tôi không bao giờ âu yếm nhau một cách lộ liễu quá. Đó không phải là thói quen của người nghèo khổ phải lam lũ vất vả và quá nhiều lo lắng.

Thậm chí họ cũng không hiểu nổi những kiểu cách ấy nữa, và họ không thích nhắc đi nhắc lại những cái mà họ đã biết rồi. Khi mẹ tôi nói với tôi: "Con yêu quý của mẹ ơi", thì cũng có nghĩa như một bà mẹ nói những lời thăm hỏi cảm động nhất. Tôi biết lọ nút quất là lọ nút duy nhất của nhà tôi đã để từ lâu, mẹ đã để phần tôi, cũng như bánh bích quy mà mẹ đang cho tôi ăn bây giờ, cũng đã để từ lâu.

Chắc hẳn những cái bánh này đã do một sự tình cờ đặc biệt nào mà có, và mẹ tôi đã cất ngay đi để dành cho tôi.

Tôi ngồi xuống cạnh giường mẹ tôi; qua cửa sổ, những cây dẻ trong vườn, cái quán cà phê trước mặt, ánh lên những tia nâu sẫm và vàng rực. Tôi thở hít thông thả, thật thoải mái và tự nhủ: "Mình đang ở nhà, mình đang ở nhà". Nhưng tôi vẫn chưa hết ngỡ ngàng, tôi chưa thích nghi được với tất cả những cái này...

Chương 7

Đây là mẹ tôi, đây là chị tôi, đây là cái hộp bướm bướm của tôi, đây là cái đàn dương cầm bằng gỗ đào hoa tâm, nhưng tôi vẫn còn ngỡ ngàng. Có một tấm màn và một khoảng cách giữa con người tôi với sự vật. Vì vậy bây giờ tôi đi lấy cái ba lô, tôi đặt nó lên cạnh giường, tôi lấy ra những thứ tôi mang về: một cục pho mát Hà Lan còn nguyên mà Cát đã xoay cho tôi, hai cái bánh lính, ba lạng bơ, hai hộp dồi gan, nửa cân mỡ và một túi gạo nhỏ.

- Chắc mẹ và chị dùng được những cái này...

Mẹ và chị tôi gật đầu.

- Có lẽ ở đây tiếp tế cũng khó khăn đấy nhỉ!

- Chẳng có mấy tí. Thế ngoài ấy có khá không?

Tôi mỉm cười và chỉ những thứ tôi mang về.

- Không phải bao giờ cũng được thế này đâu, nhưng kể ra cũng tương đối.

Chị Ecna tôi cất những thức ăn đi. Chợt mẹ tôi nắm chặt lấy tay tôi và hỏi bằng một giọng ngập ngừng:

- Ngoài ấy chắc gay go lắm phải không Pôn?

"Mẹ ơi, con biết trả lời mẹ thế nào đây? Mẹ sẽ không hiểu được đâu. Và lại, mẹ cũng chẳng bao giờ nên hiểu làm gì. Mẹ hỏi có gay go không? Chính mẹ lại hỏi con câu đó sao, mẹ?"

Tôi lắc đầu và nói:

- Không mẹ ạ, chẳng gay go lắm đâu. Chúng con ở ngoài đó có rất nhiều bạn bè, và cũng không gay go lắm đâu.

- Ờ, nhưng vừa rồi Hăng ri Brêđêmâyơ về đây, nó kể chuyện ngoài ấy bây giờ khiếp lắm, có hơi ngạt và bao nhiêu cái gì nữa cơ mà.

Chính mẹ tôi nói như thế đấy. Mẹ nói: "Có hơi ngạt với lại bao nhiêu cái gì nữa?". Mẹ không hiểu cái mẹ nói là gì đâu. Chẳng qua mẹ lo cho tôi mà thôi.

Tôi có nên kể cho mẹ tôi nghe, một lần chúng tôi đã thấy những kẻ chiếm lĩnh ba chiến hào địch bị chết cứng, khác nào bị sét đánh không? Họ đứng hoặc nằm trên lũy, trong hầm, ngay tại chỗ họ bị đánh bất chợt, mặt mũi xám ngoét, chết.

- A, mẹ ơi, họ nói thế thôi! Brêđêmâyơ kể những chuyện đó chẳng qua là để làm quà thôi. Mẹ xem đấy con vẫn khỏe và lại béo ra nữa chứ...

Trước sự lo lắng của mẹ tôi, tôi lại trở nên hoàn toàn bình tĩnh. Bây giờ tôi có thể đi đi lại lại, nói năng và trả lời, không còn sợ bất chợt phải dựa vào tường vì vũ trụ mềm nhũn ra như cao su và những mạch máu của tôi trở nên khô khốc như bụi nhùi nhóm lửa.

Mẹ tôi muốn ngồi dậy; trong lúc đó tôi vào bếp tìm chị tôi.

- Mẹ làm sao thế? - Tôi hỏi.

Chị tôi nhún vai:

- Mẹ năm mấy tháng nay rồi đấy. Nhưng mẹ không muốn nhà viết thư cho cậu biết. Những thầy thuốc đã đến xem cho mẹ. Có một ông bảo có lẽ vẫn là cái bệnh ung thư của mẹ đấy thôi!

Tôi đến phòng quân sự để xin chứng thực vào giấy phép. Tôi đi thông thả qua những đường phố.

Thỉnh thoảng có người chào tôi. Tôi không dừng lại lâu vì không thích chuyện trò nhiều.

Ở trại lính về, tôi nghe có tiếng người gọi thật to.

Tôi quay lại, vẫn mãi theo đuổi những ý nghĩ của mình; trước mặt tôi là một viên thiếu tá. Ông ta hoạnh:

- Anh không chào ta hả?

- Thưa ngài thiếu tá, xin lỗi ngài, tôi không trông thấy ngài. - Tôi luống cuống trả lời.

Ông ta quát to hơn:

- Anh không thể ăn nói phép tắc hơn hả?

Tôi chỉ muốn tát cho hấn một cái, nhưng tôi kìm lại được, nếu không thì đi đứt cái khoản nghỉ phép.

Tôi cứng người lại theo đúng kiểu nhà binh và nói:

- Báo cáo, tôi không trông thấy ngài thiếu tá!

- Vậy thì coi chừng, - hấn ta xẵng giọng. - Tên anh là gì?

Tôi nói tên.

Cái mặt đỏ gay của hấn vẫn còn bùng bùng tức giận.

- Đơn vị nào?

Tôi trả lời theo đúng quy tắc. Nhưng vẫn chưa đủ đối với hấn.

- Ở đâu?

Nhưng lúc này, tôi đã phát bực và nói với hấn:

- Giữa khoảng Langơmat và Bitsút.

- Hả? - Hấn hỏi có vẻ hơi ngạc nhiên.

Tôi trình bày với hấn là tôi được về phép độ một tiếng đồng hồ, tôi nghĩ rằng hấn sẽ dụi đi. Nhưng tôi nhầm, hấn lại càng cáu hơn nữa.

- À, anh muốn mang cái thối ở mặt trận về đây hả? Nhưng vô ích thôi! Ở đây, nhờ ơn trời, vẫn có trật tự nghe không?

Hấn ra lệnh:

- Lùi hai mươi bước, bước!

Tôi giận tím người, nhưng không thể nào cưỡng lại hấn được, nếu hấn muốn, hấn có thể tổng giam tôi tức khắc. Vì vậy tôi bước lui một cách mạnh mẽ, rồi tôi tiến lên, khi cách hấn độ năm sáu thước, tôi cứng người lên, chào một cách bực bội, rồi giữ nguyên tư thế chào như vậy cho đến khi vượt quá hấn sáu thước.

Hấn gọi tôi lại, ra bộ nhân nghĩa bảo cho tôi biết rằng một lần nữa, hấn đã

khoan hồng hơn là áp dụng kỷ luật quân sự đối với tôi. Tôi tỏ lòng biết ơn, theo đúng kiểu cách nhà binh.

- Giải tán! - Hẳn ra lệnh.

Tôi đập gót đánh chát rồi đi.

Thế là hồng cả buổi chiều. Tôi về nhà, vất bộ đồng phục vào một xó; đó cũng là dụng ý của tôi; sau đó tôi lấy bộ quần áo thường trong tủ ra xỏ tay vào.

Tôi không quen mặc thường phục nữa. Bộ quần áo đã ngắn và chật. Ở trung đoàn, tôi đã lớn lên. Đeo cổ cồng và thắt ca vát vào vất vả quá. Cuối cùng chính chị tôi thắt hộ ca vát. Ôi, bộ quần áo mới nhẹ nhõm làm sao. Tôi có cảm tưởng chỉ mặc áo lót và quần đùi.

Tôi ngắm mình trong gương. Thật là một hình ảnh lạ lùng. Một cậu bé chịu lẽ lần đầu, da cháy nắng và chóng lớn như thổi, nhìn tôi có vẻ ngạc nhiên. Mẹ tôi lấy làm hài lòng thấy tôi mặc thường phục. Như thế có vẻ gần gũi mẹ hơn. Nhưng cha tôi lại thích tôi mặc quân phục để đưa tôi đến chơi các bạn; tôi từ chối.

Được ngồi yên một chỗ nào đó thì thật là dễ chịu.

Thí dụ trong khu vườn của quán cà phê trước nhà tôi dưới bóng những cây dẻ, cảnh sân chơi ki. Lá rụng xuống mặt bàn và mặt đất. Đây chỉ là vài cái lá đầu mùa. Trước mặt tôi có một cốc bia; ở trung đoàn tôi đã đam nghiện. Cốc đã cạn một nửa. Tôi còn làm được vài ngậm thật mát nữa, ngoài ra tôi có thể gọi thêm cốc thứ hai, cốc thứ ba nữa, nếu tôi thích.

Chẳng có điểm danh, cũng chẳng có bánh quết. Lũ trẻ con nhà ông chủ quán cà phê đang chơi ki, và con chó gục đầu lên đầu gối tôi. Trời xanh, qua cành lá, những cây dẻ, chiếc tháp chuông màu xanh của nhà thờ thánh Macgorit đâm vút lên.

Cứ thế này thì tốt quá, tôi cảm thấy dễ chịu.

Nhưng tôi không thể hòa được với mọi người. Cái người duy nhất không hỏi tôi, là mẹ tôi. Còn cha tôi thì cũng như mọi người khác. Ông cụ bắt tôi kể những chuyện ở mặt trận. Ông cụ có những ý muốn mà tôi thấy vừa ngớ ngẩn vừa cảm động. Tôi đâm ra không thực sự thân thiết với ông cụ nữa. Cái điều cha tôi muốn là cứ được nghe tôi kể chuyện, nghe mãi. Tôi thấy cha tôi không hiểu rằng những chuyện như vậy không thể kể ra hết được, vậy mà tôi cũng muốn làm vui lòng cha tôi. Nhưng phải mô tả những cái ấy bằng lời thì thật nguy cho tôi quá; tôi sợ nó bị thổi phồng lên một cách ghê gớm, rồi không thể hãm lại được nữa. Chúng ta sẽ nghĩ gì nếu biết thật rõ ràng những cái gì đã xảy ra ngoài đây? Vì thế tôi chỉ kể vài ba câu chuyện lảng nhảng thôi, nhưng cha tôi lại hỏi tôi đã đánh giáp lá cà bao giờ chưa. Tôi nói chưa và đứng dậy đi ra phố. Nhưng, cũng chẳng hơn gì. Sau khi bị hoảng lên mấy lần vì tiếng tàu điện mà tôi cứ tưởng như trái phá gầm lên, sắp rơi xuống đến nơi, thì có người vỗ vai tôi. Đó là giáo sư dạy tiếng Đức của tôi, ông tíu tít hỏi những câu

thường lệ: “Thế nào, ở ngoài ấy ra sao? Ghê lắm, ghê lắm phòng? Ừ, khiếp thật đấy, nhưng chúng ta nhất định phải giữ vững chứ, mấy lại người ta nói ở ngoài ấy ít ra các anh cũng được ăn uống khá. Pôn, trông anh khá đấy. Anh có vẻ khỏe lắm; còn ở nhà tất nhiên không được thế đâu; cũng là lẽ tự nhiên thôi. Ngay cái việc ấy cũng phải như thế; cái gì quý nhất bao giờ cũng phải dành cho chiến sĩ chứ”. Ông ta kéo tôi vào quán cà phê, ngồi vào bàn khách quen. Tôi được tiếp đãi long trọng quá. Một ông đeo cái chức giám đốc, chìa tay cho tôi và nói: “A! Anh ở mặt trận về. Tinh thần ngoài ấy ra sao? Tốt lắm, tốt lắm phải không?”. Tôi tuyên bố là ai cũng muốn về nhà cả. Ông ta cười ha hả: “Anh nói đúng thôi! Nhưng trước hết phải giã cho tụi Pháp tặc một trận nên thân đã chứ. Anh hút nhé! Đây, làm một điếu. Bé con, đem một cốc bia cho người chiến sĩ trẻ tuổi của chúng ta nhé!”

Tôi vô phúc đã nhận điếu xì gà; thế là phải ngồi nán lại. Ai cũng tràn ngập lòng tử tế. Chả còn trách vào đâu được. Nhưng vì vẫn thấy bức bối nên hút thật nhanh. Nhưng ít ra cũng phải làm một việc gì, tôi vội nốc một hơi hết cốc bia. Người ta mang ngay đến cốc thứ hai. Mọi người đều hiểu mình phải chịu ơn một người lính như thế nào. Họ cãi nhau về chuyện chúng ta phải sát nhập những vùng nào. Vị giám đốc đeo cái dây đồng hồ bằng sắt, tham ăn nhất, ông ta muốn nuốt cả nước Bỉ, những vùng mỏ than của nước Pháp, và những miếng rỗ to của nước Nga. Ông ta nêu những lý do xác đáng tại sao phải chiếm. Còn người nào không chịu, ông ta còn cãi cho bằng được. Thế rồi ông ta bắt đầu trình bày cần phải chọc thủng mặt trận Pháp ở chỗ nào, xong đâu đấy ông ta quay về phía tôi: “Đây, ngoài ấy các anh phải tiến lên một tí chút, cứ mãi cái lối chiến tranh trận địa ấy ư. Cứ giã cho cái lũ chó má ấy một trận như tử là chúng mình sẽ có hòa bình”.

Tôi trả lời là theo chúng tôi thì không thể chọc thủng mặt trận được, vì đối phương có nhiều lực lượng dự trữ quá để chống đỡ. Ngoài ra, tôi còn nói là chiến tranh không giống như người ta tưởng đâu. Ông ta cãi lại với một vẻ bề trên và chúng mình là tôi chẳng hiểu gì về việc ấy cả. “Dĩ nhiên, về chi tiết thì anh nói đúng”, ông ta nói - “Nhưng điều quan trọng là cái toàn cục, mà cái đó thì anh chưa đủ sức phán đoán. Anh chỉ nhìn thấy khu vực nhỏ bé của anh, cho nên anh không bao quát được tất cả. Các anh làm nghĩa vụ, hy sinh cả tính mạng mình, điều đó xứng đáng được những vinh dự cao quý nhất. Các anh mỗi người phải được huân chương chữ thập sắt mới đáng. Nhưng trước hết phải chọc thủng phòng tuyến địch ở Flăngđơ rồi sau đó quật cho nó ụp từ trên xuống dưới!”. Ông ta thở hỗn hển và lau bộ râu.

“Phải quật cho nó từ trên xuống dưới, rồi tiến thẳng đến Pari”.

Tôi muốn hiểu ông ta hình dung sự việc ra sao, và nốc luôn cốc thứ ba ông ta lại gọi ngay một cốc nữa. Nhưng tôi đứng dậy, ông ta còn nhét vào túi tôi mấy điếu xì gà, và chia tay tôi bằng một cái vỗ vai thân mật:

- Nhiệt liệt chúc mừng anh. Mong rằng chẳng bao lâu chúng tôi sẽ được

nghe nói đến anh một cách thật vẻ vang.

Trước đây tôi đã nghĩ đến chuyện nghỉ phép một cách khác. Đúng một năm trước, nó khác hẳn bây giờ. Có lẽ chính bản thân tôi đã thay đổi chẳng. Từ năm ngoái đến nay, có cả một hố sâu ngăn cách. Lúc ấy tôi chưa biết rõ chiến tranh lắm. Chúng tôi chỉ mới đóng trong những khu vực yên tĩnh. Bây giờ tôi không ngờ rằng mình chán chường đến thế. Ở đây, tôi không thoải mái nữa. Cảnh vật như xa lạ đối với tôi. Người này hỏi, người khác không hỏi, và tỏ vẻ kiêu hãnh về thái độ của họ; nhiều khi chính họ bảo rằng không thể nói những chuyện như thế được, cái giọng ra điều ta đây biết đủ mọi thứ, lại còn làm ra bộ trịch thượng nữa.

Tôi chỉ thích ngồi một mình, không muốn ai quấy rầy. Vì lúc nào ai cũng chỉ xoay quanh những chuyện: "Gay lắm phải không? Thế nào, khá chứ?".

Người này thấy thế này, người kia thấy thế khác, và bao giờ họ cũng chú ý đến những gì có liên quan đến bản thân họ. Trước kia, chắc tôi cũng làm như họ, nhưng bây giờ, khác xa rồi. Tôi thấy người ta nói nhiều quá. Họ có những lo lắng, những mục đích, những ham muốn không giống với tôi. Có lần tôi ngồi với một người trong khu vườn nhỏ của quán cà phê và nói cho ông ta hiểu là tôi chỉ muốn được ngồi yên thân một chỗ. Dĩ nhiên, họ cũng hiểu điều đó; họ cũng nhận ra và cũng tán thành nữa, nhưng với họ chỉ toàn là những lời nói, những lời nói suông thôi, cái khác là ở đó. Họ cũng cảm thấy điều đó, nhưng chỉ một nửa. Còn nửa kia của con người thì bặt vào chỗ khác. Chẳng khác gì họ bị chia xẻ. Chẳng ai cảm thấy điều đó với tất cả con người mình. Tôi không thể tự mình diễn tả ra rõ ràng điều tôi suy nghĩ được.

Khi nhìn thấy họ trong phòng riêng, trong bàn giấy, bận công kia việc nọ, thì tôi bị cái cảnh ấy lôi cuốn không cưỡng lại được; tôi muốn được như họ, sống cùng với họ và quên hẳn chiến tranh đi.

Nhưng đồng thời điều ấy cũng làm tôi ghê tởm. Sao mà nó chật hẹp thế? Cứ như thế thì làm sao đây một kiếp người được? Phải phá vỡ những cái khung ấy đi chứ! Làm sao lại có thể thế được trong khi ngoài kia mảnh trái phá rít lên miệng hố và hỏa pháo vọt lên trời? Trong khi những kẻ bị thương bị lôi lên những tấm vải bạt, và bạn bè của tôi núp trong chiến hào?". Ở đây họ là những sinh vật khác hẳn, những sinh vật mà tôi không hiểu lắm, tôi vừa thèm muốn lại vừa khinh bỉ. Tự nhiên tôi cứ phải nghĩ đến Cát và Anbe, đến Muynlor và Jadron: lúc này chúng nó đang làm gì? Chúng nó đang ngồi ở căng tin hay đang bơi lội?... Chẳng bao lâu, chúng nó lại phải ra tuyến thứ nhất.

Trong căn phòng của tôi, sau cái bàn, có một chiếc trường kỷ bọc da nâu. Tôi ngồi xuống đó. Trên tường có ghim nhiều tranh ảnh đạo trước tôi cắt ở báo ra. Rải rác có những bưu ảnh và những trang mà tôi rất thích. Trong một góc nhà, có một bếp lò nhỏ bằng sắt. Trước mặt, áp vào tường, một cái giá sách.

Tôi đã sống trong căn phòng này trước khi trở thành anh lính. Những cuốn sách này tôi đã mua dần bằng tiền dạy học thêm. Phần nhiều là sách cũ.

Tất cả tác phẩm cổ điển chẳng hạn: "Một cuốn giá một đồng hai, đóng bằng vải dày màu xanh. Tôi đã mua toàn tập vì tôi rất khó tính, tôi không tin được mấy ông xuất bản văn tuyển, sợ họ không chọn được những đoạn hay nhất. Vì vậy tôi chỉ mua những loại toàn tập". Tôi đã đọc rất say sưa, nhưng đa số không làm tôi thích thú. Tôi lại càng tha thiết hơn nữa đối với những loại sách khác, những sách mới, dĩ nhiên đạt hơn nhiều. Có những quyển tôi xoay được bằng cách không chính đính lằm, tôi mượn rồi không trả nữa, vì tôi không muốn rời chúng ra.

Một ngăn chứa đầy sách học. Chúng không được giữ gìn cẩn thận và rất là rách nát. Nhiều tờ bị xé, để làm gì chắc cũng dễ hiểu. Bên dưới là những quyển vở giấy má, thư từ buộc thành gói, những bức vẽ và những bài tập sáng tác.

Tôi cố trở lại thời ấy. Nó vẫn còn trong căn phòng, tôi cảm thấy nó ngay. Những bức tường vẫn còn giữ gìn nó. Hai tay tôi đặt trên trường kỷ. Bây giờ tôi ngồi thật đàng hoàng, co cả hai chân lên, tôi ngồi thoải mái như thế trong một góc, giữa những tay vịn của chiếc trường kỷ. Qua chiếc cửa sổ nhỏ mở toang, hiện lên hình ảnh quen thuộc của dãy phố và chiếc tháp chuông vươn lên ở đầu kia. Trên bàn có vài bông hoa. Bút mực, bút chì, vài cái vỏ sò chặn giấy, lọ mực, ở đây chẳng có gì thay đổi cả. Quang cảnh sẽ vẫn thế nếu tôi được may mắn, khi chiến tranh kết liễu, và sẽ được trở về mãi mãi.

Tôi sẽ cứ ngồi cái kiểu thế này, ngắm gian phòng của tôi và chờ đợi...

Tôi cảm thấy bút rút, nhưng tôi không muốn bút rút như vậy, vả lại cũng không nên bút rút làm gì. Tôi muốn như trước kia, khi ngồi trước sách vở, vẫn cảm thấy sự hấp dẫn thắm lặng cái tình quyển luyện mạnh mẽ và khó tả. Tôi muốn cái niềm khát vọng trước kia, từ những gáy sách nhiều màu kia lại dâng lên, lại quyến luyến tôi, tôi muốn nó làm chảy tan cái khối chì nặng trĩu trong tôi để đánh thức dậy trong con người lòng nôn nóng về tương lai, cái niềm vui mọc cánh mà thế giới tư tưởng đem đến cho tôi. Tôi muốn nó đem lại cho tôi cái nhiệt tình đã mất đi của thời niên thiếu.

Tôi ngồi đấy và chờ đợi. Tôi nhớ ra là phải đến thăm mẹ Kemrich và cũng có thể đến thăm Mitenxtat nữa. Chắc nó ở trại lính. Tôi nhìn qua cửa sổ. Sau hình ảnh dãy phố đầy ánh nắng, nổi lên ngọn đồi mờ nhạt, rồi cảnh đó biến thành một ngày thu trong sáng, tôi đang ngồi trước bếp lửa cùng với Cát và Anbe, ăn khoai lùi.

Nhưng tôi không muốn nghĩ đến chuyện ấy; tôi gạt cái kỷ niệm ấy ra.

Điều tôi thèm muốn là căn phòng này phải nói lên với tôi, phải quấn quít lấy tôi, phải giữ lấy tôi. Tôi muốn được rung cảm mỗi tình ruột thịt đối với chốn này. Tôi muốn nghe giọng nói của nó, để khi trở lại tiền tuyến, tôi biết được điều này: chiến tranh sẽ bị xóa nhòa và biến mất khi ta trở về nhà; chiến tranh sẽ chấm dứt; nó không ray rứt ta nữa, nó chỉ có quyền lực đối với ta ở cái vỏ bên ngoài thôi.

Những gáy sách vẫn xếp cạnh nhau, tôi vẫn nhận ra chúng, tôi vẫn còn nhớ cách thức tôi xếp đặt chúng. Tôi đưa mắt van nài chúng: "Hãy nói với ta đi, hãy chào đón ta đi, hãy giữ lấy ta đi, ôi cuộc đời xưa cũ, cuộc đời vô tư và đẹp đẽ, hãy giữ lấy ta...". Tôi chờ đợi, tôi chờ đợi...

Bao nhiêu hình ảnh lướt qua trước mặt tôi, chúng không có chiều sâu, chỉ là những bóng mờ kỷ niệm. Chẳng có gì, chẳng có gì cả.

Tôi càng lo lắng.

Đột nhiên một cảm giác ghê gớm trỗi dậy trong tôi. Ở đây tôi là một kẻ xa lạ. Tôi không thể tìm lại ở đây chỗ ngồi quen thuộc nữa. Chẳng khác gì người ta ruồng bỏ tôi. Tha hồ cho tôi kêu nài, van vãn, chẳng có gì rung cảm cả. Tôi ngồi đấy, lạnh lùng và buồn bã như một kẻ bị kết án, và quá khứ quay lưng lại với tôi. Đồng thời, tôi sợ không dám gợi nhiều đến quá khứ, vì tôi không biết cái gì sẽ đến. Tôi là người lính, tôi không thể rời bỏ cương vị ấy được.

Tôi uể oải đứng dậy, và nhìn qua cửa sổ. Rồi tôi cầm lấy một quyển sách, mở ra, cố đọc một vài đoạn, nhưng rồi lại vất xuống, và cầm một quyển khác. Có những đoạn gạch dưới; tôi tìm, tôi lật vài trang, rồi tôi lại lấy những quyển khác. Cạnh tôi đã có một đồng sách. Những quyển khác tiếp tục, bồi thêm vào cái đống ấy một cách vội vã hơn; rồi cả những tờ giấy, những quyển vở, những bức thư.

Tôi đứng lặng người trước cái đống ấy, như trước một tòa án. Không chút can đảm.

Những tiếng nói, những tiếng nói, những tiếng nói... Chúng không đến với tôi.

Tôi thông thả xếp sách vào chỗ cũ.

Thế là hết.

Tôi bước ra khỏi căn phòng không một tiếng động.

Tôi chưa từ bỏ nó hẳn. Đành rằng tôi không trở lại căn phòng của tôi nữa, nhưng tôi tự an ủi rằng, vài ngày chưa phải là quyết định. Rồi đây, sau này, tôi sẽ có thời gian hàng năm cho cái việc ấy. Hiện giờ, tôi đến thăm Mitenxtat ở trại lính và chúng tôi ngồi trong phòng của nó. Tôi không ưa cái không khí ở đây nhưng tôi đã quen với nó. Mitenxtat cho tôi biết một tin khiến tôi giật nảy người như bị điện giật. Nó cho biết là Căngtôrec đã bị gọi nhập ngũ làm dân vệ.

- Cậu tưởng tượng xem, - nó vừa nói vừa rút ra mấy điều xì gà ngon, - tớ vừa ở nhà thương ra đến đây và tớ rơi đúng ngay vào lão ta. Lão ta chìa tay ra và cứ quàng quạc: "A, Mitenxtat. Thế nào, khá chứ?".

Tớ trợn tròn mắt nhìn lão và trả lời:

- Dân vệ Căngtôrec, việc công thì cứ phép công ^[11], tự anh, anh phải biết điều đó hơn ai hết chứ. Khi anh nói với cấp trên, đứng ngay ngăn lại! Tớ chỉ muốn cậu nhìn thấy mặt lão ta: thật là cứ ngay đuồn ra ^[12]. Lại một lần nữa,

lão ta rụt rè muốn làm thân với tớ. Thế là tớ lại hoạnh cho một trận dữ hơn. Sau đó lão ta dùng đến cái đòn ác nhất, lão ta nói với tớ bằng giọng bí mật: "Anh có cần tôi bảo đảm trong kỳ thi vượt không?". Lão ta muốn nhắc tớ là lão vẫn còn một ưu thế đối với tớ, cậu hiểu chưa? Thế là tớ nổi giận đùng đùng, và tớ, tớ cũng nhắc lão ta một điều: "Dân vệ Căngtôrec, hai năm trước, anh đã kêu gào bọn tôi nhập ngũ; ngày ấy Jodep Bem không muốn đi. Nó đã bị giết chết ba tháng trước thời hạn chính thức nó bị động viên. Không có anh, nó đã đợi đến thời gian đó. Thôi, bây giờ giải tán! Chúng ta sẽ xét sau". Tớ xin điều sang đại đội lão ta rất dễ. Việc đầu tiên là tớ dẫn lão ta đến kho quân nhu, xoay cho lão một bộ quần áo thật bảnh. Cậu có thể thấy ngay tức khắc".

Chúng tôi ra sân, cả đại đội đã xếp hàng. Đại đội dàn ra theo tư thế đứng nghiêm.

Mitenxtat hô: "Nghiêm!", rồi nó nhìn mọi người.

Lúc ấy, tôi tưởng thấy Căngtôrec và phải cắn môi để khỏi phì cười. Lão ta đóng một cái áo có đuôi tôm, màu xanh lơ bạc phếch. Lưng áo và khuỷu tay và những miếng da màu xám to tướng. Chắc hẳn cái áo này trước phải là của một gã khổng lồ. Chiếc quần chần đen, sờn hết cả, ngắn hơn, chỉ xuống đến nửa bụng chân. Đôi giày rộng quá, cũ rích, răn như sắt, phía trên ống cong tón và buộc dây bên cạnh. Trái lại, cái mũ ca lô thì lại bé quá, thật là một cái mũ khốn khổ, đáng cho vào sọt rác, bản thiú đến phát khiếp lên. Toàn bộ thật là thảm hại.

Mitenxtat dừng lại trước lão ta: "Dân vệ Căngtôrec, anh đánh bóng những cái khuy áo như thế hả? Có lẽ anh không học làm bao giờ hả? Đồ tồi, bất lực...".

Trong bụng, tôi rú lên vì khoái trá. Thật y hệt hồi ở lớp Căngtôrec mắng Mitenxtat cũng đúng cái tọng: "Mitenxtat, đồ tồi... đồ bất lực...".

Mitenxtat vẫn tiếp tục chỉ trích: "Hãy nhìn Bôtsoyiem; quần áo anh ta thật là gương mẫu, anh phải học lấy anh ta...". Thật không ngờ. Bôtso cũng ở đây, chính anh ta, Bôtso, người gác cổng bãi tập thể dục của chúng tôi.

Và quần áo anh ta thật gương mẫu! Căngtôrec nhìn tôi như muốn quất lấy tôi. Còn tôi chỉ cười khẩy vào mặt lão ta một cách thản nhiên y như chẳng quen biết gì lão cả. Lão ta đội cái mũ thổ tả và đóng bộ quân phục trông mới ngu độn làm sao. Ấy thế mà hồi trước, bọn tôi sợ xanh cả mặt khi thấy lão chễm chệ trên bục, gạch bút chì vào bài học Pháp văn của tôi về những động từ bất thường - sau đó, lúc ở Pháp những động từ ấy chẳng giúp ích được việc gì cho chúng tôi cả!

Chỉ mới ngót hai năm thôi, thế mà bây giờ dân vệ Căngtôrec đứng đây, chẳng còn tí uy quyền gì nữa, với cặp đầu gối vòng kiềng, với hai cánh tay khuỳnh khuỳnh như quai nôi, với những cái khuy áo không biết đánh bóng, với một tư thế lỗ bịch, thật là một bức hí họa về người lính.

Tôi không thể nào kết hợp được hình ảnh này với hình ảnh vị giáo sư đang

hung hăng ở trên bục và tôi thực sự muốn biết tôi sẽ làm gì nếu một ngày kia cái gã chó chết này dám hỏi tôi, một người lính cũ, những câu hỏi như: “Bao mơ, hãy đọc thì quá khứ của động từ...”.

Lúc này, Mitenxtat đang chỉ huy tập những động tác dàn hàng của khinh binh. Nó lại có nhã ý chỉ định Căngtôrec làm tiểu đội trưởng.

Cũng có một lý do đặc biệt đấy, tức là lúc dàn thành hàng khinh binh, tiểu đội trưởng bao giờ cũng phải đứng trước tiểu đội mình hai chục bước. Nếu có lệnh: “Đằng sau quay!” thì cả hàng khinh binh chỉ việc quay nửa vòng, còn tiểu đội trưởng lúc ấy đâm ra đứng sau hàng hai mươi bước, phải chạy lên phía trước đứng cách hàng hai mươi bước đúng như điều lệnh quy định, như thế là phải hộc tốc chạy bốn mươi bước tất cả. Nhưng vừa mới yên chỗ thì lại có lệnh “Đằng sau quay!”, thế là anh ta lại phải hộc tốc chạy bốn mươi bước nữa theo chiều ngược lại. Cứ như cách ấy thì cả tiểu đội chỉ việc đằng sau quay một cách nhàn hạ, thêm vài bước nữa là cùng, nhưng tiểu đội trưởng phải chạy đi chạy lại như con thoi.

Đó cũng là một trong nhiều phép tử của Himmenxtôt.

Căngtôrec không thể đòi hỏi Mitenxtat đối xử khác được, vì cũng mới đây thôi, chính lão ta đã bắt Himmitenxtat phải lưu ban một năm, và nếu Mitenxtat không biết lợi dụng cái dịp may hiếm có này trước khi trở lại mặt trận thì thật là ngốc quá. Dù sao, có thể là người ta chết thỏa mãn hơn khi gặp được một sự may mắn như thế này trong đời con nhà binh.

Trong khi ấy, Căngtôrec lồng từ phía nọ sang phía kia như con lợn lòi phát điên. Một lúc sau, Mitenxtat ra lệnh ngừng cái trò ấy và bây giờ bắt đầu động tác rất quan trọng, bò toại. Tì đầu gối và khuỷu tay theo đúng tư thế quy định, Căngtôrec trườn cái thân hình mỹ miều của lão ta trên cát, ngay cạnh chúng tôi. Lão ta thở hồng hộc và hơi thở của lão là cả một điệu nhạc.

Mitenxtat khuyến khích, vỗ về anh dân vệ Căngtôrec bằng những lời trích dẫn của vị giáo sư Căngtôrec. “Dân vệ Căngtôrec, chúng ta có hạnh phúc được sống trong một thời đại lớn; vì vậy chúng ta phải hòa mình vào thời đại ấy, phải vượt qua tất cả những cái gì cay đắng...”. Căngtôrec khạc ra một mẩu gỗ bần đã chui vào mồm lão, mồ hôi lão toát ra đầm đìa.

Mitenxtat cúi xuống bên lão và nói giọng thôi thúc:

- Dân vệ Căngtôrec, không bao giờ nên để những cái nhỏ nhen làm mờ sự kiện lớn.

Tôi ngạc nhiên là sao Căngtôrec không nổi điên lên, nhất là lúc này đúng giờ tập thể dục, Mitenxtat bắt chước đúng hệt lão ta: nó túm lấy đũng quần của lão, nhấc bổng lão lên xà đơn, để cho cằm của lão đập thật mạnh vào cái xà ngang, dĩ nhiên là vừa làm nó vừa tuôn ra với lão những lời lẽ cao siêu. Ngày xưa, Căngtôrec đã đối với nó đúng hệt như thế. Sau đó, người ta phân phối tạp dịch. “Căngtôrec, Bôtso, đi lấy bánh ở xưởng bánh quân đội. Các anh mang xe bò đi”.

Vài phút sau, hai chàng đi ra với cái xe. Căngtôrec hăm hăm cúi mặt xuống, còn anh gác cổng thì lại hãnh diện vì công việc nhẹ nhàng.

Xưởng bánh quân đội ở tận đầu kia của thành phố. Hai người phải đi qua suốt thành phố hai lần.

- Họ làm thế đã mấy hôm nay rồi đấy, - Mitenxtat cười khẩy. - Lúc này, có nhiều người đang đợi xem họ đi qua đấy.

- Tuyệt quá, - tôi nói, - nhưng lão ta không khiếu nại gì sao?

- Lão cũng đã thử rồi. Nhưng viên chỉ huy của chúng tớ cười bò ra khi ông ta nghe rõ câu chuyện.

Ông ta không chịu được cái bọn thầy giáo. Hơn nữa, tớ cũng đang lớn con gái ông ta mà.

- Lão ta sẽ làm hại cậu trong kỳ thi cho mà xem.

- Tớ cóc cần. - Mitenxtat nói một cách thản nhiên. - Và lại, lời khiếu nại của lão ta cũng chẳng nước mẹ gì, vì tớ đã chứng minh được rằng phần lớn công việc của lão ta rất là nhẹ nhàng. - Cậu có thể nện cho lão ta một trận ra trò không?

- Như thế thì tệ quá, - Mitenxtat trả lời bằng một giọng hùng hồn và độ lượng.

Nghỉ phép là gì? Là một sự thay đổi làm cho mọi chuyện sau đó trở nên nặng nề gấp bội. Ngay từ bây giờ đã phải nghĩ đến ngày đi. Mẹ tôi lặng lẽ nhìn tôi.

Mẹ tôi đếm từng ngày, tôi biết; sáng nào mẹ tôi cũng buồn: lại bớt một ngày, chắc mẹ tôi nghĩ thế. Mẹ tôi đã cất cái ba lô của tôi đi, vì mẹ không muốn nó nhắc nhở điều tất yếu tàn nhẫn.

Thời gian trôi mau, khi người ta nghiền ngẫm nhiều ý nghĩ. Tôi cố giữ vẻ bình thản và đi cùng chị tôi. Chị tôi đến lò sát sinh mua vài cân xương. Mua được là cả một đặc ân lớn; từ sáng sớm, hàng người đã xếp hàng dài dằng dặc. Nhiều người ngã vì nhọc quá. Chúng tôi đen đui quá, sau khi đợi mất ba tiếng đồng hồ, người nọ thay phiên người kia, hàng người giải tán, chẳng còn gì nữa. May sao, lương thực của tôi được bảo đảm. Tôi lại mang một ít về cho mẹ tôi, cho nên gia đình có cái ăn khá hơn một chút.

Ngày giờ trở nên nặng nề hơn, và đôi mắt mẹ tôi lại càng thêm phiền muộn.

Chỉ còn bốn ngày nữa. Tôi phải đi thăm mẹ Kemrich mới được.

Không tài nào mô tả nổi cái cảnh ấy: bà cụ run rẩy và nức nở, vừa lay tôi vừa kêu gào: "Tại sao cháu sống mà nó lại chết?". Để nước mắt chan hòa lên cả người tôi, bà cụ nói: "Tại sao những đứa trẻ như chúng mày mà lại phải ra đấy?". Bà cụ ngồi phịch xuống một cái ghế và khóc: "Cháu có nhìn thấy nó không? Lúc ấy cháu có nhìn thấy nó không? Nó chết ra làm sao?". Tôi trả lời là nó đã bị một viên đạn trúng tim và chết ngay tức khắc. Bà cụ nhìn tôi có vẻ ngờ vực.

- Cháu nói dối, bác biết không phải thế đâu, trong thâm tâm bác cảm thấy

là nó chết khổ chết sở lắm mà. Bác nghe thấy tiếng nó kêu mà, ban đêm bác mơ thấy nó trần trở dầy dựa mà. Cháu nói thật cho bác biết đi, bác muốn biết, bác cần phải biết mà.

- Không bác ạ, - tôi nói, - Cháu ở bên nó, nó chết ngay lập tức, thật đấy.

Bà cụ khe khẽ van vì tôi:

- Nói cho bác biết đi. Cần phải nói. Bác biết cháu muốn an ủi bác thôi.

Nhưng cháu không thấy rằng cháu làm bác khổ hơn là cứ nói thật hay sao? Bác không thể nào chịu được cái nổi phấp phỏng như thế này đâu. Nói cho bác biết đầu đuôi như thế nào, dù kinh khủng đến mấy cũng được. Như vậy còn hơn là để bác nghĩ vợ nghĩ vẫn.

Không bao giờ tôi kể cho bà cụ nghe câu chuyện đã xảy ra đâu. Thà rằng bà cụ xả tôi ra làm trăm mảnh đi nữa. Tôi thương bà cụ, nhưng thấy bà cụ cũng hơi ngớ ngẩn. Đáng lẽ cụ nên thỏa mãn với những lời tôi nói mới phải, vì dù bà cụ biết hay không biết sự thực, Kemơrich cũng không phải vì thế mà sống lại được. Khi đã nhìn thấy quá nhiều người chết, người ta không thể hiểu nỗi sự đau thương quá đỗi như vậy đối riêng với một người. Cho nên tôi nói với bà cụ, giọng hơi sốt ruột:

- Cháu đã nói với bác là nó chết ngay lập tức mà; nó chẳng đau đớn gì cả.

Nét mặt nó hoàn toàn thanh thản.

Bà cụ im. Rồi bà cụ thông thả hỏi tôi:

- Cháu có dám thề không?

- Có.

- Thề trước tất cả những cái gì thiêng liêng đối với cháu chứ?

Trời! Cái gì là thiêng liêng đối với tôi bây giờ? Ở chỗ chúng tôi, những cái ấy thay đổi xoành xoạch.

- Vâng, nó chết ngay lập tức mà.

- Cháu có dám thề là sẽ không trở về nữa nếu cháu nói dối không?

- Cháu sẽ không trở về, nếu nó không chết ngay.

Tôi còn thề bồi chẳng biết những gì nữa; nhưng bà cụ đã có vẻ tin tôi.

Bà cụ rên rỉ và khóc rít rất lâu. Bà cụ bắt tôi phải kể cho nghe chuyện ngoài ấy và tôi bịa ra một câu chuyện mà bây giờ chính tôi cũng gần tin là có thực.

Khi tôi ra về, bà cụ ôm hôn tôi và tặng tôi một bức ảnh của Kemơrich. Nó đứng đó, trong bộ đồng phục tân binh, tì tay vào một chiếc bàn tròn, chân bàn bằng cành cây phong, vẫn còn dính cả vỏ cây. Hậu cảnh là một khu rừng vắng. Trên bàn có một cốc bia.

Đây là đêm cuối cùng tôi còn ở nhà. Mọi người đều trầm lặng. Tôi đi ngủ sớm. Tôi ôm lấy gối, tôi ghì chúng vào người, tôi vục đầu vào đấy. Không biết rồi đây tôi có còn được nằm trên một cái giường êm ấm như thế này nữa không?

Đêm đã khuya, mẹ tôi đến phòng tôi. Mẹ tôi tưởng tôi ngủ, và tôi cũng vờ ngủ thật. Nói chuyện và thức với mẹ thật rất khổ tâm cho tôi.

Mẹ tôi ngồi đến tận gần sáng, tuy mẹ tôi đang đau và thỉnh thoảng người mẹ tôi là xuống. Sau cùng tôi không thể chịu được nữa. Tôi làm như chợt tỉnh giấc:

- Đi ngủ đi mẹ ơi, mẹ ngồi thế bị cảm lạnh đấy!
- Rồi mẹ ngủ sau cũng được.

Tôi ngồi dậy.

- Nhưng mẹ ơi, con có ra mặt trận ngay đâu, con còn ở trại bốn tuần lễ nữa kia mà. Ở đấy có lẽ, nhân chủ nhật nào đó, con lại về.

Mẹ tôi im lặng rồi thềm thì hỏi tôi:

- Con có sợ lắm không?
- Không mẹ ạ.

- Mẹ muốn dặn con một điều cuối cùng, con phải coi chừng bọn đàn bà bên Pháp, con nhé. Ở cái xứ ấy chúng nó không tốt đâu.

Chao ôi! Mẹ ơi, đối với mẹ, con vẫn là một đứa bé...

Tại sao con không thể gục đầu lên gối mẹ mà khóc? Tại sao con cứ phải là kẻ bình tĩnh hơn và cứng rắn hơn. Vậy mà có lần con cũng muốn khóc, và cũng muốn được dỗ dành. Thực ra, con cũng chẳng hơn một đứa bé mấy tí; trong tủ vẫn còn treo những chiếc quần đùi ngắn cũn cỡn của con mà. Cũng chỉ mới ngày nào thôi. Tại sao lại là quá khứ rồi?

Tôi cố sức trấn tĩnh và nói:

- Chỗ chúng con đóng, chẳng có đàn bà đàn biếc gì đâu mẹ ạ!
- Ở mặt trận phải khôn ngoan lắm mới được, Pôn nhé.

Chao ôi! Mẹ ơi! Mẹ ơi? Sao hai mẹ con ta lại không thể ôm nhau cùng chết? Đời chúng ta sao mà tủi nhục thế?

- Vâng mẹ ạ, con sẽ khôn ngoan.
- Hàng ngày mẹ sẽ cầu nguyện cho con, Pôn ạ.

Chao ôi! Mẹ, mẹ ơi! Sao hai mẹ con ta không thể đứng dậy, trở về những năm quá khứ, cho đến khi tất cả nỗi khổ cực này phải từ bỏ chúng ta, trở về cái thuở chỉ có hai mẹ con ta với nhau, cả hai mẹ con, mẹ nhỉ?

- Con có thể đóng ở một nơi ít nguy hiểm hơn không?
- Vâng mẹ ạ, có lẽ con sẽ nhận việc làm bếp, rất có thể được.
- Cứ nhận con nhé, ai nói gì mặc người ta.
- Mẹ đừng lo cái ấy, mẹ ạ...

Mẹ tôi thở dài, nét mặt mẹ là một vệt trắng trong bóng tối.

- Bây giờ mẹ phải đi ngủ đi, mẹ ạ.

Mẹ tôi không trả lời. Tôi đứng dậy và lấy chăn quàng lên vai mẹ; mẹ tôi dựa vào cánh tay tôi, mẹ tôi đau khổ. Tôi bế mẹ tôi về phòng. Tôi còn ngồi một lúc bên mẹ.

- Từ giờ đến ngày con trở về, mẹ cố khỏi mẹ nhé.
- Được, được, con ạ.
- Có gì mẹ đừng gửi cho con, mẹ nhé, ở ngoài ấy chúng con có đủ thức ăn

rồi. Ở nhà những thức ấy cần cho mẹ hơn.

Khốn khổ biết bao, con người nằm trên chiếc giường kia, con người yêu tôi hơn tất cả mọi thứ trên đời. Khi tôi muốn đứng dậy, mẹ tôi vội vã bảo tôi:

- Mẹ có tìm được cho con hai chiếc quần trong nữa, bằng len tất đấy, con mặc chắc ấm lắm, nhớ bỏ vào ba lô nhé.

Chao ôi! Mẹ ơi! Con biết hai cái quần trong ấy đã làm mẹ tổn biết bao thì giờ và công sức để tìm kiếm, chạy vạy và năn nỉ. Chao ôi, mẹ ơi, làm sao có thể nghĩ được rằng con bắt buộc phải xa mẹ? Ngoài mẹ ra, ai có quyền gì đối với con. Con ngồi cạnh mẹ, mẹ nằm đó, hai mẹ con có bao nhiêu chuyện nói với nhau, nhưng không bao giờ có thể nói với nhau được.

- Mẹ ngủ ngon mẹ nhé.

- Con của mẹ ngủ ngon nhé.

Gian phòng tối đen. Hơi thở của mẹ tôi lên xuống.

Trong lúc ấy chiếc đồng hồ kêu tích tắc. Bên ngoài gió thổi qua cửa sổ. Những cây dẻ rì rào. Trong phòng trước tôi vấp phải cái ba lô đã để sẵn đấy, vì ngày mai tôi phải đi thật sớm.

Tôi cắn chặt gối, hai bàn tay tôi nắm chặt những thanh sắt ở đầu giường. Không bao giờ tôi nên về phép nữa. Ở mặt trận trước kia tôi lạnh lùng và nhiều khi không chút hy vọng, không bao giờ tôi có thể tìm thấy lại điều ấy nữa. Trước đây, tôi là một người lính, nhưng bây giờ tôi chỉ là đau khổ - đau khổ vì tôi, vì mẹ tôi, vì tất cả những cái gì quá nản lòng và quá dai dẳng. Không bao giờ tôi nên về phép nữa.

Chương 8

Tôi nhận ra những cái lán trú quân của trại Lãng: chính nơi đây Himmenxtôt đã huấn luyện cho Jadơn. Ngoài cái đó ra, tôi chẳng thấy mấy ai quen thuộc. Mọi vật đều thay đổi, bao giờ chả thế. Họ chẳng chỉ còn vài người ở đây mà trước kia tôi có lần thoáng gặp.

Tôi làm việc như một cái máy. Buổi tối, hầu như bao giờ tôi cũng ở Câu lạc bộ Chiến sĩ; ở đó có báo chí, nhưng tôi không đọc. Nhưng lại có một cái đàn dương cầm mà tôi rất thích chơi. Có hai người đàn bà phục vụ, trong số đó một người trẻ.

Chung quanh trại, có hàng rào dây thép cao. Khi chúng tôi từ Câu lạc bộ Chiến sĩ về muộn, chúng tôi phải xuất trình giấy ra vào. Dĩ nhiên anh nào biết thu xếp với lính gác thì cũng vào được.

Hàng ngày chúng tôi tập những thao tác đại đội trên cánh đồng hoang, giữa những bụi đỗ tùng và những khu rừng phong. Đối với những ai không đòi hỏi gì hơn thì cũng dễ chịu. Cứ chạy về phía trước, lao người xuống đất và để hơi thở làm cong xuống đây đó vài nhánh cỏ, vài đóa hoa. Nhìn gần như thế, sát mặt đất, cát nom trong sáng và tinh khiết như một thí nghiệm do không biết cơ man nào là hạt nhỏ li ti tạo thành. Tự nhiên người ta có ý muốn lạ lùng thọc tay vào đấy.

Nhưng đẹp hơn cả là những khu rừng với rặng cây phong viền bên ngoài. Các khu rừng mỗi lúc mỗi thay đổi màu sắc. Lúc này những thân cây lấp lánh màu trắng rực rỡ nhất và giữa các thân cây, màu xanh lam của cành lá đang rập rờn như một tấm lụa mỏng tang. Một lúc sau, tất cả lại ngả sang màu xanh mắt mèo lấp lánh ánh bạc; từ rặng cây ở mép rừng, màu xanh tràn đi và điểm lên cành lá; nhưng liền sau đó, ở một chỗ, màu sắc tối sầm lại gần như màu đen khi có đám mây lướt qua mặt trời. Rồi bóng đen ấy chạy như một bóng ma dọc các thân cây lúc này trở nên nhợt nhạt, và trải ra khắp cánh đồng hoang cho đến tận chân trời. Trong khi ấy những cây phong đã vươn lên như những ngọn cờ uy nghi, với những cán cờ trắng muốt mang ánh vàng son của cành lá nhuộm màu.

Tôi thường mê mải với cảnh biến đổi ánh sáng nhẹ nhàng và bóng tối trong trẻo ấy, đến nỗi gần như không nghe thấy hiệu lệnh chỉ huy nữa: những lúc cô đơn, người ta thích quan sát cảnh thiên nhiên và đắm ra yêu mến nó. Ở đây tôi ít quen thuộc, vả lại, tôi cũng không thích có quan hệ với nhiều người.

Người ta hiểu biết nhau quá ít nên ngoài việc chuyện gẫu và buổi tối chơi cờ mười bảy và bốn hoặc đánh bài ram cũng chẳng biết làm gì khác.

Cạnh lán chúng tôi có một trại lớn giam tù binh người Nga ^[13]. Nói cho đúng, thì trại tù binh cách chúng tôi một hàng rào dây thép, tuy vậy bọn tù

binh vẫn sang được chỗ chúng tôi. Họ rất rụt rè và sợ sệt; phần nhiều họ rậm râu và rất to lớn, vì thế nom họ như những con chó xồm bị người ta đánh.

Họ lượn chung quanh lán chúng tôi, và điếu qua những cái thùng đựng nước nhờn. Chúng ta thử tưởng tượng xem họ tìm được những gì? Chỗ chúng tôi, thức ăn đã chẳng dồi dào gì cho lắm, và nhất là lại tồi nữa; củ cải vàng cắt sáu luộc nước lã, cà rốt còn dính cả đất; khoai sắn đối với chúng tôi đã là một món quý và bữa tiệc ngon tuyệt trần của chúng tôi là món cháo gạo lỏng bông, trong đó lều bều một ít nước gân bò băm nhỏ thì phải. Nhưng lại băm nhỏ quá đến nỗi chẳng ai trông thấy miếng nào. Dĩ nhiên, dù thế, chúng tôi cũng chén tất. Nếu anh nào tình cờ có cái gì ăn, không cần phải liếm đáy cà mèn thì có hàng chục người khác sẵn sàng liếm ngay. Chỉ có những cái thừa mà không xúc được, người ta mới tráng nước và đổ vào chậu nước nhờn. Thỉnh thoảng chúng tôi còn vất vào chậu ít vỏ củ cải, những mẫu bánh mốc và đủ các thứ rác rưởi.

Cái thứ nước bắn thiu, đục ngầu và chẳng béo bổ gì ấy chính là cái mà bọn tù binh khao khát. Họ đến mức nước ấy một cách thèm thường trong những chiếc thùng gỗ hôi thối, dẫu nó vào trong áo khoác rồi mang đi.

Cái cảnh những kẻ thù của chúng tôi, nhìn tận mặt như vậy thật lạ lùng. Họ có những bộ mặt làm ta phải suy nghĩ, những bộ mặt nông dân chất phác, trán rộng, mũi rộng, môi dày, bàn tay to, tóc rậm.

Dùng họ để cày ruộng, cắt cỏ và hái táo thì tốt biết bao nhiêu. Trông họ còn hiền lành hơn cả những người nông dân của chúng tôi. Thật là đáng buồn khi trông thấy những cử chỉ của họ và cách thức họ xin một tí thức ăn. Tất cả bọn họ đều suy nhược, vì họ chỉ được lãnh một khẩu phần vừa đủ để khỏi chết đói. Đã lâu rồi, chúng tôi ăn uống cũng chẳng ra gì. Họ bị bệnh kiết lị. Với con mắt lo âu, nhiều người trong bọn họ chỉ tỏ một cách lén lút vết máu trên vạt áo sơ mi của họ. Lưng họ run lên bần bật, đầu họ nhìn chệnh chếch từ dưới lên khi họ chìa tay ăn xin, mồm lắp bắp vài ba tiếng mà họ biết - khi họ ăn xin bằng cái giọng trầm trầm nhẹ nhàng và êm dịu, cái giọng gợi lên những lò sưởi ấm áp, những căn nhà mà người ta đang sống thoải mái ở Tổ quốc.

Có những đứa đá họ ngã lăn xuống đất, nhưng đó chỉ là số ít. Phần đông chúng tôi cứ để mặc họ, khi họ đi bên cạnh. Thực ra, đôi khi thấy họ khốn khổ quá, người ta cũng điên tiết lên và đá cho một cái. Chao ôi! Giá họ đừng nhìn anh như vậy. Xiết bao là tiếng khổ trong hai cái điểm nhỏ bé ấy, mà ngón tay cái đủ che kín cả trong đôi mắt của họ.

Buổi chiều họ đến lán chúng tôi và tìm cách đổi chác. Họ đổi tất cả mọi thứ để lấy bánh. Đôi khi họ cũng đi đến chỗ thuận mua vừa bán với chúng tôi, vì họ có những đôi ủng tốt, còn ủng của chúng tôi thì xấu quá. Da ủng cao cổ của họ màu lạ lùng, thực là da Nga chính cống. Trong bọn chúng tôi, có những anh chàng con gia đình nông dân nhận được thực phẩm gửi đến, có thể mua được. Một đôi ủng vào khoảng từ hai đến ba cái bánh lính kèm theo một khúc dồi

nhỏ, hun khói và chắt mạch.

Nhưng đã lâu lắm, hầu hết những người Nga đã đánh đổi tất cả những thứ họ có. Bây giờ họ chỉ mặc một bộ quần áo rách rưới thảm hại, họ chỉ còn tìm cách đổi chác những đồ vật chạm khắc nhỏ nhỏ và những đồ vật họ làm bằng mảnh đạn trái phá, bằng những miếng đồng đai đạn. Dĩ nhiên, những vật ấy chẳng mang lại cho họ bao nhiêu; họ đổi lấy vài lát bánh. Những anh nông dân của chúng tôi rất kiên nhẫn và lăm mánh khéo trong cái khoa buôn bán. Họ gơ miếng bánh hoặc khúc dồi ra trước mũi anh người Nga, cho đến khi anh ta thèm rỏ rãi ra, hoa mắt lên, sau đó xem tất cả mọi vật đều là thường cả. Còn họ thì nâng niu cái món quý vật của họ hết sức là thận trọng, họ lấy con dao díp to tướng ra, từ tốn kính cẩn cắt một mẫu bánh, và cứ chén xong một miếng, họ lại nhắm nháp một miếng dồi chắc nịch ngon tuyệt, như để tự thưởng công cho mình. Nhìn chúng nó ăn như vậy thật là khó chịu; chúng tôi chỉ muốn đập lên cái đầu thô lỗ của chúng một trận. Rất ít khi chúng nó cho chúng tôi cái gì; cũng phải nói là chúng tôi không quen chúng nó lắm.

Nhiều lần, chúng tôi đứng gác cạnh trại tù binh Nga. Trong bóng tối, người ta thấy những hình thù của họ động đậy như những con cò ốm, như những con chim to.

Họ đến gần hàng rào, đứng áp mặt vào đấy. Ngón tay họ bấu lấy những mắt lưới sắt. Nhiều khi một số đông tù binh đứng cạnh nhau như thế và thở hít làn gió từ cánh đồng hoang và những khu rừng thối đến.

Họ rất ít nói và có nói cũng chỉ vài tiếng thôi. Họ có tính chất con người hơn và tôi gần như tin rằng họ thương yêu nhau hơn là chúng tôi đối với nhau ở đây.

Có lẽ vì họ khổ cực hơn chúng tôi chúng. Thế mà chiến tranh đã chấm dứt đối với họ; nhưng phải thấy rằng ngồi mà chờ bệnh kiệt lị thì cũng chẳng phải là một kiếp người nữa.

Bọn dân vệ già canh gác họ, kể chuyện là lúc đầu họ hoạt bát hơn, họ cũng giao thiệp với nhau, ở đâu mà chả thế, và hình như nhiều lần cũng có đánh nhau, đâm nhau nữa. Nhưng bây giờ họ đã mòn mỏi và thờ ơ quá đổi. Đa số chẳng buồn thủ dâm nữa. Họ yếu quá rồi, nếu không, cái việc ấy phổ biến đến nỗi nhiều khi cả trại cùng làm một loạt.

Họ đứng đó, dựa vào hàng rào, đôi lúc một người lão đảo rồi bỏ đi; chẳng mấy lúc một người khác đã thế chân. Phần đông chẳng nói chẳng rằng; chỉ trừ vài người, xin đầu thuốc lá.

Tôi ngắm những hình thù thiếu não ấy. Râu họ phất phơ trước gió. Tôi chỉ biết một điều về họ: họ là tù binh, và chính điều ấy làm tôi xúc động. Cuộc đời của họ không tên tuổi và không tội lỗi gì cả. Nếu tôi biết rõ số phận họ hơn nữa, nghĩa là họ tên gì, sinh sống ra sao, chờ đợi cái gì, cái gì làm cho họ khổ sở thì mỗi xúc động của tôi sẽ có một mục đích cụ thể và có thể trở nên tình thương. Nhưng lúc này, ở đây, tôi chỉ cảm thấy qua họ, nỗi đau khổ của con

người, cảnh sầu thảm kinh khủng của cuộc đời, và sự thiếu lòng thương xót, đặc điểm của con người.

Một mệnh lệnh đã làm cho những hình thù lạng lẽ ấy trở nên kẻ thù của chúng tôi; bây giờ một mệnh lệnh khác có thể làm cho họ trở thành những người bạn của chúng tôi. Trên một cái bàn nào đó, có những người, mà chúng tôi chẳng ai quen biết, ký vào một bản viết; thế là, trong bao nhiêu năm, cái mục đích tối cao của chúng tôi trở nên cái điều mà trong thời bình người ta phải ghê tởm và phải trừng phạt một cách quyết liệt nhất. Vậy ai có thể tự nhận ra mình trong tất cả những cái ấy khi nhìn thấy ở đây những con người im lìm kia, với bộ mặt trẻ con và bộ râu của các vị thánh tông đồ? Bất cứ thầy cai nào đối với lính mới cũng như bất cứ giáo sư nào đối với học sinh, mà chả là kẻ thù hung ác hơn cả những người này đối với chúng tôi. Thế mà chúng tôi vẫn sẽ bắn vào họ, cũng như họ sẽ bắn vào chúng tôi, nếu như họ được tự do.

Tôi hoảng sợ; nếu cứ tiếp tục suy nghĩ về những chuyện này thì nguy quá. Con đường ấy sẽ dẫn xuống vực mất. Ngày ấy chưa đến. Nhưng tôi không muốn để rớt mất ý nghĩ này, tôi muốn giữ gìn nó, giấu diếm nó một cách cẩn thận cho đến khi chiến tranh kết liễu.

Tim tôi đập rộn: đây là mục đích, mục đích cao cả, mục đích duy nhất mà tôi nghĩ tới trong chiến hào, mục đích mà tôi đã tìm kiếm, xem nó như có thể hướng dẫn đời tôi sau cái tai họa lớn đã giáng xuống tất cả nhân loại này.

Phải chăng trong cuộc sống này của tôi, cái đó sẽ là một công việc xứng đáng với những năm khủng khiếp?

Tôi rút thuốc lá trong túi ra; tôi cấu mỗi điếu thuốc thành hai, và đưa cho những người Nga. Họ cúi mình và châm lửa.

Giờ đây trên mặt họ lóe lên những chấm đỏ. Đó là một mềm an ủi cho tôi; tưởng như đây là những cửa sổ nhỏ trong căn nhà tối tăm ở vùng quê, những cửa sổ cho biết rằng đây, phía sau chúng, có những căn phòng niềm nở đón chào.

Ngày lại ngày. Một sáng sương mù, người ta lại đem chôn một người Nga; hồi này gần như ngày nào cũng có người chết. Tôi đứng gác vừa lúc đám ma đi qua. Những tù binh hát một bài thánh ca; họ hát nhiều giọng và cũng chẳng ra giọng hát nữa mà là tiếng đàn đại phong cầm trên cánh đồng hoang.

Việc chôn cất làm rất nhanh.

Buổi tối họ vẫn còn đứng dựa vào hàng rào, gió từ những khu rừng phong thổi vào họ. Những ngôi sao lạnh lẽo. Đạo này tôi quen vài tù binh biết nói tiếng Đức khá. Trong số ấy có một nhạc sĩ. Anh ta nói với tôi rằng trước anh từng chơi vĩ cầm ở Berlin. Khi biết tôi cũng bập bõm chơi được dương cầm anh ta liền đi lấy đàn và bắt đầu kéo. Những người khác ngồi xuống và dựa lưng vào hàng rào.

Anh ta đứng đó mãi mê kéo; nhiều lúc anh ta có nét mặt mơ màng của những người chơi vĩ cầm khi họ nhắm đôi mắt; rồi anh ta nhip nhàng, đu đưa

cây đàn và mỉm cười với tôi.

Có lẽ anh ta chơi những bản dân ca, vì những người khác khe khẽ hát theo. Tiếng đàn dồn dập âm thầm, dường như rung lên từ lòng đất. Tiếng vĩ cầm vươn lên như một nàng thiếu nữ mảnh dẻ, nghe trong trẻo và cô đơn. Tiếng hát ngừng lại, nhưng tiếng đàn vẫn tiếp tục, âm thanh phát ra thánh thót trong đêm, tưởng chừng đang run rẩy. Muốn thưởng thức tiếng đàn phải đứng thật gần, giá ở trong một căn phòng thì hay biết mấy. Ở đây ngoài trời, người ta đâm ra buồn bã trước cái âm thanh mơ hồ và cô đơn ấy.

Chủ nhật, tôi không được về phép, do tôi vừa được nghỉ dài hạn xong. Vì thế, ngày chủ nhật trước hôm tôi lên đường, cha tôi và chị tôi đến thăm. Suốt hôm ấy, chúng tôi ở Câu lạc bộ Chiến sĩ, còn đến nơi nào khác được? Vì chúng tôi không muốn vào trong doanh trại. Khoảng trưa, chúng tôi đi dạo trên cánh đồng.

Thì giờ trôi qua buồn bã; chúng tôi chẳng biết nói gì với nhau. Vì thế chúng tôi nói chuyện về bệnh tình của mẹ tôi; bây giờ rõ là ung thư rồi; mẹ tôi đã đi nhà thương và sắp mổ. Các thầy thuốc mong rằng mẹ tôi sẽ khỏi, nhưng chúng tôi chưa từng thấy ai chữa được bệnh ung thư bao giờ. Tôi hỏi:

- Mẹ nằm đâu?

- Nhà thương Lui dơ, - cha tôi nói.

- Hạng mấy?

- Hạng ba. Còn phải đợi xem mổ hết bao nhiêu tiền. Chính mẹ con đã muốn nằm hạng ba. Mẹ con bảo ở đây có người nọ người kia. Vả lại cũng rẻ tiền hơn.

- Như thế là mẹ nằm cùng nhiều người nữa trong một buồng nhỉ! Miễn là ban đêm mẹ ngủ được thôi.

Cha tôi gật đầu. Nét mặt cha tôi trĩu xuống và đầy những nếp nhăn. Mẹ tôi ốm đau luôn, dù vạ bất đắc dĩ mới chịu đi nằm nhà thương, nhưng cũng rất tốn kém, và cũng vì thế, cha tôi phải hy sinh rất nhiều.

- Ấy là chưa biết cái giá tiền mổ là bao nhiêu cơ đấy, - cha tôi nói.

- Cha không hỏi họ sao?

- Cha không dám hỏi thẳng đâu, khó lắm, nếu làm ông bác sĩ mất lòng thì rất phiền, vì dù sao cũng phải để ông ấy mổ cho mẹ con kia mà.

Phải, tôi nghĩ một cách chua chát, đối với chúng tôi là thế đấy; đối với những người nghèo là thế đấy. Họ không dám hỏi giá và họ lo lắng vì chuyện ấy không biết ngần nào; nhưng đối với những người khác mà vấn đề ấy chỉ là phụ, thì việc định giá trước là chuyện bình thường. Đối với người này, bác sĩ chả mất lòng bao giờ.

- Lại còn cái khoản bằng bó nữa cũng đắt lắm, - cha tôi nói.

- Quĩ cứu tế không cho gì sao?

- Mẹ con ốm lâu quá rồi.

- Thế cha có tiền không?

Cha tôi lắc đầu.

- Không, nhưng cha có thể làm thêm giờ.

Tôi biết lắm, cha tôi ngồi ở bàn cho đến nửa đêm, gấp dán, cắt. Tám giờ tối cha tôi mới ăn một chút cái thức ăn đạm bạc mua theo phiếu. Sau đấy cha tôi uống một ít thuốc nhức đầu, rồi lại tiếp tục làm việc.

Để cha tôi vui, tôi kể cho cha tôi nghe vài chuyện tôi chợt nghĩ ra: chuyện tếu của lính tráng và những loại như thế dính dáng đến các vị tướng hoặc các ngài đội nhất, bị những võ cay bằng cách này hay cách khác.

Sau đó, tôi tiễn cha tôi và chị tôi ra ga. Hai người đưa cho tôi một lọ mứt sệt, một gói bánh khoai rán mà mẹ tôi còn cố làm cho tôi.

Rồi tàu chạy, còn tôi, tôi quay trở lại.

Buổi tối, tôi phết mứt lên bánh rán và tôi ăn. Tôi chẳng thấy ngon lành gì cả. Vì vậy, tôi đi ra, định đem cho những người Nga. Nhưng tôi chợt nghĩ chính mẹ tôi đã làm những cái bánh này, và có lẽ, đứng trước lò lửa nóng rực, mẹ tôi đau lắm. Tôi lại cất gói bánh vào ba lô, chỉ đem cho bọn người Nga hai cái.

Chương 9

Chúng tôi đi xe lửa luôn mấy ngày. Những chiếc máy bay đầu tiên đã xuất hiện trên trời. Chúng tôi vượt những đoàn tàu chở quân nhu. Đại bác, lại đại bác. Chúng tôi chuyển sang đường sắt dã chiến. Tôi đi tìm trung đoàn. Chẳng ai biết nó ở đâu. Ban đêm, bạ đâu tôi ngủ đấy, đến sáng người ta cho ăn và chỉ dẫn một cách mơ hồ. Thế là lưng đeo ba lô, vai khoác súng, tôi lại đi.

Khi đến nơi, chẳng còn một ai trong đơn vị chúng tôi ở lại trong cái vùng đã bị bom đạn tàn phá hết này.

Tôi được biết tin đơn vị chúng tôi đã trở thành một sư đoàn cơ động, chỗ nào gay go là bị điều đến ngay. Cái tin ấy không làm tôi vui mấy. Người ta nói quanh vùng này, đơn vị chúng tôi đã bị thiệt hại nặng nề. Tôi hỏi thăm Cát và Anbe. Cũng chẳng ai biết gì cả..

Tôi lang thang khắp nơi, tiếp tục tìm kiếm; tình cảm lạ lùng...

Lại một đêm, rồi lại một đêm nữa, tôi cắm trại như một anh da đỏ. Cuối cùng, tôi được tin tức đích xác và đến quá trưa, tôi đến được văn phòng đại đội. Viên đội nhất giữ tôi lại. Hai ngày nữa đại đội tôi sẽ về. Không cần thiết phải cho tôi đi tìm họ.

- Thế nào, về nghỉ phép khoái chứ? - Anh ta hỏi tôi.

- Tương đối thôi, - tôi nói.

- Phải, phải, - anh ta nói, - giá mà không phải đi nữa nhỉ!

Ấy, cái nửa sau bao giờ cũng hỏng bét vì thế đấy. Tôi đi lang thang cho đến sáng thì gặp đại đội trở về, xám ngắt, bản thiu, nhả nhó và buồn bã. Thế là tôi chồm lên, lao vào giữa hàng quân, đưa mắt sục sạo. Đây là Jadơn, đây là Muynlơ đang xì mũi và đây là Cát và Cốp nữa. Chúng tôi xếp đặt ổ rơm cạnh nhau. Nhìn thấy chúng nó, tôi tưởng như mình có lỗi gì mà thực ra chẳng có gì phải nghĩ như thế. Trước khi đi ngủ, tôi lấy chỗ bánh rán và mút sệt còn lại ra để cho chúng nó cũng được hưởng một tí.

Hai cái bánh rán dầu ở gối bắt đầu mốc; nhưng vẫn còn ăn được như thường. Tôi giữ lại phần tôi và đưa cho Cát và Cốp những cái nguyên vẹn. Cát nhai và hỏi:

- Bánh nhà cậu làm phải không?

Tôi gật.

- Đúng, cứ ăn là biết ngay, - anh ta nói.

Tôi gần phát khóc. Tôi không nhận ra mình nữa.

Tuy vậy, bây giờ tôi đã ở đây với Cát, với Anbe và những đứa khác nữa, mọi việc sẽ tốt đẹp hơn. Tôi đã trở về đúng chỗ của tôi.

- Cậu may đấy, - Cốp thì thầm với tôi trước khi ngủ, - người ta nói cánh mình sẽ sang Nga.

Sang Nga! Nếu vậy không phải là chiến tranh nữa.

Phía xa xa, mặt trận gầm rống. Vách lán trú quân rung chuyển.

Mọi người cuống cuống chải chuốt. Hết loạt điểm danh này đến loạt điểm danh khác. Người ta kiểm tra chúng tôi lu bù. Cái gì rách là được đổi ngay lấy cái lành. Thế là tôi vớ được một cái áo mới toanh, không chê vào đâu được, còn Cát, dĩ nhiên là được cả một bộ trang phục đầy đủ. Có tin đồn là đình chiến, nhưng một ý kiến khác nghe có lý hơn, ấy là chúng tôi sắp được chuyển sang Nga. Nhưng tại sao sang Nga lại phải ăn mặc khá hơn? Cuối cùng sự thật dần dần sáng tỏ.

Hoàng đế Đức sắp đến duyệt binh chúng tôi. Vì thế mới chuẩn bị rồi tinh lên như vậy.

Tám ngày liền, người ta ngỡ chúng tôi đang đóng trong một trại tân binh, mọi người làm việc và tập tành thật là ghê gớm. Ai cũng nhăn nhó và cúi kính vì sự chải chuốt quá đáng như vậy không thích hợp với chúng tôi, những kiểu đi duyệt binh lại càng không hợp nữa. Chính những cái ấy làm người lính bực hơn cả chiến hào.

Cuối cùng, ngày giờ ấy đã đến. Chúng tôi đứng nghiêm, im phăng phắc và Hoàng đế xuất hiện.

Chúng tôi tò mò muốn biết dáng điệu của ngài thế nào. Ngài đi dọc trước hàng quân và, nói cho đúng, tôi cũng hơi thất vọng: cứ như những bức chân dung tôi thấy, tôi tưởng ngài phải to lớn hơn, đường bệ hơn và nhất là tiếng nói phải sang sảng hơn mới đúng.

Ngài phân phát những huân chương chữ thập sắt rồi nói chuyện với người này người khác. Sau đó, chúng tôi rút lui.

Thế rồi, chúng tôi bắt đầu bàn tán. Jadron nói bằng giọng ngạc nhiên:

- Ấy đấy vị thủ lĩnh tối cao đấy. Ai cũng phải đứng nghiêm trước ngài, không trừ một ai! - Nó nghĩ một lúc - Trước mặt ngài, cả đến Hindenburg ^[14] cũng phải đứng nghiêm chứ?

- Đúng, - Cát nói.

Jadron chưa nói hết. Nó nghĩ một lúc rồi hỏi:

- Một ông vua có phải đứng nghiêm trước một vị hoàng đế không nhỉ?

Chẳng ai biết sự thực ra sao, nhưng chúng tôi không tin là như vậy. Cả hai vị đều đã cao cấp lắm rồi, chắc hẳn cái khoản đứng nghiêm chính ấy không thể có được giữa hai vị với nhau.

- Cậu nói những chuyện vớ vẩn gì thế? - Cát nói. - Cái chính là cậu, cậu phải đứng nghiêm, thế thôi.

Nhưng Jadron cứ bị ám ảnh mãi, óc tưởng tượng của nó rất nghèo nàn, thế mà lần này lại phong phú gớm.

- Này, - nó nói, - tớ không thể nào hiểu được một vị hoàng đế mà cũng phải đi ỉa như tớ!

- Ấy, ông bạn của tôi ơi, thế mà vẫn cứ phải đi đấy, cậu có thể cầm chắc như

thế. - Cốp vừa nói vừa cười.

- Một thẳng gàn cộng với mày thành hai thẳng gàn, - Cát thêm vào, - mày đâm ra lắm cảm rồi đấy Jăđơn ạ, đi ỉa ngay lập tức đi, cho đầu óc mày nó tỉnh táo ra và không ăn nói như bọn trẻ con thò lò mũi xanh nữa.

Jăđơn bỏ đi.

- Nhưng tớ muốn biết một điều, - Anbe nói, - nếu hoàng đế mà nói không, liệu chiến tranh có thể xảy ra không nhỉ?

- Riêng tớ nghĩ thì vẫn xảy ra, - tôi nói, - người ta nói đâu chính ngài cũng không muốn chiến tranh.

- Phải, có lẽ mình ngài thì chưa đủ, nhưng trên thế giới có độ hai chục hoặc ba chục người nữa, cùng với ngài, đều nói không cả, thì chắc là đủ lắm.

- Có thể như vậy, - tôi nói về nhượng bộ, - nhưng chính cái hai hay ba chục người ấy lại muốn có chiến tranh cơ mà.

- Càng nghĩ càng thấy kỳ quặc. - Cốp nói tiếp. - Chúng mình ở đây để bảo vệ Tổ quốc của chúng mình. Nhưng tại Pháp chúng nó cũng ở đây để bảo vệ Tổ quốc của chúng nó. Vậy ai có lý?

- Có lẽ cả hai cùng có lý, - tôi nói bừa.

- Cho được đi, - Anbe nói (xem điệu bộ nó, tôi biết nó sắp hỏi tôi một câu hóc búa đây) - nhưng các giáo sư của chúng mình, cha cố của chúng mình, các báo chí của chúng mình đều nói rằng chỉ có chúng mình mới có chính nghĩa, và tớ cũng mong là như thế. Còn bọn giáo sư, bọn linh mục và báo chí của tại Pháp lại nói rằng chỉ chúng nó mới có chính nghĩa. Như vậy thì ra làm sao?

- Mình cóc hiểu gì cả, - tôi nói, - dù sao thì cũng là chiến tranh, và mỗi tháng nó lại thêm vào một số nước nữa tham gia.

Jăđơn lại vào. Nó vẫn còn bút rút, và nó chen ngay vào câu chuyện, hỏi tại sao chiến tranh lại nổ ra?

- Thông thường, là tại một nước này xúc phạm nặng nề đến một nước kia. - Anbe trả lời với giọng kẻ cả.

Nhưng Jăđơn làm ra bộ ngỡ ngẩn:

- Một nước ư? Tớ không hiểu. Nhưng một quả núi của nước Đức làm sao lại có thể xúc phạm một quả núi của nước Pháp được, một con sông, một khu rừng, một cánh đồng lúa mì, cũng thế thôi.

- Sao mà mày ngu đến thế, hay là mày muốn khô hài? - Cốp lầu bầu. - Tao có định nói thế đâu.

- Một dân tộc này xúc phạm một dân tộc kia.

- Nếu vậy thì tớ ở đây làm gì? - Jăđơn đáp lại. - Tớ chả thấy bị xúc phạm tí nào cả.

- Người ta lại phải trình với bày với mình nữa hay sao? - Anbe nói với giọng bực tức. - Cái hạng dân ngu khu đen như mày thì ai đếm xỉa đến?

- Nếu vậy lại thêm một lý do nữa để tớ trở về nhà. - Jăđơn nhấn mạnh.

Mọi người cười ồ lên.

- Thật đồ ngu như lợn, đây là một dân tộc nói chung, nghĩa là Nhà nước. - Muynlơ thét lên.

- Nhà nước, Nhà nước (vừa nói Jadơn vừa búng ngón tay một cái ranh mãnh), những bọn sen đầm, cảnh sát, thuế má, đẩy Nhà nước của các cậu đấy. Nếu những cái đó làm cho cậu thích thú thì tớ xin bãi phục cậu.

- Đồng ý. - Cát nói - Lần đầu tiên cậu nói được một câu có nghĩa lý đấy, Jadơn ạ; giữa Nhà nước và Tổ quốc, quả là có một sự khác nhau.

- Nhưng cái này đi đôi với cái kia. - Cỗp suy nghĩ.

- Làm gì có một Tổ quốc mà lại không có Nhà nước?

- Đúng! - Cát đáp - nhưng cậu thử nghĩ mà xem, chúng ta hầu hết là con nhà bình dân, và ở Pháp cũng vậy, phần đông là lao công, thợ thuyền và dân làm thuê. Tại sao một anh thợ khóa và một anh thợ giày người Pháp lại muốn đánh chúng ta? Không, đó chỉ là những chính phủ. Trước khi đến đây, mình chưa hề gặp một người Pháp nào, và phần đông người Pháp đối với chúng ta cũng thế thôi. Chẳng ai hỏi ý kiến họ, cũng như chẳng ai hỏi ý kiến chúng mình bao giờ.

- Vậy tại sao lại có chiến tranh? - Jadơn hỏi.

Cát nhún vai:

- Phải có những người kiểm soát được trong chiến tranh được chứ.

- Ấy! Tớ không phải cái hạng người ấy đâu nhé! - Jadơn cười khẩy.

- Chẳng phải cậu cũng chẳng phải ai trong số những người ở đây.

- Vậy ai kiểm soát được trong chiến tranh? - Jadơn gặng. - Chiến tranh cũng chẳng có lợi lộc gì cho hoàng đế. Ngài đã có đủ mọi thứ rồi cơ mà...

- Chớ nói thế. - Cát đáp. - Cho đến bây giờ, hoàng đế chưa làm một cuộc chiến tranh nào. Mà bất cứ vị hoàng đế nào mà chả cần ít ra là một cuộc chiến tranh, nếu không thì làm sao mà nổi danh được. Cậu hãy xem trong những quyển sách giáo khoa thì biết.

- Các vị tướng cũng nhờ có chiến tranh mà nổi tiếng đấy. - Đêtrinh nói.

- Nổi tiếng hơn cả là những vị hoàng đế ấy nữa chứ! - Cát xác nhận.

- Chắc hẳn đằng sau bọn này còn có những người khác cũng muốn chiến tranh mang lại lợi lộc cho họ chứ? - Đêtrinh lầu bầu.

- Tớ cho rằng nó là một thứ bệnh phát sốt thì đúng hơn. - Anbe nói. - Thật ra chẳng ai muốn chiến tranh cả, thế mà dùng một cái, nó đến. Chúng mình không muốn chiến tranh, những người khác cũng nói vậy; thế mà một nửa nhân loại đang lặn xả vào đấy.

- Nhưng ở phía bên kia, chúng nó nói dối nhiều hơn bên chúng mình. - tôi nói. - Các cậu hãy xem những tờ giấy bắt được trong người bọn tù binh thì biết; chúng nó nói rằng ở Bỉ, chúng mình ăn thịt cả trẻ con... Những thằng khốn nạn viết lách như vậy phải đem mà treo cổ lên. Những thằng ấy là thủ phạm chính cống đấy.

Muynlơ đứng dậy:

- Dù sao thì chiến tranh diễn ra ở đây còn hơn ở bên Đức. Các cậu hãy nhìn những cánh đồng hồ trái phá kia kìa?

- Đúng đấy, - Jaderon hòa vào, - nhưng chẳng có tí chiến tranh nào cả thì còn tốt hơn nữa.

Nó đi ra có vẻ tự hào, vì nó đã cho chúng tôi, bọn lính tình nguyện có học thức, một bài học. Ý kiến của nó rõ ràng là điển hình; người ta luôn luôn vấp phải cái ý kiến ấy, mà không có cách nào đối đáp lại cho hẳn hoi, vì cái ý kiến ấy gạt hết tất cả mọi kiểu suy luận khác. Tình cảm dân tộc của anh lính quèn chỉ bao gồm có việc anh ta phải đến đây, chỗ mặt trận này, và nó dừng lại đấy; còn những gì khác thì anh ta nhìn nhận bằng con mắt thực tiễn và phán đoán theo tâm lý của anh ta.

Anbe nằm ườn trên cỏ, có vẻ khó chịu.

- Thôi nói làm quái gì đến cái của khi ấy nữa!

- Và lại nó có thay đổi tí gì đâu. - Cát nói.

Khổ nhất là chúng tôi phải trả lại hầu hết những quần áo vừa được lĩnh, rồi người ta quăng lại cho chúng tôi đồng quần áo cũ. Những cửa tất chỉ dùng cho việc phô trương thôi. Đáng lẽ sang Nga, chúng tôi lại trở ra tiền tuyến.

Dọc đường, chúng tôi đi qua một khu rừng thảm hại với những thân cây bị tiển gãy xơ xác, và mặt đất bị cày nát lên. Ở vài chỗ, có những cái hố khủng khiếp.

- Mẹ kiếp! Chỗ này nó nã khiếp lắm đây, - tôi nói với Cát.

- Mìn, - anh ta vừa trả lời vừa ra hiệu cho tôi nhìn lên không.

Nhiều xác chết mắc trên cành cây. Một anh lính trần truồng như ngòi xồm trên một cái chạc cây, đầu vẫn đội mũ. Nói cho đúng, trên cây chỉ có một nửa người của anh ta, cái mình thiếu chân.

Tôi hỏi tại sao lại thế?

- Cậu ta vừa bị nó lột trần ra đấy mà. - Jaderon lầu bầu.

Cát nói:

- Thật là kỳ quặc, bọn tớ đã nhiều lần nhìn thấy thế. Khi cậu bị một quả mìn, thế là quần áo cậu bị tụt phăng đi đâu mất. Đó là do sức ép của không khí.

Tôi lại nhìn chỗ khác. Đúng như lời anh ta nói.

Chỗ này chỉ mọc độc có những mảnh quân phục, chỗ kia dính bết một đồng lầy nhầy, máu me, mới đây là những chân tay người. Một thân hình nằm đó với một mảnh quần đùi ở một chân, và cái cổ áo quân phục quanh cổ. Ngoài ra hẳn gần như trần truồng, quần áo của hẳn rải rác trên một cái cây. Không có hai cánh tay, khác nào chúng bị xoắn lại mà giật ra.

Tôi nhìn thấy một cánh tay cách đó hai mươi bước, trong bụi rậm.

Người chết úp mặt xuống đất. Ở chỗ cánh tay bị giật văng đi, mặt đất đen ngòm những máu. Dưới chân hẳn lá bị nhàu nát y như hẳn vẫn còn dẫm chân lên.

- Không phải đùa Cát nhỉ, - tôi nói.

- Một mảnh trái phá vào bụng cũng không phải đùa đâu, - anh ta vừa trả lời vừa nhún vai.

- Đừng có cảm động nhé, - Jardon nói.

Sự việc xảy ra chắc chưa lâu lắm, vì máu hầy còn tươi. Những người mà chúng tôi trông thấy đều đã chết cả; nên chúng tôi không dừng lại mà chỉ báo cho trạm quân y gần đấy. Và lại chúng tôi có phải làm nhiệm vụ của ngựa cáng đâu.

Có lệnh cử một đội trinh sát xuất phát để dò xét vị trí địch còn được phòng thủ đến mức độ nào. Vừa đi phép về, tôi cảm thấy ngưỡng ngưỡng trước mặt anh em, nên tôi xung phong vào đội trinh sát. Sau khi bàn bạc kế hoạch hành động, chúng tôi trườn đến hàng rào dây thép gai rồi chia nhau, bò lên phía trước, mỗi người một ngã. Một lúc sau tôi thấy một hố trái phá không sâu lắm, tôi liền tụt xuống. Từ chỗ ấy tôi quan sát khắp chung quanh.

Trận địa bị một hỏa lực vừa phải của súng máy quét. Đạn tưới đều bốn phía, tuy không ác liệt lắm nhưng cũng đủ làm cho chúng tôi không dám nhổm người lên quá cao.

Một chiếc pháo sáng mở tung cái dù ra trên không trung. Mặt đất bị lạnh cứng lại dưới luồng ánh sáng nhợt nhạt ấy. Sau đó bóng tối lại ập xuống, mù mịt hơn nữa. Trong chiến hào người ta cho biết là có lính da đen ở phía trước mặt chúng tôi. Thật là rầy rà, khó mà nhìn rõ chúng, hơn nữa, chúng trinh sát rất giỏi. Nhưng kể cũng lạ, nhiều khi chúng rất đại dột, vì thế một lần Cát và Cốp đang thám thính, đã hạ được những tên phản trinh sát da đen, vì những tên này vừa đi vừa hút thuốc. Cát và Cốp chỉ việc nhắm những chấm đỏ lập lòe mà bắn.

Cạnh tôi, một quả đại bác hạng nhẹ rít lên. Tôi không nghe thấy tiếng nó đến, nên khiếp quá. Đồng thời một sự sợ hãi vô ý thức xâm chiếm lấy tôi. Chỉ có mình tôi ở đây và gần như bị chìm ngập trong bóng tối. Không biết chừng từ lâu đã có một đôi mắt ở một hố trái phá đang theo dõi tôi và một quả lựu đạn đang sẵn sàng ném tới, xé nát tôi ra từng mảnh. Tôi cố trấn tĩnh lại. Không phải đây là lần đầu tôi đi trinh sát, hơn nữa, nó cũng không có gì đặc biệt nguy hiểm. Nhưng là lần đầu từ khi nghỉ phép về, tôi đi thám thính và tôi không nắm được khu vực này mấy.

Tôi tự nhủ rằng xúc động như vậy là ngu ngốc quá, rằng trong bóng tối chẳng có cái gì rình mò cả, nếu không hỏa lực đời nào lại rời rạc thế. Nhưng vô ích. Những ý nghĩ lộn xộn quay cuồng trong óc tôi: tôi nghe thấy những lời vỗ về của mẹ tôi, tôi trông thấy những người Nga râu phất phơ, đứng tựa hàng rào; trước mặt tôi hiện lên hình ảnh sáng sủa và tuyệt diệu của một căng tin với những chiếc ghế ngồi, hình ảnh của một rạp chiếu bóng ở Valăngxiên; qua trí tưởng tượng nhức nhối của tôi, tôi thấy một họng súng đen ngòm, tàn nhẫn, đang xé địch một cách im lặng, đang đe dọa tôi và theo dõi từng cử

động của cái đầu tôi. Mồ hôi toát ra đầm đìa... Tôi vẫn nằm yên trong hố. Tôi nhìn đồng hồ, mới chỉ có mấy phút trôi qua. Trán tôi ướt, lồng mắt ướt đẫm, tay tôi run lên và tôi thở hổn hển, khe khẽ. Đó chỉ là một cơn sợ, một cơn sợ hãi xấu xa và mãnh liệt làm tôi không dám nhô đầu ra và tiến lên.

Sự hoảng loạn của tôi tràn ra như một nồi cháo đang sôi, làm cho tôi chỉ muốn nằm ì ra đó. Chân tay tôi dính chặt xuống đất; tôi đã toan trỗi dậy, nhưng vô ích: chúng không muốn rời khỏi mặt đất. Tôi nép mình xuống đất, tôi không thể nào tiến lên một bước được, tôi quyết định cứ ở lại đây, nằm dài ra. Nhưng ngay lúc đó, tôi bị một ý nghĩ hồ thẹn, hối hận và có cả cầu an nữa xâm chiếm lấy tôi. Tôi ngẩng lên một tí, để nhìn xem những gì đã xảy ra.

Đôi mắt tôi nóng rục vì trong bóng tối, tôi đã căng mắt nhìn trừng trừng. Một chiếc pháo sáng vọt lên trời. Tôi lại co rúm cả người.

Trong tôi diễn ra một cuộc đấu tranh hỗn loạn và vô ý thức, tôi muốn bò ra khỏi hố, thế mà tôi vẫn cứ chúi vào đấy. Tôi tự nhủ: "Bốn phận của mình, bạn bè của mình; đây có phải là một mệnh lệnh ngu ngốc đâu!".

Nhưng ngay sau đó. "Làm quái gì tất cả những cái ấy. Chỉ có một đời sống, không được để nó mất đi...". Tất cả những cái này là do kỳ về nghỉ phép đây. Tôi nghĩ một cách cay đắng, như để tự bào chữa cho mình.

Nhưng chính tôi cũng không tin lời bào chữa ấy. Tôi cảm thấy vô cùng rời rã. Tôi từ từ nhồm dậy, đưa cánh tay ra phía trước, trong khi lưng tôi trườn theo; bây giờ tôi đã nằm nửa người trên miệng hố trái phá. Nhưng tôi chợt nghe thấy cái gì, nên tôi giật mình lùi lại. Mặc dầu tiếng âm ì của pháo binh, tôi cũng vẫn nhận thấy rõ ràng những tiếng ào ào. Tôi lắng nghe: tiếng động ấy ở phía sau tôi. Đó là người của ta đang vượt chiến hào. Bây giờ tôi lại nghe cả tiếng nói khe khẽ. Trong đám ấy hình như có cả tiếng Cát.

Bất giác, một hơi nóng ấm lạ kỳ tràn ngập cả người tôi. Những lời nói ấy, vài ba tiếng thì thầm ấy, những bước chân trên chiến hào phía sau tôi, đã lập tức lôi tôi ra khỏi cảnh cô đơn khốc liệt của sự sợ chết mà tôi gần như bị vấp vào đó. Những tiếng nói ấy còn hơn cả sự sống của tôi. Chúng hơn cả sự có mặt của người mẹ, hơn cả sự khiếp sợ; chúng là một trong những sức mạnh nhất trên đời, che chở hiệu lực nhất cho tôi - đó là tiếng nói của các bạn tôi.

Tôi không còn là một mảnh đời run rẩy, cô đơn trong bóng tối nữa; tôi gần bó với họ và họ với tôi; chúng tôi đều có những cái sợ giống nhau và một cuộc sống giống nhau; chúng tôi kết hợp với nhau một cách vừa đơn giản vừa sâu sắc. Tôi muốn vục mặt vào trong những giọng nói ấy, vào trong mấy tiếng thì thầm ấy đã cứu giúp tôi và sẽ còn nâng đỡ tôi mãi.

Tôi trườn ra khỏi hố một cách thận trọng và bò như một con rắn. Rồi tôi đi lom khom; mọi sự yên lành cả; tôi xác định phương hướng, tôi nhìn chung quanh, nhận xét hỏa lực pháo binh ra sao để còn lần về. Rồi tôi tìm cách liên lạc với những người khác.

Cái sợ vẫn còn lẫn lẩn trong tôi, nhưng là một cái sợ có nghĩa lý hơn, nó

là một sự thận trọng đi đến chỗ quá đáng. Ban đêm, trời nổi gió, những bóng đen hiện lên đây đó khi có tia lửa từ những khẩu trọng pháo phụt ra. Lúc ấy người ta nhìn thấy vừa quá nhiều, lại vừa quá ít. Nhiều lúc tôi sợ cứng người, nhưng vẫn không có gì xảy ra. Cứ thế, tôi tiến lên khá xa, rồi tôi quay lại đằng sau, nhưng theo đường vòng cánh cung. Tôi không gặp một người nào bên mình cả. Mỗi bước nhích lại gần chiến hào nhà, càng làm cho tôi thêm vững tâm; thực tình tôi chỉ mong chóng về đến nơi. Bây giờ mà xơi một viên đạn thì thật là đời khốn nạn.

Nhưng tôi lại đâm hoảng. Tôi không nhận rõ phương hướng nữa. Tôi rón rén ngồi xuống một cái hố trái phá và tìm phương hướng. Đã nhiều lần, có những anh lính khoái trí nhảy bổ vào một chiến hào, nhưng khi nhận ra là chiến hào địch thì đã quá muộn.

Tôi lại nghe ngóng một lúc nữa. Vẫn chưa đúng đường. Đám hố trái phá, chẳng chịt, hỗn loạn, làm cho tôi không còn biết đằng nào mà mò nữa, đến nỗi trong lúc hoang mang tôi không biết quay về phía nào. Có lẽ tôi đã bò song song với các dãy chiến hào, nếu vậy bò quanh năm cũng không về đến nhà. Do đó tôi lại bò ngoặt sang một bên.

Những cái pháo sáng chết tiệt kia. Tưởng chừng chúng nó cháy lâu đến một tiếng đồng hồ chắc, không thể làm một cử động gì mà không cảm thấy một viên đạn réo sát bên người.

Tuy vậy, mặc dầu thế nào chẳng nữa, tôi cũng phải ra khỏi chốn này. Vừa ngập ngừng, tôi vừa cố hết sức tiếp tục bò đi, tôi trườn lên trên mặt đất như một con tôm, hai bàn tay bị rách nát, vì miết vào những mảnh trái phá sắc như dao cạo.

Đôi lúc tôi có cảm tưởng chân trời hừng sáng lên; nhưng có lẽ đó chỉ là ảo giác. Tuy thế, mỗi lúc tới lại càng thấy rõ những động tác của tôi, quyết định cả sinh mạng tôi.

Một quả đại bác nổ. Rồi hai quả nữa. Đây đây, cuộc khiêu vũ bắt đầu. Trận pháo kích đã mở màn.

Súng máy rền rĩ. Trong lúc này, chỉ còn cách nằm bẹp dí xuống và đợi. Hình như đang chuyển sang một đợt tấn công. Hỏa pháo vọt lên phía trước. Không ngừng. Tôi nằm co rúm người lại trong một hố trái phá lớn, nước ngập đến bụng. Khi đợt tấn công bắt đầu tôi sẽ dìm người xuống càng sâu càng tốt, mặt úp xuống bùn, miễn không chết sặc là được. Tôi phải giả vờ chết.

Đột nhiên tôi thấy tầm bắn rút gần lại. Lập tức tôi nhấn mình xuống nước, cái mũ đặt trên gáy, và cái miệng chỉ để cao vừa đủ thở.

Rồi tôi hoàn toàn nằm im không cựa quậy, vì quanh đó, tôi nghe thấy tiếng lách cách và những bước chân nặng nề tới gần, tất cả thần kinh của tôi căng cứng lại. Cái tiếng động ấy lướt trên đầu tôi; đợt thứ nhất đã vượt qua chỗ tôi. Tôi chỉ còn mỗi một ý nghĩ, một ý nghĩ ray rứt: mình sẽ làm gì nếu có đĩa nhảy vào cái hố này? Lúc này, tôi rút vội con dao găm nhỏ ra khỏi vỏ, tôi nằm

thật chặt chuôi dao và dấu lưỡi dao xuống bùn. “Nếu đũa nào xuống, mình sẽ đâm ngay” - cái ý nghĩ ấy quay cuồng trong đầu óc - “mình sẽ chọc ngay vào họng nó, để nó không kêu lên được. Chỉ còn cách ấy thôi, nó cũng hoảng như mình, và trong khi hai đũa cùng khiếp đảm cả, hai đũa sẽ nhảy xổ vào nhau; mình phải đánh phủ đầu ngay mới được”.

Bây giờ đến lượt pháo binh của chúng tôi trả lời, những viên đạn rơi xuống cạnh tôi làm tôi gần phát điên lên. Chỉ còn việc tan xác vì đại bác của quân nhà thôi! Tôi bắt đầu chửi rủa và lục sục ở trong bùn. Tôi điên lên thật sự; cuối cùng chỉ còn biết rên rỉ và than thở. Tiếng trái phá đập vào tai tôi. Nếu quân nhà mở một đợt phản công, thì tôi mới thoát. Tôi chú ý đầu sát đất và nghe thấy những tiếng gầm rống ù tai như những tiếng mìn nổ rất xa. Tôi lại ngẩng đầu lên để nghe những tiếng động trên cao. Tôi nghe thấy tiếng súng máy nổ giòn. Tôi biết là những công sự bằng dây thép gai của chúng tôi rất chắc chắn và hầu như còn nguyên vẹn. Có một đoạn bắt một quang điện mạnh. Tiếng súng trường mỗi lúc một to.

Quân địch không qua được, chúng buộc phải lùi lại.

Tôi lại cúi xuống, toàn thân căng thẳng đến cực độ. Những tiếng lách cách, lạch xệch, leng keng lại nghe thấy rõ; giữa tất cả những cái đó, chỉ có một tiếng kêu rít lên. Quân địch bị quét tơi bời: đợt tấn công đã bị đánh bật lại.

Bây giờ, trời đã sáng hơn một chút. Cạnh tôi, những bước chân hấp tấp. Đó là những người đầu tiên.

Họ đã vượt qua. Rồi lại những người khác. Những tràng súng máy nổ lia lịa. Tôi nghe thấy những tiếng ào ào của những cái gì đang đổ sập xuống. Vừa lúc tôi định giở mình một chút thì một thân hình nặng nề rơi xuống hố, trôi tuột và lăn vào tôi.

Tôi không nghĩ ngợi gì cả, tôi không suy nghĩ gì cả. Tôi chỉ còn biết đâm một cách điên cuồng và chỉ đơn thuần cảm thấy cái thân hình ấy dầy dụa rồi trở nên mềm nhũn và gập lại như một cái túi. Lúc tôi tỉnh trí lại thì bàn tay tôi đã nhầy nhụa và ướt đầm. Gã kia thở dốc. Tôi nghe hình như hấn rống lên và mỗi hơi thở như một tiếng kêu, một tiếng gầm; nhưng đó chỉ là quả tim của tôi đập rộn lên thôi. Tôi muốn bắt hấn cầm mồm lại, nhét đất vào mồm hấn, lại đâm cho hấn một chập nữa để hấn cầm đi, vì hấn có thể làm tôi bị lộ mất; nhưng tôi đã tỉnh trí lại, và đột nhiên tôi cảm thấy yếu đuối quá, không đủ sức làm gì nữa hết.

Thế là, tôi bò đến một góc xa nhất, ở yên đó, mắt trừng trừng nhìn hấn, tay nắm chặt con dao, sẵn sàng lại lao vào hấn nếu hấn cựa quậy. Nhưng hấn chẳng làm gì nữa, qua tiếng rên, tôi đã hiểu hấn ra sao rồi. Tôi chỉ nhìn thấy hấn rất lờ mờ. Tôi chỉ còn một ý định: đi khỏi chỗ này. Nếu tôi không đi gấp, chẳng mấy lúc mà trời sẽ sáng quá, mà bây giờ cũng đã khó rồi. Nhưng mỗi lần định ngẩng đầu lên, tôi thấy không thể nào đi thoát được. Hỏa lực của súng máy dày đến nỗi tôi sẽ bị bắn nát người ngay trước khi chồm lên được

một bước.

Tôi còn nhận thấy điều ấy rõ hơn nữa, khi giơ cái mũ lên khỏi mặt đất một chút để xem tầm đạn cao thấp ra sao. Một lát sau, một viên đạn bắn văng cái mũ ra khỏi tay tôi, như vậy là tầm đạn sát mặt đất. Tôi hiện nằm không xa vị trí địch mấy, nếu có định chạy trốn, cũng không tài nào thoát khỏi tay bọn xạ thủ giỏi.

Ánh sáng tăng dần. Tôi nóng lòng chờ đợi đợt tấn công của quân nhà. Những đốt ngón tay của tôi trắng bệch ra, hai bàn tay tôi ghì lấy nhau mạnh quá, tôi cầu mong tha thiết tiếng súng im đi và các bạn tôi đến.

Từng phút một trôi qua chậm chạp. Tôi không dám để mắt vào cái bóng đen trong hố nữa. Tôi cố sức nhìn sang bên cạnh hắn và tôi đợi, tôi đợi. Đạn réo lên, đạn thành cái lưới thép; vẫn không hết, không bao giờ hết.

Lúc này, tôi chợt nhận thấy bàn tay tôi đẫm máu và đột nhiên tôi cảm thấy choáng váng. Tôi lấy đất, kỳ cọ bàn tay, bàn tay tôi giờ đây bắn thiu nhưng ít ra người ta không trông thấy máu nữa.

Hỏa lực vẫn không ngớt. Từ cả hai phía, hỏa lực mạnh ngang nhau. Có lẽ từ lâu, bên tôi đã cầm chắc là tôi đi đứt rồi.

Trời sáng, một ánh sáng mờ đục, ánh sáng của một ngày vừa hé. Những tiếng thở khò khè vẫn tiếp tục. Tôi bịt lỗ tai lại, nhưng tôi lại phải rút ngón tay ra ngay, nếu không, tôi không thể nghe thấy những gì xảy ra.

Cái hình thù trước mặt tôi cựa quậy. Tôi sợ run lên và dù không muốn, tôi vẫn phải nhìn hắn. Lúc này, hai mắt tôi như dính chặt vào hắn: một người có bộ ria mép nhỏ, đang nằm kia; đầu ngoẹo sang bên; gối lên một cánh tay duỗi ra nửa chừng, không động đậy. Bàn tay kia đẫm máu, đặt lên ngực.

Hắn chết rồi, tôi tự nhủ. Nhất định là chết rồi, hắn không còn biết gì nữa; cái tiếng thở khò khè ấy chỉ là cái xác thôi; nhưng kìa, cái đầu toan nhấc lên; những tiếng rên trong một lúc trở nên mạnh hơn, sau đó cái trán lại gục xuống cánh tay. Hắn đang hấp hối, hắn chưa chết. Tôi bò lại phía hắn; tôi dừng lại thì người lên hai tay, tôi nhích thêm một chút lên phía trước, tôi đợi; rồi tôi lại nhích lên nữa; đoạn đường chỉ có ba thước, mà thật là khốc liệt, một đoạn đường dài dằng dặc và kinh khủng. Cuối cùng, tôi đến cạnh hắn.

Lúc này, hắn mở mắt ra. Có lẽ hắn đã nghe thấy tôi và hắn nhìn tôi với một vẻ sợ hãi ghê gớm. Thân thể hắn không động đậy nhưng trong đôi mắt hắn, hiện lên cái ý muốn chạy trốn, mãnh liệt đến nỗi trong chốc lát tôi tưởng đôi mắt ấy có đủ sức lôi phăng toàn thân đi theo, có thể chỉ cựa mình một cái là đi được hàng trăm cây số. Thân thể hắn không động đậy, hoàn toàn yên tĩnh và lúc này, rất im lặng; tiếng thở khò khè cũng bật đi, nhưng đôi mắt kêu lên, thét lên; trong đôi mắt ấy, tất cả sinh lực đều tập trung thành một cố gắng phi thường, để chạy trốn, thành một sự khủng khiếp ác liệt trước cái chết, trước tôi. Tôi cảm thấy các khớp xương của tôi long hết cả ra và tôi ngã xuống hai khuỷu tay. "Không", tôi nói thầm.

Hai con mắt hần nhìn theo tôi. Tôi không thể nào cử động trong lúc hai con mắt còn đó. Lúc này, bàn tay hần từ từ và nhẹ nhàng nhích ra khỏi ngực; nó chỉ xê dịch độ vài phân thôi, nhưng cái động tác ấy cũng đủ làm cho đôi mắt bớt vẻ dữ dội đi. Tôi nghiêng người về phía trước, tôi lắc đầu và thầm thì: "Không, không, không", tôi giơ một bàn tay lên, cho hần thấy là tôi muốn cứu chữa hần, rồi tôi đặt bàn tay lên trán hần.

Đôi mắt chớp chớp khi bàn tay tôi sát lại; bây giờ chúng không còn nhìn trừng trừng như trước nữa, lông mi hạ xuống, vẻ căng thẳng dịu bớt. Tôi cởi khuy áo cổ hần, để cho đầu hần thoải mái hơn.

Hần há nửa miệng; hần cố nói vài tiếng gì đó.

Môi hần khô cả. Cái bi đông của tôi không có đây, tôi không đem đi theo. Nhưng ở đáy hồ, trong vũng bùn, có nước: Tôi lặn xuống, tôi lấy cái khăn tay, trải nó ra trên mặt bùn rồi ấn xuống, sau đó, tôi lấy lòng bàn tay vục lấy ít nước vàng vàng lọc qua chiếc khăn tay.

Hần uống. Tôi lại đi lấy nữa. Rồi tôi cởi áo hần ra để nếu có thể thì băng bó cho hần. Dù sao, tôi cũng phải làm những việc này, để lỡ có bị bắt làm tù binh, bọn đối phương cũng thấy rõ là tôi muốn cứu chữa hần và chúng sẽ không tàn sát tôi. Hần muốn chống đỡ, nhưng bàn tay hần yếu quá. Chiếc áo lót của hần dính chặt, không sao lột được, vì nó cài cúc đằng sau lưng. Chỉ còn cách cắt ra thôi.

Tôi tìm con dao và lại thấy nó ngay. Nhưng lúc tôi bắt đầu rạch cái áo lót của hần ra, mắt hần lại mở ra một lần nữa, đôi mắt tỏ vẻ hoảng sợ một cách điên cuồng, chẳng khác những tiếng thét, đến nỗi tôi phải vuốt mắt hần lại, và nói khe khẽ: "Tôi muốn cứu bạn kia mà". Tôi lại nói thêm bằng tiếng Pháp: "Bạn... bạn... bạn...", nhấn mạnh vào tiếng đó để hần hiểu.

Hần bị ba nhát dao. Những cuộn băng của tôi quấn các vết thương, máu ri ri bên trong: tôi buộc chặt hơn nữa; hần rên lên.

Đây là tất cả những gì tôi có thể làm được. Cả hai người chỉ còn biết đợi, đợi.

Chao ôi! Những giờ phút này, những giờ phút này!

Tiếng khò khè lại nổi lên. Một con người sắp chết mới chậm chạp làm sao! Vì tôi biết rằng không có cách nào cứu sống hần được. Thực ra, tôi đã cố nghĩ khác, nhưng đến trưa, những tiếng rên của hần đã phá tan hết niềm hy vọng giả dối ấy. Nếu trong khi bò, tôi không đánh rơi khẩu súng lục, thì tôi đã kết liễu hần bằng một phát cho rồi. Tôi không còn sức đâm hần nữa.

Buổi chiều hôm đó, tôi hoang mang đến cực độ.

Cái đói dày vò dữ dội; tôi gằn phát khóc lên vì đói, nhưng không thể nào chống lại nó được. Nhiều lần tôi đi lấy nước cho gã hấp hối và chính tôi cũng uống.

Đây là con người đầu tiên chính tay tôi giết, tôi có thể biết một cách rõ ràng như thế, cái chết do chính tôi tạo ra. Cát, Cốp, Muynlơ cũng đã nhìn thấy

những người mà chúng nó giết; rất nhiều đứa khác cũng thế, nhiều khi ngay cả trong một trận đánh giáp lá cà...

Nhưng mỗi tiếng thở của hắn như xé lòng tôi. Cái gã hấp hối này còn thoi thóp được lúc nữa, hắn có một con dao vô hình đâm suốt qua người tôi, đó là thời gian và những ý nghĩ của tôi.

Tôi sẵn sàng chịu đựng tất cả để cho hắn sống.

Phải nằm đây nhìn hắn và nghe hắn rên thì khổ thực.

Đến ba giờ chiều, hắn chết.

Tôi thở phào, nhưng chẳng được lâu. Sự im lặng đối với tôi còn khó chịu hơn cả những tiếng rên. Tôi lại muốn nghe cái tiếng thở nấc của hắn, khò khè, thỉnh thoảng khẽ rít lên rồi lại khò khè ầm ỉ.

Việc tôi làm chẳng có nghĩa lý gì. Nhưng tôi cũng phải làm một cái gì đó. Vì vậy tôi xô dịch người chết một lần nữa, để cho hắn nằm ngay ngắn hẳn hoi. Tôi vuốt mắt hắn. Đôi mắt nâu; tóc đen, hai bên mái hơi xoăn.

Dưới bộ ria mép cái miệng đầy đặn và hiền lành.

Mũi hơi quặp, nước da xám, bây giờ cái nước da ấy không xỉn bằng lúc hắn chưa chết. Trong giây phút, trông mặt hắn, tưởng như một người đang khỏe mạnh; nhưng nó biến đổi nhanh chóng thành bộ mặt kỳ lạ của những người chết mà tôi thường thấy và đều giống nhau.

Giờ đây, vợ hắn nghĩ đến hắn, chị ta chẳng biết chuyện gì đã xảy ra. Cứ nhìn hắn có thể đoán được là hắn hay viết thư cho vợ; chị ta sẽ còn nhận được thư hắn, ngài mai, một tuần nữa, có lẽ một tháng nữa, một lá thư tới chậm. Chị ta sẽ đọc thư và tưởng như hắn đang nói với chị.

Tinh thần tôi càng rối loạn, tôi không thể tìm những ý nghĩ lại được. Người đàn bà ấy như thế nào?

Chị ta có giống cô con gái tóc nâu mảnh khảnh bên kia kênh không? Chị ta có thuộc về tôi không? Có lẽ trong lúc này, vì cái việc này đây mà chị ta thuộc về tôi. Chao ôi! Nếu Căngtơrec ở cạnh tôi! Nếu mẹ tôi nhìn thấy tôi như thế này! Chắc hẳn người chết này có thể sống thêm ba mươi năm nữa, nếu tôi nhớ rõ đường hơn. Nếu hắn đi quá về bên trái hai thước nữa, thì lúc này hắn đã về đến chiến hào và hắn lại viết một bức thư nữa cho vợ rồi.

Những ý nghĩ ấy không giúp gì cho tôi cả, vì đó là số phận của tất cả chúng tôi; nếu Kemơrich dịch chân quá về bên phải mười phân nữa, nếu Hai cúi xuống thêm năm phân nữa...

Yên lặng kéo dài. Tôi nói, tôi phải nói. Vì vậy, tôi nói với hắn: "Này anh bạn, mình có muốn giết cậu đâu. Nếu cậu lại nhảy vào cái hố này một lần nữa, mình sẽ không làm thế nữa đâu, miễn là chính cậu, cậu cũng phải biết điều. Nhưng đầu tiên, đối với mình, cậu chỉ là một ý nghĩ, một sự tính toán nảy ra trong đầu mình, rồi nó dẫn đến một quyết định. Chính mình đã đâm vào cái sự tính toán ấy. Bây giờ, lần đầu tiên, mình nhận ra cậu cũng là một con người như mình. Mình đã nghĩ đến những quả lựu đạn của cậu, đến cái lưỡi lê và các

thứ vũ khí của cậu; nhưng bây giờ, mình nhìn thấy vợ cậu, cũng như nhìn thấy mặt cậu và những gì giống nhau giữa hai đứa chúng mình. Bạn ơi, hãy tha thứ cho mình. Bao giờ chúng ta cũng nhìn ra sự việc một cách quá muộn. Tại sao người ta không nói cho bọn mình biết rằng chính các cậu, các cậu cũng chỉ là những con chó khốn khổ như bọn mình, rằng các bà mẹ của các cậu cũng đau khổ như mẹ chúng mình, rằng chúng ta đều sợ chết như nhau, đều chết một cách giống nhau, chịu những nỗi đau đớn như nhau? Bạn ơi, hãy tha thứ cho mình; tại sao cậu lại có thể là kẻ thù của mình? Nếu chúng ta bỏ những vũ khí và bộ quân phục này đi, thì cậu rất có thể là người anh em của mình, như Cát và Anbe vậy. Bạn ơi, cậu hãy lấy hai mươi năm của đời mình và cậu hãy đứng dậy đi... Đời mình còn gì nữa, cậu cứ việc lấy nốt đi, vì mình không biết là từ nay mình còn làm những gì nữa”.

Bốn bề phẳng lặng. Mặt trận yên tĩnh chỉ trừ tiếng nổ của súng trường. Đạn nổ tiếp nhau; họ không bắn lung tung; trái lại họ nhắm cẩn thận từ bốn phía. Tôi không thể rời khỏi chỗ trú ẩn được. “Mình sẽ viết thư cho vợ cậu”, tôi vội vã bảo người chết. “Mình muốn viết thư cho chị ấy, chính mình sẽ báo tin cho chị ấy, mình sẽ nói hết cho chị ấy biết những cái mình nói với cậu; mình không muốn chị ấy khổ, mình sẽ giúp đỡ chị ấy, giúp đỡ cả cha mẹ cậu cũng như cả con cậu nữa...”. Bộ quân phục của hắn vẫn chưa cài lại. Rất dễ tìm thấy cái ví. Nhưng tôi ngập ngừng không dám mở ví ra. Có cả tập quân bạ ghi tên tuổi hắn. Nếu chưa biết tên hắn, có thể tôi sẽ quên hắn đi; thời gian sẽ xóa mờ hình ảnh này đi. Nhưng tên hắn là một cái đinh sẽ đóng ngập vào người tôi và tôi sẽ không thể nào nhổ ra được. Nó có sức mạnh nhắc lại tất cả, bất cứ lúc nào; cái cảnh tượng này sẽ có thể mãi mãi tái diễn và hiện lên trước mắt tôi.

Tôi cầm cái ví trong tay mà không biết làm gì. Nó tuột khỏi tay tôi và mở ra, ảnh và thư rơi ra. Tôi nhặt chúng lên, toan để vào chỗ cũ, nhưng cái trạng thái rã rời mà tôi đang lâm vào, tất cả cái tình huống bấp bênh này, cái đói, cái nguy hiểm, những giờ phút bên cạnh người chết, đã biến tôi thành một kẻ tuyệt vọng: tôi muốn đi gấp đến kết cục, chịu thêm nhiều cực hình hơn nữa để mau chóng chấm dứt, khác nào quật một bàn tay đang bị đau ghê gớm vào thân cây, không cần biết rồi sau sẽ ra sao nữa.

Đó là những bức ảnh của một người đàn bà và một đứa con gái nhỏ, những bức ảnh nhỏ chụp nó chơi với một giàn trường xuân. Cạnh đấy, là những bức thư. Tôi rút ra và thử đọc. Tôi không hiểu gì mấy, thật khó mà lần ra được, tiếng Pháp tôi chỉ biết lồm bồm thôi. Nhưng mỗi chữ tôi dịch ra được cứ như một viên đạn xuyên vào ngực tôi, như một mũi dao găm đâm vào trái tim tôi...

Đầu óc tôi bị kích thích mãnh liệt. Nhưng tôi còn đủ sáng suốt để hiểu rằng không bao giờ tôi được phép viết thư cho họ như tôi vừa nghĩ lúc này. Thật là không thể được. Tôi nhìn những bức ảnh một lần nữa; họ không phải là hạng người giàu có, nếu sau này tôi kiếm được ít nhiều, tôi sẽ gửi tiền cho họ bằng

cách dấu tên. Tôi bám lấy ý định ấy, ít ra nó cũng là một chỗ dựa nhỏ của tôi. Người chết này gắn liền với đời tôi; vì thế tôi phải làm tất cả mọi thứ và phải hứa hẹn mọi điều để tự giải thoát; tôi thề một cách mù quáng rằng tôi chỉ muốn sống vì hấn và vì gia đình hấn. Đôi mắt ướt đẫm, tôi chuyện trò với hấn; làm thế, trong thâm tâm tôi có cái mong muốn chuộc lại điều tôi đã làm, đồng thời, có lẽ đó cũng là cái mẹo nhỏ để mong thoát thân, vì lúc nào nuốt lời thề mà chả được.

Tôi mở tập quân bạ và thông thả đọc: "Giêra đuy van, thợ nhà in".

Tôi lấy cái bút chì của người chết, ghi địa chỉ lên một chiếc phong bì rồi đột nhiên tôi vội vã bỏ tất cả vào túi áo hấn.

Tôi đã giết anh thợ nhà in Giêra đuy van. Tôi phải trở thành thợ nhà in mới được, tôi nghĩ, đầu óc quay cuồng rối loạn, tôi phải thành thợ nhà in, thợ nhà in...

Buổi chiều, tôi bình tĩnh hơn. Sự sợ hãi của tôi không có căn cứ. Cái tên ấy không làm tôi hoảng hốt nữa. CƠn khủng hoảng đã qua. "Bạn ơi", tôi nói với người chết nằm bên cạnh tôi, nhưng bằng một giọng trấn tĩnh, "cậu hôm nay, mình ngày mai thôi. Tuy vậy, nếu mình thoát chết, bạn ạ, mình sẽ đấu tranh chống lại cái đã giết hại cả hai chúng ta; với cậu, nó đã lấy mất cuộc đời của cậu. Với mình?... Nó cũng đã lấy mất cuộc đời của mình. Mình xin hứa với bạn, bạn ạ. Sao cho cái chuyện này không bao giờ được tái diễn nữa".

Mặt trời chiếu xiên khoai. Tôi mệt và đói đến kiệt sức. Chuyện xảy ra ngày hôm qua đối với tôi như một đám sương mù, tôi không còn hy vọng thoát được nữa.

Vì vậy, tôi nằm lịm đi, không biết chiều đến lúc nào.

Hoàng hôn xuống. Hình như lúc này thì giờ đi nhanh lắm. Còn một giờ nữa. Nếu là mùa hè, còn phải đợi ba tiếng đồng hồ nữa. Còn một giờ nữa!

Lúc này tôi phát run lên, sợ từ bây giờ đến lúc ấy, lại xảy ra tai vạ gì nữa chẳng. Tôi không nghĩ đến người chết nữa; tôi trở nên thản nhiên hơn đối với hấn. Bất thành linh, lòng ham sống vượt lên trên tất cả và đẩy lùi tất cả những gì mà tôi hứa hẹn sẽ làm. Có điều, không muốn lại mắc phải một tai vạ nữa, tôi tự nhiên lẩm bẩm: "Mình sẽ giữ lời hứa, tất cả mọi lời hứa mình đã nói với cậu". Nhưng ngay từ lúc này, tôi đã biết rằng không đúng như thế.

Đột nhiên, tôi nghĩ rằng chính các bạn tôi có thể bắn phải tôi, nếu tôi bò; vì thực ra họ có biết tôi bò ở đây đâu. Khi nào có thể, tôi sẽ kêu lên để họ nghe thấy. Tôi sẽ cứ nằm trước chiến hào cho đến khi nào họ trả lời.

Ngôi sao đầu tiên. Mặt trận vẫn yên tĩnh. Tôi thở và trong lúc xúc động, tôi tự nhủ: "Thôi, bây giờ đừng vớ vẩn gì nữa, nghe không Pôn...? Phải bình tĩnh, bình tĩnh, nghe không Pôn...? Như thế mà sẽ thoát, nghe không Pôn...?". Tự gọi tên như thế có tác dụng như được người khác gọi tên mình, và kết quả lại còn hơn thế nữa.

Bóng tối dày thêm. Sự xúc động của tôi giảm bớt; tôi cẩn thận đợi những

quả pháo sáng đầu tiên bắn lên đã. Sau đó, tôi bò ra khỏi hố. Tôi đã quên người chết. Trước mắt tôi, bóng đêm bắt đầu trải khắp và chiến trường ánh lên màu xanh nhợt. Tôi nhắm một hố trái phá; lúc ánh sáng vừa tắt, tôi vội vàng lao ngay vào đấy; tôi sờ soạng phía trước mặt rất kỹ lưỡng, tôi đến được cái hố gần đấy, tôi thu hình lại thật nhỏ và cứ thế tiếp tục trườn lên phía trước.

Tôi đã đến gần. Lúc ấy, nhờ ánh sáng một hỏa pháo, tôi nhận thấy đúng có cái gì còn đang động đậy quanh hàng rào dây thép gai trước khi nó im hẳn; tôi nằm yên, không tiếng động. Tôi lại thấy thế một lần thứ hai nữa.

Đúng rồi đó là những bạn tôi từ chiến hào đi đến.

Nhưng tôi vẫn khôn ngoan chưa dám lên tiếng, cho đến khi tôi nhận đúng mũ của quân nhà. Rồi tôi gọi. Ngay lúc đó tên tôi vang lên, như tiếng trả lời: "Pôn... Pôn...". Tôi lại gọi. Đó là Cát và Anbe, đang vất một miếng vải bạt đi tìm tôi.

- Cậu có bị thương không?

- Không, không...

Chúng tôi lao cả vào chiến hào: tôi đòi ăn, và tôi ăn ngẫu nhiên. Mynlor cho tôi một liều thuốc lá.

Tôi kể qua loa lại sự việc. Chẳng có gì lạ cả. Những chuyện như thế thường xảy ra luôn. Riêng có đợt tấn công ban đêm là đặc biệt trong chuyện này. Nhưng ở Nga, có ăn. Cát đã nằm hai ngày liền sau phòng tuyến quân Nga rồi mới mò được về.

Tôi không nói đến anh thợ nhà in chết.

Nhưng sáng hôm sau, tôi không nhin được nữa; tôi phải kể việc ấy cho Cát và Anbe nghe. Cả hai người muốn cho tôi bớt áy náy:

- Cậu không thể làm gì được đâu. Cậu muốn làm khách thế nào được? Có thể, cậu mới về được đây chứ.

Tôi nghe chúng nó, yên tâm, vững lòng bên cạnh chúng nó. Chao ôi! Những ý nghĩ của tôi lúc ở trong hố, mới ngớ ngẩn làm sao!

- Cậu nhìn kìa! - Cát bảo tôi.

Mấy xạ thủ xuất sắc đứng tì vào lũy. Họ đang ở tư thế nhắm bắn, có cả ống nhòm để nhắm cho rõ hơn, họ đang quan sát trận địa địch. Thình thoảng, một phát súng nổ. Lúc này, chúng tôi nghe những tiếng kêu: "Trúng điểm đen rồi" - "Cậu có thấy nó lộn nhào đi không?". Viên đội Ônrích quay lại, nêu thành tích của mình một cách tự đắc. Hắn ta dẫn đầu bảng xạ kích ngày hôm nay với ba phát trúng đích hẳn hoi.

- Cậu nghĩ sao? - Cát hỏi.

Tôi chỉ trả lời bằng một cử chỉ.

- Cứ cái điệu này, chiều nay ngài đội lại được thêm một con chim xanh đỏ vào khay áo đấy. - Cốp nói.

- Hoặc chẳng bao lâu ngài đội sẽ được thăng chức phó đội nhất. - Cát thêm.

Chúng tôi nhìn nhau.

- Mình chả làm thế đâu, - tôi nói.

- Nhưng dù sao, cậu cũng vừa được chứng kiến một điều hay đấy! - Cát trả lời.

Viên đội Ônrích trở lại bên lũy. Nòng súng của hắn xê dịch về mọi phía.

- Xem đấy, cậu không còn phải thắc mắc về chuyện của cậu nữa nhé. -

Anbe vừa nói với tôi vừa ra hiệu bằng đầu.

Chính tôi, lúc này, tôi cũng chẳng hiểu tôi nữa.

- Chỉ tại lệnh phải ở đấy với hắn lâu quá. - Tôi nói. - Rút cục, chiến tranh là chiến tranh.

Khẩu súng của Ônrích nổ một phát gọn và khô.

Chương 10

Chúng tôi vớ được món bở. Tám đứa chúng tôi nhận nhiệm vụ giữ một làng đã tàn cư đi sạch, vì bị oanh tạc dữ quá.

Việc chính là phải trông coi kho quân lương chưa chuyển đi được hết. Cái ăn thì chúng tôi phải lấy ở chỗ lương thực hiện có. Cử bọn tôi làm việc này là đích đáng lắm: Cát, Anbe, Muynlơ, Jadơn. Lia, Đêtrinh, cả tiểu đội ở đây. Sự thực, Hai đã chết. Nhưng dù sao, cũng vẫn may mắn ghê gớm, vì tất cả những tiểu đội khác đều bị thiệt hại nặng nề hơn nhiều.

Chúng tôi chọn một cái hầm bê tông làm nơi trú ẩn, đi xuống hầm bằng một cái thang phía ngoài. Lối vào lại có một bức tường riêng bằng bê tông che chở.

Bây giờ, chúng tôi tha hồ mà làm mưa làm gió.

Chúng tôi lại có dịp không những để cho cặp giò được thoải mái, mà cả trí óc nữa. Chúng tôi không bỏ lỡ những cơ hội tốt như thế này, vì chúng tôi ở vào một hoàn cảnh gay go quá đến nỗi không đủ thì giờ mà cảm xúc lâu nữa, việc chỉ có thể có khi tình hình không đến nỗi bi lảm. Chúng tôi chỉ còn cách sống rất thực tế, thực tế quá đến nỗi đôi lúc tôi rùng mình khi một ý nghĩ ngày xưa, của thời kỳ trước chiến tranh thoáng qua óc tôi. Cũng phải nói rằng ý nghĩ ấy chỉ thoáng qua thôi.

Trong chừng mực có thể, chúng tôi cũng cần khai thác khía cạnh thuận lợi của hoàn cảnh. Vì thế chúng tôi lợi dụng bất kỳ cơ hội nào để chuyển từ nỗi âu lo khủng khiếp sang những trò quấy tếu vớ vẩn nhất, một cách thẳng thừng, thô bạo và không đòi hỏi gì cả. Chúng tôi không nhịn được, chúng tôi nhắm mắt lao bừa vào. Ngay lúc này, chúng tôi hăng hái bắt tay vào việc xây dựng một bản tình ca, dĩ nhiên là bản tình ca ăn ngon và ngủ kỹ.

Trước hết chúng tôi trang bị cho ngôi nhà của mình bằng những tấm đệm tìm được ở các nhà trong làng. Một cái đít lính chẳng nữa cũng đôi lúc muốn đặt lên một cái gì êm ấm chứ. Chỉ có khoảng giữa gian hầm là để trống. Rồi chúng tôi lụng những chăn, những mền, những thứ êm ấm lạ lùng. Trong làng, có đủ mọi thứ. Anbe và tôi lại lụng được một cái giường bằng gỗ đào hoa tâm có thể tháo lắp được, đỉnh màn bằng lụa xanh và diềm bằng đăng ten hảnh hoai. Lúc khiêng giường về, chúng tôi mồ hôi mồ kê nhễ nhại, nhưng tài nào mà bỏ qua một vật như thế được, nhất là nếu nghĩ rằng trong vài ngày nữa, đại bác nhất định sẽ phá hủy hết tất cả.

Cát và tôi tổ chức thi một cuộc tuần tra các nhà.

Một lúc sau chúng tôi moi được một tá trứng gà, và một cân bơ còn tươi. Trong một phòng khách, đột nhiên có tiếng rầm rầm: một mảnh đạn rít lên, xuyên qua bức tường ngay cạnh chúng tôi, và cách đấy một thước nữa, nó lại phá một lỗ hổng trên một bức tường khác. Thế là hai lỗ tất cả. Mảnh đạn bất

ngờ này từ một quả đại bác dốc xuống ngói nhà trước mặt. “Phúc bày mười đời!”, Cát cười khẩy, rồi chúng tôi lại tiếp tục cuộc lùng kiếm. Đột nhiên, chúng tôi vênh tai lên và ba chân bốn cẳng chạy. Rồi chúng tôi lại đứng lại ngay như bị ma làm: hai chú lợn con đang lục sục trong một cái chuồng nhỏ. Chúng tôi dụi mắt và nhìn cẩn thận một lần nữa về phía ấy: rõ ràng chúng nó còn sờ sờ ra đấy. Chúng tôi tóm lấy chúng: không còn ngờ gì nữa, đúng là hai chú lợn sữa.

Một bữa chén ngon tuyệt trần đấy! Cách hầm chúng tôi độ năm chục bước có một ngôi nhà dùng làm chỗ ở cho sĩ quan. Trong bếp, có một cái lò thật vĩ đại với hai dàn quay, với những chảo rán, nồi niêu, nghĩa là có đủ mọi thứ cần thiết; dưới mái hiên lại có rất nhiều củ nhỏ chờ chúng tôi: thật là một chốn bồng lai tiên cảnh.

Từ sáng sớm, hai đứa trong bọn tôi đã ra ngoài đồng lùng khoai tây, cà rốt và đậu đầu mùa. Chúng tôi ra cái điều khánh ăn, không thích những món đồ hộp trong kho quân lương; chúng tôi muốn chất tươi kia. Trong chạn, đã có hai cây xúp lơ rồi.

Chúng tôi thịt hai con lợn; Cát lãnh cái nhiệm vụ ấy. Chúng tôi muốn thêm vào thịt quay món bánh rán khoai nữa. Nhưng chúng tôi không xoay đầu được cái bàn để nạo khoai. Chúng tôi tìm được cách thay thế ngay. Chúng tôi lấy một cái nắp hộp sắt tây, rồi đóng đinh cho thủng lỗ chỗ khắp cả, thế là được cái bàn xát cần thiết rồi. Ba đứa đeo găng dày để tránh đau tay, cứ việc ngồi nạo khoai, còn hai đứa khác ngồi gọt vỏ, công việc chạy băng băng.

Cát nấu nướng với hai con lợn, cà rốt, đậu bột và súp lơ. Anh ta lại đánh một thứ xốt trắng rưới vào món xúp lơ nữa. Còn tôi thì làm món bánh rán, mỗi lần bốn chiếc. Cứ độ mười phút tôi lại hất cái chảo lên một lần làm cho những chiếc bánh đã chín một mặt, nhảy lên, quay đi một vòng rồi rơi xuống rất đúng chỗ. Hai con lợn đã quay vàng. Mọi người quây lại như xúm quanh một cái bàn thờ.

Dịp này, chúng tôi lại có khách, hai chú lính vô tuyến điện thoại mà chúng tôi đã có nhã mời đến để đánh chén. Họ ngồi ở phòng khách, ở đấy có cái đàn dương cầm. Một cậu đánh đàn, một cậu hát bài “Trên bờ sông Vê Đơ”. Cậu ta hát đầy tình cảm nhưng pha giọng vùng Xắc Xơ. Tuy vậy bài hát vẫn làm cho chúng tôi xúc động trong khi chúng tôi xúm xít trước bếp lửa làm những món ngon lành này.

Dần dần, chúng tôi nhận thấy trái phá bắt đầu dội xuống như mưa quanh chỗ chúng tôi. Tụ khí cầu thám thính đã phát hiện ra khói bốc từ ống khói nhà chúng tôi lên, và thế là chúng oanh tạc. Những quả đại bác hạng nhẹ chết tiệt ấy khoét những chỗ không to lắm nhưng mảnh đạn đi rất xa và sát mặt đất.

Những tiếng rít mỗi lúc một nhiều, nhưng dù sao chúng tôi cũng không thể đình việc làm bếp lại được.

Cái bọn chó má ấy hướng dẫn đường đạn. Vài mảnh đạn xuyên qua cửa sổ.

Món lợn quay chẳng mấy lúc đã xong. Nhưng rán bánh đâm ra khó. Những viên đạn rơi xuống gần đến nỗi mảnh đạn đập chan chát vào tường và xuyên qua cửa sổ mỗi lúc một nhiều.

Mỗi lần nghe thấy tiếng nào gần đấy, tôi lại bê chảo bánh quỳ xuống và nép sau bức tường có cửa sổ. Nhưng liền sau đó, tôi lại nhồm dậy và tiếp tục rán.

Hai anh chàng người Xắc Xơ ngừng đàn hát: một mảnh đạn đã bắn vào cái đàn dương cầm; chúng tôi cũng đã làm xong công việc bếp núc và tính nước chuồn. Khi một quả đại bác vừa nổ xong là hai người bê những chảo rau đậu, ù té chạy, vượt quãng đường năm chục thước từ nhà bếp đến hầm trú ẩn của chúng tôi. Chúng tôi thấy họ lẩn mất hút.

Một quả đại bác nữa. Mọi người cúi xuống, rồi hai người bê hai bình cà phê chính cống hạng nhất, chạy lồng lên và đến được hầm trú ẩn trước khi một quả đại bác nữa rơi xuống.

Bây giờ đến lượt Cát và Cốp chuyển món chủ lực quân: cái chảo lớn với hai con lợn quay vàng. Một quả đại bác gầm lên, chúng nó quỳ xuống, rồi kia, chúng nó chạy như bay, vượt qua năm chục thước đường trống.

Tôi đã rán xong bốn cái bánh cuối cùng; tôi đã phải nằm bẹp xuống đất hai lần, nhưng tôi cũng được thêm bốn cái nữa, món tôi rất ưa thích.

Thế rồi tôi bê cái mâm với đồng bánh rán lù lù ở trên và đứng nép vào cửa. Một tiếng rít, một tiếng nổ, và tôi chạy như bay, hai tay ghì cái mâm vào ngực. Gần đến nơi, lại nghe thấy một tiếng rít đinh tai mỗi lúc một to; tôi chồm lên như một con hươu rồi ngoắt nhanh như chớp vào trong bức tường bê tông; mảnh đạn quật chan chát vào bức tường; tôi chạy xuống thang ngầm. Hai khuỷu tay rách toạc cả, nhưng cái mâm không bị đổ và không mất qua một cái bánh nào.

Chúng tôi bắt đầu đánh chén vào lúc hai giờ. Kéo dài cho đến tận sáng. Từ sáu giờ đến sáu rưỡi, chúng tôi uống cà phê, thứ cà phê và thuốc xia của sĩ quan, cũng lấy ở kho. Đến đúng sáu giờ rưỡi, chúng tôi lại ăn bữa tối. Đến mười giờ đêm chúng tôi vất xương lợn ra ngoài cửa. Rồi sau đó, có rượu cô nhắc, rượu rum cũng lấy ở cái kho thực phẩm trời cho ấy, rồi lại đến lượt những điệu xì gà to, dài có quần vòng. Jađơn quả quyết rằng chỉ còn thiếu một món: ấy là cái món gái nhà thổ của sĩ quan.

Đêm đã khuya, chúng tôi nghe thấy tiếng kêu meo meo. Một chú mèo nhỏ màu xám ngồi ở lối ra vào. Chúng tôi nhử nó vào và cho nó ăn. Thế là chúng tôi lại thấy buồn mồm. Chúng tôi đi ngủ mà mồm vẫn nhai.

Nhưng chúng tôi trải qua một đêm thật là khổ.

Chúng tôi ăn nhiều thức béo quá. Con lợn sữa đã làm cho cả lũ đau bụng. Trong gian hầm, cứ đi đi về về suốt đêm. Bên ngoài lúc nào cũng có hai hoặc ba đứa ngồi xồm quây thành vòng tròn, quần tụt hẳn xuống, mà miệng thì cứ chửi. Về phần tôi, tôi đi lại con đường chín lần. Đến bốn giờ sáng, thì cả bọn phá kỷ lục: cả người vừa tướng, vừa lính, vừa khách khứa đều hớp mặt ở

ngoài!

Những ngôi nhà cháy rừng rực, hiện lên trong đêm như những bó đuốc. Trái phá điên cuồng nổ cạnh chúng tôi. Những đoàn xe quân nhu ầm ầm qua phố.

Một góc của kho quân lương bị đạn phá tung ra. Mặc dầu bom đạn, tụi lái xe vẫn cứ chen chúc vào như một đàn ong và xoay bánh mì ở đấy. Chúng tôi mặc cho họ lấy. Nếu nói gì, có thể họ nện cho như tử. Vì vậy chúng tôi tính cách khác. Chúng tôi bảo họ rằng chúng tôi có nhiệm vụ trông kho và, vì chúng tôi cũng là những tay lăm mánh khéo, chúng tôi đổi đồ hộp cho họ để lấy những thứ chúng tôi thiếu. Cái đó có quan hệ gì? Chẳng bao lâu đại bác sẽ phá hủy hết. Chúng tôi moi sôcôla trong kho ra và ăn từng tảng một. Cát bảo yên bụng mà ăn cái này thì tốt lắm...

Suốt mười lăm ngày như thế, chúng tôi chỉ việc ăn: uống và rong chơi nhớn nhỡ. Chẳng có ai quấy rầy gì cả. Đại bác dần dần phá hủy hết cả làng và chúng tôi sống thật là khoái. Khi nào trong kho quân lương còn cái chén được, là chúng tôi còn phớt đều và chúng tôi ước ao một cách đơn giản là giá chiến tranh chấm dứt ngay ở đây thì tuyệt quá.

Jadon đâm ra chơi sang đến mức xì gà chỉ hút nửa điếu thôi. Nó tuyên bố một cách kênh kiệu rằng đó là thói quen của nó. Cát cũng thế, cũng ra vẻ lắm.

Buổi sáng, vừa mở mắt, câu đầu tiên của anh ta là: "Min, mang cà phê với trứng cá muối lại đây!". Chúng tôi trở nên lịch sự một cách lạ lùng, đứa nào cũng coi bạn mình như là quân hầu, anh anh ta ta một cách trịnh trọng, và ra lệnh. "Cốp, chân ta ngứa đây, anh bắt cho ta con rận". Vừa nói, Lia vừa giơ chân cho nó như một cô đào hát, còn Anbe thì lôi Lia ta lên đến tận đầu cầu thang. "Jadon?". "Gì?". "Jadon, anh cứ đứng tự nhiên, mấy lại người ta không nói "gì" mà phải nói là: xin nghe lệnh. Nào, Jadon!". Thế là, Jadon ta, bằng cử chỉ và lời nói lại đóng vai Gợt Béclichingon^[15] một cách đặc sắc. Nó đóng cái vai này tuyệt lắm.

Tám ngày sau, chúng tôi nhận được lệnh rút. Thế là hết cả hào hoa phong nhã. Hai xe vận tải lớn đến đón chúng tôi. Hai chiếc xe chở đầy ăm ắp ván gỗ.

Nhưng Anbe và tôi cố xếp lên cái giường có đỉnh màn với diềm lụa xanh, với đệm và hai cái chăn con có đăng ten. Trong góc, mỗi đứa chúng tôi có một bị đầy những món ăn hảo hạng. Thịnh thoảng, chúng tôi lại sờ, nắn; những khúc dồi hun, chắc nịch, những hộp xúc xích gan, những hộp thức ăn, những hộp xì gà, làm cho lòng chúng tôi rạo rực. Mỗi đứa vác đầy một bị như thế.

Nhưng Cốp và tôi lại còn vớt vát thêm hai chiếc ghế bành bọc nhung đỏ. Chúng tôi xếp hai cái ghế lên trên giường rồi ngồi ưỡn ra như ngồi ghế lô trong nhà hát. Trên đầu chúng tôi, cái đỉnh màn lụa bay phồng lên, y như cái lọng. Mỗi đứa lại vắt vẻo ở mồm một điếu xì gà dài ngoằng. Ngồi như thế, từ trên cao, chúng tôi nhìn xuống khắp vùng. Giữa chúng tôi có một cái lồng vẹt, mà chúng tôi đã lòng được để nhất trí mang con mèo đi theo; chú mèo kêu khò khò trước bát thịt.

Xe chạy chậm chậm trên đường. Chúng tôi hát.

Phía sau chúng tôi, những quả đại bác dựng lên những cột khói từ cái làng lúc này đã hoàn toàn bỏ trống.

Vài ngày sau, chúng tôi nhận nhiệm vụ dồn dân ra khỏi một khu vực. Dọc đường, chúng tôi gặp những người chạy loạn bị đuổi ra khỏi nhà. Bao nhiêu của cải họ xếp lên xe bò, xe trẻ con và vác cả trên lưng nữa.

Thân hình họ còng xuống, nét mặt đầy vẻ buồn phiền, tuyệt vọng, vội vã và chịu đựng. Trẻ con đưa tay cho mẹ dắt, đôi lúc chị dắt một lũ em, chúng nó vừa đi vừa vấp ngã, và luôn luôn ngoái lại đằng sau. Vài đứa mang theo những con búp bê thảm hại. Tất cả bọn đều im lặng, khi đi gần chúng tôi.

Chúng tôi vẫn hành quân. Quân Pháp chắc hẳn không bắn vào những làng có đồng bào của họ. Mấy phút sau, không khí rú lên, đất chuyển mình, những tiếng kêu thét nổi dậy: một quả đại bác vừa nghiêng cả trung đội đi sau cùng. Chúng tôi tản ra và nằm bẹp xuống đất; nhưng lúc này, tôi không còn can đảm như mọi lần, dưới lửa đạn, vẫn làm được một cách vô ý thức những động tác thích hợp. Một ý nghĩ bật lên trong đầu tôi "mình đi đứt mất". Một sự lo lắng ghê gớm chen lẫn họng tôi. Đồng thời một cái gì giống như một ngọn roi quất vào chân trái tôi. Tôi nghe thấy Anbe kêu lên, nó nằm sát cạnh tôi.

- Đứng dậy, Anbe! - Tôi hét lên. - Chúng mình nằm trơ ra thế này à, chẳng có gì che cả!

Nó loạng choạng đứng dậy và bắt đầu chạy. Tôi chạy sát bên nó. Chúng tôi phải vượt qua một bờ dậu cao hơn đầu người. Cộp vít lấy một cành cây; tôi nắm chân nó; nó kêu lên, tôi đẩy nó một cái cho có đà, nó nhảy sang bên kia dậu. Tôi nhảy xuống ngay đằng sau nó, và ngã lộn xuống một cái ao phía sau.

Mặt hai đứa đầy những bèo và bùn, nhưng chỗ trú ẩn này khá đầy. Cho nên chúng tôi ngâm nước đến tận cổ. Khi nghe thấy một viên đạn réo lên, chúng tôi hụp ngay đầu xuống nước.

Nhô lên hụp xuống độ mười hai lần, tôi mệt lử cả người, Anbe cũng thế, thờ hỏn hển.

- Đi đi, nếu không tớ ngã gục xuống và chết đuối mất!

- Cậu bị vào đâu?

- Có lẽ đầu gối.

- Cậu chạy được không?

- May ra...

- Vậy chạy nhé!

Chúng tôi chạy đến cái rãnh nước bên đường.

Chúng tôi lom khom chạy theo đường rãnh, hỏa lực vẫn đuổi theo chúng tôi. Con đường này dẫn đến kho đạn. Nếu kho đạn nổ thì chúng tôi tan xác không còn một mảnh. Vì vậy, chúng tôi đổi chiều và chạy tạt chéo qua cánh đồng.

Anbe đi chậm lại.

- Cậu cứ chạy đi, tôi theo sau, - nó vừa nói vừa ngồi phệt xuống.

Tôi cầm tay nó, lắc lắc:

- Đứng dậy, Anbe, cậu mà nằm xuống, là đừng hòng đi được nữa. Nào, vịn vào mình!

Cuối cùng, chúng tôi đến một hầm trú ẩn nhỏ.

Cốp nằm dài ra trên mặt đất. Tôi băng bó cho nó. Nó bị thương trên đầu gối một tí. Sau đó tôi nhìn lại tôi.

Quần đẫm máu, cả tay áo cũng thế. Anbe quần băng vào những chỗ bị thương cho tôi. Lúc này, nó không nhắc được chân lên nữa rồi. Cả hai đứa đều ngạc nhiên sao lại lê được đến tận chỗ này thì lạ thật.

Chính cái sợ đã giúp sức chúng tôi, giá bị cụt hai bàn chân, có lẽ chúng tôi vẫn còn tiếp tục đi được bằng những khúc chân cụt ấy.

Tôi còn có thể bò được một ít, tôi gọi một cái xe có thành đi qua đây; nó chở chúng tôi đi. Trên xe đã đầy những người bị thương. Một y tá trưởng tiêm vào bụng mỗi đứa một phát để phòng bệnh uốn ván.

Đến trạm quân y, chúng tôi thu xếp hai đứa nằm bên nhau. Người ta cho chúng tôi ăn cháo loãng, hai đứa vừa húp sùm sụp, vừa tỏ vẻ khinh bỉ; vì đã quen một dạo với toàn cao lương mỹ vị, nhưng chúng tôi vẫn thấy đói.

- Anbe, bây giờ, là chúng mình về nhà, - tôi nói.

- Cũng mong thế, - nó trả lời. - Không biết tớ bị ra làm sao?

Các chỗ đau mỗi lúc một nhức nhối. Những chỗ băng bó nóng bỏng lên như lửa đốt. Chúng tôi uống, uống liên tục, hết cốc nước này đến cốc nước khác.

- Vết thương của mình cách đầu gối bao nhiêu nhĩ? - Cốp hỏi.

- Ít ra là mười phân, Anbe ạ, - tôi trả lời. Sự thực, có lẽ chỉ cách ba phân thôi.

Một lúc sau nó nói:

- Tớ thề là nếu họ chưa chữa cho tớ một chân là tớ tự tử ngay. Tớ không thể nào sống làm thẳng que ở trên đời này được.

Thế là, chúng tôi nằm đất nghĩ vợ nghĩ vãn và chờ đợi.

Buổi chiều, người ta đem chúng tôi lên bàn mổ.

Tôi phát hoảng và vội vàng tự hỏi phải làm gì đây, vì ai chả biết là trong những trạm quân y dã chiến, tụi bác sĩ chỉ chữa là nhanh thôi. Trong lúc vội, chưa bao giờ chả đơn giản hơn những việc chẳng nỗi phiền phức. Tôi nhớ đến Kemrich. Dù thế nào tôi cũng nhất định không để cho chúng đánh thuốc mê, dù phải đập vỡ mặt vại thẳng ra cũng đành.

Nhưng không đến nỗi thế. Viên thầy thuốc cắt rạch khắp cả vết thương của tôi, tôi đau quá, nẩy đom đóm mắt ra.

- Làm gì mà nặng lên thế? - Ông ta vừa càu nhàu vừa tiếp tục cắt xé. Những dụng cụ lóe lên dưới ánh sáng gay gắt như những con thú dữ. Đau không chịu được. Hai gã y tá giữ chặt lấy cánh tay tôi, nhưng tôi giằng ra được một gã và sắp sửa đánh hấn ngã dúi vào cặp kính của viên thầy thuốc, thì ông

này nhận thấy nên vội nháy mắt về đằng sau.

- Đánh thuốc mê cho nó đi! - ông ta giận dữ hét lên.

Thế là tôi dụ lại.

- Thưa bác sĩ, tôi xin lỗi. Tôi sẽ nằm im, nhưng đừng đánh thuốc mê tôi.

- Được, - ông ta vừa nói bằng một giọng gay gắt vừa cầm lại dụng cụ.

Ông ta tóc vàng, nhiều nhất là ba mươi tuổi, mặt có những cái sẹo thời sinh viên và đôi kính gọng vàng trông không mê được. Tôi nhận thấy lúc này, ông ta đang tìm mảnh đạn, ông ta mò ngoáy trong vết thương của tôi, thỉnh thoảng lại ngước mắt lên trên cặp kính nhìn về phía tôi một cái. Hai bàn tay tôi nắm chặt cái thành bàn mổ, đến tê dại đi; tôi thà chết chứ không chịu lên một tiếng.

Ông ta đã mò được mảnh đạn trái phá trong vết thương, rồi ông ta ném nó cho tôi. Ông ta có vẻ hài lòng về thái độ của tôi, vì bây giờ ông ta đặt những thanh gỗ buộc xương cho tôi một cách cẩn thận và nói: "ngày mai, về nhà nhé!". Rồi người ta bó bột cho tôi. Khi về cạnh chỗ Cốp, tôi nói cho nó biết có lẽ ngày mai, một chuyến tàu quân y sẽ tới.

- Anbe này, chúng mình phải tán với tay đội nhất y tá để hai đứa ở gần nhau mới được.

Tôi đã tìm cách luồn cho viên đội nhất y tá hai điếu xì gà loại có vòng, kèm theo mấy lời thích đáng.

Anh ta hít hít và nói:

- Cậu còn nữa không?

- Còn kha khá, cả thằng bạn tôi cũng thế (vừa nói tôi vừa chỉ Cốp), cả hai đứa chúng tôi chỉ muốn sáng mai cùng đưa cho anh qua cửa sổ chuyển tàu quân y.

Dĩ nhiên, anh ta hiểu ý, lại hít hít và nói:

- Được thôi.

Ban đêm, chúng tôi không chợp mắt được nổi một phút. Trong phòng chúng tôi, có bảy người chết. Một người trong số ấy hát thánh ca suốt một giờ, bằng cái giọng nam cao nghẹn ngào, rồi sau đó bắt đầu thở nấc lên. Một người khác tụt xuống khỏi giường, lê ra tận cửa sổ, rồi nằm ở đấy như để nhìn ra bên ngoài một lần cuối cùng. Những cái cáng của chúng tôi đã ra đến ga.

Chúng tôi đợi tàu. Trời mưa. Nhà ga không có mái.

Chăn thì mỏng. Chúng tôi đợi đã hai giờ rồi. Viên đội nhất y tá sẵn sóc chúng tôi như một người mẹ. Dù mệt bã người, nhưng tôi vẫn chuẩn bị kế hoạch. Vì vậy cứ làm ra vẻ như thường, tôi chỉ vào những cái gói và đưa cho anh ta một điếu để cựa trước. Đáp lại, viên đội nhất đắp cho chúng tôi một tấm vải bạt.

- Anbe này, - tôi nói, - tôi vừa nhớ lại, còn cái giường có đỉnh màn của chúng mình, còn con mèo...

- Còn những cái ghế bành nữa chứ, - nó thêm...

Phải, những cái ghế bành bọc nhung đỏ. Trước, tối tối hai đứa tôi ngồi như ông hoàng, và chúng tôi tính sau này sẽ đem ra cho thuê giờ. Mỗi giờ, một điếu thuốc lá. Một cuộc sống không phải lo lắng, mà lại là một việc có lợi nữa chứ.

- Anbe này, - bắt chợt tôi nói, - còn những cái bị đưng thức ăn của chúng mình...

Chúng tôi buồn quá. Còn những thứ ấy mà dùng thì tuyệt biết bao nhiêu. Nếu tàu khởi hành chậm độ một ngày, nhất định Cát sẽ tìm được chúng tôi và mang đến cái món quý hóa ấy.

Số kiếp ăn mày! Trong ruột chỉ có tí cháo bột, thức ăn đạm bạc của nhà thương, mà trong bị thì có thịt lợn quay. Nhưng chúng tôi mệt quá nên cũng chẳng còn sức đâu mà háo hức cái món ấy nữa.

Mãi sáng, tàu mới đến, cồng đã ướm hết cả. Viên đội nhất y tá để hai đứa chúng tôi vào cùng một toa.

Trong ấy có bao nhiêu là các bà, các cô Hồng thập tự.

Cốp nằm bên dưới. Người ta nhắc tôi lên, đặt lên giường phía trên nó.

- Trời! - Tôi bất giác kêu lên.

- Làm sao thế? - Cô y tá hỏi.

Tôi nhìn cái giường. Khăn trải giường trắng như tuyết, những cái khăn sạch không thể tưởng tượng được, còn nguyên cả nếp là. Ngược lại, cái áo sơ mi của tôi sáu tuần lễ chưa giặt, nó bẩn một cách quái gở.

- Anh có lên giường một mình được không? - Cô y tá hỏi tôi, có vẻ lo lắng.

- Được - tôi vừa nói vừa thở, - nhưng hãy lột cái khăn này đi đã.

- Sao thế?

- Tôi thấy mình chẳng khác gì con lợn và không thể nào nằm lên cái khăn trải giường như thế này được. Nhưng, - tôi ngập ngừng, - nó sẽ...

-... bẩn đi một tí chứ gì? - Cô y tá hỏi bằng một giọng vỗ về - Không sao đâu, chúng tôi lại giặt đi thôi.

- Không, không phải thế đâu... - tôi nói một cách cẩu kính, - tôi không quen cái kiểu sống văn minh lịch sự thế này.

- Các anh là những người đã ở chiến hào, chúng tôi có thể giặt khăn trải giường cho các anh mà, - cô ta nói tiếp.

Tôi nhìn cô ta. Cô ta trẻ và nom thích mắt quá, quần áo thơm tươm tất, sạch sẽ một cách lạ lùng, cũng như tất cả những cái ở đây. Tôi cứ tưởng những cái này chỉ dành riêng cho sĩ quan, thành thử tôi đâm ra lúng túng và cảm thấy lo ngại là khác nữa.

Thế mà cô ta ác quá, cứ bắt tôi phải nói hết.

- Chẳng qua là...

Tôi ngừng lại; chắc cô ấy phải hiểu chứ.

- Còn sao nữa?

- Vì những con rắn. - Cuối cùng tôi rống lên.

Cô ta cười.

- Thì cũng phải để cho chúng nó có lúc sướng chứ.

Bây giờ tôi không còn nói vào đâu được nữa. Tôi leo lên giường và kéo chăn đắp.

Một bàn tay lướt trên chăn của tôi. Viên đội nhất y tá. Anh ta đi khỏi với những điều xì gà.

Một giờ sau, tôi thấy tàu đang chạy.

Ban đêm, tôi thức giấc. Cốp cũng cựa mình. Con tàu chạy êm êm trên đường sắt. Chúng tôi chưa hiểu nổi những chuyện đã xảy ra: một cái giường, một chuyến tàu, trở về nhà. Tôi khe khẽ:

- Anbe! Cậu có biết nhà xí ở đâu không?

- Có lẽ ở phía bên kia, bên phải cửa ra vào ấy.

- Tớ đi xem thế nào.

Tối quá. Tôi sờ soạng mép giường và lần xuống một cách thận trọng. Nhưng chân tôi không có chỗ tựa, tôi cảm thấy bị lôi tuột xuống, còn cái chân bó bột thì chả giúp gì được, thế là tôi ngã lăn ra sàn, đánh ầm một tiếng.

- Tổ mẹ nó! - Tôi kêu lên.

- Có đau không? - Cốp hỏi.

- Cậu cũng nghe thấy rồi, cái đầu tớ...

Phía cuối toa, cửa mở ra, cô y tá xách đèn chạy lại và trông thấy tôi:

- Anh ấy ngã trên giường xuống...

Cô ta bắt mạch và sờ trán tôi.

- Anh có sốt đâu.

- Không...

- Hay là anh nằm mê? - Cô ta hỏi.

- Có lẽ, - tôi trả lời qua loa cho xong chuyện.

Bây giờ lại bắt đầu cuộc tra khảo. Cô ta nhìn tôi bằng đôi mắt long lanh. Cô ta sạch sẽ và xinh đẹp quá; tôi lại càng không thể thổ lộ với cô ta cái nguyện vọng của tôi được.

Tôi lại được đặt lên giường. Sắp nguy to đến nơi rồi đây! Khi nào cô ta đi khỏi tôi lại phải tụt ngay xuống mới được. Nếu là một bà già thì nói chuyện ấy cũng dễ, nhưng đằng này cô ta lại trẻ măng, nhiều nhất là hai mươi lăm tuổi; không thể được, tôi chả nói đâu...

Anbe liền giúp tôi. Nó không ngượng, vì dẫu sao cũng không phải việc của bản thân nó. Nó gọi cô y tá đến. Cô ta quay lại.

- Cô ơi nó muốn...

Nhưng cả Anbe cũng không biết nói thế nào cho lịch sự và không chê trách được. Nếu giữa chúng tôi với nhau ở mặt trận, chỉ một tiếng là đủ hiểu, nhưng ở đây, trước một tiểu thư như thế này... Nhưng, bất thành lình, nhớ lại hồi đi học, nó liền nói được một cách trơn tru:

- Cô ơi nó muốn... ra ngoài.

- À được, - cô y tá nói. - Chân bó bột như thế thì việc gì mà phải xuống giường! Anh muốn dùng thứ nào? - Cô ta hỏi tôi.

Cái câu hỏi mới mẻ này làm cho tôi sợ chết đi được vì tôi không hiểu một tí gì về cách diễn tả những cái ấy bằng chuyên môn.

Cô y tá liền đỡ lời tôi:

- Cái bé hay cái to?

Chao ôi, buồn cười làm sao! Tôi thở rống lên như bò và nói bằng một giọng lúng túng:

- Cái bé thôi vậy... - ít ra, tôi cũng còn may mắn đôi chút.

Người ta mang lại cho tôi một thứ chai. Vài giờ sau, không phải chỉ có mình tôi như thế, và đến sáng, thì chúng tôi quen đi và đòi hỏi cái món cần thiết mà không ngưng ngập tí gì nữa.

Con tàu chạy chậm chậm. Thịnh thoảng nó dừng lại và người ta khiêng những người chết xuống. Nó dừng như thế luôn.

Anbe lên cơn sốt, còn tôi tuy có nhức nhối nhưng không đến nỗi mệt quá; tệ nhất có lẽ vẫn còn những con rắn ở dưới lớp thạch cao bọc vết thương. Nó làm tôi ngứa ghê gớm mà không tài nào gãi được.

Suốt dọc đường lúc nào chúng tôi cũng ngủ chập chờn. Phong cảnh chạy qua cửa sổ một cách bình thản. Đêm thứ ba, chúng tôi đến Hécbeztan. Tôi thấy người ta nói với cô y tá là Anbe vì bị sốt nên sẽ phải xuống ga sắp tới.

Tôi hỏi tàu chạy đến đâu.

- Đến Côlônhrơ.

- Anbe này, chúng mình sẽ ở bên nhau, - tôi nói, - rồi cậu xem.

Đến lần sau, cô y tá quay lại, tôi nhịn thở và dồn cả hơi lên mặt. Mặt phình ra và đỏ như lên. Cô y tá dừng lại:

- Anh đau à?

Tôi rên lên:

- Phải, bất thành linh đau đấy.

Cô ta đưa cho tôi cái nhiệt kế rồi đi ra chỗ khác.

Nếu tôi không biết xoay sở ra sao thì quả không xứng là học trò của Cát. Loại nhiệt kế này cũng đến chào thua những gã lính có kinh nghiệm. Chỉ đơn thuần có việc làm thế nào cho thủy ngân lên thôi; rồi thủy ngân dừng yên trong cái ống nhỏ, không xuống nữa.

Tôi đặt nhiệt kế vào nách nhưng để lộn ngược và nghiêng về một phía, rồi tôi lấy ngón tay chà sát mãi vào nó. Sau đó tôi lắc lắc phía trên. Thế là được 37,9.

Nhưng cũng vẫn chưa đủ. Một que diêm để gần một cách khéo léo là có ngay 38,7.

Khi cô y tá trở lại, tôi thở mạnh, tôi nấc lên từng hồi, tôi nhìn cô ta trừng trừng, tôi trăn trọc dữ dội và nói thều thào: "Không chịu được nữa rồi"... Cô ta ghi tên tôi vào một tờ giấy. Tôi biết chắc chắn nếu không cần thiết, không khi

nào người ta tháo chỗ băng bó của tôi ra đâu.

Thế là Anbe và tôi, cả hai đứa cùng được khiêng xuống.

Chúng tôi nằm trong một nhà thương đạo, cùng phòng với nhau. Thật là tốt số, vì các nhà thương đạo nổi tiếng về thuốc men cẩn thận và ăn uống tử tế.

Chuyến tàu của chúng tôi xếp người vào đầy các phòng; trong bọn chúng tôi, có nhiều người bị nặng.

Người ta không thăm bệnh chúng tôi ngay hôm ấy, vì số thầy thuốc quá ít. Trong hành lang, những chiếc xe mặt phẳng bánh cao su đi đi lại lại không ngừng, bao giờ cũng có người ở trong. Nằm dài ra như vậy thật là khó chịu, chỉ trừ khi người ta ngủ thiếp đi thì không kể.

Ban đêm rất huyền ảo. Chẳng ai ngủ được. Gần sáng, chúng tôi mới chợp mắt nổi một lúc. Tôi thức dậy lúc trời sáng. Cửa để ngỏ và tôi nghe thấy những tiếng người từ hành lang đưa vào. Mọi người cũng dậy cả. Một người trong bọn đã đến đây được mấy ngày giảng cho chúng tôi nghe: "Ở trên gác này, sáng sáng, các bà xơ cầu kinh. Các bà ấy gọi là buổi cầu kinh sáng. Các bà ấy để cửa mở như vậy là cốt cho các cậu cũng được hưởng phần đấy".

Tất nhiên ý định ấy tốt, nhưng xương cốt và đầu óc chúng tôi đang nhức nhối khó chịu.

- Sao mà ngu ngốc thế? - Tôi nói. - Người ta vừa mới chợp mắt được một tí.

- Ở đây là những bệnh nhân không nặng lắm, nên các bà ấy mới làm thế, - anh ta trả lời.

Anbe rên rỉ. Tôi phát khùng lên và hét tướng:

- Ngoài kia, im đi nhá!

Một phút sau, một bà xơ vào. Trong bộ quần áo đen trắng, bà ta giống như những cái chụp xinh xinh mà người ta thường chụp bình cà phê để giữ cho nó nóng.

- Xơ đóng giúp cho cái cửa, xơ ạ! - Một người nói.

- Chúng tôi đang cầu kinh, nên mới để cửa mở chứ, - bà ta cãi lại.

- Nhưng chúng tôi còn muốn ngủ nữa...

- Cầu nguyện tốt hơn ngủ (Bà ta đứng đó và mỉm cười hiền lành). Hơn nữa đã bảy giờ rồi.

Anbe lại rên rỉ.

- Đóng cửa lại! - Tôi quát lên.

Bà ta sững sờ cả người; rõ ràng là bà ta không thể ngờ đến một thái độ như thế.

- Nhưng chúng tôi cầu nguyện cho cả các anh đấy chứ.

- Không cần, cứ đóng cửa lại đi!

Bà ta đi khỏi và cứ để cái cửa mở như cũ. Tiếng cầu kinh lại vang lên. Tôi phát điên lên và nói:

- Tôi đếm đến ba, nếu không im đi là tôi ném đấy!

- Cả tớ cũng thế, - một cậu khác tuyên bố.

Tôi đếm đến năm. Rồi tôi với một cái chai, nhắm và ném qua cửa ra hành lang. Cái chai vỡ tan tành.

Tiếng cầu kinh ngừng lại. Các bà xơ rầm rầm chạy vào, có vẻ bức mình thực sự.

- Đóng cửa vào! - Chúng tôi hét lên.

Các bà ấy rút lui. Cái bà nhỏ nhắn lúc nãy đi ra sau cùng.

- Quân vô đạo! - Bà ta càu nhàu; nhưng dẫu sao bà ấy cũng khép cửa lại.

Thế là chúng tôi thắng.

Buổi trưa, viên giám đốc nhà thương đến, ông ta mắng chúng tôi như tát nước. Ông ta dọa sẽ tổng chúng tôi đi pháo đài và còn hơn thế nữa. Nhưng một viên giám đốc nhà thương cũng như một viên giám đốc sở binh lương, dù có đeo một thanh kiếm dài và đôi ngũ vai chẳng nữa, rút cục cũng chỉ là một công chức, và vì thế, chẳng ai sợ ông ta cả, ngay một chú lính mới cũng vậy. Cho nên, chúng tôi cứ mặc ông ta nói. Chẳng đi đến đâu mà lo.

- Ai ném cái chai? - Ông ta hỏi.

Trước khi tôi nghĩ xem có nên nhận hay không, thì có một người lên tiếng:

- Chính tôi.

Một người có bộ râu rậm rì nhồm dậ.

Chúng tôi lấy làm lạ, tự hỏi sao cái anh này lại nhận như thế.

- Anh hả?

- Phải, tôi bức mình vì người ta phá giấc ngủ của chúng tôi một cách vô ích, tôi mất bình tĩnh đến nỗi không biết là mình làm cái gì nữa.

Anh ta nói như trong sách.

- Tên anh là gì?

- Giô dép Hamasơ, dân vệ.

Viên giám đốc đi khỏi.

Ai cũng tò mò muốn hiểu.

- Tại sao cậu nhận, sự thực cậu có ném đâu?

Anh ta cười khẩy.

- Không hề gì cả. Mình có cái "giấy phép đi săn".

Thế là ai cũng hiểu ngay. Nếu anh ta có giấy phép đi săn, anh ta có thể muốn làm gì thì làm.

- Phải, - anh ta kể, - mình bị một phát vào đầu, họ đã cấp cho mình một cái giấy chứng nhận là có những lúc mình không bị trách nhiệm. Từ đó, mình cứ việc thả cửa. Không ai được phép trêu tức mình cả. Vì vậy chẳng ai làm quái gì được mình. Thẳng khi ấy thế nào rồi cũng bị một vỡ. Mình nhận là chính mình đấy, vì mình rất thú cái chuyện om sòm ấy. Nếu sáng mai, các bà ấy còn mở cửa, chúng mình lại tái diễn.

Chúng tôi khoái quá. Có Giô dép Hamasơ ở đây, chúng tôi tha hồ làm mưa làm gió.

Rồi những chiếc xe mặt phẳng lặng lẽ đến chở chúng tôi đi.

Băng quần vết thương của chúng tôi dính chặt.

Chúng tôi rống lên như bò mộng.

Phòng chúng tôi có tám người. Bị thương nặng nhất là Petơ, tóc xoăn và đen nhánh: nó bị một viên đạn vào phổi thật là rầy rà.

Phăng Va tơ nằm cạnh Petơ, gãy tay, lúc đầu không đến nỗi gay lắm. Nhưng sang đến ngày thứ ba, nó gọi chúng tôi, nhờ bấm chuông hộ vì nó tưởng mất hết máu đến nơi.

Tôi bấm chuông ầm lên. Bà xơ thường trực không đến. Đêm qua chúng tôi đã hành hạ bà ấy dữ quá, vì chúng tôi đều thay băng nên đau tợn. Anh này muốn đặt chân như thế này, anh kia như thế khác, anh thứ ba đòi nước, anh thứ tư bắt kê cao cái gối; bà cụ to béo cuối cùng phải phát cáu lên và đóng sập cửa lại.

Có lẽ bây giờ bà ta cho rằng lại cũng thế thôi, nên bà ta không đến.

Chúng tôi đợi. Rồi Phăng nói:

- Cứ bấm chuông nữa đi.

Tôi bấm chuông. Bà xơ vẫn không đến. Ở gian đầu trong căn nhà của chúng tôi, ban đêm chỉ có một bà xơ thường trực, có lẽ bà ta đang bận trong những phòng khác chẳng? Tôi hỏi:

- Phăng, cậu có chắc là cậu đang chảy máu không? Nếu không, chúng mình xin một ít thuốc cảm cũng được.

- Mình ướt đầm cả. Có ai bật hộ cái đèn lên không?

Chịu. Cái bật đèn ở gần cửa, không ai đứng dậy được. Tôi ấn ngón tay lên cái nút chuông đến nỗi tê cả tay đi. Có lẽ bà xơ ngủ chẳng? Thực vậy, các bà ấy phải làm việc nhiều quá, các bà ấy đều bị mệt quá sức, ngay cả ban ngày cũng vậy. Chưa kể đến cầu nguyện liên miên.

- Có nên ném chai không? - Giô dép Hamasơ, con người có giấy phép sẵn lên tiếng.

- Đến chuông còn chả nghe thấy, huống chi là chai.

Cuối cùng, cửa mở. Bà cụ vào với một vẻ cáu kỉnh. Nhưng khi bà ta thấy tình trạng của Phăng, bà ta sốt sắng ngay và hỏi:

- Tại sao không báo cho tôi biết ngay?

- Chúng tôi bấm chuông rồi đấy chứ. Ở đây chả ai đi được.

Phăng bị mất nhiều máu, người ta quần băng ngay cho nó. Vừa mới đêm trước nó còn có vẻ khỏe khoắn, thế mà sáng hôm sau, chúng tôi thấy mặt nó vàng vọt hốc hác hẳn đi. Từ lúc ấy, các bà xơ đi lại thăm nom nhiều hơn trước.

Nhiều khi cũng có các bà phụ tá Hồng thập tự.

Các bà ấy tốt lắm, nhưng đôi khi hơi vụng về. Có lúc chuyển giường cho ai, các bà ấy làm người ta đau, thấy vậy các bà ấy hoảng lên, lại càng làm cho người ta đau hơn nữa.

Các bà xơ có kinh nghiệm hơn, biết cách thức làm ăn hơn, nhưng giá các bà ấy vui tính hơn một chút thì hay quá. Nói của đáng tội, một vài bà cũng dí

dòm đáo để, có khi làm đến tức cười lên kia. Ai mà chẳng cố sức làm vừa lòng bà xơ Libéctin, người đàn bà đáng mến phục ấy; từ xa, người ta đã trông thấy bà tỏa nguồn vui ra khắp cả căn gác. Cũng có nhiều người được như bà. Thấy chúng tôi có thể nhảy vào chỗ nước sôi lửa bỏng vì các bà ấy. Quả là không còn kêu ca vào đâu được, vì chúng tôi được các bà xơ đối đãi hết như đối với dân thường. Nếu đem nhà thương trong trại lính so sánh với nhà thương này, người ta phải phát khiếp.

Phăng Va tơ không đỡ mấy. Một hôm người ta đến mang nó đi và không thấy nó trở lại nữa. Giô dép Hamasơ hiểu ngay.

Chúng mình chẳng bao giờ trông thấy nó nữa đâu. Họ đã chuyển nó đến phòng chết.

- Phòng chết nào? - Cộp hỏi.

- Ấy, cái phòng cho người ta chết ấy mà...

- Nó ở đâu?

- Cái phòng bé tí ở một xó trên gác ấy mà. Người nào sắp tử là họ mang vào đấy. Có hai cái giường. Ai mà chả biết nó là cái phòng chết.

- Nhưng tại sao họ làm thế?

- Vì sau đó, bớt được việc đi. Hơn nữa, lại thuận tiện vì nó ở sát ngay thang máy đưa xuống nhà xác; họ làm thế có lẽ để cho bệnh binh trong các phòng khỏi chết khiếp vì trông thấy cảnh hấp hối của người khác. Cuối cùng là người ta có thể trông nom cẩn thận hơn khi chỉ có một người.

- Nhưng còn chính cái thang sắp chết thì sao?

Giô dép nhún vai.

- Thường thì lúc ấy nó cũng chẳng còn biết quái gì nữa.

- Ai cũng biết cái phòng chết chứ?

- Tất nhiên, bất cứ ai ở đây ít lâu mà chả biết.

Buổi chiều, giường của Phăng Va tơ lại có người nằm. Được vài ngày, người ta lại mang gã mới đến này đi. Giô dép phẩy tay một cái đầy ý nghĩa. Chúng tôi còn thấy nhiều người đến rồi lại đi như thế.

Thình thoảng, cha mẹ bệnh nhân đến ngồi cạnh giường khóc lóc, nói khe khẽ có vẻ lo lắng lắm. Một bà cụ không muốn đứng dậy nữa, nhưng bà có được ngồi suốt đêm ở đây đâu. Sáng hôm sau, bà lại đến thật sớm, nhưng cũng vẫn chậm quá rồi, vì khi bà cụ đến bên giường, thì đã có người khác nằm rồi. Bà cụ phải xuống nhà xác. Bà cụ cho chúng tôi những quả táo mà cụ đã đem đến.

Cả cái anh chàng Petơ cũng mệt nặng hơn. Biểu đồ nhiệt độ của nó cứ lên mãi, và một hôm, chiếc xe mặt phẳng nhẹ nhàng kia đã đến bên giường nó.

- Đưa tôi đi đâu thế này? - Nó hỏi.

- Đến phòng băng.

Người ta đặt nó lên xe. Nhưng bà xơ đã phạm sai lầm khi đặt bộ quân phục của nó bỏ lên xe, như thế có nghĩa là bà ta không phải quay lại nữa. Petơ hiểu ngay, nó nhất định trườn ra khỏi xe.

- Tôi ở lại đây cơ!

Người ta giữ chặt nó lại. Nó kêu lên, giọng phều phào qua lá phổi bị thương:

- Tôi không đến phòng chết đâu?

- Nhưng chúng ta đến phòng băng cơ mà?

- Thế tại sao các người động đến bộ quân phục của tôi?

Nó không nói được nữa. Nó thì thầm bằng cái giọng khàn khàn và bực bội.

- Tôi ở lại đây cơ!

Người ta không trả lời nó nữa và cứ mang đi.

Ra đến ngoài cửa, nó toan vùng dậy. Cái đầu xoắn tít và đen nhánh run lên bần bật, mắt nó đăm lẹ.

- Tôi sẽ trở lại, tôi sẽ trở lại, - nó thét lên.

Cửa khép lại. Tất cả chúng tôi hết sức xúc động nhưng mọi người đều im lặng.

Cuối cùng Giô dép nói:

- Nhiều người đã nói thế. Nhưng đã đến đây thì đừng hòng thoát.

Tôi đã bị mổ và nôn mửa mất hai ngày ròng rã.

Mấy cái xương của tôi không chịu liền lại, gã thư ký của bác sĩ bảo thế. Có một anh khác xương đã liền rồi nhưng lại không đúng chỗ, đành phải đập xương ra bó lại. Thật là tội.

Trong số những người mới đến, có hai cậu lính trẻ, chân thuần [\[16\]](#). Trong lúc khám, lão bác sĩ quân y nhận thấy và lão ta dừng ngay lại, có vẻ mừng rỡ lắm.

- Chúng tôi sẽ nắn lại cho, - lão ta nói. - Chỉ một phẫu thuật nhỏ là các cậu đi lại như thường thôi. Nào xơ, viết đi!

Khi lão ta đi khỏi, Giô dép vốn là thổ công ở cái bệnh viện này, nhắc hai cậu kia phải coi chừng:

- Các cậu chớ để mổ đấy nhé. Lão già ấy có cái máu nghiện làm thí nghiệm đấy. Khi lão ta tóm được ai như thế là lão không buông tha đâu. Lão ta mổ chân thuần cho các cậu, và dĩ nhiên là chân các cậu không thuần nữa, nhưng trái lại, chân các cậu sẽ què và suốt đời các cậu phải chống gậy đấy.

- Vậy làm thế nào bây giờ? - Một cậu hỏi.

- Cứ nói thẳng là không mổ; các cậu đến đây để chữa các vết thương chứ có phải để chữa chân thuần đâu. Ở mặt trận, để chân các cậu không thuần đấy? Các cậu thấy đấy, bây giờ các cậu còn chạy được, nhưng hễ vào tay lão ta thì chỉ có què thôi. Lão ta cần những đề tài thí nghiệm; với lão ta cũng như với bọn thầy thuốc, chiến tranh là một thời kỳ tuyệt diệu. Các cậu nhìn dưới kia thì biết, ở phòng thuốc, hơn chục cậu bị lão ta mổ còn lê lết ra đấy. Có nhiều cậu ở đấy hàng năm rồi. Chẳng một ai đi đứng khá hơn trước; đa số chân phải bó bột. Thật là lợn lành chữa thành lợn toi! Cứ sáu tháng lão ta lại tóm lấy con nhà người ta để đập xương ra một lần nữa, mồm cứ xoén xoét lần này thì khỏi hẳn đây. Các cậu phải coi chừng đấy; nếu các cậu không đồng ý, là lão ta

không có quyền làm đầu.

- Nhưng, anh bạn ơi, - một trong hai cậu lính nói bằng một giọng chán chường, - thà cái chân còn hơn cái đầu. Cậu có biết nếu lại ra ngoài ấy thì thế nào không? Kệ cho họ muốn làm gì tớ thì làm, miễn là tớ được về nhà. Què còn hơn chết.

Còn cậu kia, một gã trẻ tuổi như chúng tôi, không muốn mỗ. Sáng hôm sau, lão già gọi cả hai cậu xuống, lão dọa già dọa non kỳ cho cả hai phải thuận mới thôi. Họ biết làm thế nào được? Họ chẳng qua là những anh lính quèn khốn khổ, còn lão ta lại là một người có quyền thế. Người ta khiêng hai cậu lính về, chân bó bột và bị đánh thuốc mê.

Bệnh tình Anbe trầm trọng. Người ta đến mang nó đi để cưa chân.

Nó bị cưa cả cái chân. Bây giờ, nó hầu như không nói không rằng gì nữa, nhưng nó đã bảo lúc nào nó vớ được khẩu súng lục là nó tự tử ngay.

Lại một chuyến nữa đến. Phòng chúng tôi nhận thêm hai người mù. Một trong hai người là một nhạc sĩ rất trẻ. Khi các bà xơ cho nó ăn, không bao giờ các bà ấy đem dao đến vì có lần nó đã giằng được một con dao của một bà. Mặc dầu đã đề phòng như vậy mà vẫn có chuyện xảy ra. Buổi tối, trong bữa ăn, bà xơ đang cho nó ăn có việc phải chạy đi chỗ khác; bà ta để cái ớ a và cái nĩa trên bàn ăn. Thế là gã mù sờ soạng tìm được cái nĩa, dùng hết sức đâm thẳng vào ngực; rồi nó vớ lấy một chiếc giày, đập lia lịa vào chuôi nĩa. Chúng tôi kêu cứu, phải ba người mới nhổ được cái nĩa ra. Những răng nĩa cùn cắm sâu vào ngực. Suốt đêm nó chửi bới chúng tôi, làm chúng tôi không ngủ được. Sáng hôm sau, nó lên một cơn khóc dữ dội.

Những cái giường lại vắng đi. Ngày lại ngày trôi qua giữa bao nhiêu đau đớn và lo âu, giữa những tiếng rên rỉ và những cơn thở dốc. Những phòng chết chẳng còn được việc lắm nữa. Chúng có quá ít, ban đêm bệnh nhân chết ngay trong phòng chúng tôi. Nhanh hơn cả sự tính toán của các bà xơ.

Nhưng một hôm, cánh cửa mở ra đột ngột, chiếc xe mặt phẳng tiến vào và chúng tôi thấy trên cáng, anh chàng Petơ xanh rớt, gầy guộc, cái đầu đen xì, xoắn tít, lởm chớm; nó ngồi nhồm dẫy với một vè đặc thẳng. Bà xơ Libéctin, nét mặt hân hoan rạng rỡ, đưa nó đến giường cũ. Nó từ phòng chết trở lại. Chúng tôi tưởng nó đi đứt từ lâu rồi.

Nó nhìn xung quanh rồi hét lên:

- Thế các cậu bảo sao nào?

Chinh Giô dép cũng phải thú nhận rằng đó là lần đầu tiên anh ta thấy như vậy.

Dần dần, vài ba người trong bọn chúng tôi được phép đứng dậy. Người ta phát cho tôi một đôi nạng để đi lại loanh quanh dăm ba bước. Nhưng tôi không dùng nhiều. Tôi không chịu được cái nhìn của Anbe, khi nó thấy tôi đi lại trong phòng. Lúc nào nó cũng nhìn tôi bằng con mắt lạ lùng làm sao. Vì thế đôi lúc tôi lén ra hành lang. Ở đấy, tôi có thể cử động được tự do hơn.

Tầng dưới là những người bị thương vào bụng, vào xương, bị đạn vào đầu, và những người cưa cả hai chân. Dãy nhà bên phải là những người bị thương ở hàm, những người bị hơi ngạt, những người bị thương ở mũi, ở tai, ở cổ. Dãy nhà bên trái là những người mù, những người bị thương vào phổi, vào háng, vào khớp xương, vào thận, dạ dày và các bộ phận khác. Chính ở đây, người ta mới thấy rõ ràng một con người có thể bị thương vào những chỗ nào.

Hai bệnh nhân chết vì bệnh uốn ván. Màu da xỉn lại, tứ chi cứng đờ, chỉ đôi mắt là còn sinh khí; sự sống bám lấy đôi mắt lâu hơn cả. Nhiều người bị thương phải treo cái chân đau lên không trung bằng một thứ thòng lọng. Dưới vết thương để một cái chậu, mủ nhỏ giọt vào đấy. Cứ vài ba giờ, người ta lại đổ chậu đi. Có người lại nằm với một dụng cụ kéo căng người ra, và những quả tạ nặng trĩu từ trên giường thả xuống. Tôi thấy những vết thương ở ruột lúc nào cũng đầy phân. Gã thư ký của bác sĩ cho tôi xem những phim chụp xương háng, xương đầu gối, xương vai bị đập gãy vụn cả ra.

Người ta không thể hiểu nổi sao ở những thân hình tàn phế đến thế mà vẫn còn những bộ mặt con người, và cuộc sống vẫn trôi bình thường trên những khuôn mặt ấy. Vậy mà đây mới chỉ là một trung tâm y tế mà thôi. Có hàng chục vạn trung tâm như thế ở nước Đức, hàng chục vạn trung tâm như thế ở nước Pháp, ở nước Nga. Có những cảnh như thế này thì tất cả những điều bấy lâu nay người ta viết ra, làm ra, hoặc suy nghĩ, thật là vô ích biết bao. Nếu nền văn hóa hàng ngàn năm không thể ngăn ngừa những suối máu như thế đổ ra và lại có hàng chục vạn cảnh tù ngục thống khổ như thế này thì tất cả những cái viết ra, làm ra, nghĩ ra ấy nhất định chỉ là bịp bợm và vô nghĩa. Chỉ có bệnh viện mới chỉ rõ được hết chiến tranh là gì.

Tôi còn trẻ lắm, mới hai mươi tuổi đầu, thế mà chỉ thấy trên đời toàn những cảnh tuyệt vọng, buồn phiền, chết chóc, xô đẩy những cuộc sống hời hợt nhất và vô tư nhất xuống vực thẳm của đau thương.

Tôi thấy các dân tộc bị xô đẩy vào cảnh chống đối nhau, chém giết nhau mà chẳng nói gì, chẳng hiểu gì. Hành động một cách điên cuồng, ngoan ngoãn, ngây thơ. Tôi thấy những bộ óc thông minh nhất của nhân loại đã phát minh ra những lý lẽ, những vũ khí để cho cái trò này diễn ra tinh vi hơn nữa, dai dẳng hơn nữa.

Và tất cả những người vào lứa tuổi tôi, ở đây và ở phía bên kia, trên khắp thế giới, đều nhận thấy như tôi; đó là cuộc sống của thế hệ tôi, cũng như cuộc sống của chính tôi. Các bậc cha anh của chúng tôi sẽ làm gì nếu một ngày kia chúng tôi đứng dậy, đến trước mặt các người và đòi tính sổ? Các người mong đợi gì ở chúng tôi khi chiến tranh kết liễu. Hàng mấy năm trời chúng tôi chỉ có việc giết người, đây là cái nghề nghiệp đầu tiên của chúng tôi khi bước vào đời sự hiểu biết về cuộc sống của chúng tôi rút lại chỉ còn là cái chết. Rồi sau sẽ thế nào? Và chúng tôi sẽ ra sao?

Người nhiều tuổi nhất phòng chúng tôi là Lêvandôpxki. Anh ta bốn mươi

tuổi, năm nhà thương đã mười tháng nay vì một vết thương nặng ở bụng.

Chỉ có vài tuần nay anh ta mới đi lại được mấy bước, chân khập khiễng, người cúi gập xuống. Mấy ngày gần đây anh ta rất bồn chồn. Từ cái nơi hang cùng ngõ hẻm ở bên Ba Lan, vợ anh mới viết thư cho anh là chị ta đã có đủ tiền tàu để tới thăm anh. Chị đang trên đường đi và ngày một ngày hai sẽ đến. Lêvandôpxki ăn chẳng biết ngon nữa. Anh ta chỉ nhắm nháp qua loa vài miếng rồi cho người khác cả khẩu phần dồi lợn nấu bắp cải đỏ của anh. Tay cầm lá thư, anh ta đi đi lại lại không ngừng ở trong phòng; chúng tôi đưa nào cũng đọc cái thư ấy đến chục lần; những cái tem đã bị ngấm nghĩa không biết bao nhiêu lần mà kể nữa, chữ viết chỉ còn lơ mờ vì những vết mỡ và những vết ngón tay; thật là tai hại, Lêvandôpxki lên cơn sốt, lại phải đi nằm. Hai năm rồi, anh ta chưa gặp vợ. Trong thời gian ấy, chị ta đẻ một đứa con và sẽ mang nó đến đây. Nhưng Lêvandôpxki đang bận tâm vì một cái khác. Anh ta tính xin phép ra ở bên ngoài trong thời gian vợ đến thăm; vì rõ ràng là gặp nhau thì rất tốt, nhưng sau một thời gian dài như thế, khi gặp lại vợ, nếu có thể, người ta còn muốn cái khác nữa chứ.

Lêvandôpxki đã bàn bạc với chúng tôi hàng giờ về chuyện này, vì trong đời con nhà lính chẳng có cái gì phải giấu diếm cả. Và lại, chẳng ai nói gì cái đó cả.

Những người trong bọn tôi đã đi ra ngoài được đều mách cho anh ta những chỗ thuận tiện trong thành phố, những bãi cỏ, những vườn hoa mà anh ta sẽ không bị quấy rầy, có người lại mách cho cả một căn phòng nhỏ nữa.

Nhưng tất cả có ích gì? Lêvandôpxki nằm đây với biết bao là thắc mắc. Nếu anh ta phải nhịn cái khoản ấy thì trên đời còn có cái gì làm cho anh thích thú nữa. Chúng tôi an ủi anh ta và hứa hẹn là sẽ tìm được cách để thu xếp công việc.

Chiều hôm sau, chị vợ đến, một người đàn bà loắt choắt, đôi mắt vừa long lanh, vừa sệt sệt như mắt chim sẻ; chị ta đội cái khăn đen có dải buộc, vừa trùm đầu, vừa quấn cổ. Có trời biết chị ta tìm ở đâu ra được cái thứ khăn cổ lỗ sĩ ấy.

Chị ta lấp bắp khe khẽ câu gì đó và đứng thập thò ngoài cửa. Thấy những sáu người, chị ta phát hoảng.

- Này! em Ma ria, - Lêvandôpxki nói, tưởng chừng cổ họng anh ta bị tắc lại, - em cứ vào, có ai làm gì đâu mà sợ.

Chị ta vào bắt tay chúng tôi từng người một. Rồi chị chìa đứa bé ra, lúc ấy nó vừa bậy ra tã. Chị ta mang theo một cái bị to, thêu hạt cườm, chị ta lấy ra một cái tã sạch, nhanh nhẹn quấn lại cho đứa bé.

Bây giờ đã hết cái phút lúng túng ban đầu, và hai vợ chồng bắt đầu nói chuyện.

Lêvandôpxki rất bứt rứt; anh ta luôn nhìn về phía chúng tôi, đôi mắt trở ra có vẻ rất là đau khổ.

Thời cơ lúc ấy thuận lợi; bác sĩ vừa đến thăm xong; nhiều lắm là chỉ có một bà xơ tạt qua phòng nữa thôi. Vì vậy một đứa trong bọn tôi ra ngó bên ngoài tí xem sao. Nó quay vào và gật đầu nói: "Chẳng có đứa chết bầm nào cả. Này Giôhan, bảo chị ấy đi, và làm luôn đi!". Hai vợ chồng trao đổi với nhau bằng cái kiểu riêng của họ. Chị vợ nhìn chúng tôi, hơi đỏ mặt và ngượng nghịu, chúng tôi mỉm cười, có vẻ hiền lành chất phác, và gạt tay ra hiệu là cái chuyện ấy chẳng chết ai cả. Vất mẹ nó tất cả thành kiến đi! Thành kiến chỉ dùng cho lúc khác thôi. Đây là anh thợ mộc Giôhan Lêvandôpxki đang nằm, một người lính bị một phát đạn làm cho tàn phế, và đây là vợ anh ta; ai biết bao giờ anh ta được gặp lại vợ? Anh ta muốn chị ta, vậy thì phải để anh được, chuyện thật là đơn giản.

Hai đứa đứng ngoài cửa để ngăn các bà xơ lại và bám lấy các bà ấy nếu bất chợt các bà ấy đến. Chúng nó đứng gác vào khoảng mười lăm phút.

Lêvandôpxki chỉ nằm nghiêng được thôi; vì vậy chúng tôi kê thêm cho anh ta vài cái gối phía dưới lưng. Anbe ẵm đứa bé, rồi chúng tôi quay đi một phút; cái khăn đen thụt vào trong chăn, chúng tôi vừa đánh bài Soát vừa nói rõ to đủ mọi thứ chuyện. Thế là ổn cả. Tôi phải một ván bài xấu quá. Cho nên chúng tôi gần như quên khuấy Lêvandôpxki.

Một lúc sau, đứa bé khóc inh lên, mặc dầu Anbe vẫn đu đưa nó một cách nhịp nhàng với vẻ mặt thất vọng. Sau đó, chúng tôi nghe thấy những tiếng sột soạt, những tiếng động khe khẽ, rồi bất chợt chúng tôi nhìn lại thì đã thấy đứa bé lại nằm trong tay mẹ nó, mồm ngậm vú cao su rồi. Thế là vui vẻ cả.

Lúc này, chúng tôi cảm thấy như một đại gia đình; chị vợ trông tươi như hoa, còn Lêvandôpxki nằm trên giường, toát cả mồ hôi và rất là hớn hờ.

Anh ta cởi cái bị thêu ra; những khúc dỗi lợn xinh xinh xuất hiện. Lêvandôpxki cầm con dao như cầm bó hoa, cắt thịt thành từng miếng. Anh ta giang rộng tay chỉ chúng tôi và chị vợ loắt choắt đi từ người này đến người kia, vừa mỉm cười vừa phân phát cho mỗi người một phần; lúc này trông chị ta sao mà đẹp thế.

Chúng tôi gọi chị ta là "mẹ"; chị ta sung sướng và kê lại gối cho chúng tôi.

Vài tuần sau đó, sáng nào tôi cũng đến viện Dandơ. Ở đây, người ta cột chân tôi thật chặt lại rồi người ta bắt nó làm những động tác thích hợp. Tay tôi đã khỏi từ lâu. Lại có nhiều chuyển từ mặt trận về. Không có băng quấn băng vải nữa, mà toàn băng giấy nhiễu trắng. Ở ngoài ấy dạo này rất thiếu bông băng.

Cái chân cụt của Anbe đã khá nhiều. Vết thương ngậm miệng gần hết. Vài tuần nữa, nó sẽ đến một trung tâm lắp chân gỗ. Nó vẫn ít nói, có vẻ trầm lặng hơn trước rất nhiều. Nhiều khi đang nói chuyện, nó bỗng im bặt và nhìn trừng trừng trước mặt. Nếu không ở với bọn tôi, có lẽ nó đã kết liễu đời nó từ lâu rồi. Nhưng bây giờ nó đã qua được giai đoạn gay go nhất rồi. Đôi lúc nó cũng xem chúng tôi đánh bài Soát. Tôi được một kỳ nghỉ phép dưỡng bệnh.

Mẹ tôi không muốn để tôi đi nữa. Mẹ tôi yếu quá rồi.
Tình hình gay go hơn chuyển trước nhiều.

Chương 11

Sau đó, trung đoàn có giấy gọi, tôi lại ra mặt trận.

Phải xa thẳng bạn chí thân Anbe Cốp thật là khổ cho tôi quá. Nhưng trong đời thẳng lính, cái gì rồi mà chả quen đi.

Chúng tôi không tính từng tuần nữa. Đạo trước tôi đến đây vào mùa đông, và mỗi khi trái phá rơi xuống, những tảng đất lạnh cứng cũng nguy hiểm gần bằng mảnh đạn. Bây giờ, cây cối đã xanh tươi trở lại. Cuộc sống của chúng tôi hết trại lính lại đến mặt trận. Nó cũng đã quen đi được phần nào. Chiến tranh là một nguyên nhân của cái chết, cũng như bệnh ung thư hoặc bệnh lao, cũng như bệnh cúm hoặc bệnh lỵ. Có điều là những ca chết được thì nhiều hơn, phức tạp hơn, và ác liệt hơn.

Những ý nghĩ của chúng tôi giống như một thứ đất sét nó bị ngày tháng đổi thay nhào nặn, khi chúng tôi được nghỉ ngơi, thì nó cũng tốt lành sáng sủa, khi chúng tôi sống nơi lửa đạn thì nó đậm ra buồn thảm tối tăm. Có những cánh đồng hồ trái phá cả ở bên ngoài lẫn ở bên trong chúng tôi.

Không riêng gì chúng tôi, mà ai ở đây cũng thế; cái gì đã qua thì không còn tồn tại và cụ thể là chúng tôi không còn nhớ gì đến quá khứ nữa. Sự cách biệt do nền giáo dục và học vấn tạo ra hầu như đã bị xóa nhòa, khó nhận ra được nữa. Đôi khi sự cách biệt ấy cũng tiện cho việc lợi dụng một hoàn cảnh nào đó, nhưng nó cũng gây ra nhiều bất tiện, tạo ra những trở ngại cần phải vượt qua. Chẳng khác gì chúng tôi trước đây là những đồng tiền của tứ xứ, rồi người ta đem nấu chảy ra, đến nay thì đồng nào cũng giống đồng nào. Nếu muốn nhận ra chỗ khác nhau, thì phải xem thật kỹ chất kim loại.

Chúng tôi là những thẳng lính, sau đó mới là những con người, mà là những con người một cách kỳ quặc và gần như xấu hổ.

Giữa chúng tôi với nhau, có một tình ruột thịt lớn lao, bao gồm một cách lạ kỳ thứ ánh sáng của tình bè bạn trong những câu dân ca, một chút tình đoàn kết của những người bị tù đày, và tình gắn bó tuyệt vọng giữa những kẻ tử tù với nhau.

Tất cả những cái đó đưa chúng tôi vào cùng một nếp sống làm cho giữa hiểm nguy, chúng tôi khắc phục được lo âu và thống khổ của chết chóc để vội vã cướp lấy những giờ phút chúng tôi còn sống. Và làm thế, lòng chẳng mảy may xúc động. Nếu người ta muốn đánh giá cái gì đó, thì đó là một trường hợp vừa anh dũng lại vừa nhảm chán, nhưng ai đi làm việc ấy?

Chính với tâm trạng ấy mà Jardon đã húp vội húp vàng cho đến thìa cuối cùng, món xúp đậu nấu với mỡ, khi được tin quân địch tấn công, vì nó chẳng biết là một giờ sau có còn sống hay không. Chúng tôi đã tranh cãi lâu về điểm này, xem nó đúng hay sai. Cát phản đối, vì phải tính đến chuyện có thể bị một

viên đạn vào bụng, nếu ăn no thì nguy hiểm hơn lúc đói rất nhiều.

Chúng tôi luôn bận tâm về những vấn đề như thế đấy. Đối với chúng tôi, những vấn đề ấy thực là quan trọng và không thể nào khác được. Ở đây, sát vách cái chết, cái sống có một bộ mặt đơn giản lạ lùng. Nó giới hạn trong những nhu cầu tối thiểu, còn những cái khác thì bị vùi trong một giấc ngủ triền miên; đấy chính là chỗ thô sơ thiển cận của chúng tôi, mà cũng là điều cứu sống chúng tôi; nếu chúng tôi khác biệt hơn, thì chúng tôi đã phát điên từ lâu rồi, đã đào ngũ hoặc đã chết rồi. Giống như một cuộc thám hiểm vùng địa cực. Mọi biểu hiện của sức sống đều chỉ được dùng để duy trì sự sống và bắt buộc phải đi theo hướng ấy. Ngoài ra, tất cả đều bị loại trừ, vì nó tiêu thụ năng lượng một cách vô ích. Đó là cách duy nhất để chúng tôi được cứu thoát. Thỉnh thoảng, trong những lúc yên tĩnh, tôi tưởng như đứng trước một người lạ mỗi khi tấm gương mờ đã cho tôi thấy cái phản ảnh bí ẩn của thời quá khứ, vạch ra cho tôi những đường nét của cuộc sống hiện tại; tôi ngạc nhiên khi nhìn thấy cái sự hoạt động khó tả ấy mà người ta gọi là sự sống, lại khóac lấy cái lột này. Tất cả mọi biểu hiện khác đều bị vùi trong giấc ngủ mùa đông; cuộc sống cứ phải không ngừng cảnh giác để chống đỡ những sự dọa nạt của thần chết; cuộc sống đã biến chúng tôi thành những con vật, trao cho chúng tôi một thứ vũ khí, ấy là bản năng; nó đã làm nhụt cả nguồn xúc cảm, cốt để chúng tôi không dao động trước những sự khủng khiếp đang lao vào chúng tôi, nếu chúng tôi còn lương tri sáng suốt và rõ ràng. Nó đã khơi lên trong chúng tôi tình đồng đội, để chúng tôi thoát được cái vực thẳm của cô đơn; nó đã khiến chúng tôi có cái vẻ lạnh lùng của người man rợ, để chúng tôi có thể, bất chấp tất cả, tìm ra cái gì cụ thể và dự trữ nó chống lại những đợt tấn công của hư vô. Chúng tôi sống như thế một cuộc sống âm thầm, khắc khổ và rất là hời hợt, rất ít khi có một sự kiện làm bật lên từ đáy lòng vài tia sáng, nhưng có lúc ngọn lửa của một niềm khát khao nặng trĩu và góm ghê bất chợt bùng lên trong chúng tôi.

Ấy là những lúc hiểm nghèo; những lúc ấy cho chúng tôi thấy rằng, dù sao, sự thích ứng cũng chỉ là giả tạo; nó không phải là sự bình tĩnh thật sự, mà chỉ là một sự cố vươn lên chỗ bình tĩnh thôi. Về hình thức bề ngoài của cuộc sống, chúng tôi chẳng khác gì những người da đen trong rừng; nhưng những người này cứ như vậy mãi cũng chẳng sao vì đó là bản chất của họ và bất quá họ có thể tiếp tục phát triển do sự cố gắng của năng khiếu, trái lại, ở chúng tôi, những sứ mạng quan trọng không nghiêng về phía phát triển mà lại hướng về phía thoái hóa. Thành ra những cái gì là bình thường ở họ, thì chúng tôi phải cố gắng và phải giả tạo mới có được.

Ban đêm, khi chúng tôi bàng hoàng tỉnh dậy sau một cơn ác mộng, bị những ảo tưởng huyền hoặc lôi cuốn và thả mình vào đấy, chúng tôi nhận thấy chỗ dựa và ranh giới giữa chúng tôi và cảnh tối tăm u ám thật là mong manh biết bao.

Chúng tôi là những người buột khăn gói thì phải.

Tôi cảm thấy một tai vạ đến nơi, bèn ngồi dậy hỏi nó. Nó làm ra bộ không có gì cả, tôi bảo nó:

- Đêtrinh, đừng có vớ vẩn đấy nhé!

- À sao? Mình không ngủ được thế thôi...

- Thế cậu bẻ những cành anh đào ấy về làm gì?

- Thì mình đi lấy cành anh đào cũng được chứ sao, - nó trả lời lúng túng.

Một lúc sau nó thêm, - ở nhà mình, có một vườn cây rộng, trồng nhiều anh đào lắm; khi anh đào nở hoa, đứng ở bụi rơm mà nhìn, y như một cái khăn trải giường thật to vì nó trắng lắm; bây giờ là đương mùa đấy.

- Có lẽ sắp có những đợt nghỉ phép đấy. Cậu là nông dân, có thể là cậu được tạm hoãn quân dịch đấy.

Nó gật đầu, nhưng óc nó để tận đâu. Những anh chàng nông dân này, khi trong lòng có cái gì ray rứt là y như có dáng điệu lạ lùng, vừa lơ đãng vừa lăm lăm, nửa như ngớ ngẩn, nửa như cảm động. Để lôi nó ra khỏi những ý nghĩ vớ vẩn, tôi hỏi xin nó một miếng bánh; nó cho tôi ngay chẳng chần chừ. Đó là một triệu chứng khả nghi, vì thường ngày nó keo kiệt. Vì vậy tôi không ngủ được nữa. Nhưng không có gì xảy ra sáng hôm sau. Đêtrinh vẫn như thường. Có lẽ nó đã biết tôi theo dõi nó. Ấy thế mà, sang ngày hôm sau nữa, là nó biến mất. Tôi biết cả nhưng không nói gì, hễ nó có đủ thì giờ, may ra nó đi thoát được. Nhiều đứa đã đến được Hà Lan.

Khi điểm danh, người ta thấy thiếu nó. Một tuần lễ sau, chúng tôi được tin nó bị tụi sen đầm bắt, thuộc sở buột khăn gói thì phải.

Người ta không thể đánh ngã ngay lập tức người lên cơn và ghì lấy hẳn.

Bécgơ lại cao một thước tám mươi, người khỏe nhất đại đội.

Rõ ràng là nó điên, vì nó phải xuyên qua một bức tường lửa! Nhưng chính cái luồng chớp ấy vẫn đang rình đâu đây tất cả chúng tôi - đã đánh trúng nó và biến nó thành một thẳng ma ám. Có những đứa đập phá lung tung hoặc chạy thoát được; lại có một đứa cứ lấy tay chân và mồm, cào đất ra mãi để chui xuống.

Dĩ nhiên, trong những trường hợp này, cũng có nhiều cậu giả vờ; nhưng sự giả vờ ấy tự nó đã là một triệu chứng có ý nghĩa. Người ta lôi được Bécgơ về, với một phát đạn ở hông; ngoài ra, một trong số người dìu nó về cũng bị một phát vào bắp chân.

Muynlơ đã chết. Nó bị một viên đạn lửa bắn gần vào giữa bụng. Nó còn sống thêm được nửa giờ, rất tỉnh, nhưng đau đớn một cách khủng khiếp. Trước khi chết, nó cho tôi cái ví và tặng tôi đôi ủng mà nó đã thừa hưởng của Kêrích. Tôi đi đôi ủng rất vừa chân. Sau tôi, sẽ đến lượt Jăđơn. Tôi đã hứa với nó thế.

Chúng tôi đã chôn cất được Muynlơ, nhưng chắc nó không nằm yên được lâu đâu. Phòng tuyến của chúng tôi bị rút về phía sau. Trước mặt chúng tôi, có quá nhiều quân Anh và Mỹ vừa mới xuất trận, chúng có nhiều thịt bò ướp quá,

nhều đại bác và máy bay quá. Còn chúng tôi thì gầy gò và đói ăn. Lương thực tôi quá, làm toàn bằng phế phẩm, đến nỗi ăn phát ốm. Trong khi bọn chủ nhà máy ở bên Đức bị bắt thì chúng tôi bị bệnh kiết lỵ hành hạ, chấy ruột chấy gan. Những hồ đại tiện lúc nào cũng đầy những khách hàng ngồi xổm. Cần phải cho những người ở hậu phương nhìn thấy những bộ mặt xám ngoét, vàng vọt, khốn khổ và nhẩn nhục này, những thân hình gầy gập xuống mà bệnh đau ruột đã hút hết cả máu một cách ghê gớm, những bộ mặt nhìn nhau chỉ biết mỉm cười chua chát, nói với nhau qua đôi môi mím chặt và run lên vì đau đớn: "Mặc quần lại làm quái gì cho mất công?"...

Pháo binh của chúng tôi đã phải bó tay rồi, đạn dược quá ít, nòng súng mòn đến nỗi đường đạn đi không chính xác nữa, thậm chí nện xuống cả quân mình. Chúng tôi có ít ngựa quá; những đơn vị mới xuất trận đều là những đứa trẻ xanh xao thiếu máu, cần được nâng niu, chúng nó không mang nổi ba lô, nhưng lại biết chết hàng nghìn một lúc. Chúng nó chẳng hiểu gì về chiến tranh cả, chỉ biết có đi lên phía trước để kẻ địch nấp một chỗ mà bắn cho bằng thích. Một thằng phi công đã nghịch ngợm hạ thổ một lúc được hai đại đội tân binh, ngay lúc bọn này vừa ở trên tàu xuống, chưa tìm được chỗ trú ẩn.

- Chẳng mấy chốc, nước Đức sẽ hết cả người. - Cát nói.

Chúng tôi chẳng hy vọng những chuyện như thế. Có rất nhiều chuyện đại loại như thế, lắm khi còn chua chát gấp mấy nữa. Tuy nhiên, những chuyện ấy chẳng có liên quan gì đến việc nổi loạn hoặc phá kỷ luật; đó chỉ là những câu chuyện thật thà, có thể nào nói thế ấy, vì trong đời sống nhà binh, có lắm cái lừa bịp, bất công và ti tiện. Bất chấp mọi gian nguy, trung đoàn nọ theo gót trung đoàn kia, bằng lòng đi vào cuộc chiến đấu ngày càng tuyệt vọng, và hết đợt này đến đợt khác tiếp nhau tấn công vào một phòng tuyến ngày càng phải lùi lại và bị đập nát vụn; cái đó không vĩ đại sao? Những chiếc xe tăng, trước kia chỉ là một vật để chế giễu, nay trở thành những vũ khí ghê gớm.

Chúng dàn ra thành những tuyến thiết giáp dài dằng dặc, và hơn bất cứ cái gì khác, chúng là hiện thân của chiến tranh khủng khiếp đối với chúng tôi.

Những khẩu đại bác trút hỏa lực dồn dập xuống chúng tôi. Chúng tôi không nhìn thấy chúng; những tuyến xung phong của địch gồm những con người bằng xương bằng thịt như chúng tôi; nhưng những chiếc xe tăng ấy là những cái máy; vòng xích của chúng quay bất tận y như cuộc chiến tranh vậy. Chúng mang đến sự tiêu diệt, khi chúng lạnh lùng bò xuống những hồ trái phá, rồi lại bò lên ngay lập tức, thật là cả một hạm đội bọc thép, luôn luôn gầm thét và khạc lửa, những con quái vật bằng thép bất khả xâm phạm, nghiền nát cả người chết lẫn người bị thương... Trước mặt chúng nó, chúng tôi phải hết sức co rúm cái thân hình yếu ớt của mình lại. Trước sức mạnh khổng lồ của chúng, cánh tay chúng tôi chỉ là những cọng rơm, và lựu đạn chúng tôi chỉ là những que diêm. Trái phá, hơi ngạt, xe tăng: những vật nghiền nát anh, xâu xé anh và giết chết anh. Bệnh lỵ, bệnh cúm, bệnh chấy rận: những cái làm anh nghẹt

thở, đốt cháy anh và giết chết anh.

Chiến hào, nhà thương và năm mồ công cộng: không có gì khác.

Béctinh, người chỉ huy đại đội của chúng tôi đã chết trong một trận tấn công. Ông ta là một trong những sĩ quan ưu tú của mặt trận, khi gặp nguy hiểm, luôn luôn xông lên hàng đầu. Ông ta ở với chúng tôi đã hai năm mà chưa bị thương lần nào. Tất nhiên cuối cùng thế nào cũng gặp một cái gì. Chúng tôi đang nấp trong một hố trái phá, bốn phía quân địch vây kín cả. Hơi thuốc súng mù mịt phủ vào chúng tôi, lại thêm cái mùi dầu, mỡ và ét-xăng nồng nặc. Chúng tôi phát hiện ra hai tên địch mang một khẩu súng phun lửa; một tên đeo cái bình sau lưng, còn tên kia cầm cái ống phun. Nếu chúng nó lại gần được, thì chúng tôi bị nướng chín hết, vì trong tình huống hiện thời, chúng tôi không còn đất rút lui nữa.

Chúng tôi nhắm bắn tới tấp. Nhưng chúng vẫn tiến lại gần được, thật là nguy quá. Béctinh nằm trong hố cùng với chúng tôi. Khi thấy chúng tôi bắn không trúng vì trước hỏa lực ác liệt của địch, chúng tôi còn mãi lo ẩn nấp, ông ta bèn lấy một khẩu súng, bò ra ngoài hố trái phá, rồi tì lên khuỷu tay, nhắm bắn. Phát súng nổ; nhưng đồng thời ông cũng bị trúng đạn. Tuy vậy, ông ta vẫn nằm nguyên chỗ cũ và tiếp tục nhắm. Ông ta hạ súng xuống một lát rồi lại đưa lên vai; phát đạn nổ, Béctinh để rơi khẩu súng xuống và nói: "Tốt!", sau đó ông ta lại bò xuống hố. Tên lính mang súng phun lửa đứng xa đã bị thương; nó ngã xuống, thẳng kia không chụp được cái ống phun, lửa cháy bùng bùng tứ phía, và thế là tên kia bị chết cháy.

Béctinh bị đạn trúng ngực. Một lát sau, cầm ông ta lại bị vỡ nát vì một mảnh đạn trái phá. Cái mảnh đạn ấy còn đủ sức hất văng cả xương hông của Lia đi.

Lia rên rỉ và gục xuống hai cánh tay. Nó mất máu rất nhanh. Không ai có thể cứu được nó nữa. Chỉ vài phút sau, người nó rúm lại như một cái ruột cao su hết hơi. Hồi trước đi học, nó giỏi toán đến thế, nay có ích gì cho nó không?

Tháng nọ tiếp tháng kia, mùa hè năm 1918 này gay go và đẫm máu hơn tất cả. Ngày trôi qua như những vị thiên thần mặc áo giáp vàng và ngọc lưu ly, thản nhiên bay lượn trên cảnh chiến trường khốc liệt.

Chúng tôi, ai cũng biết rằng sẽ thua trận.

Nhưng không ai nói nhiều về chuyện đó. Chúng tôi lùi; sau trận tấn công lớn ấy, chúng tôi không đủ sức công kích nữa; chúng tôi chẳng còn lính, cũng chẳng còn đạn dược. Tuy nhiên, cuộc chiến đấu vẫn tiếp tục và người ta vẫn tiếp tục chết...

Mùa hè năm 1918... Chưa bao giờ, cuộc sống với cái hình dáng thảm hại của nó lại làm cho chúng tôi thêm khát như bây giờ, những bông hoa mào gà đỏ chói của đồng nội lả lướt trên ngọn cỏ, những buổi chiều ấm áp trong những căn phòng mát mẻ, tranh tối tranh sáng; những cây cối đen ngòm và bí mật trong hoàng hôn, những ngôi sao và những dòng nước, những giấc mơ và

những giấc ngủ triền miên, ôi cuộc sống, cuộc sống, cuộc sống!...

Mùa hè năm 1918... Chưa bao giờ chúng tôi phải cắn răng chịu đựng nhiều nỗi khổ tâm khi bước ra hỏa tuyến như lúc này. Những tin đồn đại náo nức biết bao, về đình chiến, về hòa bình bắt đầu xuất hiện; chúng nó dao động lòng người, và khiến cho những cảnh ra đi nặng nề hơn bao giờ hết.

Mùa hè năm 1918... Chưa bao giờ đời sống ở mặt trận lại cay đắng và khốc liệt hơn những giờ phút nằm dưới lửa đạn khi những bộ mặt tái nhợt úp vào bùn và những bàn tay co quắp lại, thốt ra một lời phản kháng duy nhất: "Không, không, không, không phải lúc này! Không phải lúc này, vì gần chấm dứt rồi!".

Mùa hè năm 1918...

Luồng gió hy vọng mơn trớn những cánh đồng bị lửa đạn tàn phá, cơn sốt hằm hập của chờ mong và thất vọng, cái rùng mình đau đớn của chết chóc, vấn đề không sao hiểu nổi: "Tại sao? Tại sao người ta không chấm dứt đi cho? Và tại sao lại có những tin đồn là sắp chấm dứt?". Sao mà lắm thẳng lái máy bay thế, bọn chúng tự tin đến cái mức săn đuổi cả những người lính đi lẻ loi, như săn thỏ vậy. Cứ một máy bay Đức thì ít ra có đến năm máy bay Anh và Mỹ. Cứ một người lính Đức mệt mỏi và đói khát nằm trong chiến hào thì phải có đến năm tên khỏe mạnh, lực lưỡng ở chiến hào đối diện.

Cứ một cái bánh lính của Đức, thì phía trước mặt chúng tôi, phải có năm mươi hộp thịt. Chúng tôi chưa bị đánh bại, vì là lính mà nói, thì chúng tôi mạnh hơn và có kinh nghiệm hơn họ; chúng tôi bị đè bẹp và đánh lui chẳng qua vì họ hơn quá nhiều về số lượng.

Mấy tuần mưa rả rích; trời xám, đất xám và nhão nhoét, cái chết xám. Khi chúng tôi lên xe ra tiền tuyến, áo khoác ngoài và quần áo chúng tôi đã ướt sũng, và ướt như thế suốt cả thời gian chúng tôi ở chiến hào. Người chúng tôi chả lúc nào khô cả. Ai còn đi ủng thì lấy những túi đất nhét quanh phía trên ủng để cho nước bùn không vào được quá nhanh.

Súng ống bê bết những bùn, quân phục nhoét ra, rửa nát ra; tất cả đều là một khối đất đầm đìa, nhầy nhụa với những cái áo màu vàng trong đó những vũng máu vẽ thành những hình tròn ố đỏ thẫm. Những người chết, những người bị thương, những người sống sót, từ từ lút ngập xuống đấy.

Bão táp gầm thét điên cuồng trên đầu chúng tôi.

Những mảnh trái phá bắn ra như mưa làm nổi lên từ cái khoảng hỗn loạn xám ngoét và vàng khè ấy những tiếng gào thét xé ruột xé gan, những tiếng kêu như tiếng trẻ con của những người bị đạn; và trong đêm tối, cuộc sống bị vò xé đã cất lên tiếng rên rỉ, rồi tận cùng một cách đau đớn bằng sự im lặng ngàn đời.

Hai bàn tay chúng tôi toàn là đất; khắp người chúng tôi toàn là đất sét, mắt chúng tôi là những cái ao nước mưa. Chúng tôi cũng chẳng biết là mình còn sống hay không.

Rồi hơi súng tràn xuống các hố của chúng tôi. Nó ẩm thấp, lầy nhầy như một con sứa, và, một ngày cuối mùa hè, Cát đã ngã ngựa khi đi lấy lương thực.

Chúng tôi chỉ có hai đứa; tôi buộc vết thương cho anh ta ở xương ống chân có lẽ bị gãy; tóm lại phát đạn đã trúng vào xương chân.

Cát rên rỉ một cách tuyệt vọng: "Lúc này... đúng lúc này...". Tôi an ủi anh ta: "Ai biết được cái trò giết chóc nhau này còn kéo dài đến tận bao giờ? Thế là cậu thoát đấy...". Vết thương bắt đầu chảy máu dữ. Không thể nào để Cát nằm một mình trong khi tôi đi lùng cáng. Hơn nữa, tôi cũng không biết quanh đây có bộ phận tải thương nào không.

Cát không nặng lắm, tôi cõng anh ta lên vai và đi về phía trạm cấp cứu.

Chúng tôi dừng lại hai lần. Cõng như thế, anh ta đau lắm. Hai đứa chẳng nói năng gì cả. Tôi cởi khuy cổ áo ra và thở hồng hộc. Mồ hôi đầm đìa, mặt nặng ra vì phải dùng quá sức; tuy vậy, tôi vẫn nhất quyết tiếp tục đi vì khu vực này nguy hiểm lắm.

- Chúng mình lại đi, Cát nhé!

- Đành phải đi thôi, Pôn ạ.

- Nào ta đi!

Tôi xốc anh ta lên. Anh ta đứng bằng cái chân lành và tựa vào thân cây; tôi gượng nhẹ đỡ cái chân bị thương của anh; anh ta rùng mình một cái và tôi đưa tay quặp lấy đầu gối cái chân lành.

Con đường mỗi lúc một gay go. Thịnh thoảng một quả đại bác lại rít lên.

Tôi cố sức đi thật nhanh, máu Cát rỏ từng giọt xuống đất. Chúng tôi tránh đại bác không ra làm sao cả vì trước khi ẩn nấp được thì viên đạn đã đi quá lâu rồi.

Chúng tôi xuống một hố trái phá nhỏ để đợi một chút; tôi rót nước chè trong bi đông của tôi cho Cát uống. Hai đứa hút một điếu thuốc lá.

- Cát nhỉ, tôi buồn rầu nói, thế là phen này hai đứa mình lại mỗi đứa một nơi.

Anh ta lặng yên và nhìn tôi.

- Cát này, cậu còn nhớ không, con ngỗng chúng mình bắt được ấy mà? Cậu còn nhớ cái hồi mình còn là tân binh và bị thương lần đầu, cậu cứu mình thế nào không? Đạo ấy, mình còn khóc; ấy thế mà gần ba năm rồi đấy Cát nhỉ!

Anh ta gật đầu.

Nghĩ đến lúc còn lại mỗi một mình, tôi thấy sợ.

Khi Cát chuyển đi nơi khác là tôi sẽ không còn một thằng bạn nào ở đây nữa.

- Cát này, nếu quả thật đình chiến trước khi cậu trở lại đây, thì thế nào chúng mình cũng phải gặp nhau mới được.

- Cậu tưởng cái chân như thế này mà còn ra trận được à? - Cát nói đầy vẻ cay đắng.

- Cứ nghỉ ngơi là khỏi thôi. Khớp xương còn tốt, có lẽ không việc gì đâu.

- Cho mình một điếu nữa.

- Có lẽ sau này, hai đứa chúng mình sẽ cùng nhau làm một việc gì, Cát nhỉ!

Tôi buồn lắm. Cát, bạn Cát thân yêu của tôi, với đôi vai xuôi và bộ ria mép nhỏ, Cát mà tôi hiểu hơn bất cứ người nào ở trên đời này, Cát đã cùng tôi chia sẻ niềm vui ngọt ngào mấy năm nay, không thể nào tôi không gặp Cát được nữa.

- Cát này, cứ cho mình cái địa chỉ, để khi nào mình trở về nhà. Còn địa chỉ của mình, mình viết cho cậu đây. Tôi bỏ mảnh giấy vào trong túi cho Cát. Tôi cảm thấy trơ trọi biết bao, dù rằng Cát vẫn còn ngồi bên tôi! Tôi có nên bắn ngay một phát vào bàn chân để được ở bên anh ta không? Đột nhiên Cát nấc lên một cái và tái xanh cả người.

- Đi thôi, - anh ta lắp bắp.

Tôi điên cuồng chồm lại đỡ anh ta, tôi cõng anh ta lên lưng và bắt đầu chạy, chạy đều đều, chậm chậm để cho cái chân anh ta khỏi bị lắc mạnh.

Cổ họng tôi khô cháy, tôi cẩn rằng cứ đi vắng mạng, gần như lão đảo, cuối cùng khi đến được trạm cứu thương thì mắt tôi hoa cả lên. Đến nơi, đầu gối tôi khụy xuống, nhưng tôi cũng còn đủ sức ngã về bên cái chân lành của Cát. Mấy phút sau, tôi từ từ nhồm dậy, chân tay run lên bần bật; mãi tôi mới tìm thấy cái bi đông để uống một ngụm. Trong khi uống, môi tôi nai lên. Nhưng tôi mỉm cười: Cát đã đến nơi an toàn rồi.

Một lát sau, tôi thấy cả một đám tiếng nói mơ hồ, láo nháo, đập vào tai tôi:

- Việc gì cậu phải mất công như thế này? - một gã y tá nói.

Tôi nhìn hẳn, không hiểu gì cả. Hẳn ta chỉ Cát và nói thêm:

- Cậu xem đây. Nó chết rồi còn gì nữa.

Tôi không hiểu hẳn nói gì.

- Anh ấy bị đạn vào chân mà, - tôi nói.

Gã y tá không nhúc nhích:

- Còn chỗ khác nữa chứ...

Tôi quay lại. Mắt tôi vẫn còn hoa lên. Lúc này, mồ hôi lại vã ra, chảy ròng ròng trên mi mắt, tôi lau mồ hôi và nhìn kỹ Cát; anh ta nằm, không động đậy.

- Bị ngắt đây, - tôi nói nhanh.

Gã y tá khẽ huýt sáo:

- Tố biết hơn cậu chứ! Nó chết rồi; muốn cuộc gì thì cuộc?

- Không thể như thế được, mình vừa mới nói chuyện với anh ấy cách độ mươi phút thôi mà; anh ấy ngắt đây thôi.

Bàn tay Cát còn nóng, tôi đỡ vai Cát lên, định lấy nước chè xoa cho anh ta. Nhưng tôi thấy những ngón tay tôi ướt ươn, khi rút tay ra khỏi đầu Cát, tôi thấy bàn tay tôi đầy những máu. Gã y tá lại huýt sáo khe khẽ.

- Cậu thấy không?

Thì ra, trên đường đi, Cát đã bị một mảnh đạn trái phá bắn vào đầu mà tôi không biết gì cả; chỉ là một lỗ rất nhỏ, một mảnh đạn bé tẹo thôi. Một mảnh

đạn lạc, nhưng thế cũng đủ rồi. Cát đã chết.

Tôi thông thả đứng dậy.

- Cậu có muốn lấy quân bạ và những đồ dùng của nó không? - Gã hạ sĩ quan hỏi tôi.

Tôi gật đầu và hẳn ta đưa cho tôi.

Gã y tá tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Các cậu không có họ hàng gì với nhau kia mà?

- Không, chúng tôi chẳng có họ hàng gì với nhau cả. Không, chẳng có một tí gì...

Liệu tôi có đi nổi không? Tôi có còn chân nữa không? Tôi ngược mắt lên, đưa mắt nhìn quanh, tôi xoay người một vòng theo tầm mắt, cho đến lúc tôi dừng lại.

Tất cả vẫn như thường: chỉ trừ có anh quân nhân dự bị Stanitlat Catdinxki đã chết mà thôi.

Sau đó, tôi chẳng biết gì nữa.

Chương 12

Mùa thu.

Những người lính cũ chẳng còn được bao nhiêu.

Tôi là người cuối cùng trong số bảy người ra đi của lớp học chúng tôi.

Ai cũng nói đến đình chiến và hòa bình. Mọi người chờ đợi. Nếu lại vỡ mộng một lần nữa, là sẽ tai biến. Sự mong đợi mãnh liệt quá; không thể nào gạt nó đi mà nó không nổ tung ra. Nếu không có hòa bình, nhất định sẽ có cách mạng.

Tôi được nghỉ mười lăm ngày vì hít phải một ít hơi ngạt. Tôi ngồi suốt ngày ngoài nắng, trong một khu vườn nhỏ. Chẳng bao lâu nữa, sẽ đình chiến; bây giờ, đến cả tôi, tôi cũng tin như thế. Lúc ấy chúng tôi sẽ trở về nhà; đó là ý nghĩ của tôi. Nó không vượt quá được phạm vi ấy. Cái thu hút và lôi cuốn tôi, là những cảm xúc, là lòng khát khao được sống, là vẻ đẹp của quê hương, là tình máu mủ, là niềm say sưa được tai qua nạn khỏi. Nhưng đó không phải là những mục đích.

Nếu chúng tôi được trở về nhà năm 1916, chắc hẳn với nỗi đau thương và sức mạnh mà chúng tôi đã sống, chúng tôi đã có thể làm nổ ra một cơn bão táp.

Nếu bây giờ, chúng tôi trở lại gia đình, chúng tôi mệt mỏi, rã rời, trống rỗng, không còn gốc rễ và không còn hy vọng.

Chúng tôi không thể chiếm phần ưu thắng được nữa.

Người ta cũng sẽ không hiểu chúng tôi, vì trước mặt chúng tôi, một thế hệ đã lớn lên, tuy họ đã cùng chúng tôi chung sống trong mấy năm nay, nhưng họ đã có gia đình, đã có nghề nghiệp, bây giờ họ sẽ trở về những vị trí cũ, họ sẽ quên lãng chiến tranh đi; và sau lưng chúng tôi, một thế hệ khác lớn lên giống như chúng tôi trước đây, nhưng họ sẽ không hiểu chúng tôi và sẽ xa lánh chúng tôi.

Chúng tôi cũng chẳng có ích gì cho chính mình nữa. Chúng tôi lớn lên; một số sẽ thích ứng được; một số khác sẽ cam lòng chịu đựng và rất nhiều người sẽ hoàn toàn lạc lõng; năm tháng sẽ trôi qua và, cuối cùng, chúng tôi sẽ gục xuống.

Nhưng có lẽ những điều tôi nghĩ cũng chỉ là buồn rầu và chán nản, những cái ấy sẽ biến đi, khi tôi lại trở về dưới bóng hàng cây bạch dương, nghe cành lá chúng rì rào.

Không thể nào cái cảnh êm đềm làm xúc động lòng người ấy, sự thấp thỏm, nỗi ưu tư, cái tương lai với muôn nghìn bộ mặt, vẻ dịu dàng của những giấc mơ và của những cuốn sách, lòng say đắm và mơ tưởng đàn bà, không thể nào những cái đó không tồn tại nữa. Tất cả những cái đó không thể nào bị hủy diệt

bởi sức mạnh của bom đạn, trong nỗi tuyệt vọng và trong những nhà thổ lính. Nơi đây, cây cối tỏa ánh vàng với trăm màu nghìn sắc; những quả thanh lương đã chín đỏ trong cành lá. Những con đường trắng xóa chạy về phía chân trời; và các quán hàng, đang nhỏ to bần tán về hòa bình rào rào như những tổ ong.

Tôi đứng dậy; tôi rất bình thản. Năm, tháng cứ việc đến. Tôi sẽ chẳng mất gì cả, mà thời gian cũng chẳng có thể lấy được gì của tôi nữa. Tôi chỉ có một thân, một mình, chẳng còn may may hy vọng điều gì nữa, nên tôi có thể chờ đón thời gian mà không hề sợ hãi.

Cuộc sống đã bắt tôi phải qua những năm tháng ấy, vẫn đang còn tồn tại trong hai bàn tay và cặp mắt của tôi. Tôi có làm chủ được cuộc sống ấy không? Tôi không biết. Nhưng một khi nó còn đây, nó sẽ tìm ra đường đi, dù có hoặc không có sự đồng tình của cái sức mạnh đang ở trong tôi và nói lên: "Tôi".

Anh ta chết tháng mười, năm một nghìn chín trăm mười tám, trong một ngày khắp cả mặt trận yên tĩnh đến nỗi bản thông cáo chỉ ghi là: "Ở phía Tây, không có gì lạ".

Anh ta ngã xuống, đầu về phía trước, nằm dài trên đất, như người đang ngủ.

Khi lật anh ta lên, người ta thấy hình như anh ta không đau đớn lâu thì phải.

Nét mặt anh ta bình thản và như biểu lộ một vẻ bằng lòng về cái kết cục như vậy.

HẾT

Đôi lời về tác giả:

ERICH MARIA REMARQUE - NGƯỜI ĐI QUA CHIẾN TRANH

Erich Paul Remarque sinh ngày 22-6-1898 trong một gia đình theo dòng Công giáo La Mã tại Osnahruck, một thành phố thuộc tỉnh Westphalia nằm ở miền Tây nước Đức. Ngay từ nhỏ, Erich đã luôn luôn ngưỡng mộ người mẹ - bà Anna Maria, trong khi luôn tỏ ra ra lánh người cha - ông Peter. Ông Peter Remarque vốn xuất thân trong một gia đình phiêu bạt đến Đức sau Cách mạng Pháp, chỉ là một người thợ đóng sách nghèo. Sự vất vả và thiếu thốn của gia đình đã khiến Remarque phải đi kiếm tiền từ khi mới mười mấy tuổi bằng việc dạy kèm piano. Cậu bé luôn làm việc hết sức vất vả để bù vào chỗ thiếu thốn và cậu luôn luôn xin mượn trước.

Cậu bé say mê piano và nhiều thứ khác, ví dụ như sưu tập bướm hoặc lần dò khám phá những dòng sông và cánh rừng - tất cả những gì sau này sẽ lần lượt hiện ra trong những cuốn tiểu thuyết vĩ đại. Thú viết lách của cậu bé đã khiến cho cậu nhận được biệt danh: "Kẻ-bôi-bẩn".

Vì thường xuyên phải di chuyển nên Remarque học một lúc hai trường cấp hai và sau đó là trong dự bị Công giáo. Cậu say sưa những diễn biến đầy kịch tính của các nghi lễ Công giáo, say mê vẻ đẹp của những ngôi nhà thờ, của hoa trong vườn tu viện và của hoạt động nghệ thuật. Sau này, những gì Remarque viết đều có chút hơi hướng của một nhà hát, đường nét của giáo đường và các bảo tàng, còn hoa và cây là biểu tượng của sự bình an vĩnh cửu. Những ngày học ở trường, cậu bé Erich luôn gặp rất nhiều chuyện khổ sở vì các giáo viên; nhưng rồi sau đó, thế nào các giáo viên cũng sẽ bị nhồi vào trong tiểu thuyết của nhà văn Erich Maria Remarque! Tại trường dự bị, Erich cãi nhau suốt ngày với một giáo viên tên là Kanschorek. Sau này Kanschorek đã hóa thành một gã giáo viên tại nơi huấn luyện tân binh với đầy đủ thói xấu của nguyên mẫu và chỉ khác mỗi cái tên: Kantorek ("Phía Tây không có gì lạ").

Tháng 11 năm 1916, chàng Erich 18 tuổi, sinh viên năm thứ 3 của trường sư phạm Osnabruck Lehresminar bị gọi quân dịch để tham gia vào Đại chiến Thế Giới lần thứ nhất. Sau khóa huấn luyện tân binh tại Westerberg (chính là trại Klosterberg trong "Phía Tây không có gì lạ"), Erich được phân vào một sư đoàn quân dự bị, tuy nhiên cậu rất hay được về thăm nom bà mẹ đang ốm nặng.

Tháng 6 năm 1917, Erich bị chuyển đến một đơn vị công binh ở mặt trận phía Tây. Anh là một quân nhân điềm tĩnh, ngay cả khi người đồng đội Troske

bị thương vì dính mảnh lựu đạn, Erich vẫn đưa được Troske về phía sau an toàn. Nhưng cái chết của Troske - không phải vì vết thương mà là vì không được chăm sóc, đã khiến cho Erich bị đổ vỡ hoàn toàn. Anh vẫn tiếp tục cứu các đồng đội cho tới khi cũng bị thương vì mảnh lựu đạn. Suốt hai năm 1917-1918, Erich nằm tại bệnh viện SiVillenz ở Duisburg để chữa thương. Trong khi đó, mẹ anh qua đời tháng 9-1917. Sau này, khi chiến tranh kết thúc, vì còn thương nhớ mẹ nên đã khiến Erich quyết định đổi tên kép Erich-Paul thành Erich-Maria.

Rời bệnh viện, Erich trở về Osnabruck để dự khóa huấn luyện nâng cao, lòng nổi đau buồn sau cái tang lớn. Chiến tranh đã chấm dứt trước khi anh trở lại mặt trận và mặc dù chưa hề trải qua sự đối đầu tại chiến tuyến nhưng chiến tranh đã làm thay đổi suy nghĩ và thái độ của Erich mãi mãi. Anh đã học một bài học cay đắng về giá trị mong manh thực sự của đời sống cá nhân, sau khi đã hoàn toàn đổ vỡ, khi nhận là "chủ nghĩa yêu nước" của cái xã hội nước đó có thể sẵn sàng bỏ qua bất cứ một cá nhân nào. Với anh và nhiều người bạn của anh, trách nhiệm công dân tốt chẳng còn một ý nghĩa gì nữa.

Những năm tiếp theo, nước Đức lâm vào tình trạng thiếu thốn, lạm phát, thất nghiệp và đầy rẫy bọn đầu cơ trục lợi cùng bọn cực đoan chính trị.

Remarque cùng vài người bạn quay trở về và nhận thấy những giáo viên cũ bây giờ chỉ là những kẻ cướp. Remarque thường lôi mình vào rắc rối theo kiểu tự chụp một bức ảnh ông mặc đồ sĩ quan có chữ thập ngoặc và một cái huân chương cùng con chó cưng trong một cách bố trí đầy mâu thuẫn...

Sau khi tốt nghiệp, Remarque được giới thiệu vào dạy thay cho một giáo viên trong vòng hai năm. Môi trường giáo dục không dính dáng đến chính trị và Remarque chuyển sự say mê sang các môn thể thao, nhất là đua ô tô.

Hình ảnh về Remarque lúc bấy giờ là một chàng thanh niên có mái tóc vàng, rất điển trai, ăn mặc trang nhã và những cơ bắp cuồn cuộn nổi. Tóm lại đó là hình ảnh về một con người hào hoa bất chấp thu nhập. Sau một thời gian, Remarque chán nản và bỏ đi làm đủ thứ việc: chơi organ ở nhạc viện, nhân viên một công ty sản xuất bia thô, làm nhà phê bình sân khấu ở một thành phố nhỏ, viết quảng cáo cho một công ty ô tô. Ông lấy một nữ diễn viên tên là Zutta Ilse Zambona năm 1925, một thời gian ngắn sau khi được nhận vào làm biên tập ở tạp chí Sport im Bild ở Berlin.

Đầu năm 1920, với cái tên Erich Remark, ông xuất bản một cuốn tiểu thuyết mà nó bị thiên hạ lạnh nhạt đến nỗi ông phải bỏ cái bút danh - vội lấy tên của cụ nội. Lối viết báo của ông quá cứng, thậm chí tầm thường và đầy cảm tính. Chính vì thế, sự thành công của "Phía Tây không có gì lạ" xuất bản năm 1929 làm cho ông và bất cứ một người nào cũng phải ngạc nhiên. "Bóng ma của chiến tranh luôn ám ảnh chúng tôi - ông nói - nhất là khi chúng tôi cố gắng không nghĩ đến nó nữa". Và kết quả là "Phía Tây không có gì lạ" đã làm tất cả những người ở hai bên bờ Thái Bình Dương xúc động sâu sắc trong khi

trước đây, họ ra sức tìm kiếm ý nghĩa của chiến tranh.

Trong năm đầu tiên, riêng độc giả Đức đã mua tới hơn 1 triệu bản cuốn tiểu thuyết "Phía Tây không có gì lạ" và người Anh, Pháp, Mỹ thậm chí còn mua nhiều hơn. Cuốn tiểu thuyết còn thành công hơn nữa nhờ bộ phim do người Mỹ dựng với Lew Ayres và Lewis Wolheim.

Năm 1932, chính quyền Quốc xã tịch thu tài khoản của ông ở Berlin - chúng nói rằng để bù vào tiền thuế. Tuy nhiên, trước đó Remarque đã chuyển hầu hết tiền và số tranh theo phái ấn tượng sang Thụy Sĩ. Tại đây, ông mua một ngôi biệt thự ở Porto Ronco cạnh bờ hồ Maggiore và dần dần mua về nhiều thứ đồ cổ quý giá.

Trong thời gian Remarque bị tước quyền công dân Đức, ba cuốn sách của ông lần lượt được dựng phim ở Mỹ và đôi lúc người ta gọi ông là Vua Hollywood.

Bạn bè của ông rất nhiều: Marlene Dietrich, Greta Garbo, Charles Chaplin, F. Scott Fitzgerald và Ernest Hemingway.

Sau cùng, mệt mỏi vì những phù hoa giả tạo của Hollywood, ông chuyển sang đi về sống ở New York và Porto Ronco.

Năm 1957, ông càng nổi tiếng vì vai diễn trong bộ phim chuyển thể từ tiểu thuyết của ông: "Thời gian để sống và thời gian để chết".

Năm 1958, Remarque cưới nữ diễn viên Mỹ Paulette Goddard sau 18 năm quen biết.

Lần đến được Mỹ, Remarque không hề gặp phải khó khăn gì về thủ tục nhưng ông hết sức bức bối và thông cảm với những bất công mà bạn bè ông phải chịu đựng trong cảnh tha hương. Mặc dù đã xin nhập quốc tịch Mỹ năm 1941 nhưng Remarque luôn phẫn hận vì bị mất quyền công dân Đức.

Năm 1943, một nỗi đau lớn đến với Remarque: em gái ông Elfried Scholz bị chính quyền Quốc xã xử tử vì tuyên truyền "lật đổ". Sau này, ông thật sự cảm động khi Osnabruck đã lấy tên cô gái đặt cho một con đường năm 1965.

Năm 1971, chính quyền Osnabruck cũng đã đặt tên một con đường chạy quanh thành phố là Erich Maria Remarque.

"Bóng tối thiên đường" là tiểu thuyết cuối cùng của ông. Trong tác phẩm đó, người ta tìm gặp lại vóc dáng của rất nhiều những nhân vật trong các tiểu thuyết trước đây và nhân vật chính đã quyết định trở về lại nước Đức bắt đầu cuộc sống và tình yêu ở Mỹ ngay sau khi chiến tranh kết thúc. Nỗi hoài nhớ quê hương còn thể hiện trong khoảng những năm 1950 khi Remarque về đi tìm tài liệu cho những tiểu thuyết. Ông không bao giờ trở về thành phố quê hương vì cảm thấy thành phố được xây lại này không còn là những gì thân quen, mà ông đã mô tả trong "Phía Tây không có gì lạ", "Đường về" và "Bia mộ đen" nữa cả.

Remarque qua đời sau một loạt cơn đau tim tại một bệnh viện ở Locarno vào ngày 25.9.1970. Báo chí mê mải đi tìm các chi tiết về cuộc đời của ông mà

quên cả một điều: Remarque là tác giả của cuốn tiểu thuyết hay nhất về chiến tranh thế giới thứ nhất. Nhưng dù sao chẳng nữa, các đọc giả đã không hề quên. Chỉ riêng ở châu Âu, người ta đã mua đến 13 triệu bản những cuốn sách của ông. Trong đó "Phía Tây không có gì lạ" bán được 8 triệu cuốn vẫn mãi mãi là một trong những cuốn sách bán chạy nhất châu Âu của thế kỷ XX.

Năm nay, nhân kỷ niệm lần thứ 40 ngày ra mắt cuốn tiểu thuyết cuối cùng của Remarque "Bóng tối thiên đường", cũng như 70 năm ngày ra mắt cuốn tiểu thuyết "Đường về" và 50 năm ngày ra mắt cuốn "Đêm", chúng tôi sẽ cố gắng giới thiệu với độc giả lần lượt toàn bộ các tác phẩm vĩ đại của ông như một kỷ niệm hai cuộc chiến tranh thế giới trong thế kỷ XX.

Sau đó, qua những tác phẩm này, chúng tôi muốn gửi gắm niềm tin vào nền hòa bình mà vì nó, suốt đời Remarque đã đấu tranh và phụng sự.

LƯU MINH SƠN

[1] *Cái vá hay cái muống to.*

[2] *Một livre vào khoảng gần nửa kí lô.*

[3] *Nguyên văn tiếng Pháp: Như một ảo ảnh.*

[4] *Nguyên văn Pháp: Như một ngôi sao chổi.*

[5] *Một thứ rượu mạnh loại rẻ tiền.*

[6] *Nguyên văn tiếng Pháp: Cái đuôi chó nhỏ nhất cũng không thoát.*

[7] *Shrapnel: một loại trái phá có nhiều đạn nhỏ ở trong.*

[8] *Nguyên văn bản tiếng Pháp: Ngã như ruồi.*

[9] *Tiếng lóng chỉ viên đạn đại bác rất to.*

[10] *Một thứ rượu pha đường hoặc pha nước chanh.*

[11] *Nguyên văn Pháp: Việc là việc, rượu là rượu.*

[12] *Nguyên văn Pháp: Y như dưa chuột, ngâm dấm, trộn với đạn trái phá thối không nổ.*

[13] *Tù binh Nga trong Đại chiến lần thứ Nhất - ND.*

[14] *Thông chế tư lệnh Đức ở mặt trận miền Đông năm 1915.*

[15] *Hiệp sĩ Đức, thế kỷ thứ XV.*

[16] *Bàn chân hơi thẳng ra, do biến dạng của xương bàn chân.*

